NĂM THỨ TÁM • # 83 • MARCH 1996

THẾ KỶ 21

11022 ACACIA PARKWAY #A GARDEN GROVE CA 92640 • TEL (714) 638-9510 • FAX (714) 638-1944

SỐ TÂN NIÊN

BẠN ĐANG SỐNG TRONG MỘT THẾ GIỚI MỞ RỘNG, GIAO DỊCH VÀ LÀM VIỆC
VỚI NGƯỜI NGOẠI QUỐC, HỌC NGÔN NGỮ LÀ CHUYỆN CẤP THIẾT KHÔNG THỂ XAO LÃNG.

Hãy nhớ đến

ĐỪNG BỎ LỠ CƠ HỘI!
Một máy bằng 3 máy
cộng lại mà chỉ tốn
nửa số tiền.

ĐẠI TỪ ĐIỂN ĐIỆN TỬ PHÁT ÂM

GOLDEN™ Thế Kỷ VEC-888

3 NGÔN NGỮ: ANH - VIỆT - HOA
5 BỘ TỪ ĐIỂN: ANH-ANH, ANH-VIỆT, VIỆT-ANH, ANH-HOA, HOA-ANH

CHUYỂN TỪ NGÔN NGỮ NÀY QUA NGÔN NGỮ KIA CHỈ DÙNG MỘT NÚT BẤM.

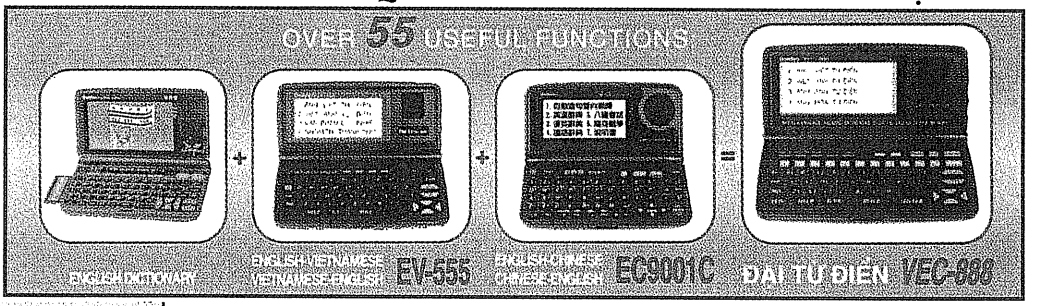

- *Anh-Anh* Từ Điển
- *Anh-Việt* Từ Điển
- *Việt-Anh* Từ Điển
- Từ điển *Đồng Nghĩa*
- Từ điển *Phản Nghĩa*
- *Đàm Thoại* thông dụng trong hàng chục lãnh vực
- *Vạn Dụng* Từ Điển để dùng riêng trong 35 lãnh vực khác nhau
- Sổ ghi *Điện Thoại*, Sổ Hẹn, *Sổ Ghi Nhớ* có sức chứa gấp đôi máy thường
- *Máy Tính:* Làm đủ các phép tính thông thường
- Đổi đơn vị đo lường
- Đổi hối suất tiền tệ quốc tế
- Xem giờ như đồng hồ biết giờ khắp năm châu
- Tra cứu thông minh chỉ cần ghi vào một phần hay một mẫu tự cái
- Tìm ngày tháng Âm Dương Lịch
- Chuông báo giờ nhắc mọi hoạt động

- Anh-Anh Từ Điển (American Heritage Concised Dictionary)
- Anh-Việt, Việt-Anh của máy Thế Kỷ EV-555
- Anh-Hoa, Hoa-Anh của máy EC-900 1C

Và 10 khả năng vô địch tất cả các máy khác hiện nay không thể có được:

1. *5 bộ từ điển ngôn ngữ Anh, Việt và Hoa trong một máy.*
2. *Màn ảnh có thể hiện lên bằng 1 trong 3 ngôn ngữ trên.*
3. *Tra cứu tuần hoàn, chuyển từ ngôn ngữ này sang ngôn ngữ kia ngay lập tức và không giới hạn (máy mới nhất của người Hoa chỉ cho tra 5 lần).*
4. *Có 16 bài văn phạm với đầy đủ câu ví dụ.*
5. *Trên 30,000 câu dẫn chứng cho các từ tiếng Anh.*
6. *Phát âm tiếng Anh nguyên giọng Mỹ của Đại Học Berkeley (có bản quyền).*
7. *Phát âm tiếng Hoa hai giọng Quảng Đông và Bắc Kinh, đúng giọng địa phương (có bản quyền).*
8. *Bộ nhớ của VEC-888 lớn nhất, kho chứa trữ liệu lớn nhất.*
9. *Luyện thi Nhập Tịch theo tài liệu hình thức của Sở Di Trú có phát âm.*
10. *Thay đổi màn ảnh, tra cứu các từ, đổi công dụng, chuyển ngôn ngữ, tìm câu dẫn chứng cho mỗi từ...chỉ bấm 1 nút.*

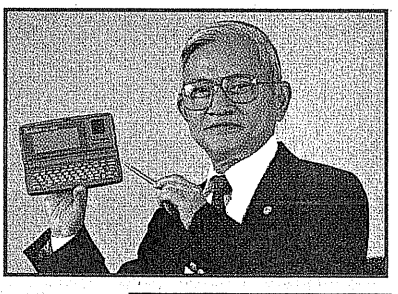

Chỉ cần Anh-Việt hãy dùng
Từ Điển Điện Tử Phát Âm Thế Kỷ EV-555
với trên 40 công dụng

Chúng tôi phân phối đi khắp thế giới

TỔNG ĐẠI LÝ TẠI HOA KỲ VÀ CANADA
GOLDEN MATE INC.
2646 DURFEE AVE., EL MONTE, CA 91732
Tel: (818) 279-9898
Fax: (818) 279-9899
Nhận Order: **1-800-248-3948**

THẾ KỶ NEW YORK
36-26 145 Place, Flushing, NY 11354
Tel: (718) 353-9116 * Fax: (718) 358-0294

LITTLE SAIGON
9200 Bolsa Ave., # 226
Tel: (714) 897-9808

MONTERY PARK
127 N. Garfield Ave
Tel: (818) 571-6598

FELICITY CO.
861 N. Spring St., # 110. LA.
Tel: (213) 617-2283

NHÀ SÁCH THĂNG LONG
767 N. Hills St. # 102 LA., CA 90012
(trong khu Interstate Bank)
Tel: (213) 628-1644

CHINATOWN (LA)
727 N. Broadway # 128
Tel: (213) 625-8609

QUÀ GIÁNG SINH! QUÀ TẾT!

Món quà nghệ thuật đáng giá nghìn vàng gây chấn động, xôn xao làng ca nhạc V.N. trong và ngoài nước V.N.

PARIS BY NIGHT 34

The Best Video of The Year 1995

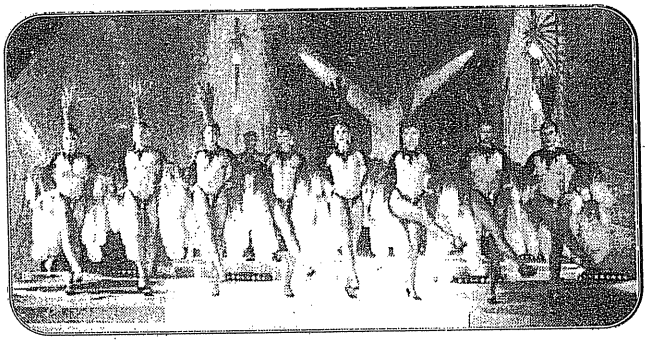

LIDO de PARIS

BONEY M., LONDON

Một tuyệt phẩm VIDEO mà trình độ kỹ thuật và nghệ thuật đã hấp dẫn được sự hợp tác xứng đáng của các danh ca, vũ công quốc tế cùng về hợp tác với Paris By Night.

- *Lần đầu tiên xuất hiện* **Ban Hợp Ca BONEY M.** *lừng danh quốc tế đã bán hằng triệu đĩa nhạc.*
- *Lần đầu tiên vũ đoàn của 3 Night Club danh tiếng Ba Lê:* **Lido, Moulin Rouge, Crazy Horse** *đã góp mặt trong Paris By Night.*
- *Sự tái xuất hiện của nữ danh ca* **HỌA MI** *cùng với* **ÁI VÂN - Ý LAN - NGỌC LAN - THANH LAN - HƯƠNG LAN - THANH HÀ - LYNDA TRANG ĐÀI - BẢO HÂN - PHI PHI - MỸ HUYỀN - NGỌC HUỆ - DON HỒ - THẾ SƠN - NGUYỄN HƯNG - CHÍ TÀI BROTHERS, PHƯƠNG LOAN** *và hằng trăm vũ công nhà nghề.*

xin liên lạc: **THÚY NGA**

Mỹ & Canada: 9295 Bolsa Ave. - Westminster, CA 92683 - USA • P.O. Box 2174 - Westminster, CA 92683 - USA
Tel. (714) 893-2860 - Fax (714) 891-9673

Âu Châu: 44 Ave D'Ivry - 75013 Paris - France - Tel. 45 83 34 30

Úc: 323 Chapel Rd. - Bankstown - N.S.W 2200 - AUSTRALIA - Tel. (02) 796-7227

Video dài 3 tiếng Giá 28$ 1 bộ 2 cuốn luôn cước phí (TẠI USA & CANADA)

THE-KY 21

A source for Vietnamese studies

Office: 11022 Acacia Parkway #A, Garden Grove CA 92640 USA
Tel (714) 638-9510 • Fax (714) 638-1944 • E-mail 75504.3510@compuserve.com
E-mail theky21@ix.netcom.com • WWW page http://www.vietmedia.com/theky21

ADVERTISING RATES

I. COVER (full color):

- Back : $840.00
- Inside (front/back): $680.00

II. INSIDE GLOSS PAPER (full color):

- 1 page $680.00

† (Less than 1 page size: not available).

III. INSIDE (black and white):

- Page 1: $340.00
- 1 page: $300.00
- 1/2 page: $170.00
- 1/4 page: $90.00
- 1/8 page: $50.00
- Classified (3 lines x 11picas) $20.00

† Add-on color (red/blue) any size: $50.00

DISCOUNTS:

- 05% for 4 runnings. - 10% for 8 runnings. - 20% for 12 runnings. - 15% for paying in advance.

THẾ KỶ 21

11022 ACACIA PKWY SUITE A ■ GARDEN GROVE CA 92640 ■ TEL. 714-638-9510 FAX 714-638-1944

PHIẾU MUA BÁO DÀI HẠN ■ SUBSCRIPTION FORM

Họ tên / *Full Name:* _____ Đ.T./ *Phone:* _____

Địa chỉ / *Address:* _____

Tôi đặt mua **Thế Kỷ 21** / *I would like* ***The Ky 21*** *delivered to me:*

☐ 06 số / *Issues* ☐ 12 số / *Issues* ☐ 24 số / *Issues* Bắt đầu từ số / *Starting from issue #* _____

Kèm theo đây là chi phiếu / lệnh phiếu mang số tiền / *Enclosed is check/money order of:* $ _____

Gửi Bulk Rate:	☐ 6 tháng / *6 months:* $22.00	☐ 1 năm / *1 year:* $40.00	☐ 2 năm / *2 years* $ 75.00
Gửi First Class:		☐ 1 năm / *1 year:* $52.00	☐ 2 năm / *2 years* $ 96.00
Gửi ngoài nước Mỹ (chỉ nhận Air Mail)	*CANADA*	☐ 1 năm / *1 year:* $59.00	☐ 2 năm / *2 years* $113.00
	ÂU CHÂU / *EUROPE*	☐ 1 năm / *1 year:* $76.00	☐ 2 năm / *2 years* $140.00
	Á & ÚC CHÂU / *ASIA & AUSTRALIA*	☐ 1 năm / *1 year:* $86.00	☐ 2 năm / *2 years* $160.00

TỔ HỢP LUẬT SƯ VIỆT-MỸ
TIM GRAY & ANDRE LAM

Liên lạc:

DIAMOND BICH NGOC

10221 Slater Avenue, Suite 211 - Fountain Valley, CA 92708

(714) 965-9715 (trong giờ làm việc)
1-(800) 695-7144 (ngoài giờ làm việc)
(714) 663-4314 (Beeper)

CHUYÊN LO BỒI THƯỜNG TAI NẠN XE CỘ

LUẬT SƯ PHÍ CỦA VĂN PHÒNG CHÚNG TÔI

14.99%

THAY VÌ NHƯ CÁC VĂN PHÒNG LUẬT SƯ KHÁC 33.33%

Ngoài ra văn phòng còn chuyên lo về các dịch vụ: Di trú (Immigration); Khánh tận tài sản (Bankruptcy); Ly dị cấp dưỡng (Family Law); Luật thương mại (Business Litigation); Hình luật, Trộm cắp và Tội Đại hình; Tai nạn nghề nghiệp.

ĐÓN NGHE ! ĐÓN NGHE ! ĐÓN NGHE !

GIỜ HỘI LUẬN VỀ LUẬT PHÁP phổ thông do Tổ Hợp Luật Sư Việt-Mỹ Tim Gray và Andre Lâm phụ trách, và Diamond Bich Ngọc thực hiện hàng tuần mỗi chiều Thứ Ba trên đài VNCR, làn sóng 106.3FM từ 2:15 PM đến 3:15 PM

và

GIỜ HƯỚNG DẪN LUẬT PHÁP ba tuần một lần chiều thứ Bảy trên đài Văn Nghệ Truyền Thanh, làn sóng 96.7FM từ 2:00 PM đến 3:00 PM.

Trân trọng thông báo.

MINH VĂN

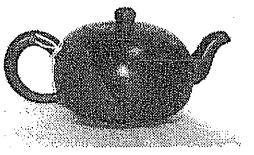

Nhà Sách, Xuất Bản, và Phát Hành

2808 Graham Road, Falls Church, VA 22042

ĐT: (703) 698-8490/ 8491 FAX: (703) 204-9239 E-mail: 102736.2623@compuserve.com

Mở Cửa : 10 AM đến 07 PM, bảy ngày trong tuần.

Đọc sách, uống trà, nghe nhạc, xem tranh, và ngắm tượng.

01. Sách mới:

1. **Nhạc Thời Gian,** truyện dài, được viết cách đây 50 năm của Thẩm Oánh.
2. **Cay Đắng Mùi Đời**, truyện dài, ấn bản mới của Hồ Biểu Chánh
3. **Bóng Đèn Tà Nguyệt,** truyện dài của Hồ Trường An
4. **Chân Trời Lam Ngọc 2,** ký sự của Hồ Trườnhg An
5. **Kẻ Đào Mồ,** truyện ngắn, tái bản, của Trần Long Hồ

02. Sách Minh Văn: Ngày Quanh Quẩn, Niềm Vui Ung Thư, Kẻ Đào Mồ; T.T.Dung Thân: Cõi Sa Mù, Cửa Địa Ngục, Bóng T. Đường I của T.L. Hồ. Âm Bản: N.N.Dũng. Chân Trời Lam Ngọc I , II của H.T.An.

03. Đầy đủ sách thiền, tôn giáo, nhi đồng, lịch sử, kiếm hiệp ,tiểu thuyết,từ điển, gia chánh, kinh dịch, ...

TRÀ: Ten Lu, Ten Wu, Vương Trà 403, 313, 913, 103, 509, 409, 319,919,109, Ti K.Yin, Bích L.Xuân,...

BÌNH TRÀ: Đủ loại bình trà đẹp và quí: Mẫu tử, Phu thê, Dragon,Tứ Quí, Ngũ Hành, Bát Quái,...

NHẠC: Đủ loại tapes video, CD,cassetes. Nhạc mới về hàng tuần. Xin mời quí vị đến xem và chọn lựa.

TRANH, TƯỢNG, HÒN NON BỘ: Nhiều tượng quí ,hòn non bộ, có suối nước chảy và khói sương.

Sách đủ mọi thể loại, được sắp xếp ngăn nắp như trong thư viện, vừa đẹp mắt, vừa dễ tìm.

Quí vị có thể mua hàng của Minh Văn qua đường bưu điện.

LAN MUSIC XIN TRÂN TRỌNG GIỚI THIỆU CD MỚI NHẤT

Midnight Serenade

Sasha Alexeev

Piano Solos

Một buổi chiều vàng, sau những giờ làm việc mệt mỏi, xin quý vị hãy tìm lại giây phút thanh thản của một ngày còn lại...Hãy để lòng lắng xuống và lắng nghe tiếng đàn dương cầm rất cổ điển, rất quý phái của Sasha Alexeev. Nếu quý vị đã từng yêu mến tiếng đàn dương cầm điêu luyện của Sasha Alexeev qua những CD VELVET RAIN, SILOUETTES quý vị không thể bỏ qua đĩa CD mới nhất của Sasha Alexeev

Midnight Serenade

gồm 12 nhạc khúc rất cổ điển và cũng rất trữ tình của nền nghệ thuật Việt Nam:

• **Tiếng Thời Gian** Lâm Tuyền • **Còn Tuổi Nào Cho Em** Trịnh Công Sơn • **Khi Người Yêu Tôi Khóc** Trần Thiện Thanh • **Ngọc Lan** Dương Thiệu Tước • **Nhìn Những Mùa Thu Đi** Trịnh Công Sơn • **By Candle Light** Sasha Alexeev • **Mùa Thu Không Trở Lại** Phạm Trọng • **Đêm Đông** Nguyễn Văn Thương • **Lòng Mẹ** Y Vân • **Nắng Thủy Tinh** Trịnh Công Sơn • **Nocturne** Sasha Alexeev • **Bên Cầu Biên Giới** Phạm Duy

Đây là một món quà rất đẹp và quý để tặng cho bạn bè, cho người yêu dấu... Một đĩa nhạc rất lý tưởng cho các văn phòng dịch vụ, bác sĩ, nha sĩ, nhà hàng sang trọng.

Đại diện phát hành:
Trung Tâm Bích Thu Vân
9200 Bolsa Ave. #137-138
Westminster, CA 92683
Tel: 714-897-4519

Gửi thẳng về nhà kể cả cước phí Bưu điện:
Hoa kỳ: 10 US $, Ngoài Hoa Kỳ: 12 US $
Thư từ liên lạc hay chi phiếu xin đề:
LAN ĐÀO
PO Box 9343 BREA, CA 92622-9343 USA

NỮ BÁC SĨ NHA KHOA
NGUYỄN THỊ NGỌC SƯƠNG

14265 BROOKHURST ST., GARDEN GROVE, CA 92643

(Giữa Westminster và Hazard, bên cạnh nhà hàng Tứ Hải)

(714) 531- 2773

¤ *Tất cả dịch vụ nha khoa đều được thực hiện tỉ mỉ, thận trọng nên kết quả rất tốt đẹp.*
¤ *Suốt 10 năm qua, văn phòng luôn cố gắng chăm sóc chu đáo cho quý thân chủ được thực hiện tối đa những dịch vụ cho phép của Bảo Hiểm & Medi-Cal.*

SỬ DỤNG PHƯƠNG PHÁP SÁT TRÙNG HỮU HIỆU ĐỂ NGĂN NGỪA TRUYỀN NHIỄM

NHA KHOA TỔNG QUÁT

- *TRỊ BỆNH NƯỚU RĂNG*
- *LÀM RĂNG GIẢ CÁC LOẠI*
- *NHA KHOA THẨM MỸ*
- *NHA KHOA NHI ĐỒNG*

GIỜ LÀM VIỆC: THỨ HAI - THỨ BẢY: 10AM - 7PM ¤ CHỦ NHẬT NGHỈ

CHÚ Ý: Văn Phòng Nha Sĩ Ngọc Sương vẫn ở địa chỉ cũ, từ hơn 10 năm nay, bên cạnh nhà hàng Tứ Hải

Infinity Vision
OPTOMETRIC CENTER

Trung Tâm Nhãn Khoa
14322 Brookhurst St.
Garden Grove, CA 92643
Tel: (714) 839-9996

Nữ bác sĩ Nguyễn Phương Thảo, O.D.

¤ Nhãn khoa tổng quát
- Khám mắt
- Đo độ làm kính, contact lens
- Văn phòng trang bị máy móc điện tử tối tân
- Dùng phương pháp tập luyện (Vision Therapy) giúp cho người lớn và trẻ em tránh khỏi mỏi mắt và kém mắt

¤ Contact Lens
- Đủ mọi loại: trong hay màu
- Daily và Flexiblewear
- Soft
- Disposable
- Gas Permeable
- Toric

¤ Kính
- Nhiều loại gọng thời trang nổi tiếng, designer của Pháp, Đức, Ý, Nhật...
- Có tròng kính mỏng và nhẹ cho người độ cao, kính lão không lằn
- Kính mát kiểu mới nhất

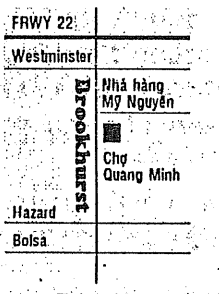

Trong khu Chợ Quang Minh

■ *Xin gọi điện thoại để lấy hẹn*
■ *Nhận Medical và Bảo Hiểm*

KC TRAVEL & TOURS
ARC
(KIM CONTINENTAL TRAVEL)
CHUYÊN
- *Bán vé máy bay Quốc nội & Quốc ngoại*
- *Làm Công Hàm Ngoại Giao (chứng chỉ độc thân)*
- *Lo các thủ tục xuất nhập cảnh*

ĐẶC BIỆT ĐƯỜNG BAY
TAM GIÁC VÀNG PHÁP, ÚC và VN

9842 Bolsa Ave., # 200A
Westminster, CA 92683
Tel: (714) 839-9468
Fax: (714) 839-4283

DONGNAI PHARMACY
HOME HEALTH CARE & MEDICAL EQUIPMENT
9081 BOLSA AVE., SUITE # 108, WESTMINSTER, CA 92683
(gần Hòa Bình Food To Go trong khu Guaranty Bank Of Calif.)
TEL: (714) 379-5072 * FAX: (714) 379-5074

Dược sĩ TRẦN ĐỨC HIẾU
Dược sĩ TRẦN LƯU THỊ ÁI

CUNG CẤP ĐẦY ĐỦ:

* Các loại Dược phẩm bán theo toa (Prescription Drugs) hay bán tự do (OTC Drugs)
* Các sản phẩm nuôi dưỡng bệnh nhân qua ống chuyển vào ruột hay chuyển vào máu (Enteral & Parenteral Nutrition Products) * Các vật dụng dành cho bệnh nhân tiểu tiện bất thường (Incontinence Products). Tã lót, vải lót giường, ống dẫn tiểu và túi đựng nước tiểu (Drainage Bags)
* Các vật dụng dành cho bệnh nhân giải phẫu lỗ thông qua thành bụng (Ostomy Products). Túi dẫn lỗ thông đại tràng (Colostomy Products).

BÁN VÀ CHO THUÊ CÁC DỤNG CỤ Y KHOA:

* Xe lăn - Nạng chống - Nạng tập đi (Walker)
* Giường bệnh viện và các đồ dùng phụ thuộc (Hospital Bed & Accessories)
* Dụng cụ an toàn trong phòng tắm (Bathroom Safety Products)
* Các loại máy đo đường trong máu (Blood Glucose Monitor). Máy đo áp huyết (Blood Pressure Monitor)

NHẬN MEDICAL - MEDICARE - CTU VÀ CÁC LOẠI BẢO HIỂM:
PCS - BLUE CROSS - BLUE SHIELD - MEDIMET - PAID, V.V...

MỞ CỬA 6 NGÀY TRONG TUẦN
Thứ Hai - Thứ Sáu: 9:30 AM - 7:30 PM
Thứ Bảy: 9:30 AM - 6:00 PM

TK69-80

TAXCALI

HÀ DƯƠNG DỰC
Master of Business Administration

HÀ DƯƠNG NGA
Enrolled Agent

- INCOME TAX
- BOOKKEEPING
- BUSINESS CONSULTANT

2619 W. EDINGER, SUITE A2
SANTA ANA, CA 92704
Tel: (714) 662-3149

GENERAL DENTISTRY
DR. TO NGOC BUI
Tel. 408-286-8103
640 E. Santa Clara St.
San Jose, CA 95112

(714) 531-0341
Lê's Florist Boutique
Fresh & Silk Flowers - Gifts - Toys - Wedding
Funeral - Church Decorations - All Occasions
14336 Brookhurst Street - Garden Grove CA 92643

Tranh bìa: *Lễ Hội* của **Nguyễn Phước**
Trình bày bìa: **Nguyễn Đồng** và **Nguyễn Thị Hợp**
Minh họa: **Nguyễn Thị Hợp, Suzie Vương, Nguyễn Hữu Nhật, Đinh Cường, Ngọc Dũng, Vũ Thái Hòa, Hiếu Đệ**
Hí họa: **Babui Mamburao, Fus, Hiếu**
Ảnh: **Bùi Quý Lân, Lê Tam Ca, Lê Phúc, Trần Đại Lộc**

MỤC LỤC

Số 83 . Tháng Ba 1996

CHÍNH TRỊ - KINH TẾ - LỊCH SỬ

13 Phân tích thuần túy kinh tế về tham nhũng - **Vương Hữu Bột**
17 Về bức thư của Võ Văn Kiệt gửi Bộ Chính Trị... - **Nguyễn Hữu Chung**
20 Về một sự kiện lớn - **Nguyễn Minh Cần**
23 Dân tộc trên đường hướng về điều thiện - **Tiêu Dao Bảo Cự**
28 Núi sợ trời nghiêng đỡ lấy mây - **Trần Gia Phụng**
36 Vietnam: The solution no one tried - **Lê Doãn Kim**
105 Trường Sa Trường Sa đảo chuếnh choáng - **Ngô Hoài Việt**

NGHỆ THUẬT - ĐỜI SỐNG

31 Mấy cổ tục và trò chơi ngày Tết - **Huỳnh Hữu Ủy**
53 Khi vui muốn khóc buồn tênh lại cười - **Thái Tuấn**
54 Sống nhàn, giản dị, nên lắm chứ - **Phan Lạc Tiếp**
73 Văn hóa Việt trong các trường Mỹ - **Lê Tam Ca**
74 Nụ hôn văn hóa đã nở trong đêm nhạc 3-2-96 - **Phan Sinh**
77 Kinh nghiệm 40 năm giảng dạy tiếng Việt tại Mĩ - **Nguyễn Đình Hòa**

VĂN

39 The poetic voice of Nguyễn Chí Thiện - **Nguyễn Ngọc Bích**
47 "Ả Q chính truyện" và "Chí Phèo" - **Thái Việt**
51 Các câu đối truyền khẩu - **Trần Quang Hưng**
56 Kịch: Lốc cốc tử đầu năm - **Doãn Quốc Sỹ**
58 Truyện: Vài chuyện rất thường - **Lê Tất Điều**
63 Tùy bút: Mùa xuân và thu là nhau - **Đỗ Thì Kênh G**
65 Bài thơ "Ông Đồ" tròn một hội - **Phó Đức An**
69 Truyện: Tuyền Dung - **Trần Công Sung**
82 Truyện thật ngắn: Cư sĩ; Người tù - **Hà Thúc Sinh**
88 Chân dung: Tro, lửa, và nỗi nhớ trong tùy bút của Nguyễn Xuân Hoàng - **Bùi Vĩnh Phúc**

THƠ

41 What remains - **Lê Thị Thấm Vân. 61** Xuân xưa - **Nguyễn Tường Giang. 67** Có những ngày long lanh nước mắt - **Đinh Cường. 71** Giữa tuyết mênh mông - **Hạ Đỏ. 83** Dù một lần thôi - **Huỳnh Liễu Ngạn. 90** Nỗi niềm Từ Thức; Phương xa - **Hoàng Cầm.**

MỤC THƯỜNG LỆ

8 Thư tòa soạn
9 Bạn đọc viết
11 Tòa soạn và bạn đọc
12 Hộp thư trị sự - **Phan Mỹ Sương**
43 Sổ tay
93 Vòng chân trời văn học nghệ thuật - **Lê Tam Ca**
98 Sách báo trong tháng - **Phạm Xuân Đài** ■

TẠP CHÍ
THẾ KỶ 21
CHÍNH TRỊ • VĂN HỌC • LỊCH SỬ

Tạp chí ra hàng tháng. Cty Người Việt sáng lập (1989). Hội Văn Học Nghệ Thuật Việt Mỹ bảo trợ.

11022 Acacia Parkway #A
Garden Grove CA 92640 USA
Tel: (714) 638-9510
Fax: (714) 638-1944
E-mail:
75504.3510@compuserve.com
hoặc **theky21@ix.netcom.com**
WWW homepage:
http://www.vietmedia.com/theky21

Nhóm chủ trương: Đỗ Quý Toàn, Đỗ Ngọc Yến, Hà Tường Cát, Hoàng Ngọc Tuệ, Lê Đình Điểu, Lý Văn Chương, Ngô Mạnh Thu, Phạm Phú Minh, Phan Huy Đạt, Tống Hoàng, Trần Đại Lộc, Trần Văn Ngô.

Chủ nhiệm:
Lê Đình Điểu
Chủ bút:
Vương Hữu Bột
Tổng thư ký Tòa soạn:
Phạm Phú Minh

Bài gửi cho *Thế Kỷ 21* xin viết trên một mặt giấy. Nếu gửi bằng đĩa, xin để ở dạng ASCII và kèm theo bản in. Bài gửi cho nhiều báo xin ghi rõ để tòa soạn tùy nghi giải quyết. Bài không đăng, không trả lại bản thảo. Tòa soạn nhuận sắc, nếu cần. Bài đăng trên *Thế Kỷ 21* không nhất thiết phản ảnh quan điểm của Nhóm Chủ trương. Trích đăng bài của *Thế Kỷ 21* phải có sự đồng ý của tòa soạn.

Trị sự:
Văn phòng trưởng:
Vũ Duy Tự
Quảng cáo & phát hành:
Phan Mỹ Sương

Ngân phiếu đề: THE KY 21.

Đại diện phát hành:
Bắc Cali: *Bùi Duy Thuyết*
(408) 225-8429
Đông HK: *Nguyễn Văn Khanh*
(703) 379-8976
Pháp:
1.*Lê Tất Luyện* 45 83 19 12
2.*Phạm Thị Thu Hương*
39 84 00 84
Đức: *Nguyễn Phi Hùng*
02371-439238
Úc: *Bình Anson*
(61-9) 448-0637
Canada: *Hoàng Chiều Nhân*
(514) 445-0529

ISSN 1056-4640

VĂN HÓA VÀ CHẾ ĐỘ DÂN CHỦ

Năm qua có một cuộc thảo luận khá sôi nổi, về câu hỏi "Nền nếp văn hóa ở Á Đông có thích hợp với chế độ dân chủ kiểu Tây Phương hay không?"

Những người bất đồng ý kiến về vấn đề đó thực sự không đồng ý ngay từ điểm khởi đầu. Câu hỏi chính là cơ bản văn hóa như thế nào thì thích hợp với chế độ dân chủ?

Dân chủ là những hình thức, vốn không có sẵn nội dung, không phải là một lý tưởng, cao siêu gì cả. Dân chủ bao gồm những thủ tục để bảo đảm người bị cai trị có quyền chọn lựa người cai trị, và chọn lựa luật pháp, thủ tục theo đó việc cai trị tiến hành. Vậy thì nếp sống văn hóa như thế nào bảo đảm việc sản xuất ra các thủ tục của luật chơi dân chủ?

Ông Norberto Bobbio, một luật gia người Ý ở Turino quan tâm đến *Tương Lai của nền Dân Chủ*, tên một cuốn sách của ông. Tiểu tựa cuốn sách là "Bảo vệ các luật lệ cuộc chơi" (hay cuộc đấu?)

Trong khi bản chất của dân chủ là các luật lệ cuộc chơi thì chính Bobbio cũng thấy chế độ bao gồm các luật lệ đó chứa đựng những lý tưởng. Những lý tưởng đó là gì?

Thứ nhất là đức khoan dung. Đây là điều người Tây phương khám phá ra sau bao nhiêu cuộc tranh chấp tôn giáo đẫm máu. Đức khoan dung khiến người ta không còn tự coi mình có độc quyền nắm chân lý, mà chấp nhận có nhiều con đường đi tới, có nhiều cách diễn tả chân lý.

Thứ hai là tính bất bạo động. Một triết gia thế kỷ này là Karl Popper nhận xét về sự khác biệt giữa dân chủ và độc tài: Dân chủ là chế độ trong đó người dân có thể thay đổi người cầm quyền mà không cần gây đổ máu. Trong chế độ đó có các kỹ thuật chung sống để giải quyết các bất đồng ý kiến. Khi các luật chơi dân chủ được tôn trọng thì người khác ý kiến không phải là kẻ thù của nhau, cần tiêu diệt, mà chỉ là các người đối lập, có thể đến lượt sẽ ngồi vào ghế cai trị thay thế lẫn nhau.

Thứ ba là khả năng chuyển hóa, cải thiện xã hội không ngừng, bằng các cuộc thảo luận công khai. Dân chủ tạo khung cảnh cho những cuộc cách mạng thầm lặng diễn ra, dần dần thay đổi ý kiến, thái độ, cách cư xử của mọi người.

Và sau cùng là tình huynh đệ nhân loại, một lý tưởng của cách mạng Pháp 1789. Khi mọi người chấp nhận, rồi tạo thành một tập quán suy nghĩ tự nhiên rằng "tứ hải giai huynh đệ" thì chế độ dân chủ mới tồn tại và phát triển.

Sau khi đọc bảng liệt kê bốn giá trị nền tảng của chế độ dân chủ thì chúng ta thấy ngay rằng dân tộc Việt Nam đầy đủ các điều kiện văn hóa để tổ chức đời sống chung theo "luật chơi dân chủ."

Chúng ta đã thực hành đức khoan dung từ khi lập quốc. Tinh thần Tam Giáo Đồng Nguyên ngày nay có thể mở rộng thành Tứ giáo, Ngũ giáo cũng không thay đổi bản chất.

Tổ tiên chúng ta cũng đã thấm nhuần đức Hiếu sinh của Nho giáo, hạnh Từ bi, Bất hại của Phật giáo từ ngàn năm trước. Đức Bác ái của Ky Tô giáo đến nước ta đã có sẵn nền đất để sinh hoa kết trái.

Lý tưởng "ngày ngày mới, ngày lại mới", niềm tin rằng xã hội và con người có thể cải thiện không ngừng trong cuộc chuyển hóa của vũ trụ, đã có sẵn trong căn bản tinh thần của dân tộc ta, từ các tôn giáo đến tư tưởng bình dân.

Và sau cùng, tình huynh đệ trong nghĩa đồng bào và tương quan nhân loại vốn là tập quán mà dân ta vẫn sống.

Đầu năm, chúng tôi hy vọng quý vị đọc các lời bàn luận trên như một tin mừng. Đây không phải là một tin mừng có tính cách chủ quan, do ước vọng dân chủ chúng ta, nhưng là những sự thật khách quan. ■

THẾ KỶ 21

Ghi chú: Cuốn sách của Norberto Bobbio mang tựa đề *Il Futuro della Democratia*, bản dịch Anh ngữ, *The Future of Democracy*, Polity Press xuất bản năm 1987.

BẠN ĐỌC VIẾT

Việc ấy không lạ ở xứ này

Trong mục Bạn Đọc Viết số *Thế Kỷ 21 Xuân Bính Tí* vừa qua tôi được đọc những ý kiến rất dứt khoát của ông Nguyễn Tuấn Khanh ở Portland, không đồng ý việc Tòa soạn của một tờ báo sửa bài vở của các văn hữu đóng góp, một việc mà ông cho là "độc tài."

Tôi nhớ hình như việc này đã có lần được đề cập tới trên *Thế Kỷ 21*, vội lục chồng báo cũ tìm xem. May quá tôi đã tìm thấy: Số 57, January 1994, mục Bạn Đọc Viết có đoạn của Vũ Thụy Hoàng: "...các tay viết sách báo của Mỹ dù nổi tiếng cách mấy cũng bị sửa chữa, khác với quan niệm 'văn mình, vợ người' của Việt Nam." Rồi đến số 60, April 1994, lại có nguyên một bài cũng của Vũ Thụy Hoàng (người mà Tòa soạn hồi đó cho biết đã có 38 năm làm việc trong ngành báo chí và đang làm cho báo *Washington Post*) bàn về vấn đề này, nhan đề "Những anh hùng vô danh ở tòa báo." Tôi xin mạn phép trích lại ít đoạn trong bài ấy để góp thêm ý về một việc tưởng như đã cũ mà vẫn luôn luôn mới, nhất là đối với người Việt Nam chúng ta:

"Mở các sách Mỹ, độc giả thấy hầu hết các sách có bài ở phần đầu ghi ơn những người đã góp công vào việc thực hiện cuốn sách, trong đó có người tu sửa bản thảo cho tác giả. Khi viết sách, bao giờ tác giả cũng làm việc sát cánh với người này.

Trong ngành báo, vì phải tranh thủ thời gian để ra báo và vì cố tránh sai lầm, việc sửa bài cần qua tay nhiều người hơn. Phóng viên có tên trên bài viết được độc giả biết tới và khâm phục, nhưng người có công làm cho bài báo hoàn mỹ hơn, chính xác hơn và hấp dẫn hơn lại không được mấy ai biết tới. Những anh hùng vô danh này chính là các biên tập viên sửa bài (copyeditor).

Tầm quan trọng của biên tập viên sửa bài được L.R. Blanchard thuộc hệ thống báo chí Gannett nhận định như sau: 'Một bộ biên tập thật giỏi mà không có ban sửa bài có thể ra được tờ báo hạng xoàng. Một bộ biên tập tầm thường mà có ban sửa bài có khả năng có thể ra được tờ báo hạng khá. Một bộ biên tập giỏi được hậu thuẫn bằng ban sửa bài giỏi thì bảo đảm ra được tờ báo thật hay.'"

..."Nhiệm vụ của người sửa bài là sửa sai, tinh lọc và trau chuốt cho bài viết. Nhằm vào đại đa số độc giả, người sửa bài làm cho bài viết giản dị, dễ hiểu. Muốn vậy người sửa bài phải phân câu quá dài thành những câu ngắn, xén tỉa những đoạn văn lòng thòng, cắt bớt những chi tiết rườm rà, và thay thế chữ khó bằng chữ dễ. Người sửa bài còn phải tìm xem bài viết có điểm nào sai lầm thì gạt bỏ, sơ hở thì bổ khuyết, tối nghĩa thì làm sáng tỏ, thiếu chính xác thì tu chính. Khi làm công việc trên, người sửa bài cần tra cứu, đối chiếu tài liệu và hội ý với người viết. Bài sau khi được sửa sẽ trở nên giản dị, trong sáng, mạch lạc và ít sai lầm hơn."

Từ chỗ cho sửa bài là "độc tài" đến quan niệm của báo chí Mỹ về vai trò của *editor* như vừa trích thật là một trời một vực. Quan niệm cũ của chúng ta cho bài viết là sản phẩm tinh thần gần như "thiêng liêng" của tác giả không ai được động đến, trong khi quan niệm của báo chí và người viết Tây phương không coi cái "ta" của tác giả quá nặng mà *nhằm vào đại đa số độc giả*, coi việc phục vụ người đọc là quan trọng nhất, coi chuyện sửa bài là cần thiết, phải đặt cả một bộ phận chuyên môn sửa bài.

Nay người phương Đông đã vào ở trong xã hội phương Tây, thì không biết rồi chuyện báo bổ có thể nào tập nhiễm cách thức của nhau chăng?

Lê Hữu Đường *(San Jose, CA)*

Môn Triết lý Khoa học

Tôi hân hạnh được đọc bài "Chia tay với ý thức hệ luôn" đăng trên *Thế Kỷ 21* số 82, của ông Vương Hữu Bột. Có lẽ nhiều độc giả nhận thấy đó là một bài viết có giá trị. Tuy nhiên có một nhận định của tác giả bài viết liên quan trực tiếp đến "nghề nghiệp chuyên môn" trước đây của tôi và của nhiều đồng nghiệp khác khiến tôi... phải lên tiếng xin được góp ý cùng tác giả.

Ở trang 16 ông Vương Hữu Bột viết: "Thời Việt Nam Cộng Hòa các trường dạy Triết không ai dạy về triết lý của khoa học, đến nỗi một giáo sư triết học còn ở Việt Nam đến năm 1994 vẫn không biết đến tên Karl Popper."

Trong chương trình Trung học của Nam Việt Nam, Luận lý học là một phần của chương trình Triết. Luận lý học được chia làm hai: Luận lý học hình thức và luận lý học áp dụng. Luận lý học áp dụng, theo thiển ý, chính là bộ môn ông Vương gọi là triết lý (của) khoa học, sách giáo khoa bằng Pháp văn gọi là Philosophie des Sciences, ở đó người dạy Triết giảng dạy về Toán (đối tượng, nguồn gốc, phương pháp, giá trị của Toán), về Khoa học thực nghiệm (Vật lý, Hóa học, Sinh vật học), về Khoa học nhân văn (Tâm lý học, Sử học, Xã hội học). Ngoài ra, phần Lý luận học áp dụng này còn đề cập đến khoa học nói chung, tức là đề cập chung về nguồn gốc, giá trị của khoa học.

Tuy có thay đổi, thêm bớt chút ít tùy theo hoàn cảnh khách quan, chương trình "Triết lý về Khoa học" vẫn luôn luôn có dưới thời Việt Nam Cộng Hòa. Nếu có một vị giáo sư nào "còn ở Việt Nam đến năm 1994 vẫn không biết đến tên Karl Popper" như ông Vương nói, tôi thiết nghĩ cũng không lạ. Thứ nhất vì sau 1975, môn Triết bị loại khỏi nhà trường "xã hội chủ nghĩa," thầy dạy Triết thất

nghiệp từ đó đến... 1994 (hai mươi năm!), kiến thức chuyên môn bị mai một nên có lẽ tên Karl Popper bị chôn vùi vào quên lãng. Thứ hai vì triết gia của nhân loại từ cổ đến kim quá nhiều, không thể biết hết, biết tất cả tên tuổi sự nghiệp của các vị. Chính bản thân tôi cũng không biết Karl Popper là triết gia chuyên về triết lý các khoa học! Nhưng nói đến Gaston Bachelard thì tôi có biết chút chút.

Võ Doãn Nhẫn *(Santee, CA)*

Thưa anh Võ Doãn Nhẫn,

Môn Triết Lý Khoa Học (Philosophy of Science) đề cập đến các vấn đề cơ bản của việc nghiên cứu khoa học, tuy liên quan đến các khảo nghiệm về Tri thức, Ngôn ngữ, Luận lý v.v..., nhưng vẫn là một ngành riêng. Những vấn đề cơ bản như bản chất của sự hiểu biết khoa học, của các khái niệm trong khoa học, ngôn ngữ sử dụng trong khoa học, phương pháp nghiên cứu khoa học nói chung và từng ngành nói riêng, những vấn đề đó khá mới mẻ, tuy đã được các triết gia đời xưa đề cập tới trong các lãnh vực Triết học khác. Hiểu như một bộ môn như vậy thì trước 1975 ở miền Nam chưa có đại học nào dậy bộ môn chuyên biệt này. Gần đây tạp chí Triết, *mới ra số đầu, có bài của giáo sư Vĩnh Để viết về Karl Popper.*

VHB

Một chuyện không đẹp

Tôi là một độc giả mới của *Thế Kỷ 21*, tuy từ lâu vẫn ngưỡng mộ, nhưng ở đây không tìm được một số báo nào. Hôm nay có cậu em đi L.A. về, làm quà cho một số Xuân Bính Tí. Phải nói là tôi vui sướng hơn bắt được của.

Trong khi đọc, tôi thấy bài ký của tác giả Phạm G. Long giống như truyện rất ngắn (ở đây chúng ta thường gọi là truyện thật ngắn) "ĐI TẾT THẦY" của Nguyễn Khoa Đăng đã được in trong tuyển tập "40 TRUYỆN RẤT NGẮN" do Nhà xb Hội Nhà Văn (trong nước) ấn hành năm 1994.

Tôi nghĩ một người nào đó, lấy bài của người khác gửi đăng báo, vô tình hoặc cố ý làm mất uy tín của tờ báo mà tôi thích, nên vội viết lá thư này. Tôi không đọc được các số báo cũ, nên không rõ P.G.L. có gửi đăng những bài nào trong số 39 bài còn lại của tuyển tập ấy không?

Nguyễn Trung Hối *(Portland, OR)*

Tòa soạn chân thành cám ơn ông đã cho biết chuyện này, đồng thời có ý muốn giữ gìn uy tín cho tờ báo của chúng ta. Chúng tôi đã xem lại, và sự thật đúng như ông đã trình bày. Trước hết Tòa soạn thành thật xin lỗi tác giả Nguyễn Khoa Đăng về sự việc đáng tiếc này, đồng thời xin lỗi quý độc giả vì Tòa soạn đã vô tình mà có sơ suất trong việc tuyển chọn bài vở như vừa qua.

Kinh Dịch

Trên TK 21 vừa đăng loạt bài *Cuộc Chiến Quốc Cộng Tại Miền Bắc* của ông Lê Mạnh Hùng. Bài đầu trong số 77 có trích dẫn ba quẻ dịch. Đọc loạt bài này, tôi rất cảm mộ ông Hùng vì không những đã trình bày những sự kiện lịch sử quý giá, mà còn trích dẫn ba quẻ Dịch rất đáng nghiền ngẫm. Nhân hứng khởi này, tôi cũng muốn "nối điêu" với ông Hùng là được trình bày với độc giả TK 21 một vài điều về Kinh Dịch.

Nguyễn Hưng Quảng *(Connecticut)*

Đầu năm 1996 Tòa soạn nhận được ba bài đều viết về Kinh Dịch, trong đó có bài của ông. Chắc đó là điềm năm nay thế giới sẽ thay đổi nhiều! Bài ông viết rất công phu, khúc triết, nhưng sợ rằng vẫn còn chuyên môn quá đối với độc giả TK 21. Xin cám ơn tình cảm và sự quan tâm của ông đối với tờ báo.

Lời đánh giá quý báu

Chúc mầng Nhóm Chủ trương, Tòa soạn, và tất cả cọng sự viên về mọi tiến bộ của tờ *Thế Kỷ 21*.

Cám ơn tất cả anh chị em đã hy sinh cố gắng vượt mức để nuôi dưỡng tờ báo, cống hiến cho bạn đọc một dịch vụ tiếp liệu tinh thần với giá trị rất cao và hợp thích: thành thực hoan hô, ghi ơn, và cầu chúc nhiều thăng tiến trong năm Bính Tí.

Xin kèm theo đây phiếu tiếp tục mua báo hai năm với tất cả lòng quý mến. Xin gửi cho tôi tác phẩm *Chia tay ý thức hệ* và nếu có, những bài báo khác của Hà Sĩ Phu. Những tài liệu này sẽ là sử liệu rất quan trọng với ảnh hưởng sâu rộng. Xin gửi cả cuốn *Red File* để cho vào thư viện trường (tôi có dạy một lớp Lịch sử và Văn hóa Việt Nam cho cả Mỹ lẫn Việt)...

Rev. Joseph N. Duc Minh

(St. John's Seminary College, Camarillo, CA)

Tự Lực Văn Đoàn có những ai?

Mới đây báo *Làng Văn* (Canada) số Tết Bính Tí (tháng 1.96) trả lời bạn đọc rằng Tự Lực Văn Đoàn gồm có 11 người. Trên báo *Saigon Times* (Rosemead, CA) ngày 24.9.95, giáo sư Lưu Trung Khảo viết rằng TLVĐ có 12 người trong đó có cả Nguyễn Gia Trí, Trần Tiêu, Nhật Tiến. Trong cuốn *Việt Nam Niên Biểu III: Nhân Vật Chí* của Chính Đạo (bút hiệu khác của Nguyên Vũ) do nhà xuất bản Văn Hóa Houston, Texas in năm 1993 thì cụ Lý Đông A cũng là đoàn viên TLVĐ (trang 339).

Vậy thì sự thực TLVĐ có bao nhiêu người mà bí hiểm thế?

Trước hết TLVĐ không có Nguyễn Gia Trí vì ông chỉ là một họa sĩ dù là một họa sĩ có tầm cỡ quốc tế. Nguyễn Gia Trí cũng như Tô Ngọc Vân chỉ là hai họa sĩ cộng tác với những tuần báo do TLVĐ chủ trương là *Phong Hóa* và *Ngày Nay*.

Trần Tiêu cũng không phải là nhà văn trong TLVĐ. Tất cả tác phẩm của ông như *Con Trâu, Chồng Con* do nhà xuất bản Đời Nay của TLVĐ in hay sau này tập truyện ngắn *Truyện Quê* và *Sau Lũy Tre* đều không có dòng chữ *"trong TLVĐ"* in ở dưới tên tác giả.

Xuân Diệu mặc dù rất nổi tiếng, thơ của ông được TLVĐ xuất bản nhưng ông cũng không thuộc TLVĐ. Không kể khi Xuân Diệu theo cộng sản và cộng sản buộc ông giã từ quá khứ mà ngay khi còn cộng tác với TLVĐ, những thi phẩm *Thơ Thơ, Gửi Hương Cho Gió* và *Trường Ca* đều không thấy ghi *trong TLVĐ* như Trần Tiêu vậy.

Theo giáo sư Khảo, năm 1957 khi chủ trương tập san *Văn Hóa Ngày Nay* ở Sài Gòn, Nhất Linh ghi thêm tên ba nhà văn Nguyễn Thị Vinh, Duy Lam và Nhật Tiến vào TLVĐ. Điều đó cũng sai. Cho tới bây giờ nhà văn Nhật Tiến chẳng bao giờ thuộc TLVĐ cả. Về Nguyễn Thị Vinh thì mãi tới năm 1995 khi xuất bản *Na Uy Và Tôi* bà mới tuyên bố là thành viên TLVĐ vì thấy chủ trương của TLVĐ hay. Trường hợp Duy Lam cũng sau khi sang Mỹ mới thấy ông nhận là thành viên của TLVĐ.

Về những nhà văn sau này liên quan đến TLVĐ, thi sĩ Cao Mỵ Nhân trên *Saigon Times* ngày 7.7.95 đã nói rất rõ sau khi kể lai lịch từng người trong dòng họ Nguyễn Tường. Theo bà ngày mồng một Tết Quý Tị (14.2.1953), Nhất Linh khai bút dặn dò Đỗ Đức Thu và nhắn gửi các nhà văn trong TLVĐ nếu trở về xin duyệt xét cho ba nhà văn trẻ vào TLVĐ là Nguyễn Thị Vinh, Duy Lam và Tường Hùng.

Đó chỉ là lời nhắn gửi và trong ba người kể trên thì Duy Lam và Tường Hùng là cháu ruột của Nhất Linh. Có thể nói sự gửi gấm trong lúc say sưa đầu năm này có tính cách tình cảm gia đình nhiều hơn là xác nhận tài năng. Vì năm ấy Duy Lam cũng chưa có tác phẩm nào xuất sắc, còn Tường Hùng thì cho tới bây giờ cũng ít ai biết ông đã có tác phẩm.

Thời gian Nhất Linh yêu cầu các nhà văn trong TLVĐ nếu trở về hãy duyệt xét đề nghị của ông thì lúc đó trừ chính Nhất Linh có lẽ chẳng còn có vị nào thuộc TLVĐ sống trong vùng quốc gia, hoặc đã quá vãng. Việc lựa chọn thêm người chẳng ai có đủ thẩm quyền.

Chuyện đặt cụ Lý Đông A là đoàn viên TLVĐ là một điều hoàn toàn mới lạ. Không hiểu tác giả bộ *Việt Nam Niên Biểu* dựa vào tài liệu nào mà viết như vậy.

Việc một nhà văn tự cho mình thuộc văn đoàn này văn đoàn nọ là quyền của nhà văn đó. Độc giả chỉ cần những tác phẩm hay của những chân tài chứ cũng không cần nhà văn phải thuộc văn đoàn này hay văn đoàn khác.

Riêng với TLVĐ là một văn đoàn có công với văn học Việt Nam, chúng ta cần phải viết cho đúng đừng phạm sai lầm để con em sau này khi tìm hiểu về văn học Việt Nam tránh được những sự sai lầm do người trước viết sai.

Theo sự hiểu biết của người viết bài này thì TLVĐ chỉ có sáu đoàn viên là Nhất Linh, Hoàng Đạo, Khái Hưng, Thế Lữ, Thạch Lam và Tú Mỡ, và số đoàn viên này không thêm bớt. TLVĐ thành lập chưa được 70 năm chứ có lâu la gì đâu? Văn đoàn Tao Đàn từ mấy trăm năm trước ta còn nghiên cứu và có tài liệu chẳng lẽ ngay TLVĐ mà chúng ta còn viết sai ư? Mong những vị có thẩm quyền về văn học Việt Nam lên tiếng bổ túc để tránh sự lầm lẫn triền miên này.

Lý Thục Ngàn *(Santa Ana)*

TÒA SOẠN VÀ BẠN ĐỌC

Tháng qua Tòa soạn nhận được bài vở của những tác giả sau:

Trần Công Sung, Nguyễn Hùng Vũ, Độc Hành, Doãn Quốc Sỹ, *Cái Đình*, Hoàng Quốc Bảo, Thái Thụy Vi, Đinh Cường, Lê Thị Hàn, Nguyễn Kết, Thái Anh Duy, Lý Thục Ngàn, Nguyên Ngữ, Võ Tài, Nguyễn Tường Giang, Lê Thị Thấm Vân, Phùng Nguyễn, Nguyễn Hữu Chung, Nguyễn Mạnh Trinh, Thận Nhiên, Võ Doãn Nhẫn, Nguyễn Lập Đông, Trần Minh Hiền.

Chân thành cám ơn quý vị.

Tùng Trần *(Footscray, Australia)*: Chúng tôi có nhận được bản "Nhắn tin tìm bạn" của ông để nhờ đăng trên mục nhắn tin. Rất tiếc báo chúng tôi không có mục nhắn tin. Chỉ thỉnh thoảng do tên tuổi của các tác giả hoặc nội dung của bài viết có gợi cho bạn đọc đôi điều gì cần làm sáng tỏ thì chúng tôi mới làm trung gian giúp thôi. Xin ông cảm phiền. Chúc ông tìm được cách hữu hiệu để sớm liên lạc với các bạn ông.

Cô Bảy *(Washington)*: Chúng tôi có nhận được điện thư của cô, rất tiếc không đăng được theo lời yêu cầu của cô *"Xin tôn trọng ý kiến độc giả này và đăng lên mục trả lời bạn đọc"*, vì cô không ghi đầy đủ địa chỉ của người gửi. Một trong những tiêu chuẩn tiên quyết để ý kiến hay bài vở được chọn đăng là phải có địa chỉ liên lạc hoặc điện thoại của người viết. Điều đó khẳng định những gì đến với độc giả không phải là thư nặc danh. Mong cô hiểu cho, đó là cách Tòa báo tôn trọng độc giả, người viết và chính mình.

Chanh Van Tran *(Downey, CA)*: Chúng tôi rất cảm động trước hoài bão và ước nguyện của cháu. Muốn thành một "chiến sĩ cầm bút" như cháu nói, trước hết phải luyện ngòi bút của mình, mà luyện ngòi bút cũng có nghĩa là phải mở mang kiến thức và tấm lòng rất nhiều. Cháu mới đến Mỹ, nên chú tâm đến việc học, hơn là đi thẳng vào con đường "chiến sĩ" khi mình chưa hội đủ điều kiện.

Thế Kỷ 21 không có tổ chức các cuộc thi viết báo. Nếu cháu muốn viết báo, cháu có thể ghi tên học môn báo chí. Phải học thật kỹ, đọc thật nhiều, rồi thì mộng ước sẽ đến. Mong cháu gặp nhiều may mắn trong cuộc sống mới.

Phạm Ngọc Khôi *(Montreal, Canada)*: Hạ tuần tháng 1.96 chúng tôi có nhận được thư phúc đáp của ông T.M. nhờ chuyển đến ông về vấn đề mà ông hỏi. Chúng tôi sau đó đã chuyển thư ấy cho ông bằng đường bưu điện, hy vọng rằng ông đã nhận được? Chúc ông chóng thành tựu những điều nghiên cứu.

Đính Chính

Khi đánh máy lại phần trả lời thu băng trong bài phỏng vấn giáo sư Nguyễn Mạnh Hùng (trang 25 và 26, Thế Kỷ 21 số Xuân Bính Tí) Tòa soạn đã sơ suất để lại nhiều lỗi đáng tiếc:

Trang 26, cột bên trái, từ trên xuống:

Dòng 1: xin đọc *APEC* thay vì ASPECT; dòng 17: *ổn cố tiền tệ* thay vì "một số tiền lệ"; dòng 27: *Minh Ước Bắc Đại Tây Dương* thay vì "khuynh hướng Đại Tây Dương."

Trang 26, cột bên phải, từ trên xuống:

Dòng 8: *Spratly* thay vì "Sparklee"; dòng 31: *ban hành thiết quân luật* thay vì "ban hành các bộ luật"; dòng 32: *Chun Do Hwan và Roh Tae Woo* thay vì "Chun Do Wan và Rotahoo."

Thành thật xin lỗi giáo sư Nguyễn Mạnh Hùng và cảm phiền bạn đọc sửa lại cho đúng.

Hộp thư tri sự

PHAN MỸ SƯƠNG phụ trách

Độc giả gia hạn và độc giả mới:

Nguyễn Gia Ân (Brossard Que CANADA), Nguyễn Thị Thu & Đạt (Ventura CA), Trịnh Bích Đào (Silver Spring MD), Nguyễn Đình Nhựt (Philadelphia PA), Nathalie Donge (Potomac MD), Lai Hữu Đức (Westminster CA), Đoàn Văn Mạnh (Sandy UT), Phạm Nguyên Hạnh (Cerritos CA), Nguyễn Vi Thúy (Chicago IL), Nguyễn Mạnh (Mission Viejo CA), Phạm Việt Hùng (CZECH REPUBLIC), Thúy Amstrong (Geneve SUISSE), Trần Như (San Jose CA), Hoàng Thị Trang (Los Angeles CA), Nguyễn Viết Thanh (Monterey Park CA), Linh V. Phạm (Arlington VA), Nguyễn Si Giao (AUSTRALIA), Rev Kim Định (Carthage MO), Rev Phan Hoài Nam (Fort Myers FL), Tiêu Như Mỹ (Rosemead CA), Thuận Hứa (St Louis MO), Trần Diễm Khanh (Garden Grove CA), Anh T. Bạch (Corte Madera CA), Lê Hiếu Nghĩa (Placentia CA), Nguyễn Lập Đông (New Orleans LA), Phạm Q. Anh (San Jose CA), Sang Văn Lê (Westminster CA), Chu Văn Hai (Kingstowne VA), Bibliothèque Nale. De France (Paris FRANCE), Hiệp Văn Châu (Jax FL), Dương Đức Như (Houston TX), Lê Văn Tú (JAPAN), Lê Công Giáo (Upland CA), Trần Ngọc Đại (Orlando FL), Nguyễn Hùng Vũ (Chino Hills CA), Mai Như Bùi (Milpitas CA), Phan Văn Quang (Fairfax VA), Nguyễn Anh Tuấn (LONDON), Phạm Thị Minh Châu (Kenner LA), Lê Duy San (San Jose CA), Joseph N. Đức Minh, Tịnh Văn Huỳnh (Harrisburg PA), Minh Nguyễn (Harvey LA), Library City Of Hindmarsh (AUSTRALIA), Carrie Estelle Doheny Mem Library (Camarillo CA), Nguyễn Minh Tiến (Gaithersburg MD), Minh N. Trần (Corpus Christi TX), Nguyễn Văn Ngọc (Bridgeport CT), Nguyễn Thị Chân Quỳnh (Chatenay-Malabry FRANCE), Đỗ Kim Nhung (Lynnwood WA), Nguyễn Thị Dung (Montreal CANADA), Minh Bá Cao (Fairfax VA), Mạc Ly Tao (Santa Ana CA), Hằng Franken (Oradell NJ).

Phạm Lệ Hương *(Modesto CA)*: Đã gởi báo đến bà PTMC. Cám ơn cô đã tặng TK 21 cho người thân làm quà Tết. Thân.

Nguyễn Văn Năng *(Houston TX)*: Đã gởi báo số 81 đến ông. Gia đình TK 21 xin cám ơn lời chúc tốt đẹp của ông. Kính.

Nguyễn Đức An *(Newberry FL)*: Toà soạn đã điều chỉnh báo gia hạn của ông đến số 92 (Tháng Mười Hai, 1996). Kính.

Vũ Ngọc Hà *(Petaluma CA)*: Đã gởi báo đến độc giả mới MN từ số 81 (Tháng Giêng, 1996). Cám ơn bà đã ủng hộ TK 21. Thân.

Lê Công Giáo *(Upland CA)*: Đã gởi tiếp đến ông các băng đọc truyện, phỏng vấn, kịch truyền thanh... Cám ơn ông đã ủng hộ "Báo Nói." Kính.

Trần Thủy Myers *(Florissant MO)*: Đã điều chỉnh báo gia hạn của cô đến số 102 (Tháng Mười 1997). Chúc vui. Thân. ■

Nhà xuất bản AN TIÊM vừa phát hành

HOA THƠM CỎ LẠ

Tập truyện ngắn đặc sắc của các tác giả Anh đầu thế kỷ XX.
Do **NGUYỄN THỊ CHÂN QUỲNH** chọn dịch

Liên lạc:
- Tại Pháp: Mr Trương Tuệ (nxb An Tiêm), 14 Villa des Acacias, 202 rue d'Épinay, 95360 Montmagny, France. Tel: 39 84 00 84.
- Tại Mỹ: Mr Võ Thắng Tiết, (nxb Văn Nghệ), P.O. Box 2301, Westminster, CA 92683, USA. Tel: (714) 527-5761.

PHÂN TÍCH THUẦN TÚY KINH TẾ VỀ THAM NHŨNG

VƯƠNG HỮU BỘT

TÓM TẮT: Bài này tóm lược một số nghiên cứu gần đây về tham nhũng theo lối phân tích quen thuộc trong kinh tế học.

Một nước có nhiều sứ quân (trên các vùng địa lý hay trên các lãnh vực sở quan) thì cũng giống như tình trạng cướp biển. Người dân sẽ muốn một tướng cướp "định cư" hơn. Khi có dịp người dân sẽ bỏ đi sang một vùng hay nước khác, nếu ở đó tướng cướp định cư cướp rẻ hơn (hay thuế khóa nhẹ hơn).

Khi những người bán giấy phép dều độc quyền, nếu họ được tập trung lại dưới sự điều động chung thì giá tham nhũng (bán sỉ) sẽ rẻ hơn. Khi chế độ thiếu kỷ cương, nhiều người có thể lập ra các luật lệ, giấy phép để tham nhũng thì giá tham nhũng sẽ tăng, số người tham nhũng tăng, nhưng tổng số tham nhũng giảm vì các hoạt động kinh tế sẽ giảm.

Giá tham nhũng có thể giảm đến mức triệt tiêu khi có cạnh tranh. Một chế độ có tuyển cử tự do và báo chí tự do cũng giống như một thị trường trong đó tin tức về phẩm chất và giá cả các món hàng được thông báo đầy đủ cho người tiêu thụ. Khi đó sự cạnh tranh có thể lên cao đến mức giá tham nhũng triệt tiêu.

. Nếu chiến dịch bài trừ tham nhũng vô hiệu thì giá tham nhũng tăng, làm tổng số hoạt động kinh tế giảm, do đó tổng số lợi tức nhờ tham nhũng cũng giảm. Người mua, nhất là người ngoại quốc ưa chuộng tham nhũng toàn phần hơn bán phần. Họ sẽ cổ động cho tình trạng này.

Trong một nước chậm tiến nhà cầm quyền tham nhũng thích vay hay xin tiền làm các dự án vĩ đại, hơn là để cải thiện về y tế và giáo dục. Giám đốc một xí nghiệp quốc doanh cũng hành động giống như vậy.

Chỉ có sự cạnh tranh tự do, về kinh tế và chính trị, mới giảm bớt, và hy vọng bài trừ được tham nhũng.

Tham nhũng cũng như một thứ thuế. Người thâu thuế ở địa vị nhà nước, tuy tiền "thuế" được bỏ vào túi riêng. Người ta nghiên cứu kinh tế học về thuế khóa rất nhiều, để xem cách đánh thuế nào công bằng hơn, tăng số thâu nhiều hơn, và giúp kinh tế phát triển hơn, nhưng ít người nghiên cứu về tham nhũng. Trong khi đó ai cũng biết tham nhũng làm nền kinh tế kém hiệu năng, nghĩa là phân bố tài nguyên sai lầm. Một chế độ tham nhũng sẽ không dồn tài nguyên vào các lãnh vực kinh tế có lợi nhất cho xã hội, mà vào lãnh vực nào dễ tham nhũng nhất cho người cầm quyền.

Muốn bài trừ hay giảm bớt tham nhũng chúng ta thường dùng tiêu chuẩn đạo đức hay chính trị, kết quả là những giải pháp đưa ra chỉ là các khẩu hiệu, rất đẹp mà không có hiệu quả. Lật đổ một chính quyền tham nhũng mà không thay đổi cơ cấu nền tảng của hiện tượng tham nhũng thì sẽ sinh ra một bộ máy tham nhũng mới. Một chính phủ thực tâm muốn chống tham nhũng, có quyền và bộ máy công an mạnh để bắt tham nhũng cũng không chắc thành công khi chưa hiểu rõ gốc rễ của hiện tượng này. Nếu chúng ta nghiên cứu hiện tượng này một cách khách quan hơn, như một hiện tượng kinh tế, thì hy vọng dễ tìm được cách giảm bớt, ngăn ngừa hay bài trừ tham nhũng hơn. Nghiên cứu kinh tế thuần túy không nêu ra các tiêu chuẩn đạo đức hay chính trị, tôn giáo, do đó không được phổ biến. Nhưng cách nhìn vấn đề đó thực tế hơn. Nghiên cứu kinh tế chỉ dựa trên giả thuyết là mỗi người đều ham lợi và tìm cách tối đa hóa lợi tức. (Xin nhớ đó là một giả thuyết về động cơ tâm lý, cho gần với thực tế, chứ không phải là một mục tiêu có tính qui phạm -normative- hay phán đoán giá trị.)

Chúng ta có nhiều từ chỉ các hành động của viên chức nhà nước khi họ sử dụng quyền hành làm ra tiền bỏ túi riêng.

Để dễ áp dụng phương pháp kinh tế học hơn, khi nói đến tham nhũng chúng ta sẽ hiểu theo một nghĩa hẹp, là sự trao đổi giữa viên chức nhà nước và người kinh doanh để hai bên cùng hưởng lợi. Khi người dân trả tiền một viên chức thì họ biết sẽ nhận được "món hàng". Hiểu như vậy để dễ phân tích hiện tượng tham nhũng như việc mua bán ở một thị trường, trong đó người mua kẻ bán tương đối tự nguyện, không bị ép buộc.

Thí dụ một người muốn có giấy phép nhập cảng phải đút lót cho viên chức nhà nước, người đó có thể từ chối không xin giấy phép nữa nếu giá cao quá, bỏ luôn hoạt động nhập cảng. Viên chức nhà nước cũng biết nếu đòi một giá quá cao thì món hàng mình bán (giấy phép) không còn ai dám mua. Rất nhiều hoạt động trong bộ máy hành chánh có thể biến thành món hàng để bán, từ việc mắc đường giây điện thoại, đến giấy phép treo bảng hiệu, mở xí nghiệp sản xuất, dịch vụ hối đoái, hộ chiếu, khám xét hải quan ở phi trường, v.v.. Trong bài này chúng ta sẽ nói đến "giấy phép" như món hàng chính bán trong thị trường tham nhũng.

Bạo chúa vẫn tốt hơn tướng cướp lưu động

Có nhiều hành động nhũng lạm quyền hành không có các đặc tính thị trường. Thí dụ một viên công an mỗi ngày đến nhà một người dân xét hỏi giấy tờ cho đến khi gia chủ cho quà mới ngưng. Hành động đó có tính cách ép buộc người tiêu thụ phải mua sự bình an mà đáng lẽ người đó không có nhu cầu. Chuyện này giống như cướp biển nhiều hơn là tham nhũng theo định nghĩa chúng ta đang dùng. Khi các người trong đảng cai trị tự cho mình các đặc quyền như mua hàng, mua đất với giá rẻ, được đi ngoại quốc dễ dàng, v.v. đó là các đặc quyền có tính cách chiếm đoạt lợi ích chung và của người khác. Đó cũng là một hình thức cướp đoạt. Trước khi nói đến thị trường tham nhũng chúng ta hãy nói đến hiện tượng cướp đoạt này.

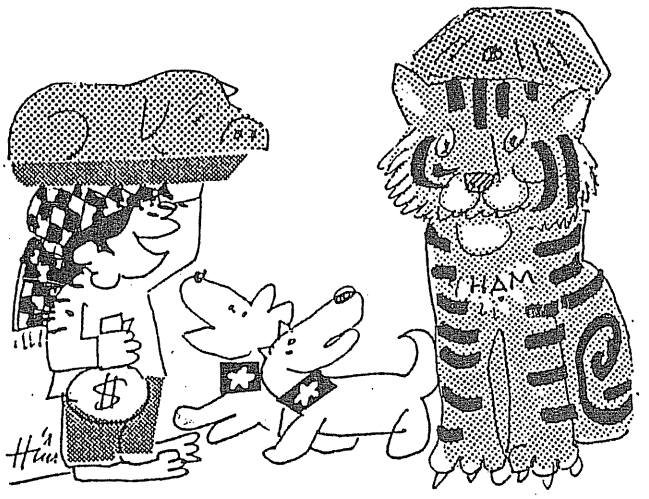

Mancur Olson [1991] đã nhận xét về tình trạng sứ quân ở Trung Quốc vào thập niên 1920, thấy rằng một kẻ cướp khi định cư, biến thành một thứ chính phủ thì ích lợi cho nền kinh tế hơn các kẻ cướp nhỏ, lưu động (Xin xem tham khảo ở cuối bài). Vị giáo sư kinh tế này đọc tiểu sử sứ quân Phùng Ngọc Tường, suy nghĩ chuyện ông tướng này trừ được tên cướp Sói Trắng nổi tiếng, và được dân chúng hoan nghênh. Một sứ quân tốt hơn là nhiều tên cướp lưu động, và một ông Đinh Bộ Lĩnh vẫn tốt hơn là 12 ông sứ quân.

Tại sao người ta sống dễ hơn dưới một (chính phủ) độc quyền ăn cướp (qua hình thức thuế vụ và tham nhũng), hơn là tình trạng nhiều kẻ cướp lưu động? Vì một tên cướp định cư giảm bớt tính chất bất định (uncertainty) trong việc làm ăn. Khi đầu tư người ta đều muốn tối đa hóa doanh lợi, tối thiểu hóa sự bất trắc. Khi mức độ bất trắc giảm, người ta đầu tư nhiều hơn, mà người đầu tư cũng đòi hỏi một doanh lợi kỳ vọng (expected return) thấp hơn. Doanh lợi kỳ vọng sẽ lên cao khi mức rủi ro tăng. Do đó nếu việc cướp ngày được tập trung, thay vì tản mác, nền kinh tế sẽ phát triển hơn và người tiêu thụ cũng hưởng giá thấp hơn. Phúc lợi chung của xã hội do đó tăng lên.

Hiện tượng kinh tế thứ hai là một tên cướp định cư sẽ coi các nạn nhân của mình như một nguồn lợi tức cần bảo trì, còn các người cướp biển lưu động coi mỗi lần đi "thâu thuế" chỉ là một canh bạc. Khi nghiên cứu về "Cơ Bản Tinh Thần của các Xã Hội chậm tiến", Edward Banfield [1958] ghi lại lời một người dân Ý, nói rằng "Chế độ quân chủ là tốt nhất, vì nhà vua là chủ nhân của cả nước. Cũng giống như chủ nhân một ngôi nhà, nếu dây điện hư thế nào ông ta cũng lo sửa." Một chính phủ khôn ngoan sẽ thấy nên nuôi đàn bò của mình để tiếp tục vắt sữa mãi, còn các tên cướp lưu động thì không thấy điều đó.

Nhà kinh tế Thụy Sĩ Silvio Borner và các đồng nghiệp đã hệ thống hóa câu chuyện "ăn cướp lưu động và ăn cướp cố định" trên để bàn về ảnh hưởng trên sự phát triển. Tại sao người dân tín nhiệm một bạo chúa hơn bọn ăn cướp lưu động? Sự tín nhiệm đạt được nhờ "khích lệ phù hợp". Chính bạo chúa bị thiệt khi dân nghèo hơn, cũng như con bò gầy thì ông chủ không thể vắt sữa. Cho nên người dân sẽ đầu tư nhiều, làm việc nhiều trong một chế độ tướng cướp định cư, hơn là khi phải chịu đựng nhiều tướng cướp lưu động. Các cuộc cải tổ hành chánh thường để thay đổi theo chiều hướng này, giảm tình trạng tướng cướp lưu động, định cư họ lại.

Một trường hợp tốt hơn là khi có nhiều tướng cướp định cư nhưng chia vùng ảnh hưởng mà dân chúng sẽ có thể đổi địa chỉ. Khi đó các tướng cướp phải tăng hiệu năng kinh tế, hoặc cướp bóc ít đi (thuế nhẹ hơn), hoặc cả hai, để cạnh tranh. Khi người ngoại quốc đến đầu tư ở một xứ họ cũng chọn các xứ, các tỉnh có tướng cướp định cư mà thuế hay giá tham nhũng rẻ hơn. Có cạnh tranh là người tiêu thụ được lợi, dù hàng bán là tham nhũng. Gần đây nhiều người Bắc Hàn đã chạy sang Trung Quốc tị nạn vì đói. Nhưng trường hợp thông thường nhất là tiền vốn và nhân tài bỏ ra ngoại quốc, nơi tướng cướp lấy thuế rẻ hơn.

Từ tướng cướp lưu động đến định cư, rồi đến tướng cướp định cư và cạnh tranh, chúng ta thấy người cầm quyền lên mỗi cấp lại có nhiều uy tín hơn, kinh tế có thể phát triển hơn. Họ có uy tín hơn không phải vì có lý tưởng cao hơn (rất tốt, nhưng khó đo lường và khó kiểm chứng) nhưng nguyên do chính là nếu họ lạm dụng quyền hành quá đáng thì chính họ cũng bị thiệt hại nhiều. Xét trên tiêu chuẩn "khích lệ phù hợp" (compatible incentive) như vậy tức là phân tích thuần túy về lợi nhuận. Loại ướng cướp định cư tốt nhất là khi dân chúng dưới quyền được phép tham dự vào các quyết định thuế khóa, đó là trường hợp các chính phủ dân chủ. Các chế độ đó được tín nhiệm cao hơn, nhà kinh doanh đầu tư nhiều hơn và kinh tế phát triển hơn. Vì dân chúng được dự vào quyết định tỷ lệ đóng

thuế.

Bây giờ chúng ta nói đến tình trạng tham nhũng thuần túy bên cạnh việc đóng thuế. Hãy dùng thí dụ bán giấy phép như hành động tham nhũng tiêu biểu. Giả sử có hai hình thức tham nhũng, một là tham nhũng toàn phần, trong đó viên chức nhà nước lấy tất cả món tiền người dân trả để có một cái giấy phép, và hai là tham nhũng bán phần, trong đó người tham nhũng góp một phần tiền thâu cho chính phủ, gọi là thuế, phần còn lại bỏ túi riêng. Nhiều người có thể đổi cách hành nghề, từ bán phần sang toàn phần và ngược lại.

Trong thực tế việc chống tham nhũng thường chỉ bài trừ được các nhà tham nhũng bán phần, còn các người làm toàn phần dễ trốn tranh hơn. Họ hoạt động trong các lãnh vực mà luật lệ mù mờ nhất. Một người đóng lệ phí nhập cảnh đầy đủ phải thêm bao thuốc lá, đó là hoạt động bán phần. Trả một món tiền lớn để được nhập cảnh lậu, đó là tham nhũng toàn phần vì hoàn toàn bất hợp pháp, muốn đóng thuế cho chính phủ cũng không được.

Nhiều chính phủ chống tham nhũng cũng muốn biến các nhà tham nhũng toàn phần thành ra bán phần. Nhưng hành động trên thường gây hậu quả là hiện tượng tham nhũng toàn phần rút vào bí mật và gia tăng. Đối với một viên chức thì tham nhũng toàn phần sinh lợi cao hơn, mà vẫn có thể giảm giá hàng bán. Các nhà kinh tế giải thích là phí tổn biên tế đã giảm nên giá bán cũng xuống. Thay vì định giá là T (thuế) + h (hối lộ), viên chức có thể định giá là H (hối lộ thuần túy), mà H h. nhưng đối với người mua thì tham nhũng bán phần khiến giá mua giấy phép rẻ đi, H T + h. (Xin đọc phần phụ lục kỹ thuật về lý thuyết kinh tế.)

Đứng ở quan điểm người mua chúng ta hiểu tại sao những người chuyên mánh mung lại ủng hộ một chế độ độc tài và tham nhũng. Vì các nhà độc tài có khuynh hướng trở thành tham nhũng toàn phần. Họ không sợ dân chúng lật đổ qua các cuộc bầu cử, cũng không có báo chí tự do để nhòm ngó. Người mua giấy phép thấy, thay vì bị tăng thuế thà tăng tiền hối lộ, thế nào cũng rẻ hơn. Người ngoại quốc thích chọn tình trạng tham nhũng toàn phần hơn người bản xứ. Vì công quĩ hụt tiền khiến đời sống người bản xứ bị thiệt hại (thiếu trường học, nhà thương, hay rừng bị phá, đường xá hư hỏng) nhưng người ngoại quốc không bị ảnh hưởng. Một công ty ngoại quốc có thể bỏ tiền ra mua một chính phủ để bỏ qua một số thuế hay lệ phí khi sử dụng tài nguyên của một quốc gia, vì họ biết về lâu về dài hối lộ vẫn rẻ hơn. Chính phủ độc tài có thể đóng vai đồng lõa cướp ngày đó vì họ không sợ bị thay thế, và họ kiểm soát các nguồn thông tin. Họ giống các nhà tư bản độc quyền không có thị trường cạnh tranh. Trong trường hợp đó tham nhũng và cướp ngày sống chung bên nhau, dân chúng bị thiệt.

Bản chất tham nhũng là bí mật, nhưng tham nhũng bán phần có tính cách công khai một nửa. Khi rút lui vào địa hạt toàn phần thì tham nhũng càng trở nên bí mật. Một người cấp giấy phép có thể được mời đi ăn, hay đi du lịch, ngoài việc thu lệ phí cho nhà nước. Việc đó được nhiều xã hội chấp nhận. Nhưng khi cầm tiền hối lộ để cấp một giấy phép mà không chia đồng nào cho công quĩ thì việc đó phải hoàn toàn bí mật. Trong đoạn sau chúng ta sẽ thấy tính cách bí mật này có hại cho việc phân bố tài nguyên của nền kinh tế.

Cơ cấu thị trường độc quyền tham nhũng

Andrei Shleifer và Robert W. Vishny [1993] đã phân tích trường hợp khi người kinh doanh phải mua hai hay nhiều giấy phép để làm ăn, mà các cơ quan chính phủ bán giấy phép có thể, hoặc tập trung và phối hợp với nhau, hoặc phân tán và độc lập với nhau. Trường hợp thứ nhất là Liên Bang Xô Viết hay Phi Luật Tân thời Marcos, và trường hợp thứ hai là Cộng Hòa Nga sau năm 1991. Những phân tích của hai ông có thể giải thích tại sao nhiều người Nga hoài vọng thời sống dưới chế độ cũ, khi ở Cộng Hòa Nga các định chế dân chủ đích thật chưa thành hình thì người ta phải hoài vọng.

Thí dụ một nhà đầu tư muốn mở một xí nghiệp phải mua nhiều thứ giấy phép, từ bộ kinh tế, ủy ban kế hoạch, giấy phép của thành phố để đặt trụ sở, lại phải mua cả nhân viên công ty điện, nước, điện thoại, v.v. Trường hợp này giống như một nhà sản xuất bánh phải mua đường và bột, trong kinh tế học gọi là các mặt hàng bổ túc nhau (complementary goods).

Loại thị trường thứ nhất:

Nếu hai nhà bán đường và bột liên kết, hay do cùng một trung ương phối hợp, họ sẽ định giá mỗi món hàng làm sao để người làm bánh có thể tiếp tục việc sản xuất. Nếu tăng giá một món, thí dụ đường, lên quá mức chẳng hạn, thì nhà làm bánh phải giảm bớt số bánh sản xuất, vì giá bánh cao quá ít người mua. Khi đó món thứ hai là bột cũng không bán được. Kết quả là cả nhà cung cấp đường và bột, cả nhà làm bánh đều giảm số sản xuất và lợi nhuận đều giảm. Biết như vậy thì nhà cung cấp hai món trên sẽ định giá phải chăng và chú ý đến ảnh hưởng của việc tăng giá món này trên số bán của món kia. (Xin đọc thêm phần phụ lục kỹ thuật.)

Loại thị trường thứ hai

Giả thử hai nhà cung cấp đường và bột hoàn

Không nên dùng cân tiểu ly để cân hạnh phúc của đời mình, nếu cân bằng cân thường thôi, anh sẽ hài lòng.

-- Danh ngôn Đức

Hạnh phúc cũng như một chiếc đồng hồ, loại nào đơn giản nhất thì ít hư hỏng nhất.

-- Chamfort

toàn độc lập và không liên kết với nhau, mỗi người sẽ định giá cao nhất mà họ muốn. Trong trường hợp đó người này có thể làm thiệt hại người kia và thiệt hại chính mình. Người mua (nhà làm bánh) phải bớt mua bột nên cũng bớt mua đường, tất cả bị thiệt hại, người tiêu thụ cũng vậy.

Dưới thời Liên Bang Xô Viết việc hối lộ được tập trung vào một mối, người độc quyền nhận hối lộ sẽ phân phối lợi nhuận theo cấp số có sẵn. Một cơ quan, thí dụ cung cấp điện, đòi hối lộ quá trớn khiến "người mua" khó làm ăn quá, sẽ bị kỷ luật vì làm giảm lợi nhuận hối lộ của các cơ quan khác. Khi Liên Bang xô viết sụp đổ, đầu não của hệ thống đó bị tan vỡ. Trong khi đó thì các định chế pháp luật dân chủ chưa thành hình, cho nên rất nhiều trung tâm tham nhũng mọc lên và việc định giá được thả nổi, không có điều tiết và phối hợp. Do đó giá hối lộ nói chung đều tăng mà lợi nhuận chung của các người nhận hối lộ có thể bị giảm, số bán cũng xuống.

Trường hợp trên trở nên trầm trọng khi luật pháp không rõ ràng và thi hành luật lỏng lẻo còn khiến cho nhiều viên chức hoặc cơ quan tự ý đặt ra các loại giấy phép mới, luật lệ mới để tham nhũng thêm. Các "trung tâm dịch vụ" mới luôn luôn mọc thêm là tiêu biểu cho loại thị trường "tự do nhập" (Free entry) này. Ngoài ra, một viên chức đã bán một giấy phép hay dịch vụ rồi có thể ghen tị với một viên chức khác, đòi thêm hay tăng giá cho lần giao dịch sau. Một viên chức ngưng tham nhũng rồi cũng trở lại tham nhũng vì thấy các người khác vẫn tiếp tục. Như vậy thì đâu là giới hạn của số người tham nhũng và giá tham nhũng? Trên nguyên tắc không có giới hạn nào cả ngoài tình trạng kiệt quệ của người mua dịch vụ tham nhũng.

Thí dụ người làm bánh ngoài đường và bột ra phải mua thêm hàng chục vật liệu khác do các nhà cung cấp độc quyền mà không phối hợp với nhau (như thuốc mầu, bao giấy, dầu thơm, mực in nhãn hiệu.) Khi đó họ có thể phải ngưng hẳn việc làm bánh. Nhiều người vào đầu tư ở một nước phải bỏ đi khi mua xong bộ kinh tế lại biết ở bộ Tài chính cũng phải mua, sau đến bộ canh nông, bộ điện lực,.. rồi đến cấp tỉnh, cấp huyện, v.v. mà không hề có ai "điều tiết vĩ mô" cả.

Thị trường tham nhũng có cạnh tranh

Bây giờ giả thiết người ta có thể mua mỗi thứ giấy phép ở hai hoặc nhiều nơi. Thí dụ một người ở Montréal muốn xin hộ chiếu (passport) có thể đến bất cứ văn phòng nào trong số năm bẩy văn phòng. Hay một người ở Westminter, California có thể thi bằng lái xe ở thị xã Anaheim hay Irvine cũng được. Khi có nhiều nhà cung cấp thì họ khó thông đồng với nhau, người mua có thể tìm nơi nào cho giá rẻ nhất. Tình trạng cạnh tranh trong thị trường có thể đẩy giá xuống đến mức tối thiểu, có khi là là số không. Tạm gọi tình trạng này là cạnh tranh theo hàng ngang.

Thị trường cạnh tranh này giống như khi có nhiều nhà bán cả đường lẫn bột, họ cạnh tranh với nhau khi định giá, cuối cùng giá mỗi món sẽ bằng chi phí biên tế của món hàng. Trong trường hợp tham nhũng chi phí biên tế của nhà cung cấp là sai biệt giữa lương bổng (thấp) khi làm việc cho nhà nước và lợi nhuận kiếm được (cao hơn) nếu làm ở lãnh vực tư, cộng với hoạch toán về trừng phạt khi bị bắt quả tang. Như vậy chúng ta hiểu một cách bớt tham nhũng là tăng lương cho viên chức nhà nước để giảm chi phí biên tế đến số không. Và việc bài trừ tham nhũng nhiều khi tăng giá tham nhũng trên thị trường.

Tình trạng cạnh tranh, ngay cả khi không có ai hô hào bài trừ quốc nạn tham nhũng, sẽ làm giảm giá tham nhũng xuống.

Nhưng có các loại giấy phép không thể do nhiều cơ quan cạnh tranh cung cấp, làm cách nào có thể đạt tới tình trạng một thị trường cạnh tranh? Thí dụ nếu giấy phép xuất cảng do tỉnh nào cũng cấp được thì người dân bị bóp cổ ở tỉnh này sẽ chạy qua tỉnh khác làm ăn. Nhưng nhiều loại giấy phép thường chỉ bán ở một nơi, tập trung ở thủ đô không ai cạnh tranh nổi. Vẫn có một cách tạo nên sự cạnh tranh, là khiến cho các viên chức trong các cơ quan đó có thể bị thay thế khi bị tố giác, thay vì chỉ sử lý nội bộ. Có thể gọi đây là cạnh tranh theo hàng dọc, người tới sau cạnh tranh với người trước và cũng lo cạnh tranh với người sau mình. Khi xã hội cởi mở, công khai thì xác suất bị tố giác sẽ cao hơn. Khi sự bãi nhiệm và trừng phạt dễ xẩy ra hơn và "đắt hơn" tiền kiếm được vì tham nhũng, thì người ta sẽ bỏ tham nhũng, vì "vọng lượng" (expected value trong xác suất) về chi phí biên tế quá cao mà lợi nhuận biên tế lại thấp.

Nhưng chuyện các viên chức có thể bị bãi nhiệm và trừng phạt hay không còn tùy thuộc quyền bãi nhiệm tối hậu, tức là các người cầm đầu guồng máy nhà nước. Muốn cho thị trường có tính cạnh tranh thật sự thì những người đó cũng phải có khả năng bị bãi nhiệm và thay thế. Điều này chỉ có thể xẩy ra khi có bầu cử tự do, có nhiều đảng tranh đua để được dân bầu lên cầm quyền. Tranh cử có thể được coi như một cuộc đấu thầu. Người gọi thầu là dân chúng, ai cho giá thấp nhất thì trúng thầu. Nếu có cạnh tranh thì giá thầu (ở đây là tham nhũng) sẽ xuống đến số không. Một thị trường chỉ thực sự cạnh tranh nếu tin tức về các món hàng và giá cả được thông báo đầy đủ cho kẻ bán người mua. Trong trường hợp này chúng ta thấy vai trò tự do thông tin và tự do lập hội, lập đảng rất quan trọng khi muốn bài trừ tham nhũng.

Khi giá hối lộ xuống thấp, nhờ cạnh tranh giữa các đảng, hay nhiều phe cánh trong cùng một giai cấp cầm quyền (như ở Indonesia, có sự cạnh tranh giữa văn phòng tổng thống và các tướng lãnh thuộc bộ quốc phòng trong các vụ gọi thầu cho quân đội, ở Thái Lan hay Đại Hàn khi hai ba phe tướng lãnh tranh giành quyền chính trị) thì giá hối lộ thấp dần mà kinh tế có cơ hội phát triển hơn.

(xem tiếp trang 103)

VỀ BỨC THƯ CỦA VÕ VĂN KIỆT GỬI BỘ CHÍNH TRỊ ĐCSVN

NGUYỄN HỮU CHUNG

Chia tay ý thức hệ

Nếu tôi không lầm thì ông Đào Duy Tùng, một ủy viên nhiều ảnh hưởng của bộ chính trị Đảng Cộng Sản Việt Nam đã được Trung Cộng tiếp đón như một vị quốc khách hồi tháng Chín vừa qua. Cuộc tiếp đón còn long trọng hơn tiếp đón ông Đỗ Mười. Ở Bắc Kinh, ông Đào Duy Tùng đã tuyên bố mấy câu như sau:

"Đảng Cộng Sản Việt Nam quyết tâm và nhất trí theo con đường sáng ngời của chân lý cách mạng Mác xít và Mao Trạch Đông.

"Đảng Cộng Sản Việt Nam sẽ tiếp tục theo đường lối của Đảng Cộng Sản Trung Quốc về ý thức hệ và về các vấn đề quốc tế để đối phó với các lực lượng phản động.

"Đảng Cộng Sản Việt Nam và Trung Quốc đều có chung một kẻ thù chiến lược" (ám chỉ Mỹ - tác giả).

Những lời tuyên bố của ông Đào Duy Tùng, theo một cái nhìn nào đó, là hữu lý. Trong khi Liên Bang Sô Viết và Cộng Sản Đông Âu đã sụp đổ, Trung Quốc chẳng những đứng vững mà còn phát triển mạnh về kinh tế, chuyện Đảng Cộng Sản Việt Nam theo Đảng Cộng Sản Trung Quốc và núp bóng đàn anh để tồn tại là một điều thuận lý. Từ ngàn xưa, Việt Nam đã là chư hầu của Trung Quốc, bây giờ tiếp tục làm chư hầu thì cũng là... bình thường.

Thế nhưng, trong bức thư gửi bộ chính trị Đảng Cộng Sản Việt Nam, ông Võ Văn Kiệt đã nói ngược lại:

"Cũng cần đánh giá thực chất quan hệ giữa các nước Xã hội Chủ nghĩa còn lại. Sự thật hiện nay là bốn nước Xã hội Chủ nghĩa tuy có những mối quan hệ với nhau ở mức độ nhất định, song không thể hành động và không có giá trị trên trường quốc tế như một lực lượng kinh tế và chính trị thống nhất. Nói riêng về quan hệ Việt Nam - Trung Quốc, Việt Nam - Bắc Triều Tiên, thì tính chất quốc gia lấn át (nếu chưa muốn nói là loại bỏ) tính chất Xã hội Chủ nghĩa trong những mối quan hệ giữa những nước này. Thậm chí trong quan hệ Việt Nam - Trung Quốc, tồn tại không ít những điểm nóng. Thuần túy nói về Xã hội Chủ nghĩa thì cả bốn nước Xã hội Chủ nghĩa còn lại đều đang phải tiếp tục nghiên cứu tìm tòi con đường riêng phù hợp của từng nước.

"... Sự tranh chấp ở Trường Sa và thái độ của các nước khác nhau chung quanh vấn đề này, sự phát triển các mối quan hệ quốc tế của Việt Nam trong 10 năm qua, việc bình thường hóa quan hệ Việt - Mỹ, vai trò ngày càng quan trọng của Asean, *tiếng nói của các nước nhỏ ngày càng có nhiều trọng lượng hơn trước, xu thế tập hợp các tổ chức kinh tế khu vực... Chúng ta cần phân tích sâu những mâu thuẫn mới đang diễn ra trong quan hệ giữa các quốc gia trên thế giới, tạo ra cho mỗi nước những cơ hội và thách thức mới khó lường hết lường được."*

Như vậy là đã có hiện tượng trống đánh xuôi, kèn thổi ngược giữa hai nhân vật nổi bật nhất và nhiều ảnh hưởng nhất trong bộ chính trị Đảng Cộng Sản Việt Nam. Ông Đào Duy Tùng, một nhân vật nổi tiếng là bảo thủ, đã đi tìm đồng minh phương Bắc. Ông Võ Văn Kiệt thì thấy một liên minh ở phương Nam *(Asean* và Mỹ). Đây không phải là lần đầu tiên người ta bàn tới hai khuynh hướng khác nhau trong Đảng Cộng Sản Việt Nam. Nhưng nhiều người, trong đó có tôi, đã nghĩ rằng không có sự phân chia tư tưởng giữa lãnh đạo Đảng Cộng Sản Việt Nam mà chỉ có phân nhiệm giữa các người này. Người lo làm kinh tế thì phải chơi với tư bản, phải cởi mở, đổi mới... để tư bản cho tiền và đầu tư vô Việt Nam. Người lo bảo vệ chế độ, bảo vệ sự độc quyền của đảng thì phải chống diễn biến hòa bình, phải chơi với Trung Quốc vì Trung Quốc là thành lũy Xã hội Chủ nghĩa, mở miệng ra là phải Mác, Mao, Hồ... để củng cố niềm tin của đảng viên. Bây giờ, qua bức thư của ông Võ Văn Kiệt, người ta có thể thấy không còn chuyện phân nhiệm nữa, mà là đã có "chia tay ý thức hệ."

Trong hơn 10 trang chữ nhỏ, ông Võ Văn Kiệt không hề nói một lần đến các vị thánh tổ Mác, Mao, Hồ. Ông còn cả gan định nghĩa hướng Xã hội Chủ nghĩa là "dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng và văn minh". Về Đảng Cộng Sản Việt Nam thì ông vẫn khẳng định là đảng lãnh đạo toàn bộ quá trình phát triển đất nước, nhưng thỉnh thoảng ông chỉ ca tụng Đảng Cộng Sản Việt Nam qua những thành tích của công cuộc đổi mới do ông lãnh đạo.

Điều làm tôi chú ý hơn cả là ông Võ Văn Kiệt đã lập lại nhiều lần việc tạo lập **một lực lượng mới** với bên ngoài. Ông không nói rõ, nhưng tôi thấy rằng ông muốn nói về liên minh phương Nam mà ông là người khởi xướng (qua trung gian của Lý Quang Diệu) để đương đầu với Trung Quốc.

Nhưng bức thư này đã khẳng định đường lối của ông Võ Văn Kiệt chẳng những trong quan hệ đối với Trung Quốc mà cả ý thức hệ, trong đó chủ nghĩa Cộng Sản quốc tế đã bị ông khai tử, tổ chức kinh tế Xã hội Chủ nghĩa đã bị ông dẹp bỏ. Việt Nam sẽ biến thành một nước tư bản, nằm trong quỹ đạo tư bản thế giới, với một đảng cầm quyền duy nhất tên là Đảng Cộng Sản Việt Nam, nhưng không có nội dung Cộng Sản, giống như đảng của ông Lý Quang Diệu, của ông Suharto (Indonesia) hay của ông Mobutu (Zaire)...

Đây điều mà tôi đã cùng bạn đọc TK21 phân tích hồi năm 1989, trong một bài viết tựa đề "Hãy Ngưng Chống Cộng". Hồi đó, chúng ta đã thấy con đường này (mà ông Võ Văn Kiệt minh định trong bức thư) là con đường tất yếu cho Đảng Cộng Sản Việt Nam để tồn tại qua cơn khủng hoảng của thế giới Cộng Sản. Nhưng sáu năm qua chỉ là giai đoạn khởi đầu. Càng đi vào quỹ đạo thế giới tư bản, nước Việt Nam Xã hội Chủ nghĩa càng thấy sự vụng về, yếu kém đến bại xuội của mình để có thể bị xô đẩy một cách tội nghiệp bởi bất cứ ai. Muốn thoát khỏi tình trạng bại xuội như hiện nay, Đảng Cộng Sản Việt Nam có hai lựa chọn: Phải làm một cuộc hóa thân, nếu không thì phải rút ra khỏi quỹ đạo tư bản. *Cái logic cho thấy Việt Nam không thể rút lui khỏi cuộc vận động kinh tế mà ông Võ Văn Kiệt đã dẫn dắt, nhưng chuyện hóa thân thì chẳng ai muốn.* Về phần ông Võ Văn Kiệt, càng muốn tiến xa trong công việc đổi mới của mình, ông càng đụng chạm nhiều hơn với các đảng viên khác, vì vậy việc ông còn được tiếp tục lèo lái nước Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam trên con đường đổi mới hay không là một vấn đề lớn trong cuộc vận động tiền đại hội tám.

Vị thế của ông Võ Văn Kiệt

Việc một ủy viên bộ chính trị và đồng thời lại là thủ tướng viết thư cho bộ chính trị và công bố bức thư đó là một điều không bình thường. Xưa nay, vì nguyên tắc tập thể chỉ huy, các cuộc thảo luận đều được giữ kín, các dị biệt không được tiết lộ, chỉ có lập trường nhất trí được công bố. Sự kiện mới này (bức thư) chứng tỏ rằng những cuộc thảo luận nội bộ đã đi vào bế tắc. Người ta có thể suy đoán rằng người công bố lập trường của mình để tìm sự ủng hộ của đa số đảng viên ở ngoài bộ chính trị là người đang ở thế yếu trong bộ chánh trị và cảm thấy bị lung lay. Bởi vì nếu ở thế mạnh và vững chắc thì cứ đêm ngủ ngày ăn, việc gì phải biện luận dông dài, phân bua này nọ. Phân bua, kể lể thành tích của mình là cốt tìm hậu thuẫn của quần chúng và khối đảng viên ở hạ tầng cơ sở để tìm áp lực từ dưới lên, may ra lật ngược áp lực của những kẻ đang đè trên cổ ông.

Ở thế yếu trong bộ chính trị, thử hỏi ông Võ Văn Kiệt có khả năng vận dụng đa số đảng viên để thắng thế trong kỳ đại hội đảng lần thứ tám vào tháng Sáu năm 1996 không?

Thật khó mà trả lời khi chúng ta ở cách xa Việt Nam nửa vòng trái đất và chẳng có viện Gallup nào có thể làm một cuộc thăm dò ở một nước Cộng sản như Việt Nam. Nhưng qua những hiện tượng nhìn thấy được thì người ta có thể đoán rằng ông Võ Văn Kiệt đang lội nước ngược. Ông Võ Văn Kiệt có được sự ủng hộ của những đảng viên các tỉnh miền Nam, một phần vì tinh thần địa phương, phần khác vì công cuộc đổi mới của ông đã đem lại sự thịnh vượng cho miền Nam và cho những đảng viên này. Cũng như ông Đặng Tiểu Bình được sự ủng hộ nhiệt thành của các tỉnh miền Nam Trung Quốc. Nhưng ông Võ Văn Kiệt đang bị đa số các đảng viên miền Bắc chống đối.

Đây không phải là một vấn đề địa phương mà là vấn đề quyền lợi. Những đảng viên trung và cao cấp gốc miền Bắc là những cán bộ chỉ huy quân đội, những cán bộ quản trị các xí nghiệp quốc doanh, những cán bộ quản lý các cơ quan thuộc chánh phủ trung ương (công an, hải quan, thuế vụ, ngoại thương, nội thương, dầu khí, công nghiệp...). Họ đã là những đối tượng tấn công của ông Võ Văn Kiệt, được thấy qua những than phiền nhẹ nhàng của ông trong thời gian qua và những chỉ trích gay gắt và trực tiếp trong bức thư này.

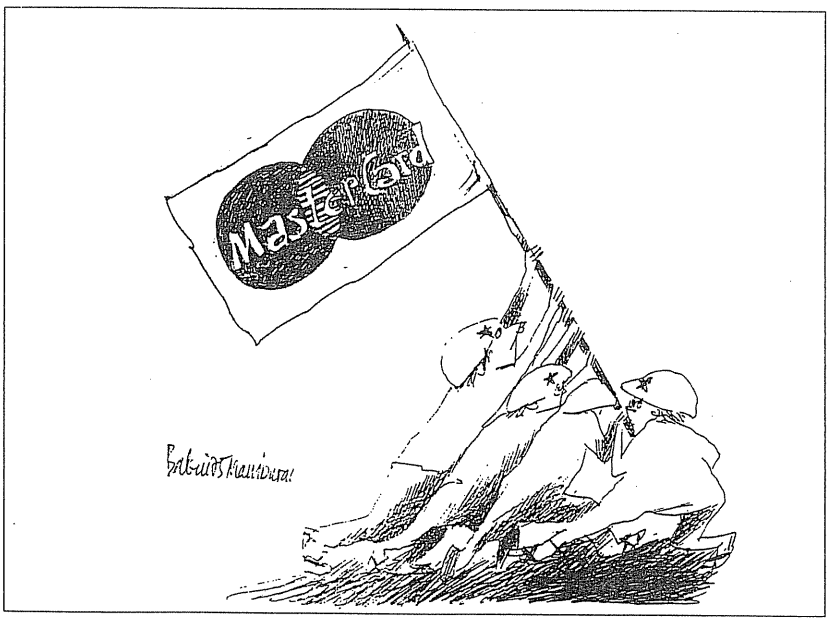

Việc hóa thân của Đảng Cộng Sản Việt Nam

Công cuộc đổi mới kinh tế và hòa nhập vào nền kinh tế thị trường thế giới bắt buộc ông Võ Văn Kiệt phải tấn công

những người này, chế ngự họ và đặt họ dưới sự kiểm soát của một khuôn khổ luật pháp nào đó. Sự tham nhũng cũng phải có giới hạn và cần được che giấu. Ở nước Việt Nam Xã hội Chủ nghĩa ngày hôm nay, quân đội thì chuyên buôn lậu, làm tràn ngập thị trường hàng nước ngoài, làm thất thu tiền thuế nhập khẩu và nhất là làm chết các xí nghiệp trong xứ, phá tan những triển vọng đầu tư. Cán bộ các cơ quan thì cửa quyền, tham nhũng công khai, đến mức làm tê liệt nền kinh tế. Xí nghiệp quốc doanh thì cứ lỗ lã vì các cấp chỉ huy chẳng những quản lý tồi mà còn bòn rút tài nguyên của xí nghiệp để làm giàu riêng. Sau đây là trích dẫn một vài đoạn trong bức thư của ông Võ Văn Kiệt.

Về các xí nghiệp quốc doanh, ông Võ Văn Kiệt viết:

"Đảng ta lựa chọn quan điểm đối xử bình đẳng các thành phần kinh tế. Lợi ích lâu dài của đất nước đòi hỏi quán triệt và kiên trì quan điểm này. Trừ một số lãnh vực liên quan đến an ninh quốc phòng và phát triển cơ sở hạ tầng (bao gồm cả về mặt xã hội) không nên và không thể đặt vấn đề ưu tiên Kinh tế Quốc doanh hay giao cho Kinh tế Quốc doanh nhiệm vụ nắm một thứ gì đó như chúng ta thường làm trong cơ chế quản lý cũ.

"Sự thực là năng suất lao động và hiệu quả của từng đồng vốn trong Kinh tế Quốc doanh nhìn chung còn thấp so với vốn của các thành phần kinh tế khác trong xã hội. Tình trạng thất thoát và lợi dụng vốn quốc doanh còn ở mức nghiêm trọng.

"Trong những năm của cơ chế kinh tế cũ, quốc doanh đã hầu như nắm toàn bộ các lãnh vực này (vận tải) và chúng ta đã biết kết quả. Ngày nay, không ít xí nghiệp, đơn vị quốc doanh làm ăn trái với pháp luật, số lượng phương tiện giao thông vận tải của quốc doanh — trong đó có xe của các đơn vị quân đội — tham gia buôn lậu khá lớn."

Không dám đụng chạm đến quân đội, ông Võ Văn Kiệt chỉ nói đến việc buôn lậu của quân đội trong một câu ngắn, nối kết với quốc doanh. Nhưng nói về tệ trạng của các bộ thì ông Võ Văn Kiệt đã thẳng thừng:

"Nguy cơ chệch hướng đang ẩn náu trong nhiều hiện tượng kinh tế xã hội khác cần được chú ý xử lý thỏa đáng. Đó là tình trạng làm ăn trái pháp luật, tham nhũng, tiêu cực đang trở thành quốc nạn, bao gồm cả những thói xấu như cục bộ, cửa quyền, tính vô chính phủ, cát cứ, tiêu xài lãng phí và ăn cắp của công.

"Hãy thử mổ xẻ tình trạng tham nhũng, tình trạng buôn lậu, trốn thuế, tình trạng móc ngoặc ở trong nước hoặc với nước ngoài trong kinh tế, tình trạng chồng chéo ách tắc trong điều hành và quản lý đất nước, rừng núi tài nguyên bị tàn phá trong thời bình, môi trường tự nhiên bị xâm phạm nghiêm trọng, cơ sở hạ tầng nhiều nơi không được giữ gìn, tình trạng dân kêu oan khiếu nại..., chúng ta sẽ có được những thước đo khá chính xác về mức độ báo động này. Một trong những nguyên nhân chính là sự yếu kém trong nhiệm vụ quản lý nhà nước."

Việc tấn công vào ba mặt quốc doanh, quân đội và cán bộ quản lý nhà nước, cho thấy rằng ông Võ Văn Kiệt sẽ mất nhiều đồng minh để thắng thế trong đại hội tám này. Đành rằng đã tới lúc đòi hỏi đảng làm một cuộc hóa thân, nhưng thực hiện nó với tất cả uy quyền của một vị lãnh đạo như Kruschev hay Gorbachev còn không xong, làm sao ông Võ Văn Kiệt thực hiện nó khi ông không kiểm soát được Đảng Cộng Sản Việt Nam. Những ai hiểu rõ Đảng Cộng Sản Việt Nam đều có thể thấy rằng việc hóa thân của đảng như ông Võ Văn Kiệt mong muốn là một điều không thể có.

Người ta có thể nghĩ rằng dù tấn công hay không tấn công, ông Võ Văn Kiệt cũng không có sự ủng hộ của các đảng viên trong ba bộ phận nêu trên vì trong thời gian qua đã có những cọ sát mạnh giữa họ và ông. Vậy thì cứ ngang nhiên bước ra trận tiền, chết trên lưng ngựa còn hơn chết âm thầm trong xó như ông cựu tổng bí thư Nguyễn Văn Linh.

Phản đề

Cũng có thể ông Võ Văn Kiệt không thấy nguy cơ bị loại bỏ, nhưng vì ông là một người có chí lớn và muốn đi vào lịch sử nên ông không muốn nhì nhằng đi vuốt ve anh Ba, anh Bảy, anh Mười để được ngồi thêm mà hưởng lợi trong khi Việt Nam Xã hội Chủ nghĩa què quặt, bại xuội giữa chợ kinh tế thị trường. Nếu quả vậy thì ông Võ Văn Kiệt là một người chịu chơi hết mức. Nhưng lịch sử các nước Cộng Sản đã cho thấy rằng những người canh tân đều bị loại. Ông Võ Văn Kiệt tuy đã thành công trong mấy năm qua nhưng chưa đủ mạnh để thành công trong việc hóa thân Đảng Cộng Sản Việt Nam. Nếu ông có thành công kỳ này trong công cuộc vận động ở đại hội tám và tồn tại, ông sẽ mạnh hơn, có nhiều quyền hơn để lèo lái Đảng Cộng Sản Việt Nam, nhưng ông cũng sẽ thất bại trong việc đẩy lui các thế lực mà ông đang tấn công, bởi vì không ai có thể sửa đổi cái "văn hóa" của Đảng Cộng Sản Việt Nam, cái văn hóa đã giúp họ cướp chánh quyền và thắng Tây, thắng Mỹ.

Kết luận

Tóm lại, bức thư của ông Võ Văn Kiệt cho thấy những sự chia rẽ trầm trọng trong nội bộ Đảng Cộng Sản Việt Nam. Nó thể hiện vị thế mong manh của ông trong bộ máy lãnh đạo đảng. Nó cũng cho thấy rõ là công cuộc đổi mới kinh tế đang gặp những chướng ngại không thể vượt qua. Ông thủ tướng Việt Nam đã xác nhận những lời phê bình, chỉ trích bấy lâu nay của tất cả mọi người, những người ngoại quốc có đến Việt Nam, người Việt Nam hải ngoại và những người Việt Nam trong xứ đang phải ngồi tù.

Đọc bức thư, người ta có thể thấy tâm tư của ông Võ Văn Kiệt: đã tới lúc ông cần thay đổi người khác, hoặc người khác đang muốn thay đổi ông. ■

Montréal, 01-01-1996

VỀ MỘT SỰ KIỆN LỚN

NGUYỄN MINH CẦN

Bốn thập niên đã trôi qua kể từ ngày 25/2/1956, khi Nikita Khroutchev, người đứng đầu Đảng Cộng sản Liên Xô (ĐCSLX), bước lên diễn đàn đọc bản báo cáo bí mật nhan đề *"Về sự sùng bái cá nhân và những hậu quả của nó"* tại phiên họp kín trong ngày cuối cùng của Đại hội XX ĐCSLX.

Đó là một sự kiện lịch sử lớn, đánh dấu bước ngoặc chẳng những đối với ĐCS và Nhà nước Xô viết (NNXV) mà cả đối với ĐCS các nước và các quốc gia gọi là "xã hội chủ nghĩa" nữa. Vì sao? Vì Stalin, "Con Người Thép" (chữ "stal" trong tiếng Nga nghĩa là thép), hơn 30 năm trị vì trên đất nước Liên Xô (LX) từ lâu đã được coi là "thần tượng", "vị thánh sống", "người cha già của các dân tộc"... đã bị bản báo cáo đó vạch trần và hiện nguyên hình là một tên bạo chúa với bao nhiêu tội ác tày trời. Bản báo cáo bí mật của Khroutchev quả là một trái bom phá tan huyền thoại về Stalin, đập nát hào quang trên thần tượng Stalin, mở đầu cho quá trình tỉnh thức của ý thức xã hội, đưa nhiều người dần dần ra khỏi cơn mê muội bởi bùa mê thuốc lú "thiên đường cộng sản".

Để thấy được tác động của bản báo cáo tại Đại hội, chúng tôi xin trích một đoạn ngắn trong hồi ký của nhà văn nổi tiếng Ilia Erenbourg: "Tại phiên họp kín hôm 25/2, khi nghe báo cáo của Khroutchev, vài đại biểu đã ngất xỉu... Tôi xin nói thật là: khi đọc bản báo cáo đó, tôi bị xúc động rất mạnh, vì đây không phải là một người nào đấy không được minh oan nói ra trong đám bạn bè, mà đây là vị bí thư thứ nhất Ban chấp hành Trung ương đảng báo cáo tại Đại hội đảng. Ngày 25/2 đối với tôi, cũng như đối với đồng bào của tôi, đã trở thành một ngày trọng đại."

Mặc dù bản báo cáo bí mật được giữ rất kín, nhưng chưa đầy một tháng sau, nó đã được đăng tải trên tờ báo Mỹ *New York Times* ngày 16/3, tiếp sau là tờ *Le Monde* ở Pháp. Trong lúc đó thì ở một vài nước gọi là "xã hội chủ nghĩa", cán bộ, đảng viên, chưa nói gì đến dân chúng, cho đến nay vẫn mù tịt không hề hay biết gì về bản báo cáo đó, thậm chí đề tài Stalin vẫn còn là điều cấm kỵ số một của quốc gia. Còn như ở Liên Xô thì mãi đến năm 1989, do sức ép của công luận, bản báo cáo mới được công bố.

Chúng tôi xin nhấn mạnh điều này: thực ra trong bản báo cáo bí mật đó, Khroutchev *mới chỉ nói một phần sự thật mà thôi*. Mà như thế cũng đã là dũng cảm lắm rồi! Ông đã phải vượt qua bao nhiêu sự chống đối của các ủy viên bảo thủ trong Chủ tịch đoàn (tên gọi hồi đó của Bộ chính trị) để cơ quan đầu não của đảng đồng ý đưa vấn đề này ra Đại hội. Khroutchev không nói hết sự thật một phần nữa vì trước sau ông vẫn là người cộng sản bolchevik, ông có dính dấp đến tội ác của Stalin và nói chung của đảng và chế độ mà ông phụng thờ. Hơn nữa, khách quan mà nói, nhận thức của ông cũng đến mức đó mà thôi. Tuy nhiên, những điều Khroutchev đã tiết lộ ra cũng đã quá khủng khiếp, đủ để gây ra "cú sốc" lớn cho nhiều người.

Chúng tôi không kể lại nội dung bản báo cáo mà chỉ xin lướt sơ qua vài điều mà thôi. Khroutchev đã báo cáo rằng: "Cuộc điều tra cho thấy: 98 người trong số 139 ủy viên TƯ chính thức và dự khuyết do Đại hội XVII (năm 1934) bầu ra, tức là 70%, đã bị bắt và bị xử bắn (phần lớn vào những năm 1937-38)." Một đoạn khác: "Không những các ủy viên TƯ mà đa số đại biểu dự Đại hội XVII của đảng cũng chịu chung số phận. Trong số 1956 đại biểu chính thức và dự bị thì 1108 người bị bắt và ghép tội phản cách mạng, tức là hơn một nửa số đại biểu Đại hội. Sự kiện này tự nó vạch rõ tính chất kỳ quái và ngược đời của những lời buộc tội "phản cách mạng" gán cho đa số đại biểu Đại hội." Xin chú ý: trong bản báo cáo nói rõ là 80% đại biểu Đại hội XVII đã vào đảng trong thời kỳ bí mật, trước cách mạng, đã tham gia nội chiến, nghĩa là trước năm 1921, còn về nguồn gốc xã hội thì 60% là công nhân, lao động.

Xin trích thêm một đoạn khác: "Thực ra, cuộc khủng bố đại qui mô mà Stalin tiến hành không phải nhằm loại trừ tàn tích bóc lột, mà chỉ để chống lại những người lao động của đảng và NNXV. Đối với những người này, người ta đã đưa ra những lời buộc tội vu khống, man trá, phi lý hoàn toàn vô cớ, như họ là "hai mặt", "gián điệp", "phá hoại", "âm mưu làm loạn". Khroutchev cho biết: "Năm 1937-38, 383 bảng danh sách (các "bị cáo" cần

> Người chồng là người đứng bên cạnh bạn trong những cơn khó khăn mà lẽ ra bạn sẽ không gặp phải nếu bạn không lấy anh ta.
>
> *-- A. France*

> Một người đàn ông có thể làm cho người đàn bà lầm bởi sự khắng khít vờ vĩnh, miễn là họ không có sự khắng khít thật sự ở nơi khác.
>
> *-- Jean De La Bruyère*

"trừng trị" do bộ Nội vụ NKVD lập ra không cần qua sự xét xử của tòa án) trong đó có tên hàng ngàn cán bộ, đảng viên, cán bộ xô viết, thanh niên cộng sản, quân đội và các cơ quan kinh tế, đã gửi đến cho Stalin và Stalin đã phê chuẩn các danh sách đó." Ông nói thêm là "từ năm 1954 đến nay, Ủy ban quân sự Tòa án tối cao đã minh oan cho 7679 người, trong đó nhiều người đã chết." Trong báo cáo đã vạch rõ: ngày 21/1/1939, Stalin đã gửi điện mật sau đây cho các cấp lãnh đạo đảng và Xô viết: "Trung ương đảng tuyên bố rằng việc dùng phương pháp tra tấn khi hành sự của NKVD là phương pháp được nghị quyết TƯ ĐCSLX công nhận từ năm 1937."

Khroutchev nói rằng trong những năm 1941-1944, Stalin đã thi hành một chính sách cực kỳ tàn bạo đối với các dân tộc, đã bắt hàng triệu người bất kể già trẻ, lớn bé, nam nữ của hàng chục dân tộc (người Tatar, Chechnia, Ingushi, Karachacv, Đức, Triều Tiên, Thổ-Mekhitin, Armenia, Kalmykia, Gagauz, Ba Lan, Hy Lạp...) phải rời bỏ xứ sở của họ và lưu đày đến những vùng xa xăm; trong những cuộc lưu đày đó bao nhiêu người đã phải bỏ mạng. Đúng là chính sách diệt chủng đối với các dân tộc!

Những tội ác của Stalin nêu ra trong bản báo cáo còn nhiều. Tuy nhiên còn nhiều điều nghiêm trọng khác Khroutchev chưa nói rõ, hoặc không nói đến, hoặc cố lờ đi. Chẳng hạn, ông không vạch rõ việc Stalin đã lần lượt bày ra các "vụ án" trong những năm 30 để bắt bớ, giết hại các đồng chí cũ của Lenin, những người cùng ở trong Bộ chính trị thời Lenin, như Zinoviev, Kamenev, Radek, Piatakov, Bukharin, Rykov... Ông không nói đến sự "thanh trừng" Trotsky, nhân vật thứ hai sau Lenin trong suốt thời gian từ 1917 đến 1923. Trong báo cáo, Khroutchev chỉ nói chung chung không nêu cụ thể việc Stalin vô cớ giết hại ba nguyên soái LX là Toukhachevsky, Blucher, Egorov, các đại tướng Alknis, Bielov, Kachirin, Kork, Ouborevitch, Eideman, Feldman, Primakov, Putna..., các đô đốc hải quân Orlov, Viktorov, Sivkov... và nhiều sĩ quan cao cấp khác. Ông cũng không nói đến việc Stalin cố tình giam đói dân chúng một vùng lớn ở Ukraina làm hàng triệu người phải chết trong cuộc cưỡng bách tập thể hóa nông nghiệp. Xin nói thêm là cuộc thảm sát này được nhà văn nổi tiếng Vassili Grossman mô tả cụ thể trong truyện *Dòng sông trôi chảy*. Khroutchev lờ đi việc Stalin bắt bớ, giết hại các lãnh tụ và cán bộ các ĐCS "anh em" trong Quốc tế Cộng sản, kể cả những nhân vật nổi tiếng như Bela Kun... Ông cũng cố dấu chủ trương của Stalin về việc NNXV ký kết với chế độ phát xít Hitler bản hiệp ước Molotov - Ribbentrop mưu đồ chia nhau đất đai của các nước khác. Cũng cần nói rõ rằng: tất cả các "lãnh tụ" tiếp sau của ĐCS và NNXV, từ Brejnev cho đến Gorbachev, đều cố tình dấu kín tội ác nghiêm trọng đó của ban lãnh đạo cộng sản đứng đầu là Stalin đối với loài người. Họ cũng dấu kín tội ác của Stalin cùng Bộ chính trị đã ra lệnh giết trên một vạn sĩ quan, công chức... Ba Lan ở rừng Katyn rồi đổ vấy cho quân phát xít. Họ cũng đã dấu kín việc Stalin hồi năm 1950 đã mưu đồ với Kim Nhật Thành và Mao Trạch Đông xúc tiến "cuộc thống nhất Triều Tiên bằng quân sự", làm bùng nổ cuộc chiến tranh khủng khiếp trên bán đảo này. Vân vân và vân vân...

Mặc dù có những điều chưa nói hết như vậy, bản báo cáo của Khroutchev cũng đã là một đòn trời giáng đánh vào Stalin; đòn đó còn gián tiếp đụng vào người tiền nhiệm của ông ta nữa, vì ai cũng biết là Stalin tiếp tục những công việc mà Lenin đã làm hoặc đã bắt đầu. Chẳng hạn, việc mở rộng hệ thống trại tù (có tên là trại tập trung) GULAG giăng khắp nước LX, hay việc đàn áp, tiêu diệt tôn giáo, đàn áp trí thức yêu tự do, tiêu diệt tầng lớp nông dân năng nổ lao động v.v...

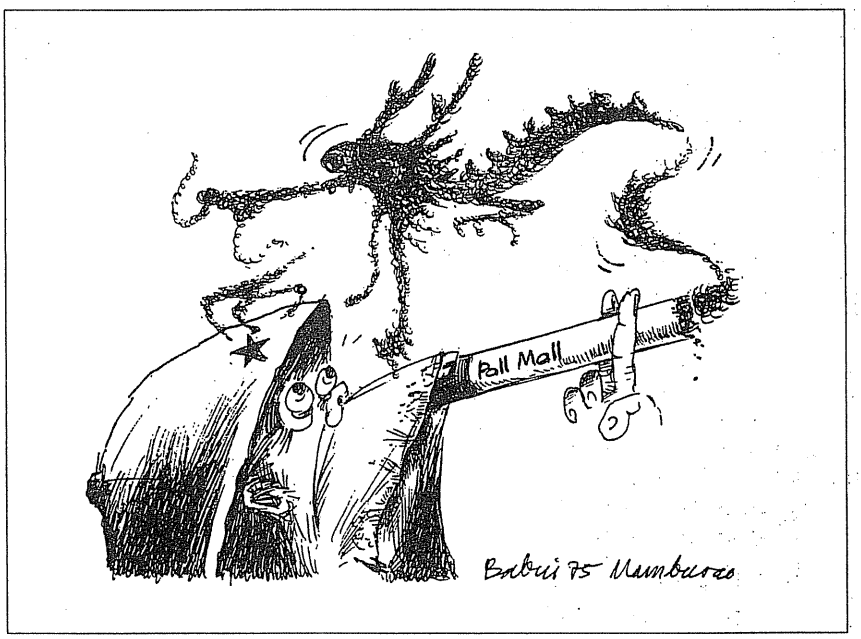

Kể từ khi ĐCSLX bị hạ bệ và LX bị tan rã cuối năm 1991, các kho lưu trữ bí mật của ĐCS và NNXV được khui ra, giới khoa học cũng như dân chúng biết được thêm nhiều điều rùng rợn qua những chứng cớ chắc chắn "trên giấy trắng mực đen" về cái chế độ cực quyền tự xưng là "một triệu lần dân chủ hơn bất cứ chế độ tư bản nào

khác."

Sau đây chúng tôi chỉ xin nói vài điều:

- Ngày 7/8/1995, Dmitri Volkogonov, chủ tịch Ủy ban trực thuộc Tổng Thống Liên bang Nga phụ trách về tù binh, những người bị giam giữ, bị mất tích tuyên bố là từ năm 1929, tức là năm bắt đầu tập thể hóa nông nghiệp, đến năm 1953, tức là năm Stalin chết, có 21.5 triệu người (xin nói thêm trong ngoặc: nhiều hơn dân số Việt Nam hồi 1945) bị đàn áp, khủng bố. Trong số đó 1/3 bị xử bắn, 1/3 bị chết trong các trại tù, 1/3 được minh oan kể từ sau Đại hội XX ĐCSLX!

- Tính từ khi chính quyền Xô viết được thiết lập, đã có trên 15 triệu người bị giết mà không xét xử trong các trận khủng bố dưới thời Lenin và Stalin!

- Trong cuộc nội chiến do những người bolchevik gây ra, ngoài việc đất nước bị tàn phá, kinh tế bị sụp đổ, thì có khoảng 13 triệu người bị chết trận, bị chết đói hoặc chạy ra nước ngoài!

- Cuối cùng, chúng tôi xin trích một câu ngắn trong cuốn sách mới xuất bản cuối năm 1995 của Alexandre Yakovliev, nguyên ủy viên Bộ chính trị thời Gorbachev: "Chủ nghĩa bolchevik không thể nào trốn thoát được trách nhiệm với nhân dân vì đã thiết lập nền chuyên chế thù ghét con người. Do những hành động tội ác của nền chuyên chế đó đã có trên 60 triệu người phải bỏ mạng."

Thiết tưởng không cần phải bình luận gì nữa! Chỉ có điều chúng tôi muốn nói thêm là khi đặt tên cho bản báo cáo bí mật tại Đại hội XX ĐCSLX là *"Về sự sùng bái cá nhân và những hậu quả của nó"*, Khroutchev và những người lãnh đạo khác của ĐCS muốn làm cho người ta nghĩ rằng những tội ác tày trời của Stalin là do bản tính thô bạo của Stalin mà chính Lenin đã chỉ ra trong một bức thư được coi như lời di chúc của ông, họ làm như tuồng những tội ác đó xảy ra là do "sự sùng bái cá nhân" của đảng đối với Stalin. Họ làm như thế cốt để bênh che, bảo vệ cho Lenin, cho ĐCS cũng như cho chế độ cực quyền của họ. Nhưng cần phải nói thẳng rằng: *thực ra, nguồn gốc của tất cả những tội ác đó tiềm ẩn trong bản chất của chế độ cực quyền mà cốt lõi của nó là nền chuyên chế đảng trị. Cho nên đối với chế độ cực quyền thì không thể nào "đổi mới", "cải tổ" theo lối "tiểu tu" mà được; phải "tháo dỡ" nó ra, phá bỏ nền chuyên chế ấy đi thì mới "xây dựng lại" được thành một xã hội công dân thực sự dân chủ, tự do! Công việc đó hoàn toàn không đơn giản chút nào! Phải có sự đồng tâm hiệp lực của đông đảo nhân dân và phải có quyết tâm lớn mới làm được!*

Đó là một kinh nghiệm, một bài học lớn đang dần dần đi vào nhận thức của nhiều người sau bốn thập niên đầy biến cố. ■

TOGETHER WE CAN MAKE A DIFFERENCE!

SOCIAL ASSISTANCE PROGRAM FOR VIETNAM

SAP-VN

A Helping Hand for Needy People in Vietnam

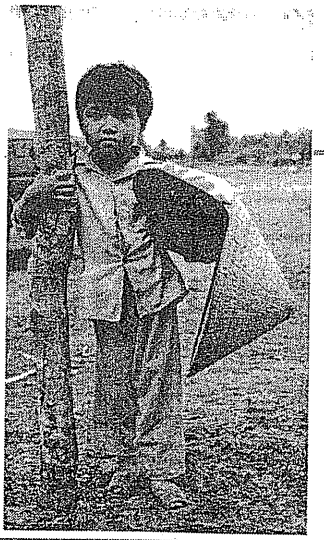

Lá Lành Đùm Lá Rách

SAP-VN là một hội thiện nguyện hợp pháp (thành lập năm 1992) được hưởng qui chế miễn thuế của tiểu bang California và liên bang Hoa kỳ theo điều luật 501(c)3 của IRS.

Mục đích — Trợ giúp về y tế, giáo dục và xã hội cho các trẻ em nghèo, khuyết tật, và đồng bào kém may mắn ở Việt Nam.

Ngân quỹ hoạt động — Do sự đóng góp tài chánh của mạnh thường quân và sự nỗ lực gây quỹ của hội.

Ngân khoản trợ giúp hằng năm trung bình khoảng $50,000 mỹ kim; dụng cụ và vật liệu y tế trị giá khoảng $100,000 - $500,000 mỗi năm.

Bản tin Green Cross phát hành miễn phí mỗi tam cá nguyệt để tường trình về hoạt động của SAP-VN ở Hoa kỳ và Việt Nam.

HOẠT ĐỘNG CỦA SAP-VN

- **Tài trợ hoạt động khám bệnh, nhổ răng, phát thuốc miễn phí.**
- **Bảo trợ chi phí phẫu thuật chỉnh hình, vá môi và hở hàm ếch cho trẻ em khuyết tật gia đình nghèo.**
- **Bảo trợ Quỹ Khuyến Học cho Giáo sinh Sư phạm ở các tỉnh.**
- **Chuyển tặng trang thiết bị, vật liệu y khoa cho các bệnh viện, đại học.**
- **Tài trợ Quỹ Ẩm Thực cho Trường Nuôi Dạy Trẻ Khuyết Tật Nhà Bè.**
- **Trợ giúp nạn nhân thiên tai, bão lụt (khi điều kiện ngân quỹ cho phép).**

Mọi đóng góp ý kiến, công sức và tài chánh xin liên lạc về:

10608 Garden Grove Blvd., Garden Grove, California 92643

Phone & Fax (714) 537-4877

Giờ mở cửa văn phòng: Từ 10 giờ sáng - 5 giờ chiều mỗi Thứ Bảy.

XIN CÙNG NHAU GÓP MỘT BÀN TAY NHÂN ÁI!

TOGETHER WE CAN MAKE A DIFFERENCE!

DÂN TỘC TRÊN ĐƯỜNG HƯỚNG VỀ ĐIỀU THIỆN

TIÊU DAO BẢO CỰ

LTS:— Nhà văn Tiêu Dao Bảo Cự, hiện ở Đà Lạt, nhân dịp Tết Bính Tí, đã dành cho đài phát thanh VNCR ở California một bài nhận định trực tiếp truyền thanh, phát sóng ngày mùng 3 Tết. Dưới đây là bản ký chú toàn bộ bài nhận định. Tựa và tiểu tựa do tòa soạn đặt.

Để tổng kết tình hình năm qua, các phương tiện truyền thông đã tổng kết tình hình toàn diện hay tình hình từng mặt như chính trị, kinh tế, xã hội. Ở đây tôi muốn trình bày một tổng kết hơi đặc biệt, tình hình hướng về điều thiện chống lại cái ác của dân tộc Việt Nam trong năm 1995 và hiện trạng này cũng phản ánh tình hình của mấy năm vừa qua. Vấn đề này không mang tính chất chính trị cụ thể nhưng lại có thể có bề sâu mang tính nền tảng, chi phối những vấn đề chính trị của đất nước.

Lịch sử một đất nước và cả nhân loại luôn luôn là quá trình chiến đấu giữa điều thiện và cái ác. Một dân tộc chỉ trường tồn và phát triển khi đa số hướng về điều thiện chống lại cái ác, nếu ngược lại dân tộc đó chỉ có thể đi đến suy vong.

Tổng kết sau đây dựa trên những suy nghĩ về một số sự kiện quan sát trong xã hội hoặc đã được đăng tải trên báo chí có tính cách tiêu biểu hoặc lẻ tẻ nhưng làm phát lộ ra vấn đề về các phương diện sinh hoạt tâm linh, hoạt động từ thiện, lãnh vực giáo dục, xâm phạm lợi ích công cộng, chống lại bộ máy hành chính quan liêu, cuối cùng là tiếng nói của những người có lương tri và dũng cảm đấu tranh cho tự do dân chủ.

Sinh hoạt tâm linh được khôi phục

Về sinh hoạt tâm linh có hiện tượng sinh hoạt tôn giáo và tâm linh khôi phục và phát triển mạnh. Tín đồ các tôn giáo đi lễ ngày càng nhiều hơn. Các nhà thờ, chùa, thánh thất hàng triệu người im lặng thành kính nghe các giáo sĩ giảng về giáo lý và đạo đức. Vô số người đến cầu nguyện và ăn năn hối lỗi trước các tượng thánh. Những cuộc hành hương được tổ chức thường xuyên đưa các người sùng tín đến các nơi có thánh tích. Nhiều người có tôn giáo và không tôn giáo tìm đọc các sách về tâm linh. Loại sách thiền môn về Tây Tạng, Ấn Độ, sách về thiền, về đạo học Đông Phương, xuất bản hợp pháp và không hợp pháp, được nhiều người đọc tìm kiếm và chuyền tay cho nhau. Có một số sách đã trở thành sách gối đầu giường của nhiều người trong đó có cả trí thức khoa học và cán bộ đảng viên như *Hành Trình Về Phương Đông, Đường Mây Qua Xứ Tuyết, Chân Thiền, Minh Triết Trong Đời Sống.*

Phong trào luyện tập dưỡng sinh, khí công, nhân điện, yoga, ngày càng mở rộng. Không phải chỉ để rèn luyện thân thể, chữa bệnh, mà còn hướng về con đường tâm linh. Những hiện tượng trên cho thấy tuy phải lao vào cuộc mưu sinh, bon chen trong đời sống kinh tế, nhưng trong cơn lốc của nền kinh tế thị trường người ta cảm thấy bất an và thiếu hụt trong sâu thẳm của tâm hồn con người, thấy rõ mình không phải chỉ là một con vật của kinh tế mà chính là con người với những khát vọng tâm linh hướng về cái gì tốt đẹp, cao cả, trường tồn hơn. Sống, đừng để cái phù du làm khổ lụy. Đây không phải là sự tiêu cực, chạy trốn, mà chính là một cách tự vệ để khỏi đánh mất phần hồn của con người. Nó mang tính tích cực vì đó là sự đề kháng đối với chủ nghĩa duy vật thực dụng sẽ chỉ đưa con người đến bãi lầy của sa đọa và thất vọng chán chường.

Về hoạt động từ thiện và tương trợ, trong một đất nước đầy thiên tai và nhân quả, con người phải cật lực để kiếm sống nhưng cũng không quên những nỗi đau khổ của đồng bào. Việc cứu trợ bão lụt, giúp đỡ người tàn tật bệnh hoạn, neo đơn, khó khăn, được hưởng ứng đồng nhiệt kể cả trong giới trẻ. Việc đóng góp tiền bạc hoạt động từ thiện của các đoàn công tác xã hội, các tôn giáo, được đông đảo người tham gia, qua đó đã làm dấy lên lòng từ thiện trong tâm hồn con người.

Một bạn trẻ đã viết một bài báo đầy xúc động khi đi thăm nhà nuôi người già tàn tật số bốn ở Sông Bé. Trại thành lập từ năm 1976, có 816 trại viên và 30 nhân viên. Tiêu chuẩn hàng tháng của trại viên là 84 nghìn đồng kể cả gạo. Số tiền này mua gạo xong mỗi ngày trại viên có được một hũ chao. Trước cảnh rách rưới, đói khổ của những người già, có người trên 90 tuổi, bạn Huỳnh Ngọc Vân viết: "Tôi bắt đầu tin luật nhân quả, cứ để trời phạt những đứa con nào để cha mẹ phải sống trong các trại như vậy, nhưng tôi cũng sợ bị trời phạt nếu thế hệ trẻ chúng ta để một lớp thế hệ già sống với mức tiền ăn ở, thuốc men như vậy. Hơn nữa ở trại có bảy người bị nhiễm HIV không có điều kiện cách ly." (Báo *Tuổi Trẻ Chủ Nhật* ngày 8 tháng Mười, 1995.)

Không phải tham gia hoạt động từ thiện để tự trấn an lương tâm hay rơi vào những sự mê hoặc có chủ đích. Có người đã thức tỉnh và nhìn nhận

được bản chất của vấn đề sau khi từ chối một sinh viên đến nhà bán vé hát gây quỹ từ thiện. Nguyễn Thị Oanh đã viết bài báo: "Đừng để bị mê hoặc bởi thứ từ thiện rẻ tiền." Bà phân tích: "Tôi đã nghĩ lại, không phải chỉ một mình em mà rất nhiều thanh niên đã khó nhọc đi từng nhà, rút cuộc thu lại được bao nhiêu, vài chục triệu, cao hơn nữa, và bao nhiêu thật sự tới với người nghèo. Trong lúc đó chỉ cần một chữ ký có thể làm cho hàng tỉ đồng của nhân dân không cánh mà bay. Có những bữa tiệc tốn xấp xỉ tiền thu được trong một kỳ biểu diễn. Tôi mới nghe về một anh giám đốc bằng tuổi em mà quỹ tiếp khách hàng tháng lên tới 10 triệu. Có những cử chỉ xuất phát từ tình thương mà hại người bởi sự ban bố làm tê liệt ý thức đấu tranh hay đặc biệt làm quên đi một tình trạng bất công không thể chấp nhận được. Công tác xã hội chính là bằng khoa học và kỹ năng giúp cho người nghèo nhất, thấp nhất ý thức nhân quyền của mình và giúp họ phát huy khả năng và sức mạnh của chính mình để đòi hỏi quyền lợi chính đáng của mình." (Báo *Tuổi Trẻ Chủ Nhật* ngày 13 tháng Tám 1995.) Một bài báo rất ngắn nhưng đã đi vào bản chất của vấn đề và thức tỉnh được nhiều người.

Giáo dục: thiếu thốn và hỗn loạn

Trên lãnh vực giáo dục năm học 1994-95, cả nước thiếu 60 nghìn giáo viên. Năm học 1995-96 con số tăng lên 100 nghìn giáo viên. Trong khi Bộ Giáo Dục và Đào Tạo thông báo cần đến 50 nghìn phòng học thì ở một quận nọ của thành phố Hồ Chí Minh, người ta đang lăm le xóa sổ hai ngôi trường lớn để dành cho khu thương mại và du lịch.

Năm 1995 ngân sách giáo dục cho cả nước là sáu nghìn tỉ đồng, trong khi đó khoảng sáu nghìn doanh nghiệp nhà nước và năm nghìn đơn vị hành chính sự nghiệp sử dụng trên 30 nghìn xe ô tô con, mỗi năm đã lấy đi từ ngân sách nhà nước một nghìn năm trăm tỉ đồng về tiền sửa chữa lớn, chưa kể giá mua ban đầu là mười nghìn tỉ đồng. Chỉ riêng tiền sửa chữa xe hơi con đã bằng một phần tư ngân sách giáo dục.

Chưa nói đến chất lượng giáo dục là vấn đề lớn. Những tin tức về những vụ bạo hành nghiêm trọng liên tiếp xảy ra trong các trường học. Một sinh viên Đại học Hàng hải hành hung thầy giáo đến trọng thương. Một học sinh lớp 10 ở thành phố Hồ Chí Minh đánh thầy giáo ngất xỉu tại lớp. Một học sinh lớp 8 ở Hà Nội đâm chết cô giáo chủ nhiệm của mình. Đặc biệt gây sôi nổi dư luận là vụ cái tát đầu năm học mới ở thị xã Bảo Lộc. Hồi tháng Tám năm 1995, thầy Nguyễn Ngọc Anh Hùng, giáo viên trường Phổ thông Trung học Bảo Lộc, đang phụ bán sách báo ở cửa hàng gia đình, thì đột nhiên ông Phan Hữu Nghị, trưởng phòng Công Thương nghiệp thị xã bất thần xuất hiện và giáng vào mặt thầy Hùng một cái tát:

"Mày có tội rất lớn, tao đến để trị tội mày, để dạy cho mày một bài học."

Tiếp theo ông cán bộ Nghị còn là phó Hội trưởng Hội Cha Mẹ học sinh nhà trường, lại bồi cho thầy Hùng thêm một cái tát nữa. Lý do là thầy Hùng đã xếp một cô học trò con ông Nghị là một học sinh học lực kém hạnh kiểm loại B, nên học sinh này không được thu nhận khi xin chuyển đến các trường ở thành phố Hồ Chí Minh.

Em T., một người dân ở Bảo Lộc, đã đưa vụ này lên báo trong bài "Cái tát" gây xúc động lớn. Em T. viết: "Đánh người nói chung là một tội hình sự nhưng hành hung nhục mạ thầy giáo thì không chỉ là một tội hình sự. Đánh thầy vì một cớ liên quan đến nghề của thầy là đánh vào truyền thống đạo đức xã hội, đánh vào tương lai của xã hội, chỉ phê phán những hành vi cụ thể thôi thì chưa đủ để ngăn ngừa những hành vi xúc phạm, lăng nhục thầy giáo nói chung. Không ngăn ngừa tận gốc thì thầy cô vẫn thường xuyên đối diện với bạo lực." (Báo *Tuổi Trẻ Chủ Nhật* ngày 27 tháng Tám, 1995.)

Chính vì thế sau khi bài báo được đăng bốn tuần, chỉ riêng tòa soạn báo *Tuổi Trẻ Chủ Nhật* đã nhận được hơn 50 thư và bài "chống lại cái tát," chưa kể nhiều cú điện thoại và thư, bài gửi các báo khác của bạn đọc khắp mọi miền với cùng một nội dung lên tiếng chống lại hành vi xúc phạm, hành hung thầy cô giáo, bảo vệ truyền thống tôn sư trọng đạo. Ấy thế mà ban Thường vụ Thị ủy Bảo Lộc sau bao nhiêu lần họp hành mới ra quyết định thi hành kỷ luật Đảng ông Phan Hữu Nghị với hình thức khiển trách. Hội đồng giáo viên trường Phổ thông Trung học Bảo Lộc vẫn tiếp tục khiếu nại lên trên về việc xử lý đúng mức ông Phan Hữu Nghị nhưng cho đến nay vẫn chưa có kết quả gì mới hơn.

Nhờ sức ép của công luận

Về việc xâm phạm lợi ích công cộng, một trong những xu hướng sắp hạng của con người là vị kỷ, muốn thu vén nhiều thứ về cho bản thân và gia đình, bất kể lợi ích của tập thể. Điều này càng xảy ra nhiều hơn trong chế độ gọi là làm chủ tập thể, mỗi người vì mọi người, mọi người vì mỗi người. Người không có hoặc ít quyền lực, thu vén ít, xâm phạm ít. Người càng có quyền lực càng ăn cắp, tham ô nhiều, bất kể lợi ích của tập thể, của đất nước. Một xâm phạm lớn nhất lợi ích của đất nước là vụ đê điều Hà Nội với hơn một nghìn một trăm ngôi nhà được xây trên hành lang bảo vệ đê, một công trình quốc gia xung yếu qua nhiều thế kỷ. Trong đó có gần một nửa là nhà của cán bộ, công nhân viên, bộ đội, công an, cán bộ về hưu và tất cả các cơ quan.

Ở một góc độ khác xét về mặt quản lý nhà nước, vấn đề càng trở nên nghiêm trọng khi đối với một công trình quốc gia trọng yếu ngay giữa thủ đô mà mức độ vi phạm lại lớn như thế và đối tượng vi phạm lại là những đối tượng lẽ ra phải gương mẫu trong việc thượng tôn phép nước. Trong vụ này có các bài phóng sự điều tra của báo chí và dư luận cả nước lên tiếng mạnh mẽ, chính phủ đã phải tỏ ra kiên quyết chỉ thị khởi tố vụ án hình sự, đưa ra xử lý công khai trước pháp luật

những người có hành vi vi phạm và có trách nhiệm liên quan trong một thời gian chần chừ và bao che. Vụ này nổ ra từ sự dũng cảm của một số phóng viên báo chí đặc biệt là nữ phóng viên Hòa Bình của đài truyền hình Việt Nam, phóng viên Quang Vũ của Thông tấn xã Việt Nam, đã đưa vấn đề ra trước công luận dù bị răn đe, mua chuộc, sau đó sự ủng hộ mạnh mẽ của dư luận đã làm cho vụ việc không thể bị bưng bít như nhiều vụ khác.

Điều này là một minh chứng rất rõ về vai trò của công luận trong việc gây sức ép đối với bộ máy cầm quyền.

Chống, tuy tiêu cực

Về việc chống lại bộ máy hành chính quan liêu, ngoài nhiều lý do khác, những bộ máy này đã tạo ra sức cản trở quá trình đổi mới của đất nước và gây thương tổn sâu xa đến đời sống của công dân. Đó là một bộ máy trì trệ, bảo thủ, lạc hậu, tham ô, vô trách nhiệm và vô cảm đối với nỗi đau của con người.

Vụ án Dương Ngọc Nguyên là một điển hình của tình trạng này. Ngày 9 tháng Hai, 1995, tòa án Nhân Dân thành phố Nha Trang, đã xử bị cáo Dương Ngọc Nguyên 24 tháng tù treo về tội gọi là gây rối trật tự công cộng, lợi dụng các quyền tự do dân chủ, xâm phạm lợi ích của nhà nước và tổ chức xã hội. Hành vi phạm tội của Dương Ngọc Nguyên thật ly kỳ. Từ cuối năm 1992, Dương Ngọc Nguyên liên tục viết đơn, thư, gửi đi nhiều nơi trong tỉnh Khánh Hòa và trung ương với nội dung nói xấu lãnh đạo của tỉnh Khánh Hòa và cho rằng những người này trù dập và đẩy gia đình ông vào con đường cùng quẫn. Đặc biệt ông đưa đi *photocopy* nhiều đơn, thư, mang đi nhiều nơi trong thành phố Nha Trang phát cho nhiều người hoặc đi đến nhiều nhà bỏ vào qua khe cửa hoặc nhiều lần giữa đêm gõ thùng tôn la hét chửi bới lãnh đạo.

Dương Ngọc Nguyên là một trí thức tốt nghiệp Đại học, đã từng là giảng viên của trường Công nhân Kỹ thuật và là đảng viên. Tại sao ông lại làm như vậy. Nguyên nhân của sự việc như sau: Ngày 6 tháng Chín, 1988, Dương Ngọc Nguyên làm đơn tố cáo sự tham nhũng của một số người trong ban Giáo dục trường Công nhân Kỹ thuật nơi ông công tác, sau đó ông bị cắt giờ giảng dạy. Tháng Bảy, 1991, ông bị buộc thôi việc rồi sau đó bị khai trừ Đảng.

Trong sáu năm một tháng ông đã gởi đi tổng cộng 285 đơn, thư, nhận được 25 lần phiếu chuyển hoặc báo tin đã nhận được hồ sơ của các cơ quan, 10 lần tới nhà riêng của lãnh đạo X. vì đăng ký xin gặp cụ thể mà không được, hai lần tới nhà lãnh đạo Y., vài lần lặn lội ra Hà Nội, nhưng tuyệt nhiên không được xử lý. Cuối cùng rồi cũng có kết luận. Thanh tra nói rằng những người ông tố cáo đúng là có phạm tội và đã bị truy tố nhưng vì cả hai người này đều chết với những lý do khác nhau nên vụ việc được xếp lại.

Nhà báo Thủy Cúc đã tường thuật lại vụ án này trong bài "Nửa đường công lý," (báo *Tuổi Trẻ Chủ Nhật* ngày 26 tháng Hai 1995) và kết luận: "Anh đang đứng ở nửa đường công lý mà cột mốc là phiên tòa ngày 9 tháng Hai, 1995, nơi anh vừa bị cáo với hai tội danh. Anh đang xăm xăm đi tiếp về phía trước ở cuối đường nơi anh tin rằng mình sẽ gặp được một phiên tòa của anh hoặc của người khác mà ở đó đứng trước vành móng ngựa sẽ là những viên chức nhà nước không làm tròn trách nhiệm, những cơ quan tổ chức đã quay lưng ngoảnh mặt với yếu tố khiếu nại của người dân. Ý định đó của anh hoàn toàn có thể hiểu được."

Vụ án và bài báo này đã gây xúc động mạnh trong dư luận. Phản ứng và hành động của bị cáo Dương Ngọc Nguyên có thể hơi tiêu cực, ít hiệu quả, vả lại thiệt hại tới bản thân và gia đình, nhưng chứng tỏ một sự phẫn nộ đến cùng cực và ý thức phản kháng chống lại cái ác vẫn mãi bùng cháy trong tâm hồn của con người không chịu tuyệt vọng. Dĩ nhiên phải có những hình thức phản kháng hợp lý hơn, hiệu quả hơn, rộng lớn hơn của cả dân tộc. Nhưng ở từng con người như ông Dương Ngọc Nguyên những ngọn gió đã nổi lên dù hắt hiu góp lại sẽ thành cơn bão tố quét đi tội ác ra khỏi cuộc đời.

Tiếng nói đấu tranh cho tự do, dân chủ

Về tiếng nói đấu tranh cho tự do, dân chủ ngày càng mạnh mẽ. Đỉnh cao của việc hướng về điều thiện chống lại cái ác trên phạm vi rộng lớn có tính nền tảng là những hành động và tiếng nói đấu tranh cho tự do, dân chủ, chống độc tài áp bức.

Trong hoàn cảnh hiện nay của đất nước, những hành động dẫn đến bạo động, đổ máu không thích hợp, nên những tiếng nói phản kháng, dũng cảm phê phán chế độ và nhà cầm quyền, chỉ ra hướng đi lên cho đất nước, là một hình thái đặc biệt quan trọng. Đó là tiếng nói sắc bén, dũng cảm, nhiều giới gồm trí thức trong Đảng, trí thức ngoài Đảng, cán bộ Đảng viên cấp cao còn tại chức hay về hưu, lãnh đạo các tôn giáo, văn nghệ sĩ, nói chung họ là những trí thức cấp tiến.

Chân Tín, Nguyễn Ngọc Lan vẫn luôn sống thẳng nói thực dù trong bất cứ hoàn cảnh nào. Lữ Phương, Nguyễn Kiến Giang, Hà Sĩ Phu, Nguyễn Thanh Giang, Lê Minh Thảo, vẫn tiếp tục phân tích đến tận cùng bản chất và sự tác hại ghê gớm của chủ nghĩa Cộng sản khi nói đến số phận của dân tộc. Hoàng Minh Chính cùng với Nguyễn Trung Thành, Lê Hồng Hà, đến cuối đời vẫn chấp nhận trả giá để buộc đảng Cộng sản phải trả lời trước nhân dân và lịch sử về vụ án xét lại chống Đảng đầy máu, nước mắt và oan khuất. Trần Độ, Lê Giản, Ngô Thức, Bùi Minh Quốc, Nguyễn Văn Trấn, chỉ thẳng vào những sai trái hiện thời của những người lãnh đạo cấp cao nhất và yêu cầu phải sửa sai. Nguyễn Hộ, Đỗ Trung Hiếu, đề ra hẳn cương lĩnh và tiến trình để loại bỏ vai trò độc tôn của Đảng Cộng sản, đưa đất nước đi vào con đường dân chủ đa nguyên. Huyền Quang, Quảng Độ và những người lãnh đạo khác của Phật giáo, Thiên Chúa giáo và các tôn giáo khác không ngừng đấu tranh cho tự do tôn giáo, tự do dân chủ thực sự dù phải chấp nhận tù tội, gian khổ.

Không phải chỉ những người trên mà còn nhiều người nữa mà ở đây không thể kể ra hết. Trong số những tiếng nói của lương tri và lòng dũng cảm trên đây, về cách thức thể hiện, phương pháp của Chân Tín và Nguyễn Văn Trấn là vấn đề rất đáng chú ý. Bài viết của Chân Tín phê phán trực tiếp Tổng Bí thư Đảng Cộng sản Việt Nam một cách gay gắt, trực diện, nhưng ông không cần gởi cho ai cả. Ông chỉ nói lên tiếng nói của mình và ai muốn nghe thì nghe. Ông ngang nhiên hành sử quyền công dân của mình. Nguyễn Văn Trấn viết hẳn cả một cuốn sách dày hơn 500 trang và tự xuất bản không cần xin phép. Đó cũng là cách tự giành lấy quyền tự do dân chủ một cách chủ động, không chờ ai ban phát. Một điều đáng chú ý nữa là những bài viết và tiếng nói trên đây càng ngày càng được phổ biến rộng rãi thông qua phương tiện *photocopy* và chuyền tay nhau, hình thành một loại báo chí tự do mà nhà cầm quyền không thể nào ngăn cản.

Việc đài báo nước ngoài tiếp sức phổ biến lại càng làm cho những tiếng nói đó nhanh chóng đến với công chúng.

Những con chim báo bão

Trong thời đại thông tin hiện nay nhà cầm quyền đã không thể nào bưng bít được sự thật và ngăn chặn những tiếng nói phản kháng. Những trí thức cấp tiến ngày càng dũng cảm hơn. Huyền Quang, Quảng Độ bị bắt và sau đó bị đưa ra tòa xử nhưng Nguyễn Hộ, Đỗ Trung Hiếu vẫn đưa ra cương lĩnh chính trị. Hoàng Minh Chính, Đỗ Trung Hiếu bị bắt và sau đó bị đưa ra tòa nhưng Hà Sĩ Phu vẫn công bố *Chia tay ý thức hệ*, Nguyễn Văn Trấn xuất bản *Viết cho Mẹ và Quốc hội*. Hà Sĩ Phu bị bắt nhưng những người khác vẫn tiếp tục lên tiếng. Sự đàn áp không làm cho những kẻ sĩ thời đại chùn bước.

Dĩ nhiên trong hiện tình của đất nước những trí thức cấp tiến trên đây chỉ là một thiểu số nhưng họ chính là những con chim báo bão. Bộ phận cấp tiến này là những người tiền phong hướng dẫn cho đại đa số quần chúng và khi đa số quần chúng đã quyết định sức mạnh và điều kiện để chiến thắng, cái ác nhất định bị đẩy lui. Đó chính là ngày mai tất yếu của dân tộc.

Tóm lại xem xét về tiến trình hướng về điều thiện chống lại cái ác trên một số phương diện của dân tộc Việt Nam, trong năm 1995 cũng như trong một vài năm gần đây, ta thấy rõ đó là một tiến trình đi lên. Bộ phận trí

Bạn muốn đi ngao du khắp thế giới?

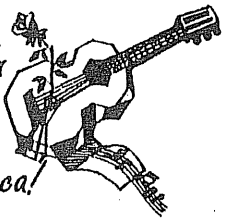

Chỉ cần mang cây đàn đến AV TRAVEL là có thể vừa đi du lịch vừa hát ca!

AV TRAVEL & NETWORK
10900 Westminster Ave., Suite 9
Garden Grove, CA 92643
(714) 537-2200
FAX # (714) 741-2900
(góc Euclid & Westminster, trong khu chợ VANCO)
Mở cửa 7 ngày.

Xin gọi cho Nga hay Phương (714) 537-2200

thức cấp tiến đã hình thành và ngày càng sáng suốt hơn, mạnh mẽ hơn, nhận thức của quần chúng về những vấn đề lớn của đất nước ngày càng được nâng lên chứ không chỉ quanh quẩn trong việc kiếm sống. Những bài báo mà tôi cố tình trích dẫn hơi nhiều trên đây đã thể hiện điều đó.

Sự vận động trong xã hội đã tác động mạnh mẽ vào nội bộ đảng kể cả cấp cao đã làm cho nội bộ đảng phân hóa. Những cán bộ đảng viên có lương tri đã bắt đầu phản tỉnh, sám hối, nhìn nhận những sai lầm của bản thân và của đảng Cộng sản để có hành động chuyển hướng và phục vụ nhân dân, bảo vệ lẽ phải.

Trước những hiện tượng đó, một bộ phận bảo thủ nhất của những người cầm quyền muốn đàn áp nhưng không thể triệt hạ, bỏ tù hết những người đối lập. Một bộ phận khác tiến bộ hơn đã thức tỉnh bắt đầu chuyển hướng theo xu thế chung của thời đại, xu thế tự do dân chủ và hòa bình. Trong tình hình này trước mắt và tương lai vấn đề quyết định vẫn là nhân dân, đại bộ phận nhân dân. Đây không phải là một vấn đề lý thuyết trừu tượng mà chính là lực lượng cụ thể nhưng tiềm tàng sẽ phát huy sức mạnh khi điều kiện chín mùi.

Hướng về điều thiện chống lại cái ác không phải chỉ là một vấn đề tâm linh mà chính là một cuộc chiến đấu, thực sự là một cuộc chiến đấu. Ghét cái ác nhưng phải thấy rõ gốc cái ác nằm ở đâu, cái ác lớn nào đã đẻ ra mọi cái ác. Chiến đấu chống lại cái ác nhưng không tạo thêm cái ác mới, không gây đổ máu hận thù, không thách thức lật đổ những người cầm quyền bằng bạo động, nhưng không sợ hãi trước sự đàn áp và buộc những người cầm quyền phải thay đổi. Nhà cầm quyền hiện nay rất sợ cái gọi là "diễn biến hòa bình" và đang ra sức ngăn chặn. Đó chính là điểm yếu nhất của họ và sự thất bại từ nền tảng của chính họ.

Còn gì tốt đẹp hơn diễn biến hòa bình, nhất định diễn biến hòa bình tốt đẹp hơn diễn biến chiến tranh. Diễn biến hòa bình là đấu tranh bằng những phương tiện hòa bình để giành phần thắng cho lẽ phải. Đảng Cộng sản vẫn nói Đảng lãnh đạo bằng thuyết phục, tại sao lại không chấp nhận cuộc đấu tranh này. Nếu Đảng có chân lý nhất định nhân dân sẽ ủng hộ, Đảng sẽ chiến thắng. Nếu Đảng không có chân lý Đảng sẽ không được lòng dân, Đảng sẽ thất bại. Đảng phải sòng phẳng vấn đề này và không phải mãi lừa bịp nhân dân được. Sợ diễn biến hòa bình nghĩa là đã tự khẳng định mình không có chân lý và chỉ muốn buộc người khác chấp nhận bằng bạo lực.

Trong cuộc đấu tranh này, những người đấu tranh cho tự do, dân chủ và điều thiện, những trí thức cấp tiến cũng phải sáng suốt, mạnh mẽ, và có niềm tin vững chắc vào chân lý mình nắm giữ và sự tất thắng sẽ đến.

Cách đây chín thế kỷ, thiền sư Vạn Hạnh đời Lý viết bài thơ *Thị đệ tử:*

Nhân như điện ảnh hữu hoàn vô
Vạn mộc xuân vinh thu hựu khô
Nhiệm vận thịnh suy vô bố úy
Thịnh suy như lộ thảo đầu phô

Ngô Tất Tố dịch:

Thân như bóng chớp có rồi không
Cây cối Xuân tươi Thu não nùng
Mặc cuộc thịnh suy đừng sợ hãi
Kìa kìa ngọn cỏ giọt sương Đông

Ngoài ý nghĩa sắc không của Phật giáo, đây phải chăng cũng là cách nhìn tích cực về con người và lịch sử. Chúng ta có gì phải bi quan dù ở trong hoàn cảnh đen tối nhất. Hơn nữa hiện nay thời kỳ đen tối đã qua và ánh sáng bắt đầu chiếu rọi. Trên con đường đi tới của lịch sử không phải chỉ những người cầm quyền, mà mọi người đều phải canh giữ cho hướng đi của đất nước.

Văn hóa và tình thương

Đầu năm 1995, một người Mỹ, ông Stanley Karnow, tác giả kịch bản bộ phim truyền hình *Việt Nam History*, nguyên trưởng văn phòng Châu Á của tuần báo *Time*, trở lại thăm Việt Nam. Khi trả lời phỏng vấn của báo chí, ông nói: "Hãy cảnh giác những tiện nghi hiện đại, những khách sạn, nhà hàng, hộp đêm, sẽ làm mất đi những nét đẹp văn hóa dân tộc. Có một thực tế ở nhiều nước: giới trẻ không quan tâm đến quá khứ."

Đầu năm 1996 này, một tổ chức phi chính phủ của Thái Lan đã tổ chức hội nghị *Những giải pháp thay thế xã hội tiêu thụ* có đại biểu của nhiều nước tham dự như Lào, Myanmar, Sri Lanca, Thái Lan, Indonesia, Malaysia, Hàn Quốc, Ấn Độ, Pháp, Hà Lan, Mỹ, Đức, Philippines và Việt Nam. Các đại biểu hầu hết đều đang tích cực hoạt động vì một sự phát triển thay thế, một sự phát triển không dựa trên sự kích thích tiêu thụ như một động lực, một sự phát triển hài hòa với thiên nhiên và không hủy hoại môi trường, không hủy hoại lối sống và các giá trị truyền thống của mỗi dân tộc. Những sự kiện này là những tiếng vang trầm rất đáng chú ý trong dòng thời sự náo nhiệt hiện nay.

Trong hiện tại và mãi mãi trong tương lai, tôi nghĩ rằng tư tưởng sau đây của một tu sĩ đáng cho chúng ta suy ngẫm: "Xây dựng bất cứ cái gì liên hệ đến con người cũng đòi hỏi một nền tảng yêu thương thực sự đối với con người. Một xã hội thực sự nhân từ sẽ không bao giờ xuất hiện dưới sự lãnh đạo của những người chỉ quan tâm đến chuyện lỗ lãi. Ở đâu mà tình thương là tối thượng, ở đó không có vấn đề lỗ lãi cá nhân. Yếu tố căn bản để xây dựng một xã hội lành mạnh là tình thương." Tôi xin chấm dứt bài gọi là "Tổng kết tình hình năm 1995" hơi đặc biệt này với ý kiến trên đây của một đại sư người Ấn Độ. Nhân dịp Xuân Bính Tí tôi xin gửi lời chúc Tết hạnh phúc và hòa bình đến đồng bào ở hải ngoại. Mong rằng Tết cổ truyền của dân tộc vẫn được duy trì dù người Việt ở bất cứ nơi nào trên trái đất. Trong những ngày này lòng hoài nhớ quê hương, tình tự dân tộc và ý hướng góp phần xây dựng đất nước sẽ được khơi dậy nồng nàn trong lòng mỗi người con xa xứ. Xin cám ơn đài VNCR đã cho tôi cơ hội bày tỏ này.■

NÚI SỢ TRỜI NGHIÊNG ĐỠ LẤY MÂY

TRẦN GIA PHỤNG

Hoàng Diệu

Năm 1848 (Mậu Thân), nhằm năm Tự Đức thứ nhất, nhân dịp vừa mới lên ngôi, vua Tự Đức (1847-1883) (1) ra lệnh tổ chức kỳ thi Hương đặc biệt gọi là ân khoa (2).

Thông thường, kỳ thi Hương có bốn cấp gọi là bốn trường thi. Riêng kỳ thi Hương năm 1848, tại Trung tâm Thừa Thiên, đến trường thứ ba tức tam trường, có hai anh em nhà kia đồng thi đỗ. Bài vở hai anh em này có nhiều điểm giống nhau về ý tưởng cũng như về văn phong khiến cho ban chủ khảo gồm có Tham tri Bộ binh Hoàng Tế Mỹ (chủ khảo) và Biện lý Bộ Lễ Phan Huy Thực (phó chủ khảo) nghi ngờ, lấy giấy mỏng dán đậy tên họ hai anh em đồng thời tấu trình sự việc lên vua Tự Đức định liệu.

Vua Tự Đức hạ chiếu ban giám khảo tổ chức thi lại đặc biệt cho hai anh em này trong ba ngày liền, mỗi người ngồi riêng một mình trong một phòng bên Tả Vu và bên Hữu Vu (Tả Vu và Hữu Vu là hai ngôi nhà nằm đối diện nhau hai bên sân trước điện Cần Chánh trong Đại Nội). Nội dung đề thi giống như văn thức của ba trường. Chính tự tay vua Tự Đức duyệt bài thi và Ngài đã ngự phê rằng: "Văn chương là lẽ công bằng, hai anh em văn chương đều kiệt tác. Quý đặng chân tài, anh em đồng khoa, thật là việc tốt" (3).

Cuối khóa thi này, hai anh em trên đã đồng đậu cử nhân. Vậy họ là ai mà cả triều đình Huế phải tổ chức một kỳ khảo hạch đặc biệt lạ đời như thế? Theo *Quốc Triều Hương Khoa Lục* của Cao Xuân Dục, hai anh em đó là các ông Hoàng Kim Giám và Hoàng Kim Tích (sau đổi tên là Hoàng Diệu), người làng Xuân Đài, huyện Diên Phước, phủ Điện Bàn, tỉnh Quảng Nam nay là xã Điện Quang huyện Điện Bàn tỉnh Quảng Nam Đà Nẵng. Hai ông là con của ông Hoàng Văn Cự (1799-1854). Ông Cự chuyên làm ruộng, gia tư khá giả, cố gắng nuôi các con ăn học. Ông Cự có tất cả 11 người con, tám trai ba gái trong đó chỉ

có người con thứ nhì là Hoàng Kim Giám, người con thứ ba là Hoàng Diệu và người con thứ năm là Hoàng Văn Bảng học hành đỗ đạt (4). Về sau, nhờ ông Hoàng Diệu làm quan lớn, ông Hoàng Văn Cự đã được triều đình Huế sắc phong Gia Nghị Đại Phu, Thái Thường Tự Khanh.

Hoàng Kim Giám sinh năm 1826, đỗ cử nhân năm 1848 không ra làm quan và mất năm 1859. Hoàng Kim Tích sau đổi tên là Hoàng Diệu khi triều đình nhà Nguyễn ra lệnh cấm sử dụng từ ngữ có bộ Kim, sinh năm 1829, đỗ cử nhân năm 1848 (19 tuổi), đỗ Phó Bảng (5) trong kỳ thi Hội tại Kinh đô Huế năm 1853 (24 tuổi).

Hoàng Diệu khởi đầu sự nghiệp quan lại của mình từ chức vụ Tri huyện huyện Tuy Phước, tỉnh Bình Định, rồi thăng làm Án sát Nam Định, Bố chánh Bắc Ninh, Tham tri Bộ Hình, Tổng đốc tỉnh Nghệ An Hà Tĩnh.

Hoàng Diệu nổi tiếng thẳng thắn, thanh liêm hết lòng vì dân và rất được nhân dân quý trọng, đến nỗi khi Hoàng Diệu đang làm việc ở Bắc Ninh, triều đình muốn thuyên chuyển đi nơi khác, tỉnh phần Bắc Ninh đã tâu về Triều xin lưu Hoàng Diệu ở lại. Cũng chính vì lòng cương trực mà có lần Hoàng Diệu đã bị vua Tự Đức giáng chức vào năm 1865 khi Ông đang làm Tri huyện Hương Trà tỉnh Thừa Thiên vì Ông đã dám đề nghị tẩy oan cho Hồng Tập (6).

Hoàng Diệu xuất thân là một văn quan nhưng vừa có tài về cai trị, vừa có tài về quân sự nên nơi nào có loạn lạc khó khăn, triều đình liền đưa Hoàng Diệu tới trấn nhậm.

Năm 1873, Pháp đánh Hà Nội lần thứ nhất rồi trả lại cho Việt Nam để đổi lấy việc triều đình Huế ký hòa ước 1874 nhường toàn bộ sáu tỉnh Nam kỳ cho Pháp. Nhưng lòng tham không đáy, Pháp tiếp tục dòm ngó Bắc Kỳ. Trước tình hình căng thẳng như thế, năm 1880 (có sách viết 1879), vua Tự Đức cử Hoàng Diệu ra làm Tổng đốc Hà Ninh (Hà Nội - Bắc Ninh). Khi ra đảm nhận vùng trọng yếu này, chính Hoàng Diệu cũng cảm thấy tình thế thật khó khăn nhưng không lẽ lại làm ngơ trốn tránh trách nhiệm trong lúc vận nước ngả nghiêng. Ông đã thổ lộ tâm sự qua bài *Quá Giang Tức Cảnh* Ông đã cảm tác khi đến Hà Nội:

Quá bước tìm phương bỗng tới đây,
Khen cho con tạo khéo trưng bày.
Sông e biển cạn bù thêm nước,
Núi sợ trời nghiêng đỡ lấy mây.
Rạt rạt sóng cồn che mặt nước,
Ào ào gió thổi cuốn rừng cây.
Nửa về nửa ở lòng không nỡ,
Ngán nỗi trời chiều bóng xế tây. (7)

Khi vừa đến Hà Nội, Hoàng Diệu liền tổ chức phòng thủ chặt chẽ, xây dựng công sự chiến đấu, xin triều đình Huế tăng viện nhưng triều đình làm ngơ, thao dượt quân sĩ, buộc người ngoại quốc muốn vào thành Hà Nội phải xin phép chính quyền Việt Nam. Hoàng Diệu rất ghét những kẻ liên lạc với Pháp và ỷ thế người Pháp. Có lần Ông đã ra lịnh bắt viên thông ngôn xấc xược đánh cho một trận nặng. Trong khi đó, có một số quan lại nhút nhát theo chủ trương hòa hoãn của vị Tổng đốc tiền nhiệm là Trần Đình Túc, muốn mở cửa thành cho người Pháp vào và triệt binh để người Pháp khỏi nghi ngờ. Vua Tự Đức cũng ra chiếu khiển trách Hoàng Diệu quá cứng rắn với người Pháp nhưng về phần mình, Hoàng Diệu vẫn giữ vững lập trường cương quyết bảo vệ Hà Nội.

Ngày 24 tháng Tư, 1884, Pháp tấn công Hà Nội. Hoàng Diệu chỉ huy quân dân ra sức chống cự mãnh liệt nhưng trước sức mạnh vũ khí tối tân của quân đội Pháp, Hà Nội đành phải thất thủ. Sức cùng, lực kiệt, Hoàng Diệu vào võ miếu viết tờ di biểu gởi về triều đình Huế tường trình mọi việc, nhấn mạnh đến việc Ông quyết tâm bảo vệ Hà Nội vì: "... Thần thiết nghĩ: Hà thành là yết hầu nơi Bắc địa, mà cũng là khu yếu hại của nước nhà. Nếu một mai núi lở đất chuồi, thì các tỉnh cũng thành tan ngói vỡ..." (theo bản dịch lối phú của Bác sĩ Thái Can). Hoàng Diệu tự nhận hoàn toàn trách nhiệm về việc để mất Hà Nội. Viết xong bài di biểu, Hoàng Diệu dùng chiếc khăn xanh chít đầu, treo cổ tuẫn tiết, lấy cái chết để đền nợ non sông, dầu Ông vẫn mãi mãi ngậm ngùi hoài vọng:

Sông e biển cạn bù thêm nước,
Núi sợ trời nghiêng đỡ lấy mây.

Trước cái chết của vị anh hùng dân tộc Việt Nam, người Pháp tỏ ra rất khâm phục. Đối thủ trực tiếp của Hoàng Diệu là Đại tá Henri Rivière, trong bản tường trình lên thượng cấp ở Pháp ngày 27 tháng Tư, 1882 đã viết: "Buổi sáng 26 tháng Tư, chúng tôi được tin viên Tổng đốc đã tự tử. Viên ấy là một người điềm đạm và cương quyết..." Trong một bức thư khác, Rivière nói thêm: "...Quan Tổng đốc là người quân tử. Sự tự tử của Ông đã chứng minh điều đó..." (8). Trong nhật ký của mình, Đại tá Henri Rivière còn cho rằng thế lực của Hoàng Diệu làm cho người Pháp bối rối, nhất là nếu Hoàng Diệu biết hiệp lực với Hoàng Kế Viêm lúc đó đang đóng ở Sơn Tây, gần Hà Nội (9).

Về phía triều đình Huế, vua Tự Đức đã ra chỉ dụ ngày 10 tháng Năm năm Tự Đức thứ 35 (25 tháng Sáu, 1882) khen ngợi Hoàng Diệu: "... Tổng đốc Hoàng Diệu đã thề cố thủ, có chết cũng không đổi chí..." Vua Tự Đức còn ban cho thân mẫu Hoàng Diệu một ngàn quan tiền và sai tỉnh phần Quảng Nam tổ chức một lễ tế rất trọng thể khi gia đình đưa Hoàng Diệu về an táng tại thôn Xuân Minh trong làng ngày 5 tháng Mười, 1882.

Rất nhiều quan chức và thân hào nhân sĩ

trong cả nước đã viết những bài điếu văn, những câu liễn đối bi ai hùng tráng để tưởng nhớ Hoàng Diệu như những bài của Phan Đình Phùng, Trần Đình Túc, Nguyễn Hữu Độ, Tôn Thất Thuyết, Nguyễn Văn Giai...

Quan trọng hơn cả và trên tất cả, đó là lòng thương mến kính trọng của nhân dân Hà Nội nói riêng và của nhân dân cả nước nói chung đối với Hoàng Diệu. "... Khi thành đã phá xong, trong hàng phố được tin quan Tổng đốc tuẫn tiết, rất lấy làm thương xót. Ông thượng Kim, một thân hào, cùng dân hàng bang góp tiền mua áo quan đem chôn ở gần miếu Trung Liệt..."

Trong điếu văn khóc Hoàng Diệu, một người họ Ngô viết:

"... Nếu ai cũng như Ông,
Hà thành đâu đến thế.
Vì ai cũng khác Ông,
Hà thành nên thế ấy..."

Còn sĩ tử Hà Nội đã hết sức ca tụng Hoàng Diệu:

"... Nghìn thuở Nùng Sơn nên chính khí,
Anh hùng đến thế lệ cùng rơi..." (10)

Nổi bật nhất là hai bản trường ca của các tác giả vô danh là *Hà Thành Thất Thủ Ca* theo thể song thất lục bát và *Hà Thành Thất Thủ Chí Công Quá Ca* thường được gọi là *Hà Thành Chính Khí Ca* hay gọi tắt là *Chính Khí Ca* theo thể lục bát. Hai bản trường ca này đã hết lời xưng tụng tiết tháo và lòng tận trung của Hoàng Diệu. (Nghe nói hai bản này đã được dịch ra Pháp văn nhưng chúng tôi chưa tìm ra được).

Ca dao chúng ta có câu:

Trăm năm bia đá thì mòn,
Ngàn năm bia miệng vẫn còn trơ trơ.

Hai bản trường ca này là hai tấm bia miệng dân gian thiết tha như nhạc hồn đất nước mãi mãi vinh danh vị anh hùng dân tộc Hoàng Diệu, vừa là một văn quan lỗi lạc, vừa là một võ tướng can đảm xuất chúng đã suốt đời tận trung báo quốc.■

Chú Thích

1. Tự Đức lên ngôi năm 1847 nhưng lấy năm 1848 làm Tự Đức nguyên niên.
2. Ân khoa là khoa thi gia ân bất thường khi trong nước có việc vui mừng như lễ đăng quang, lễ vạn thọ (*Việt Nam Văn Học Sử Yếu*, Dương Quảng Hàm, Trung tâm Học liệu Sàigòn 1973, trang 87).
3. Gia phả tộc Hoàng, Đà Nẵng 1972, trang 42.
4. Gia phả tộc Hoàng trang 78. Trong sách các văn cổ về Hà Thành thất thủ và Hoàng Diệu (Sông Nhị, Hà Nội, trang 20), Hoàng Xuân Hãn viết Hoàng Diệu có sáu anh em ruột đều đỗ đạt là không đúng. Ngày trước, trong gia tộc có một người đỗ đạt là một niềm vinh hạnh lớn, con cháu không thể quên ghi vào gia phả. Ngoài ra, chúng ta có thể kiểm chứng bằng sách *Quốc Triều Hương Khoa Lục* của Cao Xuân Dục quyển III và quyển IV.
5. Năm 1829 (Kỷ Sửu), vua Minh Mạng (1820-1840) đặt thêm ngạch Phó bảng dưới Tiến sĩ trong kỳ thi Hội (Dương Quảng Hàm, sđd, trang 87).
6. *Đại Nam Thực Lục Chánh Biên Đệ Tứ Kỷ*, trích dẫn bởi sách "Hoàng Diệu 1829-1882", bản đánh máy, tài liệu do con cháu tộc Hoàng sưu tầm, trang 68. Hồng Tập là em chú bác ruột vua Tự Đức (tức Hồng Nhậm), con của Hoàng Thân Miên Áo, âm mưu nổi loạn vào năm 1864 (Giáp Tý) bị bại lộ và bị lên án tử hình.
7. Hoàng Diệu 1829-1882, trang 31.
8. Hoàng Xuân Hãn, sđd, trang 67.
9. Phan Khoang, *Việt Nam Pháp Thuộc Sử*, Sống Mới, Sàigòn, 1961.
10. Các trích dẫn sau cùng theo Hoàng Xuân Hãn, sđd, trang 21, 50, 51 và 60.

CHIA BUỒN

Được tin anh

NGUYỄN ĐÔNG NGẠC

vừa từ trần vì tai biến mạch máu não hồi 11 giờ sáng ngày 21 tháng Hai 1996
tại Montréal, Canada
hưởng thọ 59 tuổi
Chúng tôi xin chia buồn cùng gia đình và nguyện cầu hương hồn anh Ngạc sớm siêu thoát.

Gia đình DUY LAM
Gia đình THẾ UYÊN
Gia đình THÁI LĂNG
Gia đình NGUYÊN TƯỜNG THIẾT

CHIA BUỒN

Được tin bạn

NGUYỄN ĐÔNG NGẠC

vừa từ trần vì tai biến mạch máu não hồi 11 giờ sáng ngày 21 tháng Hai 1996
tại Montréal, Canada
hưởng thọ 59 tuổi
Chân thành chia buồn cùng chị Ngạc và các cháu, nguyện cầu hương hồn bạn sớm siêu thoát.

Nguyễn Hữu Chung,
Hoàng Chiều Nhân,
Đỗ Quý Toàn, Lê Đình Điểu
Phạm Phú Minh

MẤY CỔ TỤC VÀ TRÒ CHƠI NGÀY TẾT QUA MỸ THUẬT DÂN GIAN

HUỲNH HỮU ỦY

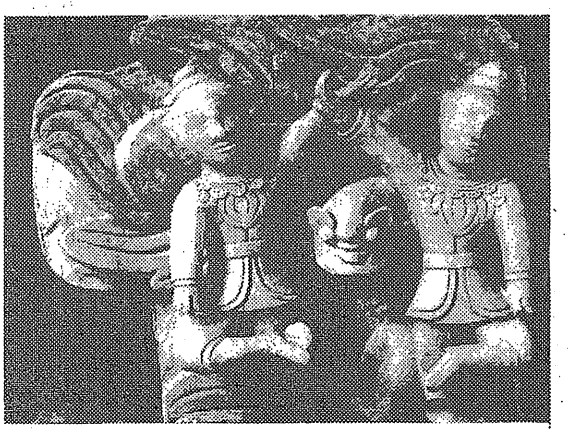

Đá cầu, điêu khắc gỗ thế kỷ XVII

Hồi tưởng những năm tháng êm đềm xưa cũ, ngày Tết quả thực rực rỡ vui tươi: với hội hè đình đám khắp nơi, từ trung tâm của cả nước là kinh thành đến các nơi đô hội sầm uất, cho đến các thôn làng xa xôi: từ miền đồng bằng, trung du, đến các vùng rẻo cao hẻo lánh. Trên bức *"Du Xuân đồ"* của làng tranh Đông Hồ mô tả mấy cảnh hội xuân, chúng ta cũng đã từng đọc thấy mấy dòng phụ chú:

Thái bình mở hội xuân
Nô nức quyết xa gần
Nhạc dâng ca trong điện
Trò thưởng vật ngoài sân

Đó chỉ mới là đôi nét gợi ý với lễ nghi truyền thống, tế tự, âm nhạc, vũ thuật. Chúng ta có thể kể ra vô số lễ thức, tập tục, trò vui chơi ngày Tết, trên bộ dưới nước, như thổi cơm thi, thi dệt cửi, thi cày, thi cấy, đánh cờ người, đấu vật, đấu gậy, đấu kiếm, kéo co, đua thuyền, đánh đu, hát quan họ, hát ả đào, bài tới, bài chòi, bịt mắt bắt dê, bắt trạch, đánh phết, tung còn, múa mo, hát sắc bùa...

Mùa xuân của đất nước sống nhờ nghề nông quả là mùa của nghỉ ngơi, vui chơi, bù đắp cho quanh năm suốt tháng lao nhọc vất vả, thức khuya dậy sớm với việc nông tang.

Tháng giêng ăn Tết ở nhà
Tháng hai đình đám, tháng ba hội hè.

Nhà nghiên cứu văn hóa và cổ sử Nguyễn Toại đã nhận định khi nhớ lại hồi hè đình đám xưa: "Đình đám hội hè diễn ra tại các làng nước ta từ cổ thời. Đình đám hội hè bao gồm đủ cả các việc tế lễ, rước sách, để thờ thần và các trò chung gọi là "bách hí" để cho dân xem, dân dự, để dân có dịp vui vầy trong mùa xuân vào lúc việc đồng áng có phần rỗi rãi. Quanh năm làm lụng vất vả, đầu tắt mặt tối, chân lấm tay bùm, chỉ có hội hè mùa xuân là người dân ta mới có dịp trông thấy mũ áo, cờ quạt, vẻ màu rực rỡ, có dịp nghe thấy trống kèn đàn sáo, vui tai, vui mắt và bản thân mới có dịp mặc quần lành áo tốt mà khoe xinh khoe đẹp với xóm giềng.

Nói đến đình đám, là nói đến việc họp ở đình. Có đình thì mới có đám. Đám là tụ họp, là tế lễ, là ăn uống, là trò vè...

Mọi sự tế lễ hội hè tại mỗi làng trong mùa xuân thường diễn ra ở đình, ở trung tâm đó, mọi việc cử hành đều có chủ đích là thờ thần."(1)

Như vậy, chung quanh ngôi đình, trung tâm sinh hoạt văn hóa cộng đồng của làng xã Việt Nam xưa, chúng ta thấy pha trộn nhiều màu sắc và hình ảnh rực rỡ tươi thắm vào những ngày tết đến. Tín ngưỡng, thần linh và tập tục vui chơi hòa trộn vào nhau. Ở bên trong ngôi đình là nơi dân làng thờ thần, các vị phúc thần, thần nhà trời, thần sông, thần biển, thần núi, cũng có thể là nhân thần tức là những người lúc sinh thời có nhiều công lao với đất nước, hoặc cũng có nơi những vị thần này chính là người bản quán của làng, khai canh ra làng hay đã góp nhiều công đức tô bồi cho làng. Ở bên trong đình là hương khói và tế lễ, bước ra sân ngoài là cờ xí ngũ sắc tung bay với những trò chơi dân dã. Chúng ta thấy những đám tụ tập chơi bài bạc mà

tranh dân gian cũng đã ghi nhận và chép lại trông thực vui mắt với cảnh *xóc đĩa, đánh lú, đánh xúc xắc,* hoặc *đánh tổ tôm điếm.* Chúng ta hãy chú ý đến hai bức tranh được ước đoán là đã được vẽ mẫu rồi sản xuất hàng loạt từ đầu thế kỷ, thực hết sức linh hoạt với cảnh tượng *bịt mắt bắt dê, đu đôi bắt trạch.* Hai người tham dự cuộc chơi, trên mình mang chiếc áo lá chằm tơi, nơi chân đeo cái chuông nhỏ, đang quờ quạng đuổi bắt con dê. Trên mình con dê cũng khoác cái tơi lá và cột cái chuông nhỏ ở cổ. Người tham dự trò chơi phải bịt mắt lại, và chỉ nghe theo tiếng chuông leng keng và tiếng sột soạt của cái áo tơi lá mà đuổi bắt con dê. Tiếng leng keng từ cái chuông nhỏ trên mình dê nghe rất vui tai, thêm vào đó, trong vòng vây để chơi còn có đào một cái hố, nên khi mò mẫm vồ bắt con dê, người đuổi bắt có thể sụp vào cái hố bất thần, gây thêm nhiều tiếng cười dòn cho ngày hội xuân càng thêm rộn rã.

Bức *đu đôi bắt trạch* là một cảnh tượng linh hoạt gợi ngay được những ngày hội hè xưa cũ. Ở một góc tranh vẽ hai người nam nữ đang vừa ôm

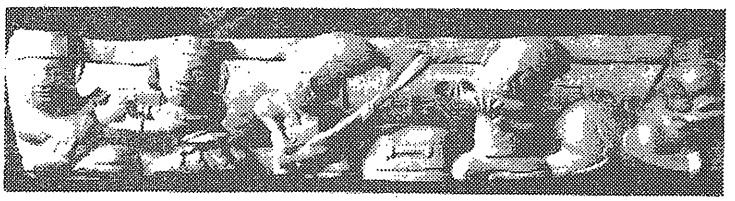

Hát ả đào, điêu khắc gỗ thế kỷ XVII

nhau vừa bắt trạch. Họ cùng thò tay vào trong cái chum để bắt con trạch trơn trợt. Chỉ thò một tay vào chum, tay kia có thể làm một vài cử chỉ tinh nghịch hồn nhiên mà người tham dự cuộc chơi ở chung quanh cũng dễ đồng tình. Phần chính của bức tranh vẽ một đôi trai gái đang cùng dún mình trên chiếc bàn đu, khi người này dún thì người kia ngưng, bên dún bên thả, và càng dún thì đu càng lên cao từng nhịp vun vút.

Dún mình như thể dún đu
Càng dún càng dẻo, càng đu càng mềm
(ca dao)

Cây đu có thể nói là một biểu tượng của mùa xuân dân tộc. Không hội xuân của một làng quê nào ở Bắc bộ mà lại thiếu bóng dáng lành mạnh, thanh nhã và tình tứ của cây đu. Nữ Sĩ Hồ Xuân Hương ghi nhận bức tranh xuân ấy với chữ và nghĩa thực hết sức tài tình và tinh tế, rất giản dị nhưng quả là đã đạt đến cao điểm của nghệ thuật ngôn từ.

Trai đu gối hạc, khom khom cật,
Gái uống lưng ong, ngửa ngửa lòng,
Bốn mảnh quần hồng bay phất phới,
Hai hàng chân ngọc duỗi song song.

Đôi trai gái dún đu đang bay bổng trên không trung, chiếc áo the của anh trai làng như đang quấn quít với dải áo cánh sen, lá mạ hay nâu non của người thiếu nữ. Trên đỉnh cột đu thường thì bao giờ cũng có hai lá cờ đuôi nheo bay phất phới, như mừng vui với các đôi trai gái phơi phới tuổi xuân, nồng nàn sức sống.

Bàn đu theo đà nhún mà bổng lên cao, cao dần; theo nhịp điệu chân tay đều đều mà lên thực mạnh, rồi lên ngay gần ngọn đu. Người nhún đu khi bay ngang với ngọn đu thì sẽ ngưng nhún, mặc cho bàn đu vẫn chuyển động, đưa từ bên này sang bên kia, và rồi đu sẽ từ từ hạ xuống.

Chính khi bay ngang ngọn đu, người nhún đu sẽ với tay để giật giải thưởng được cột trên chiếc sào ngang, trong tiếng hoan nghênh cổ vũ của mọi người. Giải thưởng thường rất đơn giản, chỉ là vài thước nhiễu điều, nhiễu hoa hiên, mấy chục quả cau chum chúm với gói chè tàu, nhưng hết sức hào hứng, rạo rực khi giật được giải giữa bầu trời xuân. Đánh đu là một nghệ thuật, vì phải dún cho thực đẹp, bắt mắt, thanh nhã, mà cũng là một môn thể thao dân tộc để rèn luyện sức khỏe, đòi hỏi người tham dự phải có thần kinh và thể lực tốt. Những đôi nam nữ trai gái đua tài đua sắc trước đông đảo bà con của làng xã, rồi sau những ngày hội xuân không biết đã có bao nhiêu cặp dún đu chung ấy đã thành vợ thành chồng.

Đánh đu và *bắt trạch* không những chỉ là trò vui chơi, mà rõ ràng cũng chứa đựng ý nghĩa của hẹn hò, trao duyên trai gái. Dưới ánh sáng dân tộc học, chúng ta cũng dễ nhận ra ở đấy dấu vết mờ nhạt của tín ngưỡng phồn thực, cầu cho sự sinh sôi nảy nở vào những thời xa xưa

Hát ả đào, chi tiết của phiến đoạn trên

của sơ sử. (2)

Chúng ta vừa nhắc đến mấy tấm tranh dân gian có ghi những hoạt cảnh hội hè đình đám ngày tết. Ngoài tranh dân gian, chúng ta cũng có thể tìm lại các đề tài này trên một chất liệu khác, mạnh mẽ và sẽ gây được nhiều thích thú hơn là những mảnh chạm khắc đục đẽo nơi các đình làng đến miếu từ một vài thế kỷ trước còn lưu lại đến ngày nay.

Hãy thưởng lãm bức chạm khắc một cảnh đua thuyền ở đình Cam Đà, huyện Ba Vì, Hà Nội, khoảng thế kỷ 17-18. Dáng thuyền có hình cong

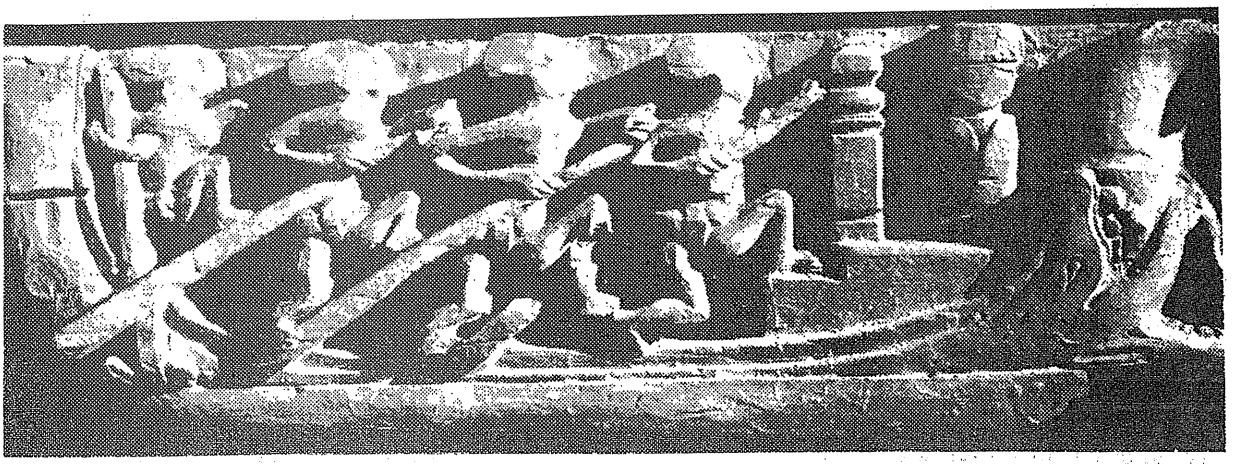

Đua thuyền, điêu khắc gỗ thế kỷ XVII

cong như một chiếc thuyền rồng, phía đằng trước là một người ngồi để điều khiển toàn bộ cuộc bơi chèo, phía đằng sau là một người khác đang cầm giữ bánh lái, phần giữa là các người tham dự cuộc đua đang ra sức bơi mái chèo để đẩy chiếc thuyền vun vút đi tới. Thực hết sức linh hoạt và sống động. Tính điển hình trong cách tạo hình ở đây rất đặc biệt, không chú ý chút nào đến các chi tiết mà chỉ còn là nét phác vẽ tổng thể để gợi ý, với hình khối, đường cong và đường thẳng hòa hợp rất mạnh. Cách tạo hình dễ làm chúng ta liên tưởng đến các hình ảnh và hoa văn trang trí trên các trống đồng từ thời Hùng Vương, mà từ đó chúng ta cũng đã từng suy luận là người Việt cổ chèo thuyền rất giỏi, biết vận dụng thủy binh tinh nhuệ, và để phù hợp cũng như khích lệ cuộc sống sông nước ấy là những cuộc đua thuyền tổ chức hàng năm vào những ngày hội, ngày tết. Trong lịch sử dân tộc, đua thuyền là trò chơi ngày xuân nhưng cũng là cách luyện tập quân sĩ chiến đấu trên sông nước. Ngày nay, chúng ta còn tìm thấy hình ảnh về những cuộc đua thuyền trên nhiều con sông và ao hồ lớn ở nhiều nơi khắp nước. Như ở hồ Hoàn Kiếm, Bảy Mẫu, Hồ Tây ở Hà Nội, trên sông xã Cảnh Dương, huyện Quảng Trạch, Bình Trị Thiên, trên dòng sông chảy qua làng Sình ở Huế...

Chúng ta thử xem một bức chạm khắc khác mô tả cảnh tượng một buổi hát ả đào. Các nhân vật được đục đẽo nổi bật lên trên một tấm ván ngang, hẹp và dài. Hai người nghệ sĩ trình diễn đang say mê và duyên dáng chơi đàn và sáo. Đào nương ăn mặc chải chuốt, mang hoa tai, vấn khăn trùm mái tóc, tay mang vòng trang sức, đang thanh nhã mời nước quan viên. Người quan viên tham dự cuộc hội diễn thì đang phe phẩy chiếc quạt trông thư thái và phong lưu. Để bố cục cho đầy bề rộng của bức chạm khắc, tác giả đặt vào giữa hai nhân vật đang chơi đàn sáo một cái tráp đồ nghề của ban nhạc, phía bên trái của người chơi sáo là pho tượng con kỳ lân. Tất cả đều đầy đặn, đúng như cách bố cục dân gian xưa nay. Tất cả đều được cách điệu. Phải nhận là khá sống động, rất đẹp, và rất gần với cách tạo hình hiện đại. Có phải chính cái mộc mạc, giản dị mà chắc khỏe ấy đã gây được nhiều hứng thú cho chúng ta, gần gũi với chúng ta, mặc dù đó là sản phẩm của những người nghệ sĩ không để lại chút tên tuổi nào cách đây đã hơn ba thế kỷ.

Trong cùng cách ghi nhận đó, chúng ta dễ dàng tìm lại những hình ảnh hội hè đình đám xưa, những cổ tục và trò chơi ngày tết qua các chạm khắc đình làng khác, như nơi *trò chơi chồng người* (đình Tây Đằng, Hà Tây, thế kỷ XVI), *Đá cầu* (Thổ Tang, Vĩnh Phú, thế kỷ XVII), *Đánh cờ* (Ngọc Canh, Vĩnh Phú, thế kỷ XVII), *Người múa* (Đình Thổ Hà, Hà Bắc, thế kỷ XVII), *Chọi gà* (Đình An Hòa, Nam Hà, nửa sau thế kỷ XVII), *Chọi trâu* (Đình Liên Hiệp, Hà Tây, nửa sau thế kỷ XVII)...

Nhớ lại đình đám hội hè, hình ảnh tổng thể bao giờ cũng là một tập hợp của những màu sắc thực ấm áp. Đời sống hàng ngày thay đổi nhiều; với lớp người khoảng trên năm, sáu mươi tuổi, có lẽ bất kỳ ai cũng có thể gợi lại ít nhiều nơi ký ức mình những ngày đẹp đẽ đã mất ấy.

Trung tâm của đình đám là ngôi đình, nhưng cũng cần để ý thêm là bên cạnh đình còn có chợ. Chợ có thể ở gần đình, hay xa đình, thì cũng đều là những trung tâm chủ yếu của làng mạc, thôn xã một thời đã qua. Có dịp khảo sát lại các sinh hoạt ấy, kể như chúng ta đã nắm được nhiều phần của lề thói và tập tục xưa. Trò chơi, cờ xí, âm nhạc và màu sắc rộn ràng quanh sân đình, đầu ngõ xóm hay nơi sân chợ quả là tưng bừng, đầm ấm vào mấy ngày tết nhất.

Góp thêm vào bảng màu linh hoạt ấy là đồ chơi của trẻ con. Thử đọc lại đoạn văn sau của một người rất am hiểu về những hình thái sinh hoạt của đất Thần Kinh thuở trước, chép lại vài nét về một góc chợ tết Gia Lạc của Huế xưa, một khu chợ chỉ họp vào ba bữa tết, thực sự không phải là để mua bán mà cốt làm nơi giải trí, vui chơi, đờn ca xướng hát, đánh bài bạc nho nhỏ như bài vụ, bài chòi, hát rao thai..., và các cụ, các bà, các cô thì có dịp khoe

chút màu sắc tươi thắm nơi áo quần đỏ điều, nguyệt bạch, hồng hồng lục lục, hoa lý, hoa cà, nói tắt tại đây chính cũng là một hội xuân đặc biệt ở chốn kinh sư: "Có những đồ chơi trẻ con, cách đây hơn nửa thế kỷ, ngày nay có lẽ không còn ai sản xuất. Những con tu huýt bằng đất, những cái chong chóng, cái lùng tung bằng giấy ngũ sắc vừa đẹp mắt vừa vui tai, nửa xu một cái, trẻ em sẵn tiền lì xì tha hồ chọn lựa. Tượng hình thú vật, như rồng cọp ngựa voi, chim cá, quả bồng, trái phật thủ bằng bột sắn, tô màu rực rỡ, là những thứ đồ chơi người lớn thường mua cho trẻ em. Đồ chơi được con nít thèm thuồng nhất là con gà bằng đất, cũng tô màu sặc sỡ khá đẹp, có tiếng gáy nhờ cái "lưỡi gà" gắn nơi mỏ hay sau đuôi, phát ra tiếng gáy te-te-tò-toe liên tu bất tận từ chợ phiên về tới nhà chưa hết."(3)

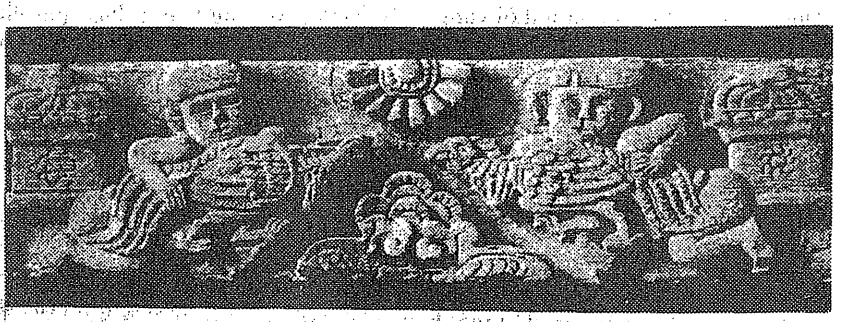

Chọi gà, điêu khắc gỗ nửa sau thế kỷ XVII

Đồ chơi của trẻ con là một loại nghệ thuật dân gian đặc sắc. Những con giống bằng bột hay bằng đất, giản dị và rất đẹp, có lẽ vì cách đơn giản hóa hình thể, cùng lối tô màu mộc mạc đã tạo nên được một phong cách dân tộc. Rất tiếc là những thứ ấy chẳng thể nào giữ gìn được lâu bền, mà chỉ một vài ngày là hư hỏng, gãy đầu, gãy cánh. Thử tưởng tượng nếu chúng ta có được một nhà bảo tàng đặc biệt để lưu giữ những thứ đồ chơi loại này, rồi dần dà sẽ bổ túc thêm vào bằng những sản phẩm liên hệ, như những đồ trang trí nhỏ bằng đất nung, rất đặc biệt là những đồ vàng mã mà màu sắc sống sít, tươi rói rất vui mắt.

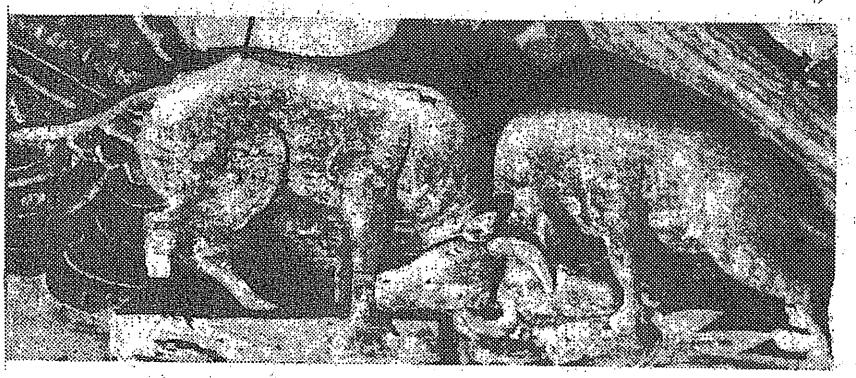

Chọi trâu, điêu khắc gỗ nửa sau thế kỷ XVII

Đồ vàng mã có thể xem là một loại điêu khắc dân gian đặc biệt, với các hình người, nhà cửa, thuyền bè, xe ngựa, đồ đạc dùng trong nhà, áo mão, cân đai, ria mũ, giày dép... thường được làm bằng khung tre rồi phất giấy bồi ra ngoài, đôi khi có đắp thêm chút đất như ở khuôn mặt các hình nhân. Cũng nên hiểu qua chút gốc gác của tục lệ này. Tập tục đốt vàng mã là do từ bên Tàu truyền qua nước ta. Bắt nguồn từ lòng mê tín của người xưa, tin rằng người chết chưa chết hẳn, mà linh hồn sẽ vẫn tồn tại ở một thế giới khác, vì vậy, khi chôn người chết, người ta sẽ chôn theo nhiều thức dùng để người quá cố sử dụng ở cõi âm, những thứ ấy gọi là *minh khí*. Cũng do chính tập tục mê tín ấy mà ngày nay, chúng ta có được nhiều tài liệu vô cùng quý giá từ các cuộc khai quật trên các cổ mộ, vừa là sử liệu để soi sáng quá khứ thực đầy sống động, vừa là những tác phẩm mỹ thuật vô giá của người xưa. hàng ngàn di vật tìm lại ở khu mộ Tần Thủy Hoàng ở Tây An, tức kinh đô Tràng An thời xưa, là những chứng cứ về loại này.

Ở bên Tàu, dưới các thời phong kiến chuyên quyền độc đoán như từ đời Hoàng Đế (2926 trước Thiên Chúa giáng sinh) rồi qua các triều đại: Đường, Ngu, Chu, Hán..., khi tổ chức đám táng cho một ông vua thì các người khiêng linh xa cũng sẽ phải bị chôn chung vào trong lăng mộ của vua, nghĩa là phải theo hầu hạ nhà vua bên kia thế giới. Tập tục đó đã bị Khổng Tử bài bác, lên án là vô nhân đạo. Dần dà, những người bị hy sinh ấy được thay thế bằng những hình nộm bằng gỗ hay bằng rơm, rồi bằng đất nung, đồ gốm. Cho đến năm 105, Thượng thư bộ Lễ, Vương Du đã có sáng kiến làm ra những thứ vàng mã bằng giấy cho chế biến từ vỏ cây gió để cúng kiến lúc cử đám (4). Vàng mã đã trở thành một tập tục gắn liền với tang ma, cúng kiến, giỗ tết liên quan đến người quá vãng hay thần linh; ngày nay tuy đã giảm bớt nhiều, và với tiến hóa chung, chúng ta có thể thấy trước là cũng đã sắp đến thời tàn rụi, tuy nhiên nó vẫn còn là một tục lệ quen thuộc ở nước ta.

Cũng như đồ chơi dành cho trẻ con, đồ vàng mã thực rất đẹp với cách tạo hình và màu sắc riêng biệt, được thực hiện với nghệt thuật tinh xảo. Điều này cũng dễ hiểu, bởi vì nơi cửa hàng vàng mã, những người thợ mã ấy chính thực sự là những nhà

nghệ sĩ tạo hình của một thời vang bóng. Ở đó, có nhiều người chỉ là thợ thủ công, bắt chước rồi quen tay mà làm, nhưng cũng có những người thực sự tài năng và đầy tinh thần sáng tạo. Chúng ta còn nhớ là các họa sĩ chuyên nghiệp thời trước đều được gọi chung là "thợ mã". Có lẽ cũng chính vì tinh thần và định kiến xã hội ấy mà chúng ta chẳng thừa hưởng được gì nhiều về một di sản mỹ thuật của tiền nhân.

Ngày nay, tuy đã quá trễ, nhưng nếu chúng ta còn quyết tâm xây dựng một nhà bảo tàng để giữ gìn những sản phẩm ấy thì tuyệt biết mấy, bởi vì đó mà các thế hệ về sau sẽ có thêm cơ sở để hiểu biết nhiều điều về một loại hình thái sinh hoạt tinh thần đặc biệt của một thời đã qua. Viện bảo tàng mỹ thuật Hà Nội cũng đã có nhiều lưu tâm về lĩnh vực dân gian, nhưng bộ Sưu Tập về đồ chơi trẻ con và hàng vàng mã thì dường như chưa có gì cả.

Chúng ta vừa ôn lại đôi chút kỷ niệm về đình đám hội hè xưa, những cổ tục và trò chơi ngày tết qua mỹ thuật dân gian, từ tranh dân gian, điêu khắc dân gian, đến đồ chơi của trẻ con, đồ vàng mã... Tất cả hầu như đã chìm vào quá khứ của một thời nào. Vài chục năm qua, ruộng dâu hóa biển, đất nước đổi thay quá nhanh chóng, ghi lại đôi chút hình ảnh cũ cũng là một cách lưu dấu vết tích về sau.■

Garden Grove, Tết Bính Tý

(1)Nguyễn Toại. *"Nhớ lại hội hè đình đám". Nghiên Cứu Việt Nam*, tập 1, Huế, 1973.

(2)Xem thêm: Từ Chi, *"Từ một vài trò diễn trong lễ hội làng"*, trong *Kỷ yếu viện Bảo Tàng Mỹ Thuật Hà Nội*, số 7.1991. Nhà dân tộc học Từ Chi, trong bài viết ngắn này, đã đưa ra một vài trường hợp về trò diễn để đối chiếu và giải thích về việc thờ phụng liên quan đến tính dục để cầu phồn thực, đây là những lễ thức thuộc các tín ngưỡng cổ của người Việt vào thời chưa tiếp nhận nền văn minh Trung Hoa, ở đây chúng ta có thể gặp những nét gần như điển hình của các tín ngưỡng thời nông nghiệp sơ kỳ rơi rớt lại.

(3)Dã Oanh, *Chợ Gia Lạc* trong giai phẩm *Tiếng Sông Hương*, Dallas, 1994.

(4)CF. Thái Văn Kiểm. *"Gốc tích và cổ tục nghề nghiệp Việt Nam"* phần viết về *Giấy vàng bạc* trong *Đất Việt Trời Nam*. nhà xuất bản Nguồn Sống, Sài Gòn, 1960, trang 238.

Dự án Thái Tuấn 1996

Triển lãm loạt tranh mới nhất của Thái Tuấn ở Washington DC. Trưởng ban tổ chức: Lê Thiệp. Ngày giờ và địa điểm: sẽ thông báo sau.
Các nơi khác, như Los Angeles, Montréal, Paris,... họa sĩ Thái Tuấn đến nói chuyện, và ra mắt cuốn album in loạt tranh mới của ông, khoảng 24 bức, cùng một số bài viết về ông và 20 bài tùy bút về nghệ thuật tạo hình của Thái Tuấn đã đăng rải rác trên các báo từ trước 1975 và gần đây. Sách do Lê Tài Điển (Paris), Ngọc Dũng và Lê Thiệp (Washington DC), và Lê Đình Điểu (Nam Cali), phụ trách thực hiện.
Để có thể in cuốn album tranh và bài của Thái Tuấn (tranh lọc màu trên giấy tốt), cần một ngân khoản lớn. Hội VAALA đề nghị các Hội viên và Thân hữu yểm trợ bằng cách đặt mua trước cuốn sách này, với giá $25.00. Nếu mua sau, giá mỗi cuốn sẽ là $32.00. Xin quý vị điền phiếu đặt mua kèm theo thư này, và gửi về Hội cùng với ngân phiếu. Hội hoan nghênh mọi tặng dữ. Mỗi người có thể mua nhiều cuốn (để tặng bằng hữu, thân nhân...)

PHIẾU ĐẶT MUA ALBUM THÁI TUẤN

Yêu cầu gửi cho tôi khi sách in xong: cuốn với giá US$25.00 một cuốn. Tôi kèm theo đây chi/lệnh phiếu mang số tiền:..... Tôi biết rằng số tiền trên là tiền sách, kể cả công đóng gói và cước phí hạng tư trong nước Mỹ, và tàu thủy ngoài nước Mỹ. Nếu tôi mua sau khi sách in xong, tôi sẽ phải trả US$32.00 một cuốn. Nếu tôi muốn sách được gửi bằng hạng nhất thì tôi sẽ phải thêm US$3.00 trong nước Mỹ, hoặc US$7.00 ngoài nước Mỹ, cho 1 cuốn.
Họ tên: .....
Địa chỉ: .....
Điện thoại: ..... Fax: .....

- Ở Mỹ: chi/lệnh phiếu đề VAALA và gửi về Hội, 11022 Acacia Pky #A, Garden Gorve CA 92640.
- Ở Pháp: quy ra tiền Pháp và gửi về Phạm Thị Thu Hương, 14 Villa des Acacias, 202 rue d'Epinay, 95360 Montmagny.
- Ở Úc: quy ra tiền Úc và gửi về Bình Anson, 1 Parwich Rise, Carine WA 6020.
- Ở Đức: Quy ra tiền Đức và gửi về Nguyen Phi Hung, Melanchthonstr. 32, 44143 Dortmund, hoặc trả thẳng vào trương mục Nguyen Phi Hung, Stadtspakasse Dortmund, Bankleitzahl 440 501 99, Konto-Nr. 622016893.
- Ở Canada: quy ra tiền Canada và gửi về Hoàng Chiều Nhân, 3895 Beriot, Brossard, Québec J4Z 2W8.

VIETNAM: THE SOLUTION NO ONE TRIED

by LE DOAN KIM

Vietnam's pre-cold war significance

Long before "McNamara's War," Vietnam was a matter of great concern to the United States. In 1940, Japan moved into the country from China's southern border, seizing it from French colonialists. Japan's design was to use Vietnam as a strategic springboard to invade South East Asia and the Pacific.

The importance of Vietnam for peace in the Pacific was considered at a White House cabinet meeting as early as November 28, 1941. Instead of alerting Congress to the dangerous situation in South East Asia as his cabinet recommended, however, President Franklin Roosevelt decided first to send a memorandum to Emperor Hirohito, emphasizing Japan's withdrawal from Vietnam — rather than from China— as the key to peace. At the most explosive stage of the Pacific crisis, Roosevelt deliberately disregarded one of the conditions that Secretary of State Cordell Hull had established during the eight months of negotiation with Ambassador Nomura: that Japan withdraw from China.

While Roosevelt's policy regarding China at Yalta Conference, which resulted in a "Far Eastern Agreement" with Stalin, can be criticized, FDR was, however, prescient concerning Vietnam. Roosevelt favored a neutral Indochina and eventually came to think that it should be under a United Nations' trusteeship. Further, FDR tried hard to prevent France, which had lost Vietnam to Japan, from reconquering Vietnam. If Roosevelt had survived World War II, quite possibly the spirit of the Atlantic Charter would have prevailed; the French would not have returned; and Vietnam and Indochina would have been neutralized and would have achieved peace and independence.

Even prior to the U. S. entry into World War II, Vietnam was of great importance to both Japan and America; it would turn out to be one of the motivations for attack on Pearl Harbor. To this day, Vietnam, because of its strategic position, remains unequivocally, whether in war or peace, too important for the U. S. to ignore or let fall under some other influence, whether under Japan in World War II, the USSR and China in Cold War, or China again in post-Cold War era.

Truman era policies

Unfortunately, President Harry Truman did not share his predecessor's view about the importance of Vietnam's neutrality. On the contrary, at a meeting on August 24, 1945 at the White House, Truman chose to tacitly support De Gaulle's plan to reoccupy Vietnam by force. It was this plan that gave communist leader Ho Chi Minh and his "Liberation Movement" a "just cause" to initiate a bloody thirty-year war.

Truman's grave mistake, however, was not totally without justification. American officials had seen the Viet Minh red flag flown as a national symbol at a huge mass demonstration in Hanoi on August 19, 1945. Occurring right after Japan's unconditional surrender, this intense demonstration, initiated and organized in haste by the Nationalist forces, was suddenly subverted by the Viet Minh, a Marxist movement. With their slogans, red flags and gun-shots, the communists dominated the solemn occasion and took power.

Although Ho Chi Minh did try his best to gain U. S. support, Truman rebuffed him, lest American aid be used to redden all of Indochina and South East Asia on behalf of the USSR. Truman, exasperated by Stalin's greed at the July 1945 Potsdam Conference, his defiance of the U.S., and his determination to occupy Eastern Europe, had no desire to see red flags also flying over Beijing, Pyongyang, Hanoi, and Saigon.

Truman's determination to promptly contain communist hegemony and expansionism was justified. On the other hand, his hasty tactics in using a proxy French colonialist army, mostly composed of reckless legionnaires, was fundamentally wrong and detrimental. It allowed the communists to undermine American credentials and good will, especially after the French fell at Dien Bien Phu and the U. S. belatedly decided to step into Vietnam.

However, one shouldn't forget that under Truman the U. S. had forced Holland to grant full independence to Indonesia or else lose all Marshall Plan aid. Of course, an identical dispatch could have been sent to back up Vietnam's complete liberation from French colonialism, if only Ho Chi Minh had not been a communist, but rather a "neutralist" like Sukarno. If this had happened, with strong support from the United Nations and

the U. S., a neutral Vietnam could have saved the country from a tragic and ruinous bloody war, and might have left it as prosperous as Japan is today. Instead, under the wrong-headed leadership of Ho Chi Minh, an obedient communist aligned with Moscow and Beijing, Vietnam would go through suffering, death, and despair and become one of the poorest countries on earth.

As late as the 1954 Geneva Agreement, however, there was still a great opportunity available to North and South Vietnam to live in peace, to rebuild each part of the divided and devastated country, and, most importantly, to devote government to the welfare of the people. North Vietnam could have persevered in a political campaign for a peaceful solution between Vietnamese siblings, rather than forcing re-unification by arms. And South Vietnam, if only it had been guided by an intelligent and effective national policy, could have, with U. S. help, certainly prevailed against efforts to topple it.

McNamara's strategy

Unfortunately, Defense Secretary Robert McNamara's strategy to systematically Americanize the Vietnam civil war would lead instead to defeat. Saigon's military leaders were first encouraged to stage a coup d'ătat in 1963, which led to the assassination of President Ngo Dinh Diem, a man obstinate in his discrimination towards non-Catholics and recalcitrant in observing U.S. policy. Then, there was pressure to get rid of Chief of State Phan Khac Suu in 1965, and finally to turn matters over to naỳve "young Turks," who formed the so-called "war cabinet," placed under the leadership of General Nguyen Van Thieu.

The creation of the war cabinet was a fatal political error: it fit completely into Hanoi's game plan, giving it forceful arguments to distort the Vietnam War, to exploit and mobilize the people in North Vietnam, and to present to the world an image of South Vietnam as "warmongers" under the guidance of the U. S. Thus was destroyed South Vietnam's nationalist just cause of self defense against Hanoi's disguised aggression. Moreover, Thieu's incompetence, irresponsibility, cowardice, and blind confidence in U. S. tutelage, and his sudden desertion on April 21, 1975, would precipitate the final collapse of South Vietnam.

In truth, peace between the Vietnamese people of North and South should always have been the ultimate aim of South Vietnam. It would have been good politics and the key to a logical, practical, and wise end to the Vietnam War. The assumption that Hanoi would surrender to the U.S. because of massive B-52 bombardments or the expectation of a popular upraising against Hanoi's totalitarian, aggressive, and oppressive rules was completely unrealistic.

Military speaking, it was evident that the communists could never win the civil war so long as the nationalist army and armed religious sects in South Vietnam (with strong support from the U. S.) were determined to fight. But there was danger in the process of peace as well. If Saigon or Washington made a mistake in negotiating a settlement, Hanoi might again try to take over South Vietnam. Hanoi knew very well how to take advantage of negotiations; what it couldn't win in war, it might win in peace. Nonetheless, Saigon, under Thieu's disastrous leadership, persisted in the illusion that — whether in war or at a conference table— the U. S. would never abandon South Vietnam.

In May, 1968 came the unfortunate direct talks between Washington and Hanoi in Paris. Initiated by President Johnson, who was following McNamara's advice, these talks discredited in advance South Vietnam's identity and political status. They also gave Hanoi a worldwide arena in which to gain sympathy and to disturb and confuse American public opinion. In the end, because of Hanoi intransigence, Secretary of State Henry Kissinger — too impatient to reach an agreement with Le Duc Tho (ironically, both got the 1973 Nobel Peace Price)— would resign himself to sacrificing Saigon's existence in exchange for America's "honorable exit" from Vietnam. America had to leave, but the Trojan horse of Hanoi troops could stay. The U. S. had spent billions of American tax payer's dollars and had left fifty-eight thousand of its dead. Saigon's army alone had lost 300,000: all in the name of South Vietnam's freedom!

The neutralists' proposals

Such a deplorable result could have been avoided had the U. S. been content to help South Vietnam in a spirit of mutual cooperation. Secretary McNamara, who complains in his book about the U.S. lacking "experts for us to consult to compensate for our ignorance ..." should have listened to the neutralists in South Vietnam, people deeply concerned about the fate of their country. He should have considered the following proposals, made directly to the U. S. Embassy in Saigon, starting in May, 1965:

1. The most effective defense is a good offense. Saigon must take the initiative in a campaign for peace and direct talks between Saigon and Hanoi. Its ally, the U. S., should use all means — political, economic, and military— to pressure Hanoi to engage in direct negotiation with Saigon.

2. Instead of trying to talk to Hanoi, the U. S. should meet with China, which was eager to establish a relationship with America. (If this had happened soon enough, China might have agreed to reduce its support to Hanoi and to help on such issues as the POW-MIAs and direct talks with Saigon. By the time Nixon got around to this, in 1971, it was too late.)

3. The key for peace involves two fundamental issues: The first is the evacuation of all outside troops from South Vietnam. The American army and North Vietnam troops should effect a gradual and proportional withdrawal, under an international control. Secondly, both sides of Vietnam should be reunified under a principle of permanent neutrality — a neutral Vietnam, serving only peace, the country, and the people. South Vietnam, acting as the pioneer, must first adopt neutrality and, by its model, encourage the North to follow suit.

4. If Hanoi does not withdraw its army, the U. S. ought to help Saigon troops enter North Vietnam in order to establish a position and lay the groundwork for a later reciprocal withdrawal. (Saigon's going into North Vietnam would have achieved a better result and served a more rational purpose than the Cambodia military operation of 1970. At the very least, both campaigns should have been simultaneously launched.)

5. Let South Vietnam join in alliance with West Germany and South Korea. Such a bonding of the three post-World War II divided countries — having the same problems, preoccupations, worries, vision and concerns— would have been natural. (Moreover, after the regrettable U. S. withdrawal, Saigon most urgently needed help, understanding, and support from true friends capable of understanding its situation.)

The domino theory

The collapse of South Vietnam in April 30, 1975, failed to create the collapse of the rest of South East Asia as had been predicted. In fact, the war helped Singapore, Thailand, Malaysia, Indonesia and the Philippines — allowing them to gain enough time and enough international aid to both lift themselves up and to protect themselves against communist proliferation. But in other ways, the "domino theory" still remained valid. Indeed, the fall of Saigon tragically presaged the increase in the list of captive nations: so-called "people's revolutions" promptly submerged Angola, South Yemen, Ethiopia, El Salvador, Nicaragua and Afghanistan into a communist ocean of fire, blood and tears.

Now and the future

Now the Vietnam and the Cold Wars are over. To face the future, of course, one should not be content to look only into the rear-view mirror of history. Still, events in the Pacific and Indochina, since the end of the seventies, bear startling similarities to Japan's military adventure in the forties. Before stepping into Vietnam in June, 1940, Japan had occupied Spratly Island, which belonged to Vietnam. Similarly, after the 1972 US-China Shanghai Communiquă, Beijing occupied Spratly in December, 1974 and then attacked Vietnam in February, 1979. Chinese aggression, right after Deng Xiaoping and Jimmy Carter's summit meeting at the White House and Deng's stop-over in Tokyo on his way home to Beijing, seemed not to surprise the U. S. and Japan at all.

But, immediately after the U. S. departure from the strategic bases in the Philippines, China moved to fill the empty shell of power in the Pacific. Combined with its previous assertion by force of sovereignty over the Paracel and Spratly Islands, it is clear that China has posed a serious threat, not only to Vietnam and South East Asia, but also to world peace.

To contain China before it further imitates Japan in the 1940s, it is imperative that the United Nations and the U. S. become concerned. The U. S. normalization of relations with Vietnam should, as President Clinton said, lead to a "free and peaceful Vietnam in a stable and peaceful Asia." This means that it shouldn't be aimed at consolidating and reinforcing the military machinery of the obsolete, conflicted and agonizing Hanoi regime. This regime has lost the faith and support of the Vietnamese people, who now claim freedom, democracy, and human rights to enable them to live in dignity and to work efficiently to rebuild their lives and their country in peace, reconciliation, justice and progress.

Counting on Hanoi's incompetent, oppressive, and unpopular regime to contain China — as Senator John McCain argued in support of the Clinton policy— would not be psychologically, politically and strategically realistic. On the contrary, it would give China a pretext to hasten its adventures.

From President Truman, to Presidents Eisenhower, Kennedy, Johnson and Nixon, the U. S. has tried a variety of measures, each failing to contain China hegemony in South East Asia and the Pacific. The only good choice left is Franklin Roosevelt's neutralist solution for Vietnam. The Roosevelt solution is a rational remedy to the Indochinese problem, an assurance of safety to China, and also a strong and positive preventive international measure to keep China from venturing into military expansionism. ■

Dalat Landscaping
Design and Maintenance
Lic. #699783

P.O. Box 2054 (M27) Bolsa Avenue
Westminster, CA 92684

Call: MR PHƯƠNG

(714) 539-1603 • (800) 200-9848

THE POETIC VOICE OF NGUYEN CHI THIEN

NGUYEN NGOC BICH

In *The Flowers of Hell* Nguyen Chi Thien has a poem, "In the Jungle Night a Bird calls," which I believe describes quite accurately the way he came to compose his poems. He does them at night, within the confines of a prison camp, at the very moment when "a patrol flashlight beams here and there" and when "from the next cell came the shoutings of a madman." It was precisely at such moments when "I lay immobile listening to the slipping away/Of my entire youth as it floated by/Killed in the bud by jailings and diseases" that "many burgeons from my heart sought their way out."

Poetry written in such an environment, no doubt, cannot be the kind of poetry that comes from a bird "that sings for fun as his throat rattles" (Xuan Dieu, a romantic poet of the 1930's). Nguyen Chi Thien has himself defined the special quality of his poetry in:

MY POETRY

There is nothing beautiful about my poetry
It's like highway robbery, oppression, TB blood cough
There is nothing noble about my poetry
It's like death, perspiration, and rifle butts.
My poetry is made up of horrible images
Like the Party, the Youth Union, our leaders, the Central Committee.
My poetry is somewhat weak in imagination
Being true like jail, hunger, and suffering
My poetry is simply for common folks
To read and see through the red demons' black heart.

1975

One cannot ask for a clearer statement by a poet - it was like his manifesto! Yet when his poetry first appeared outside of Vietnam, smuggled out in 1979 and made public one year later, some people who are used to the more romantic kind claimed that such verses could not be called poetry. Nguyen Chi Thien agreed wholeheartedly. "My verses are in fact no verses/ They are simply Life's sobbings," he said in a 1970 poem entitled "My Verses," and concluded: "All the sounds of a life not deserving half its name/ Or even the name of death:/ No verses are they!" He thus set himself clearly apart from those who believed that "to write poetry" could only be "to let oneself be lulled by the breeze,/ Dream after the moon and wander with the clouds" (also by Xuan Dieu) or that a poet must necessarily be a "lute of ten thousand melodies" (The Lu) capable only of producing romantic imagery and always ready to follow the lure of "the flutes from Heaven."

No, after the so-called New Poetry revolution of the 1930's (with names like Huy Can, Xuan Dieu, The Lu and Luu Trong Lu), modern Vietnamese poetry underwent a second revolution with the poetry of the Resistance period (1946-54). This second revolution has seen the poets going home to roost in the national traditions (cf. the case of Hoang Cam), leaving the cities (symbols of westernized Vietnam) to mingle in the life of the people, to serve the (political) revolution and the war against the French. But under the communist aegis, this kind of poetry sometimes fell real low so as to serve the political maneuverings of the Communist Party of Vietnam (CPV) or its leaders and "ancestors," Marx, Lenin and Mao. The poets who lend themselves to this kind of activity are called "pen boys" or sycophants - "boy" being the term of contempt that the colonialists reserved for their indigenous male servants - by the common people, which is aptly recorded by our poet:

Unaccountably "boy" became a dirty word
Just because our friend, who was quite educated,
turned "pen boy"!

Many readers are of the opinion that Nguyen Chi Thien meant to aim this criticism at To Huu, the poet laureate of communist Vietnam, but actually our poet was not about to pick a fight with a "pen boy" - that would be too demeaning. Instead, he aimed much higher, at the very boss, the very idol of To Huu, Ho Chi Minh whose birthday is officially celebrated on the 19th of May every year.

TODAY MAY 19TH

Today the 19th of May
In bed
I was about to write a poem to cuss Him out
The poetry started to smell like him
When I stopped.
For I thought
A shitty politician like him
Does not deserve
My sweating
To write poetry about
Even though it may be to cuss Him.

Even Marx
His fucking ancestor
Never did get a few lines from me!
So why bother?
Let the hacks with their prostituted pens
Comb his beard, pat his head, caress his arse!
I went on to other business
The hell with Him!
1964

Outside of Vietnam one may have a hearty laugh at such a production but in Vietnam, back then and even today, it is certainly a most daring thing to do - likely to land one in jail for an indefinite term. The irony of communist Vietnam, however, as in the case of most totalitarian countries, is that a prisoner, one who is already in jail, sometimes has certain freedoms that others outside do not have. Nguyen Chi Thien was already in jail in May 1964 so he could not be threatened with imprisonment even if the above poem leaked out. Nonetheless he was fully aware that he was playing with fire, a dangerous kind that might even end up with the loss of his life, so he told himself in 1976:

Even if confronted with a thousand black-barreled guns
That lie im ambush on the high way leading you there
Dare to live, and dare to think!
There mus be things worth daring for, even at the cost of death
I will thus serve on the altar of Success
My last precious belonging, my very own life!
1976

In other words, to write (actually, to compose in his head) poetry is to Nguyen Chi Thien an affirmation of a standpoint, a living philosophy - it is not a matter of picking and choosing words, and combining them, giving them rhymes to make them melodious to the ear. But lest the reader be misled, I would say that we would be profoundly mistaken if we think that he does not know or care about technical matters such as using different genres of poetry of different purposes, such as rhyming techniques or the choice of a precise vocabulary for special effects. A reading of his poetry in the original will reveal an extraordinary mastery of Vietnamese poetic genres: poetry in four-syllable lines, five-syllable lines, seven-syllable lines, eight-syllable lines, six-eight lines, free verse, not excluding the epic (which is quite rare in Vietnamese poetry). And in every one of these genres he has gems to leave with us:

5-syllable lines
Ngoa i đói khổ ru ng mình
Thơ i đại Hồ-Chí-Minh
Xuất hiện dướI hai hình
Mả tu va mả lính!
Besides the misery and shivering cold
The Ho Chi Minh era
Appears under two guises:
Prisoners' graves and soldiers' graves!
7-syllable lines
Trong tu tình cảnh dễ đong ao
Thân thích co n thua điếu thuốc la o
Ân nghĩa mỏng hơn tơ báo cáo
Tư cách thìa cơm đánh lộn nha o.
In jail feelings are the thickness of pond water
Friends and relatives weigh less than a smoke
Human bonds and obligations are thinner than paper
Integrity can be knocked off with a spoonful of rice.
Modified 7-7-6-8
XUẤT CƠM TÔI
Xuất cơm tôi một hôm đánh đổ
Tôi co n đương đau khổ nhìn theo
Thì nhanh như một đa n heo
Bốn, năm đầu bạc dẫm tre o lên nhau
Bốc ăn một lúc sạch la u
Miếng cơm, miếng đất lầu bầu chửi nhau!
MY RICE PORTION
One day by mishap my rice portion got overturned
In my disappointment I was still figuring out what to do
When quick as a bunch of pigs
Four, five guys, white-haired, scrambled one on top of another
And just as quickly, made a clean job of the stuff
Grumbling, cussing, and chewing all at the same time on
that mixture of rice and dirt.
1966

Nguyen Chi Thien wrote relatively few poems in the so-called six-eight meter (one line of six syllables followed by one of eight), the most popular meter shared by folk poetry and long narratives in the national language (the so-called "novels in verse"). Could it be that this meter is best suited for lyrical poetry whereas the themes of Nguyen Chi Thien's poetry do not always lend themselves to a lyrical expression? Rather, they express a kind of hard-headed, austere realism. However, in the few cases where he indulges himself in the six-eight meter his verse is almost as accomplished as those found in *The Tale of Kieu:*

Tonight winter like a blanket has come
In chilly gusts, anaesthetizing earth and sky
The leaves in droves leave the trees
Shuddering the far hills and misty the stars
Suddenly I am brought to think of home
From which I have been away all these years...
(Excerpted from "Tonight," 1962)

The main verse form preferred by Nguyen Chi Thien is free verse, of which he is a master. Nguyen Chi Thien does not try new things simply for the sake of the new. But this does not mean that he is afraid of experimenting, as in this experiment with the seven-syllable form:

TREE: THE WIND COMES

Tree: the wind comes to caress it
Night: the soft moon is here to brighten it, lovingly
Hill: the white clouds hang above its peak
Reeds: the river washes them as it sings them to sleep
Sound: the rocky cliff sends back a long echo
Me: a crumpled shadow on the beach!
1960

This is clear proof that as early as 1960, he already knew how to write poetry that was distinctly different form the poetry of the past. He does not shrink even in the face of what is commonly called "dead (or impossible) rhymes" such as "uc" in Vietnamese. But Nguyen Chi Thien faced the challenge squarely with this eight-line poem, with four syllables to a line:

LÃNH TỤ

Lãnh tụ béo nục
Dân đen gầy rục
Lao động hùng hục
Họp hành liên tục
Đói ăn khắc phục
Kêu ca tống ngục!
Cộng sản đánh gục
Đời mới hết nhục!
1962

Pot-bellied are the leaders
Skinny to the bones are the people
But labor they must, all day
And attend meetings, all day
Hungry? They'd better overcome it
Otherwise it's straight to jail!
These communists must be defeated
Before this shame can be erased!

By this time, I may be faulted for having hardly touched on the content of Nguyen Chi Thien's poetry - his message, what he has to say. That is, of course, the purpose of the translations we are offering in this book. There is no way that a reader can acquaint himself with Nguyen Chi Thien the poet and what his has to say except plunging into the text - almost anywhere, and that is the luxury of a reader of poetry!

Many composers have contributed to making Nguyen Chi Thien's message better known

LÊ THỊ THẤM VÂN

WHAT REMAINS

The day will come when you and I
Will leave everything behind
with deep regret
and part.

The ancient oak outside the window will wither and fall.
This room once so full of the sounds of ocean waves
will be demolished
and a new one will take its place.

That sunny cafe where we used to meet
will change owners more than once
Our favorite bookstore
will clear its shelves and be restocked.

My sleek black car
with the bewitching sounds of Mark Knopfler's
guitar pouring from the speakers
Will rust away in some back alley of the city.

All that remains
will be these poems
I wrote to you.

abroad thanks to their setting to music some of the poems of our poet. First among them is Pham Duy, arguably the best-known Vietnamese composer of all times, who set some 20 selections form the *The Flowers of Hell* to music (1982), followed by Tran Lang Minh on the East Coast (who to date has also set to music more than 20 poems of Nguyen Chi Thien), Phan Van Hung in France, and others. These musical settings by gifted composers have contributed mightily to spreading the message of Nguyen Chi Thien all over the world, wherever there are people who like to sing. That is precisely the best measure of Nguyen Chi Thien's accomplishment. Being a poetry of struggle, a poetry of action - not something meant for a relaxed spectator to lean back on this armchair to enjoy - Nguyen Chi Thien's is motivational poetry, one that pushes one to action, the "poetry with steel in it" of the kind dreamt by Ho Chi Minh but never achieved by Ho himself.

Ho Chi Minh also has a poetry collection written in jail but his *Prison Diary* is written in Chinese, meant for his Chinese jailers to read and therefore not very Vietnamese. Some scholars have seriously doubted the authenticity of this collection but, leaving that question aside, one can still put the two collections side by side and compare them. I wonder how many would want to read *Ho's Prison Diary* after having seen Nguyen Chi Thien's *The Flowers of Hell.* The reason is simple: if the first instance if mostly word play, considered by some to be wit, the second collection is a recording of true emotions and vivid truths. Is there any choice between the two?

In the old days, in China, Du Fu had a couple of poems lamenting the fate of common people in war such as *Shihao li* ("Recruiting Officer at Shihao Village") and *Xin-an li* ("Recruiting Officer at Xin-an Village"), and people already praised him for being a great humanitarian voice speaking on behalf of the helpless little folk. Compared to Du's poetry, practically every one of the nearly 400 poems contained in *The Flowers of Hell* is a poem talking about the nameless "people" whom every totalitarian regime always claims to represent but actually goes on repressing mercilessly, confident in the belief that their cases will never be recorded in history. But the poetry of Nguyen Chi Thien is there to witness it all. It is also a poetry full of compassion for his martyred land, one in which a person cannot simply grow up: the many instances of hunger and cold recorded by our poet are real enough but it is my belief that they are only emblematic of a greater truth. That is, in Nguyen Chi Thien's eyes, if a person, a whole nation is constantly worried and concerned about the next meal then how can one expect that person, that nation to have time for anything higher in the scale of things, such as culture, such as kindness? In other words, communism is dehumanizing a whole people traditionally known for its gentleness, its civility, its kindness. It is possibly because of this that Nguyen Chi Thien's poetry is close to the Vietnamese psyche: what we have only faintly perceived he has managed to put them into effective poetic statements. In this way, he is quintessentially Vietnamese. Furthermore, he also entertains a great yearning - after freedom - which is a very new theme in Vietnamese poetry. Is it any wonder that he has become, by that very fact, out own voice, the voice of a nation?

Of all the poetry collections in the twentieth century. *The Flower of Hell* must no doubt be the one with which the Vietnamese common reader is most familiar. There is almost no person in the Vietnamese Diaspora who is not at least familiar with some of its verses. With the musical settings that help to spread the collection's message all over the world and back to Vietnam, one can be certain that like the poetry of Sandor Petofi to the Hungarians, Nguyen Chi Thien's verse will help bring about the next revolution in Vietnam — to restore Freedom, Democracy and Human Rights to 75 million suffering Vietnamese.

In this common endeavor I am proud to volunteer as a foot soldier to bring the fire in Nguyen Chi Thien's poetry all over the world. If my article in *Asiaweek,* "A Voice from the Hanoi Underground" (July 30, 1982), was the first one to introduce Nguyen Chi Thien to the English-speaking world he has since been translated into English (Huynh Sanh Thong of Yale University has produced a selection entitled *The Flowers From Hell),* French, Chinese (a translation produced in Taiwan is found at Nanjing University Library on the mainland), Japanese, German (Dr. Bui Hanh Nghi of Munich has produced a selection entitled *Echo aus dem Abgrund)* and Czech (by Jachym topol based on Nguyen Ngoc Bich's versions). Most recently, an Austrian composer, Gunter Mattitsch, had presented fourteen musical settings of Nguyen Chi Thien's poetry, based on the German translations of Bui Hanh Nghi, at a concert held in Klagenfurt, Austria (October 20, 1995). In recent years, Nguyen Chi Thien was also the recipient of the Amsterdam Poetry Award and the American PEN Freedom Prize. And because of his long-term detention and courage he was made honorary member of various Pen Clubs, in France, Sweden and Japan. It is on that basis that I feel confident projecting an expanding role played by this collection, *The Flowers of Hell,* in the world.

**Translation and adaptation of a speech delivered on November 26, 1995, at the George Mason University Law School by the author on the occasion of the first public appearance of the poet in the United States. This has been made into the epilogue of a book, a bilingual edition of Hoa Địa Ngục/The Flowers of Hell,* under press and published by Tổ Hợp Xuất Bản Miền Đông Hoa Ky , hence the reference to a book to a book later in the text. ■

ĐỌC BÁO XUÂN Ở VIỆT NAM

Nói chung các tờ báo Xuân ở Việt Nam năm nay in rất đẹp, đẹp nhất có lẽ là báo *Thời Trang Trẻ*. Hình bìa là Hoa Hậu Hà Kiều Anh đã xinh, hơn hẳn hình ông Đỗ Mười in trên bìa tờ *Nhân Dân* cùng với con rồng và cờ búa liềm. Lâu lắm người dân mới được nhìn thấy cờ búa liềm treo trên cầu Thê Húc. Chắc để nhắc nhở có cái đại hội Tám, mà dân Hà Nội đang gọi là đại hội Tạm, vì chưa ngã ngũ đảng sẽ đi về đâu.

Các tờ báo in giấy trắng tốt hoặc láng bóng là *Sài Gòn Giải Phóng, Tiền Phong,* nhưng báo *Thời Trang* in hình đẹp hơn cả. Nhiều hình phụ nữ ta và tây coi rất hấp dẫn. Báo *Tuổi Trẻ* chơi trội nhất, hầu hết các trang đều in nền, kiểu giấy hoa tiên. Báo *Công An* là tờ báo đảng duy nhất in hình phụ nữ ở ngoài bìa, cô Đào Liên Tỉnh, chỉ tiếc là cô mặc bộ đồ công an, nếu không, có thể đem treo được.

Đó là về hình thức. Còn nội dung thì các tờ báo hơi nhạt nhẽo. Đọc thử vài truyện ngắn trên tờ *Văn Nghệ, Sông Hương* thấy thiếu hẳn sinh khí, không được như mấy năm trước, khi văn nghệ chưa bị xiết chặt lại. Không tờ báo nào nói đến pháo, dù trong câu đối, giữ lập trường vững đến như vậy thì văn chương nào sống nổi? Nhưng tờ báo nào cũng phải nói đến "Bác."

Tất cả các tờ báo xuân này đều phải có một, hai bài viết về Hồ Chí Minh, điều này không có gì lạ. Trừ tờ báo *Tuổi Trẻ* xuất bản tại Sài gòn, điều đó hơi lạ. Báo này cũng như tất cả các báo khác, đều do các tổ chức, các cơ quan của đảng CSVN kiểm soát. Võ Văn Kiệt đang lập một cơ quan quản lý báo chí trực thuộc phủ thủ tướng, có người cho là để cho đảng CSVN kiểm soát chặt chẽ các phương tiện thông tin đại chúng hơn. Nhưng sự thật là chỉ có người trong đảng mới có quyền làm báo rồi, đâu cần kiểm soát thêm nữa? Họa chăng ông Võ Văn Kiệt muốn chiếm lấy độc quyền kiểm soát báo chí của phe ông, ngăn ngừa sự phá phách của phe nhóm khác.

Sự kiện báo *Tuổi Trẻ*, thuộc vùng ảnh hưởng của Võ Văn Kiệt, không nói gì đến Hồ Chí Minh cũng giống như lá thư của ông ta gửi Bộ Chính Trị, trong đó Võ Văn Kiệt cũng không nhắc nhở gì đến chủ nghĩa Mác Lê nin hay tư tưởng Hồ Chí Minh đáng để ý.

Trên các tờ báo xuân chúng ta thấy có sự chia phe qua hình ảnh các lãnh tụ đảng được trưng bầy. Các báo của đảng như tờ *Nhân Dân, Sài Gòn Giải Phóng* đều đăng hình ảnh và bài phỏng vấn Đỗ Mười, ở ngay mấy trang đầu. Đặc biệt là hai tờ báo của đảng ở Hà Nội và Sài Gòn không đăng hình Võ Văn Kiệt. Tờ SGGP lại đăng bài và hình mầu về Võ Trần Trí, bí thư thành ủy Sài gòn, cũng như bài về chủ tịch UBND thành phố. Chuyện một ông thủ tướng chính phủ bị bỏ quên không thể coi là chuyện tình cờ được. Tờ báo *Tiền Phong*, của Đoàn Thanh Niên Cộng Sản cũng đăng hình Đỗ Mười và Lê Đức Anh nhưng bỏ quên Võ Văn Kiệt.

Báo *Quân Đội Nhân Dân* trong số xuân không đăng bài nào hay hình ảnh nào của Đỗ Mười hay Võ Văn Kiệt cả, đó cũng là một hiện tượng. Trong tờ báo của phe quân đội này chỉ có một bức hình chụp đại hội đồng Liên Hiệp Quốc, trong đó giới thiệu có ông Lê Đức Anh ở hàng nhì, mà người đọc khó nhìn ra trong số hơn một trăm vị nguyên thủ quốc gia. Khuôn mặt của ông Clinton và quốc vương Hussein còn thấy dễ hơn.

Trên tờ báo *Tuổi Trẻ* ở Sài gòn thì người ta lại không thấy nói gì đến Đỗ Mười, trong khi Võ Văn Kiệt được đăng hình kèm theo bài phỏng vấn ở trang quan trọng nhất sau trang mục lục. Tờ báo này đi ngược lại với báo *Tiền Phong*, tuy cả hai cùng thuộc đoàn TNCS. Nhưng đáng chú ý hơn là tờ báo xuân *Công An Nhân Dân,* của bộ Nội Vụ. Tờ báo này không đăng bài và hình nào của Đỗ Mười,

nhưng đăng một bài phát biểu của Võ Văn Kiệt, kèm theo hình ảnh. Bên dưới bức hình đó là hình của bộ trưởng Bùi Thiện Ngộ đang gắn huy chương.

Chúng ta biết rằng báo chí, nhất là tờ báo xuân luôn luôn phản ảnh lập trường của cơ quan hay tổ chức của đảng, thì hiện tượng trên chứng tỏ các phe trong đảng CSVN không cần giấu diếm, hay không có khả năng giấu diếm sự rạn nứt nội bộ nữa.

Sự rạn nứt nội bộ hiện ra trong một bài thơ của Tố Hữu trên trang đầu báo *Nhân Dân*. Nếu quý vị không sợ xui xẻo lúc đầu năm thì xin đọc mấy câu gọi là thơ này:

Mấy tên mặt "đỏ" tự bôi đen,
Bán nước, lừa dân, cũng trống kèn
Cờ đỏ thiêng liêng quăng xuống đất
Tham vàng, phản bạn, rõ đê hèn.

Đây không phải là mấy câu thơ tự vịnh, mà nghĩa đen là để chửi mấy đồng chí Liên Xô, Đông Âu, Mông Cổ, v.v. Nhưng còn nghĩa bóng thì ai cũng đoán được. Dân Hà Nội được dịp cười ba ngày tết.

NHỮNG NHÂN TÀI BỊ ĐUỔI ĐI

Cuối Tháng Giêng 1996 nước Mỹ mất một thi sĩ, Joseph Brodsky, giải Nobel năm 1987. Ông mất vì bệnh tim, thọ 55 tuổi. Nhưng nước Nga, tổ quốc của ông đã mất ông từ năm 1972. Năm đó chính phủ Liên Xô đưa ông lên máy bay sang Áo, và không cho trở về. Ông sang Mỹ, trở thành một công dân năm 1980, và năm 1991 nước Mỹ phong ông tước hiệu Thi Sĩ danh dự.

Năm 1964, Brodsky 24 tuổi, ông bị đưa ra tòa. Quan tòa hỏi ông:

"Nghề nghiệp làm gì?"

"Thi sĩ."

"Ai cho phép anh làm thi sĩ?"

"Không ai cho cả. Có ai cấp giấy phép cho tôi 'làm người' đâu?"

"Anh có học nghề thi sĩ ở trường nào không?"

"Làm thơ không phải là một nghề phải học."

"Thế thì nó là gì?"

"Là một thiên khiếu."

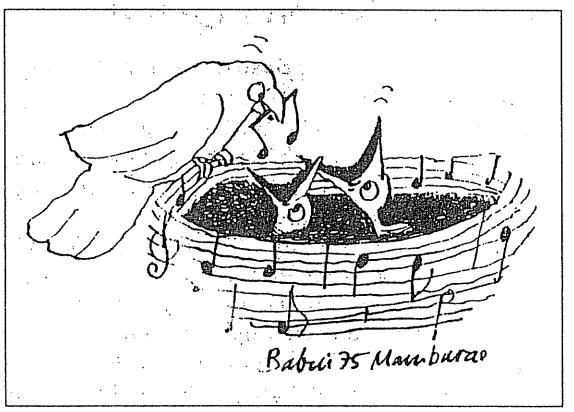

Ông bị kết án năm năm khổ sai, về tội "ăn hại," đi đầy hai năm rồi được tha. Ông vẫn chưa được cấp giấy phép làm thi sĩ, không phải là hội viên của Hội Nhà Văn. Bất cứ ai viết lách mà không có chân trong Hội này đều đáng nghi cả. Nhưng chính phủ cộng sản văn minh hơn, họ không đầy ông đi Tây Bá Lợi Á suốt đời hay ám sát như trước nữa. Các người như Brodsky, Solzhenitsyn, được tống khứ đi cho rảnh nợ.

Năm qua thi sĩ Nguyễn Chí Thiện cũng bị đưa đi, ông sang Mỹ để chữa bệnh. Tại đây ông được cộng đồng người Việt ở hải ngoại đón tiếp như một anh hùng, đi đến đâu ông cũng được hoan nghênh nhiệt liệt. Ở mỗi nơi ông đều nói chuyện và đọc các bài thơ mới của ông. Nguyễn chí Thiện có tài kể chuyện và ăn nói duyên dáng, cách ông tiếp xúc với thính chúng cho thấy ông có thiên khiếu tác động đám đông, làm người ta có thể khóc và cười bằng bầu nhiệt huyết của ông.

Một người nữa cũng mới được CSVN đưa ra nước ngoài là Luật sư Đoàn Thanh Liêm, sau sáu năm ở tù, với cái án 12 năm. Đặc biệt, ông được đưa thẳng từ trại giam Hàm Tân đến phi trường Tân Sơn Nhất, vợ con ông đã chờ sẵn ở đó, rồi cả nhà bay qua phi trường Los Angeles. Gia đình ông được công an làm sẵn các giấy tờ, xin chiếu khán của chính phủ Mỹ, rồi đưa đi.

Khác với thi sĩ Nguyễn Chí Thiện, Đoàn Thanh Liêm cho đến nay vẫn chưa xuất hiện trước đám đông.

HIỆN TƯỢNG BUCHANAN

Ông Pat Buchanan, nhà bình luận truyền hình có khuynh hướng cực hữu bình dân, thắng cuộc bầu cử sơ bộ ở New Hampshire, tiểu bang bầu sơ bộ (*primary*) đầu tiên, không kể các tuyển chọn (*caucus*) ở Louisana và Iowa, khiến đảng Cộng Hòa lo sợ.

Ông Buchanan đã từng nói những lời quá khích, sẽ làm mất rất nhiều phiếu của đảng Cộng Hòa nếu ông ta trở thành ứng cử viên chính thức của đảng. Ông sẽ thất cử, nhưng cũng có thể khiến nhiều ứng cử viên dân biểu và nghị sĩ của đảng Cộng Hòa thất cử oan theo. Sau khi ông thắng ở New Hampshire rất nhiều người trong đảng Cộng Hòa đang tìm cách "tống" ông lại.

Buchanan chống phong trào phụ nữ đòi quyền bình đẳng (*feminists*). Chê đàn bà nói chung — ông nói "phụ nữ không thể sẵn sàng đứng mũi chịu sào." Chống người đồng tính ái, khích bác người Do Thái, chống người di dân mới. Năm 1984, ông ta nói người Mỹ phải quyết định "nước Mỹ vào thế kỷ 21 có còn là một nước da trắng nữa hay không?" Ông còn cảnh cáo coi chừng bị "họa xâm lăng của mọi zulu!" Lối ăn nói đó biểu lộ tinh thần kỳ thị chủng tộc. Một người cánh tay mặt của ông là chủ tịch "Hội những người có súng" đã tham dự các buổi họp của các nhóm "tân phát xít." Một nhà bình luận trên báo *New York Times* viết rằng

"Buchanan không phải là một tên phát xít, ông ta không thành thật như vậy."

Buchanan thắng nghị sĩ Dole 27% so với 26% số phiếu. Từ năm 1964 đến nay không một ứng cử viên Cộng Hòa nào thua ở New Hampshire mà lại được đảng đưa ra tranh cử chính thức. Từ 1952 tới nay không có một ứng cử viên Cộng Hòa nào thua ở tiểu bang đó mà lại đắc cử tổng thống. Những nhận xét đó không phải là những quy luật bao giờ cũng đúng, nhưng sẽ ám ảnh đảng Cộng Hòa suốt năm nay.

Sự thắng thế của ông Buchanan làm người ta sợ vì ai cũng biết rằng ông ta không thu hút được đa số. Những người ủng hộ ông không quá một phần ba số cử tri. Những ứng cử viên Cộng Hòa khác đã chia phiếu của nhau nên Buchanan mới thắng thế.

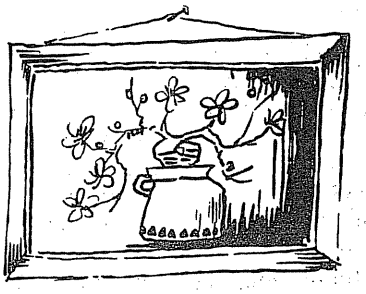

Vậy những ai ủng hộ ông ta?

Trước hết là thành phần bảo thủ cực hữu về tôn giáo. Ông Buchanan lôi cuốn những người này vì lập trường chống phá thai một cách không khoan nhượng của ông. Rất nhiều người Mỹ chống phá thai, nhưng họ đủ rộng lượng để chấp nhận những người khác ý kiến với họ. Các người ủng hộ Buchanan thì không thể chấp nhận như thế.

Những người lợi tức thấp ủng hộ Buchanan. Họ rất thích các lời mị dân của ông ta khi ông chống lại các thỏa ước về tự do mậu dịch mà nước Mỹ đã ký kết. Trên bình diện kinh tế ông chống lại chủ trương tự do mậu dịch của đảng Cộng Hòa xưa nay. Ông cho rằng phải bảo vệ các kỹ nghệ đang suy yếu của Mỹ, chống lại hàng nhập cảng từ các nước nghèo hơn. Ông nói "Các bạn không thể bắt những người thợ ở Mỹ, với số lương 10 đồng, 15 đồng, 20 đồng một giờ, cạnh tranh đối đầu với những người thợ (ở nước khác) chỉ làm với lương một đồng, hay 25 xu một giờ." Nói như vậy những người thiển cận dễ đồng ý ngay. Họ không biết rằng sức mạnh của kinh tế nước Mỹ là ở các ngành kỹ thuật cao, mà hàng hóa Mỹ xuất cảng thuộc loại cần kỹ thuật cao, bỏ vốn nhiều. Nếu Mỹ ngăn cản hàng rẻ tiền của ngoại quốc thì sẽ bị trả đũa, hàng hóa Mỹ khó xuất cảng, thiệt hại cho giới lao động Mỹ hơn nữa. Về ngoại giao Buchanan muốn quay về thời cô lập của nước Mỹ. Buchanan khiến cho cuộc liên minh trong đảng, giữa khuynh hướng "Bảo thủ kinh tế" và "Bảo thủ về văn hóa" bị rung chuyển.

Đảng Cộng Hòa sẽ phải đối phó với ông Buchanan trước khi chọn được một ứng cử viên ra đấu với Clinton trong năm nay. Trong hai năm qua, đảng này đưa ra một chương trình chính trị mà họ gọi là "Hợp đồng với Mỹ quốc" (*Contract with America*). Cơ bản của chương trình đó là giảm bớt bộ máy chính phủ liên bang, cắt bớt chi tiêu, và cân bằng ngân sách. Nhưng từ khi các cuộc tranh cử sơ bộ mở màn, không có ứng cử viên nào cổ động cho "bản hợp đồng" đó nữa. Công trình mấy năm vận động của đảng đã bị quên. Những ứng cử viên như ông Forbes, với chủ trương thuế bình quân, ông Buchanan với lập trường cực hữu, đã làm lu mờ ngay cả các lập trường căn bản của đảng.

Điều hy vọng cho đảng Cộng Hòa bây giờ là ba tuần sau, nhất là ngày 12 tháng Ba với sáu cuộc bầu cử sơ bộ ở nhiều tiểu bang đông dân, số ứng cử viên sẽ bớt đi, dồn phiếu lại, đủ để có người đánh bại ông ta. Trong hai người sáng giá nhất, ông Dole có nhiều lợi thế hơn ông Alexander. Thứ nhất là ông ta được nhiều thống đốc tiểu bang ủng hộ, với uy tín và bộ máy vận động tranh cử của họ. Thứ hai là quỹ tranh cử của ông Dole còn trên 6 triệu rưỡi, trong khi quỹ của ông Alexander chỉ còn hơn 1 triệu tư. Số người đóng góp cho ông Dole trong thời gian sắp tới cũng đông hơn các ứng cử viên khác. Hiện nay chưa mấy người "khui" ra các vụ làm giầu nhanh chóng của Alexander sau khi ông làm thống đốc tiểu bang Tennesee. Nhưng sẽ đến lúc các mũi dùi nhắm vào ông này.

MỸ VÀ TRUNG QUỐC

Bốn năm trước ông Bush đang tại chức, Clinton đang ứng cử. Ở địa vị ứng cử viên đảng Dân chủ, Clinton yêu cầu Bush không được mềm yếu với Trung cộng. Cụ thể là không được gia hạn quy chế Tối huệ quốc (MFN) trong khi Trung cộng còn vi phạm các nhân quyền căn bản.

Năm nay đến lượt ông Clinton đang ngồi ghế tổng thống, đảng Cộng Hòa kiểm soát quốc hội, và các ứng cử viên Cộng Hòa đang giành nhau để được đảng đưa ra tranh cử tổng thống. Ông Clinton sẽ phải chịu áp lực của cả quốc hội lẫn các ứng cử viên đối lập về việc gia hạn quy chế tối huệ quốc

cho Trung cộng. Năm nay người ta sẽ không phải chỉ nêu vấn đề nhân quyền ở bên Tầu, dù rằng các cơ quan tranh đấu cho nhân quyền đã nêu ra các tội phi nhân mới của Bắc Kinh, như bỏ đói, bỏ chết các trẻ em mồ côi mà nhà nước quản lý. Năm nay, phe đối lập còn nêu lên vụ Trung quốc đe dọa quân sự với Đài Loan liên tiếp, và gần đây, việc nước Tầu bán kỹ thuật hạch tâm cho Pakistan. Với các dụng cụ mới mua được của Trung cộng, Pakistan sẽ tăng gia khả năng tinh lọc chất uranium để có thể làm bom hạch tâm.

Báo chí, dư luận Mỹ đều lên tiếng yêu cầu chính phủ Mỹ phải "trừng phạt" Bắc Kinh. Các ứng cử viên Cộng Hòa sẽ có một đề tài chỉ trích tổng thống. Theo luật pháp Mỹ, khi một quốc gia vi phạm "Thỏa ước ngăn cản bành trướng võ khí hạch tâm," như Trung cộng đã ký kết và vi phạm, thì chính phủ Mỹ phải có biện pháp có tính cách trừng phạt. Nhưng "trừng phạt" Trung cộng là làm gì? Chính phủ Mỹ mới lên tiếng nhẹ nhàng yêu cầu Trung Cộng đừng lớn tiếng đe dọa Đài Loan nữa. Nhưng mặt khác họ cũng lững lờ tuyên bố chưa có kế hoạch can thiệp nếu Trung Cộng tấn công. Nhưng tuy các lãnh tụ Bắc Kinh la lối, người ta cũng biết nếu họ tấn công thì sẽ bị sa lầy. Dân Đài Loan sẽ "kháng chiến" không biết đến bao giờ mới bình định xong, mà các nước sẽ tẩy chay Trung Quốc, giống như đã trừng phạt Việt Nam sau vụ tấn công Cam Pu Chia. Nhưng chính phủ Mỹ có thể dùng đòn mậu dịch.

Đầu tiên là chính phủ Mỹ có thể ngưng việc Ngân hàng Xuất Nhập Cảng (Ex-Im Bank) cho vay hoặc bảo đảm món tiền của ngân hàng tư cho các nhà kinh doanh Mỹ vay khi làm ăn ở Trung quốc. Số tiền cho vay này hiện lên tới 10 tỷ USD. Những vụ xuất cảng và đầu tư liên hệ tới các hãng IBM, Westinghouse, Boeing, Motorola, Chrysler, AT&T thuộc các ngành viễn thông, chế tạo máy bay, nhà máy điện, vệ tinh nhân tạo, v.v. Sau đó chính phủ Mỹ còn có thể dùng các đạo luật khác, không cho phép các ngân hàng và các cơ sở tài chánh và tín dụng Mỹ giao thương với Trung quốc, cấm bán các món hàng có tính chất quân sự sang Tầu.

Việc bán hàng hóa kỹ thuật cao là một khoản mà chính phủ Mỹ khó làm ngơ. Riêng về máy bay phản lực, hãng Boeing đang thắng thế ở Trung cộng, qua mặt các hãng Mỹ và Âu châu khác. Trong vòng 15 năm tới Trung cộng sẽ nhập cảng khoảng 100 tỷ bạc máy bay.

Một biện pháp mạnh hơn, mà các dân biểu Cộng Hòa sẽ đòi hỏi, là không tái tục quy chế Tối Huệ Quốc, khiến cho hàng hóa Trung cộng xuất cảng sang Mỹ sẽ phải đóng quan thuế cao hơn. Họ có thêm một luận cứ mạnh là cán cân thương mại giữa hai xứ đã nghiêng hẳn, lợi cho Trung cộng - tuy sự chênh lệch này bị thổi phồng quá đáng vì nhiều hàng hóa Mỹ mua từ Tầu chỉ trả tiền cho Hồng Kông, Đài Loan, chủ nhân các xí nghiệp trong nội địa.

Liệu các biện pháp trên có thiệt hại cho nước Mỹ hay không? Chắc chắn có, mà giới kinh doanh Mỹ sẽ vận động chống lại. Một tổ chức Liên minh bảo vệ mậu dịch Hoa-Mỹ do 100 công ty đã thành lập để vận động chống lại các biện pháp trừng phạt. Nhưng chính phủ Mỹ, trong một năm bầu cử như năm nay sẽ phải chú ý hơn đến các chỉ trích của báo chí và quốc hội, có khi phải quên các quyền lợi những xí nghiệp liên hệ, ít nhất trong năm 1996.

Những đòn trừng phạt của Mỹ chắc chắn sẽ gây phản ứng mạnh từ phía Trung cộng, vì tuy ở đó người ta không cần lo bầu cử, các lãnh tụ đang thi đua tỏ ra cứng rắn với ngoại quốc, tranh giành ảnh hưởng trước khi Đặng Tiểu Bình chết.

Liệu hai nước có thể đi tới một cuộc chiến mậu dịch hay không? So với mối xung đột mậu dịch Hoa Kỳ - Nhật Bản năm ngoái thì khả năng xẩy ra xung đột với Trung công cao hơn nhiều. Lý do chính là nước Tầu còn sống trong một hệ thống độc tài, chính phủ Bắc Kinh không cần lo đến ý kiến và quyền lợi của dân chúng. Họ có thể bắt dân họ chịu thiệt thòi về kinh tế mà dân không thể phản đối, như dân Nhật.

Muốn trả đũa đòn mậu dịch của Mỹ, Trung cộng có thể làm gì? Ngoài chuyện cắt đứt các vụ đầu tư của doanh nhân Mỹ, Trung cộng có thể sẽ gây tình hình căng thẳng ở eo biển Đài Loan và vùng Trường Sa. Chuyện này có thể sẽ xẩy ra trong những tháng tới.

Một cuộc đối đầu về mậu dịch Mỹ-Trung cộng sẽ gây căng thẳng cho cả Á châu và một kết quả là khiến cho chính quyền ở Việt Nam bị kẹt trong thế trâu bò húc nhau ruồi muỗi chết.

Cộng sản Việt Nam sẽ bị kẹt vì thái độ cứng rắn của chính phủ Mỹ đối với Trung cộng sẽ lan rộng, sang việc mậu dịch với Việt Nam. Chính phủ Võ Văn Kiệt đang mong đạt thêm thắng lợi về ngoại giao và mậu dịch với Mỹ để đối phó với phe bảo thủ tại Đại hội tám sắp tới. Nhưng một cuộc chiến tranh mậu dịch Mỹ-Hoa vẫn có thể lan sang tới Việt Nam, ít nhất cũng làm những người Mỹ chống mậu dịch với Việt Nam thêm hăng hái.

Hậu quả thứ hai là tình hình căng thẳng ở eo biển Đài Loan và vùng Đông Nam Á sẽ khiến thế giới bên ngoài lo sợ, giảm bớt hoặc ngưng các vụ đầu tư vào Việt Nam. Nhưng hệ quả đáng lo hơn là thái độ hung hăn của Trung Công đe dọa một cuộc chiến tranh giới hạn trong vùng, khiến cho người dân Việt lo sợ, và chính quyền Hà Nội cũng sẽ lo sợ. Họ sẽ phải xét lại chính sách thân thiện Trung quốc, muốn noi theo gương Trung quốc về chính trị.

Liệu đảng CSVN có thể làm ngơ, coi như đứng ngoài cuộc trong cuộc chiến mậu dịch Mỹ-Hoa hay không? Về mậu dịch họ có thể làm ngơ, nhưng trước mối đe dọa chiến tranh họ sẽ phải tìm cách dựa vào Mỹ hơn. Một điều đại bất hạnh cho họ, là nếu cuộc chiến mậu dịch nóng lên trước Đại hội tám.■

"Ả Q CHÍNH TRUYỆN" của LỖ TẤN "CHÍ PHÈO" của NAM CAO

THÁI VIỆT

Nhà đại văn hào Trung Quốc Lỗ Tấn viết *AQ Chính Truyện* năm 1921. Hai mươi năm sau nhà văn Nam Cao viết truyện ngắn *Chí Phèo*.

Theo các nhà nghiên cứu văn học Việt Nam khi Nam Cao viết truyện *Chí Phèo* không hề bị ảnh hưởng Lỗ Tấn. (Vũ Ngọc Phan, Nghiên cứu văn học tháng 9, 1965).

Thế nhưng *AQ Chính Truyện* và *Chí Phèo* lại có những điểm giống nhau.

1. AQ và Chí Phèo đều thuộc thành phần cha căng chú kiết.

Chí Phèo thì vừa đi vừa chửi: "Không biết đứa chết mẹ nào lại đẻ ra thân hắn cho hắn khổ đến nông nỗi này?" A ha! Phải đấy hắn cứ thế mà chửi, hắn cứ chửi đứa chết mẹ nào đẻ ra thân hắn, đẻ ra cái thằng Chí Phèo!... Có mà trời biết? Hắn không biết, cả làng Vũ Đại cũng không ai biết!

Còn AQ thì tên là gì, họ nhà ai, quê ở đâu cũng chẳng ai hay. Nên tác giả đành dùng chữ Tây mà theo lối bớt nói của người Anh mà viết A Quei thành AQ.

2. Cả hai đều vô nghề nghiệp, sống vô gia cư chết vô địa táng.

AQ không có nhà cửa, ngụ trong cái miếu thổ thần của làng Mùi; cũng không có nghề nghiệp nhất định, chỉ có ai mướn làm ngày thì làm, mướn gặt lúa thì gặt lúa, mướn giã gạo thì giã gạo, mướn chèo thuyền thì chèo thuyền...

Còn Chí Phèo cũng ở cái miếu ở bờ sông vì vốn từ trước đến nay không có nhà. Năm hai mươi tuổi làm canh điền cho nhà ông lý Kiến. Ông lý có bà vợ ba phốp pháp, má bà ấy hây hây, mà ông lý thì hay đau lưng lắm. Bà ba lại thỉnh thoảng lại sai Chí Phèo bóp chân hay xoa bụng, đấm lưng gì đấy. Nên có người bảo ông lý ghen nên cho Chí Phèo vào tù mấy năm. Nhưng hắn đi biệt tăm đến bảy tám năm rồi mới trở về làng Vũ Đại.

3. Cả hai đều bị lưu manh hóa.

Chí Phèo khi trở lại làng "chẳng ai biết hắn là ai, cái đầu thì trọc lốc, cái răng cạo trắng hớn, cái mặt thì đen mà rất cơng cơng, hai mắt gườm gườm trông gớm chết. Hắn mặc quần áo nái đen với cái áo tây vàng. Cái ngực phanh đầy những nét chạm trổ rồng phượng với một ông tướng cầm chùy, cả hai cánh tay cũng thế. Trông gớm chết".

AQ vì cái tội tán mụ Ngọ, người làm của nhà cụ Triệu bị một trận đòn nên thân. Và sau đó bị tẩy chay: quán rượu không bán chịu nữa, lão già coi miếu thổ thần muốn đuổi hắn đi, không ai mượn AQ làm nữa. AQ ra tỉnh tham gia vào đám đầu trộm đuôi cướp làm một chân "chạy cờ" vì AQ chẳng những không leo tường được, lại còn chẳng đào được ngạch; chỉ việc đứng ngoài đỡ hàng. Một đêm nọ, hắn vừa tiếp thâu một bọc, "đàn anh" quay vào một lúc, thì nghe phía trong có tiếng kêu ầm lên. Thế là hắn ù tế chạy, ngay đêm đó bỏ ra khỏi thành, trốn về làng Mùi mang theo bọc hàng; nên có quần áo cũ bán cho dân làng và nhà cụ Triệu.

Sau khi lưu manh hóa thì mất năng lực làm việc, chỉ còn lại năng lực phá phách.

4. Cả hai cùng có kẻ thù là người giàu có và có quyền thế ở một làng.

Kẻ thù của Chí Phèo là bố con Bá Kiến (con là lý Cường).

Kẻ thù của AQ là cụ Triệu và quan tú (con cụ Triệu).

Mà có cái trùng hợp kỳ lạ Bá Kiến và cụ Triệu đều là kẻ khôn ngoan nham hiểm, khi rắn khi mềm khiến hai đối thủ là Chí Phèo và AQ hay bị lừa và bị thua.

Còn lý Cường và quan tú lại nóng nảy hay dùng võ lực làm cho Chí Phèo và AQ máu chảy, đầu biêu.

5. Càng lạ hơn nữa **cả hai đều có lúc nghĩ mình có họ có hàng với hai gia đình giàu có.**

"Khi con trai cụ Triệu thi đậu tú tài... AQ bèn hoa chân múa tay, nói rằng thật rất vẻ vang cho hắn, vì hắn với cụ Triệu là chỗ đồng tông, tỉ mỉ so về vai vế thì quan tú còn phải gọi hắn là cụ."

Còn Chí Phèo thì không dám tự mình nhận có họ với bá Kiến nhưng chính mồm bá Kiến nói ra: "Chỉ tại thằng lý Cường nóng tính không nghĩ trước nghĩ sau. Ai chứ anh với nó còn có họ kia đấy. Chí Phèo chả biết họ hàng ra làm sao, nhưng cũng thấy lòng nguôi nguôi."

6. Cả cái không gian của hai truyện ngắn là **làng Vũ Đại và làng Mùi cũng có vài nét tương tự.**

Làng Vũ Đại, chính là làng Đại Hoàng quê của Nam Cao. Một làng đầu tỉnh cuối huyện, cách thành phố Nam Định trên mười cây số, mà hẻo lánh, mà hoang vắng, mà đầy những chuyện nhũng nhiễu bất công và tai ngược.

Còn làng Mùi: Không khí xã hội vẫn là không khí của nông thôn thời trung cổ, sinh hoạt tinh thần của người dân làng Mùi chỉ là ngồi lê mách lẻo về các câu chuyện vặt vãnh chung quanh các gia đình giàu có phú ông. Một phát hiện của AQ về cách

chiên cá khác lạ của dân trên huyện cũng làm cho làng Mùi trố mắt.

Tuy hai truyện có những nét giống nhau, nhưng cách xây dựng truyện của Lỗ Tấn và Nam Cao lại theo hai hướng khác hẳn nhau.

Nam Cao viết về người nông dân nghèo khổ sống dưới ách cường hào. Cuộc đời hắn từ khi sinh ra cho đến lúc nhắm mắt bị khép kín trong vòng lẩn quẩn đầy tủi nhục tối tăm.

Nam Cao muốn lên án xã hội khắm ác đã đẩy những người vốn lương thiện đi vào đường bất lương.

Còn động cơ sáng tác của Lỗ Tấn là phơi bầy những nhược điểm trong quốc dân tính, để tả linh hồn người Trung Quốc, để vạch rõ những căn bệnh tinh thần quốc dân cho mọi người thấy mà tìm phương chạy chữa.

Thế nên Chí Phèo càng say càng chửi, càng say càng liều lĩnh hơn.

Còn AQ thì trốn vào trong giấc mơ thắng trận tưởng tượng.

Có thể nói bao nhiêu lần say của Chí Phèo thì có gấp bội lần "thắng lợi tinh thần" của AQ.

Say là một đặc điểm tiêu biểu của Chí Phèo. Biệt tích bảy tám năm Chí Phèo "về hôm trước, hôm sau đã thấy ngồi ở chợ uống rượu với thịt chó suốt từ trưa đến xế chiều. Rồi say khướt, hắn xách một cái vỏ chai đến cổng nhà Bá Kiến gọi tận tên tục ra mà chửi" với mục đích trả thù bằng cách gieo vạ "tao mà chết thì có thằng sạt nghiệp, mà còn rũ tù chưa biết chừng."

Cái nóng nảy của lý Cường làm Chí Phèo lên nước "Chí Phèo lăn lộn dưới đất, vừa kêu vừa lấy mảnh chai cào vào mặt. Máu ra loe loét trông gớm quá!"

Nhưng gặp tay già dặn về xử thế, lõi đời về cách trị dân như Bá Kiến: "Ở cái đất nhà quê, bọn dân hiền lành chỉ è cổ làm nuôi bọn lý hào, những chính bọn lý hào, nhiều khi lại phải ngậm miệng cung cấp cho những thằng cùng hơn cả dân cùng nên liều lĩnh, lúc nào cũng có thể cầm dao đâm người hay đâm mình."

Nên Bá Kiến "giết gà, mua rượu cho hắn uống, xong lại đãi thêm đồng bạc về uống thuốc." Kết quả là Chí Phèo thất bại vì đã từ bỏ mục đích của mình. Tỉnh ra, Chí Phèo "vô cùng hả hê."

Lần thứ hai "Uống xong hắn chùi miệng, rồi ngật ngà ngật ngưỡng đến nhà bá Kiến" để đòi nợ.

Vẫn với vũ khí "bần cùng khố dây": "Con đến xin cụ cho con đi tù... bẩm cụ không được thì con phải đâm chết dăm ba thằng, rồi cụ bắt con giải huyện."

Bá Kiến nghĩ bụng: "Không có những đầu bò thì lấy ai mà trị những thằng đầu bò." Thế là Chí Phèo rơi vào bẫy, Chí Phèo biến thành tay sai, đi đòi nợ đội Tảo, một địch thủ của Bá Kiến. Chí Phèo đòi được nợ nên bá Kiến thưởng cho năm đồng. Hắn tự đắc: "Anh hùng làng này cóc thằng nào bằng ta!" Thế là Chí Phèo một lần nữa lại thất bại, lại từ bỏ mục đích của mình.

Say lần thứ ba với lão tự Lãnh, hai người uống hết ba chai rượu, say đến mức tự Lãnh "bò như cua và hỏi Chí Phèo: Người ta đứng lên bằng cái gì?" "Chưa bao giờ Chí Phèo thỏa thuê đến thế! Hắn thấy làm lạ sao mãi đến hôm nay mới ngồi uống rượu với thằng cha tự này."

Đây là lần say duy nhất mà Chí Phèo trở về nhà mình, trở về con đường sáng — con đường thức tỉnh. Cái gì khiến Chí Phèo thức tỉnh? Phải chăng khi Chí Phèo nhìn thị Nở ngủ với mình trần một cách say sưa. "Bỗng nhiên hắn rón rén lại gần thị Nở: lần đầu tiên hắn rón rén từ khi về làng... rồi hắn lẳng lặng ngồi xuống bên sườn thị..."

Thị Nở giật mình tỉnh dậy thì Chí Phèo đã bám lấy thị, thị kêu làng nhưng hắn lại kêu to hơn vừa kêu vừa dần thị Nở xuống.

"Thị Nở bỗng nhiên bật cười, thị Nở vừa rủa vừa đập tay trên lưng hắn. Nhưng đó là cái đập yêu, bởi vì đập xong, cái tay ấy lại giúi lưng hắn xuống..."

Rượu say, thỏa mãn tình yêu, ngủ say sưa như chưa bao giờ được ngủ dưới vừng trăng là đèn, đất là giường, khí lạnh thấm vào, gần sáng Chí Phèo nôn mửa đứng lên không nổi.

"Thị Nở quàng tay vào nách hắn, đỡ cho hắn gượng ngồi. Rồi thị kéo hắn đứng lên. Hắn đu vào cổ thị, hai người lảo đảo đi về lều."

Thị Nở săn sóc hắn như săn sóc một người tình: "Dẫu sao cũng đã ăn nằm với nhau" nên nhường cái chõng tre duy nhất cho Chí Phèo nằm, đi nấu cháo hành cho Chí Phèo ăn. "Bát cháo hành của thị Nở làm hắn suy nghĩ nhiều. Hắn có thể tìm bạn được sao lại gây kẻ thù." "Hắn thèm lương thiện, hắn muốn làm hòa với mọi người biết bao."

Tưởng Chí Phèo có thể trở về cuộc đời lương thiện ai ngờ bị bà cô của thị Nở thành kiến: "Ai lại đi lấy một thằng chỉ có cái nghề rạch mặt ra ăn vạ. Trời ơi! Nhục nhã ơi là nhục nhã!" Câu đó đến tai Chí Phèo. Chí Phèo chua xót và bế tắc. Nhưng phần tỉnh táo và tiềm thức giúp cho Chí Phèo xử sự đúng.

Tuy miệng nói "Phải đến nhà cái con đĩ Nở kia, đến để đâm chết cả nhà nó, đâm chết cái con khọm già nhà nó," nhưng trong trái tim "hắn cứ thoang thoảng thấy hơi cháo hành", nên lần say cuối Chí Phèo lại đến nhà bá Kiến.

Lần này Chí Phèo không đến để đòi tiền, nên hăm hào bạc của bá Kiến không làm Chí Phèo mất sáng suốt. Lần này Chí Phèo đòi làm người lương thiện. Nhưng cái làng Vũ Đại, cái xã hội thời đó không ai chấp nhận vì trước đây "hắn đã phá bao nhiêu cơ nghiệp, đập nát bao nhiêu cảnh yên vui, đạp đổ bao nhiêu hạnh phúc, làm chảy máu và nước mắt của bao người lương thiện. Hắn biết đâu vì hắn làm tất cả những việc ấy trong khi người hắn say; hắn say thì hắn làm bất cứ cái gì người ta sai hắn làm. Tất cả dân làng đều sợ hắn và tránh mặt hắn mỗi lần hắn qua." Chính hắn cũng xác nhận: "Làm thế nào mất được những vết mảnh chai trên mặt này? Tao không thể là người lương thiện nữa. Biết không! Chỉ có một cách... biết không! Chỉ còn một cách là... cái này! Biết không!..." Hắn rút dao ra xông vào vừa kêu vừa đâm bá Kiến chết rồi tự đâm mình.

Thực ra Chí Phèo cũng có những "thắng lợi tinh thần" nhưng so với AQ còn thua nhiều lắm.

Tinh thần AQ còn gọi là phép thắng lợi tinh thần, là sự thắng trận trong tưởng tượng, tự mình tạo ra để an ủi mình những khi thất bại, là biện pháp tự lừa dối, tự trốn tránh để an ủi.

1. Trong cuộc sống, không ai biết AQ con nhà ai, từ đâu tới, ngay cả bản thân y cũng không tường. Thế mà trong lúc cãi nhau mà bị thua y cũng tức khí lên mà nạt lớn: "Ông cha nhà tao bề thế hơn nhà mày nhiều, mày thì ra cái đồ gì!"

2. Khi thấy cụ Triệu, cụ Tiền vừa giàu có lại có con cái học giỏi, nên dân làng kính trọng, thì AQ lại tặc lưỡi: "Con ta sẽ danh giá hơn nhiều." Mặc dầu hiện tại, hắn là một kẻ độc thân, tứ cố vô thân, khả năng để có một người vợ cũng không có, thế nhưng AQ lại nghĩ rằng mình sẽ có những đứa con tài giỏi, mang lại nhiều danh vọng hơn tất cả mọi người.

3. AQ khi nổi giận thì mấy cái sẹo mụt ở trên đầu lại đỏ ửng lên, đã xấu lại càng xấu thêm. Nên đám thanh thiếu niên hay lấy AQ ra làm trò cười bằng cách nói xa nói gần đến cái mụt của hắn, hắn cáu lên thế là sinh ra ẩu đả, mà thường là AQ thua. AQ vẫn nghĩ thầm: "Ta cứ như bố bị con đánh, cái thiên hạ đời nay thật chả còn ra thế nào...", thế rồi hắn cũng bỏ đi một cách hả hê đắc thắng.

4. Cũng có lúc ngứa mồm ngứa miệng đụng vào lão Vương Xồm (lão này vừa mụt nhọt lại râu xồm) cũng bị hắn đập cho luôn một hồi năm cái, rồi đẩy cho ngã chúi văng đi đến ngoài sáu thước. Hay lẩm bẩm trong miệng chửi thầm: thằng "Tây giả cầy", "quân thông đồng với ngoại quốc", "thằng trọc... con lừa" chứ chưa bao giờ chửi thành tiếng. Lần này bị lão Vương Xồm cho một trận, AQ cho đây là mối nhục vì xưa nay lão Vương Xồm chỉ bị hắn chế giễu, chứ Vương Xồm không bao giờ chế giễu hắn, thế mà lần này Vương Xồm dám thượng cẳng chân hạ cẳng tay với hắn. Đang cơn tức giận lại gặp "Tây giả cầy" con cụ Tiền, nên buộc miệng "Thằng trọc... con lừa", "thằng trọc" cầm cái ba toong sơn vàng nện luôn lên đầu AQ mấy cái, đây là một sự khuất nhục số hai. May mà AQ rửa được hai nỗi nhục này, khi gặp một ni cô, AQ tiến sát lại đưa tay xoa cái đầu mới cạo nhăn nhở cười. Ni cô phản đối. Thấy sự nghiệp to tát của mình được các người ngồi trong quán rượu cười rộ tán thưởng, AQ càng thêm hăng hái: "Hòa thượng đụng được, tớ đụng không được à? Hắn véo má ni cô."

Xong trận đấu này, hắn quên cả lão Vương Xồm, quên cả thằng "Tây giả cầy". Hắn thấy nhẹ nhõm hơn cả sau khi xảy ra mấy tiếng bịch bịch của ba toong, thấy mình cứ lâng lâng như thể sắp sửa tung bay.

5. Bị Vương Xồm đánh là nhục, nhưng khi bị cụ Triệu tát tai mấy cái vì tội nhận họ nhận hàng với cụ Triệu, thì lại an ủi "kẻ đánh đã nên danh, kẻ bị đánh cũng nhờ hơi hướng mà nổi tiếng."

6. Khi thua bạc nhẵn túi, tiếc quá an ủi: "Mình bảo mình rằng coi như con lấy của bố" vậy mà vẫn ấm ức. AQ lập tức tát hai cái nên thân vào mặt. Tát xong lòng thấy nguôi nguôi, tựa hồ: người đánh là mình còn kẻ bị đánh là "mình" khác.

7. Khi bị kết án oan về vụ cướp nhà họ Triệu, buộc phải ký vào bản nhận tội, AQ phải vẽ một vòng tròn mà cũng không tròn. Lúc về lại phòng giam hắn lại tự an ủi "Đời cháu mình thì mới khoanh được cái vòng rất tròn." Thế là hắn ngủ thẳng.

8. AQ bất giác hoảng sợ khi mình sắp bị giết song chỉ một ý nghĩ: đời người ta ai cũng có một lần bị xử bắn, là y lại trấn tĩnh ngay.

> Một người vợ luôn luôn biết cười với những câu khôi hài của chồng, không phải vì những câu đó ý nhị, mà chính vì nàng tế nhị.
>
> *-- The Oregon Jesuit*
>
> Hãy cưới vợ cho con trai khi nào anh muốn; gả chồng cho con gái khi nào anh có thể.
>
> *-- G. Herbert*

"AQ Chính Truyện" được viết với mục đích nói lên tình cảnh, số phận của cả một dân tộc, một quốc gia được hiện thân trong một nhân vật rất mực ngô nghê, dại khờ có tên AQ.

Trong "AQ Chính Truyện", Lỗ Tấn xuất phát từ lập trường dân chủ và cách mạng được phản ánh vào "ước pháp" (hẹn ước với dân):

— Chủ quyền thuộc về toàn thể quốc dân

— Quyền lợi bình đẳng không phân biệt chủng tộc, giai cấp, tôn giáo.

— Quyền tự do dân chủ về con người mình, nhà của mình...

Nhưng ước pháp không được thực hiện vì bọn quân phiệt Lê Nguyên Hồng, tên đại diện cho phong kiến Viên Thế Khải phản bội.

Viên lên ngôi Đại Tổng thống, còn Tôn Trung Sơn chỉ là quyền Tổng thống. Năm 1914 Viên giải tán quốc hội, 1915 diệt chế độ Cộng hòa. Thế là cuộc cách mạng trở thành nửa vời, mang danh chống phong kiến nhưng nửa chừng lại phải thỏa hiệp với giai cấp phong kiến.

Trong *AQ Chính Truyện*: Thông qua hình tượng "quan tú" vấn đuôi sam lên tìm "Tây giả cầy" hò hẹn cùng nhau làm cách mạng và hình tượng thằng Tây giả gõ lên đầu AQ không cho y làm cách mạng nói lên cuộc cách mạng lưng chừng đó.

Nhiều người lầm tưởng hình tượng AQ là đối tượng sáng tác của tác giả. Thực ra Lỗ Tấn muốn phê phán người dân và cả tụi phong kiến lúc bấy giờ tự hào và chui rúc trong ánh hào quang của quá khứ, vẽ ra những ảo tưởng tốt đẹp trong tương lai và nghĩ rằng mình sẽ như thế. Đó là trạng thái tâm lý của những kẻ thất bại song không chịu thừa nhận thất bại, hơn thế còn tìm cách trốn tránh vào những ảo giác thắng lợi. Đó là trạng thái tâm lý không cân bằng do mâu thuẫn giữa hiện thực thất bại và thắng lợi tưởng tượng. Nó dẫn đến hàng loạt mâu thuẫn trong tính cách AQ: Hắn rất mực phong kiến (trai gái đi với nhau thế nào cũng có chuyện tằng tịu) nhưng lại rất phóng túng (trêu ghẹo mụ Ngọ, ni cô ngay ban ngày ban mặt), rất bảo thủ (lên huyện thấy cái gì cũng trái mắt), nhưng cũng rất tân thời (biết những điều cả làng Mùi không biết), rất tự ti (nhận làm con sâu), nhưng lại rất tự kiêu (thứ mày đáng cái ngữ gì), rất mê muội (vẽ cái vòng tròn vào bản án tử hình) nhưng cũng lại rất nhậy bén (phải đầu hàng đảng cách mạng mới được). (*AQ Chính Truyện:* giáo sư Lương Duy Thứ).

Chí Phèo của Nam Cao cũng như AQ của Lỗ Tấn đều là những điển hình rất sinh động.

Ta có thể thích Chí Phèo hơn về mặt cá tính. Nam Cao không chỉ *kể* những việc mà Chí Phèo đã làm mà còn tả *cái cách* Chí Phèo làm những việc đó nữa. Ở những thời điểm quan trọng có thể bộc lộ các nét bản chất của tính cách, tác giả đều để cho nhân vật tự biểu hiện trực tiếp trước mắt người đọc. Rạch mặt bằng mảnh chai, kêu làng, đốt nhà, chém người, uống rượu say bí tỉ rồi chửi đổng, đó là cái kiểu phản ứng rất Chí Phèo. Ngay cả lúc dằn Thị Nở xuống vườn chuối một đêm trăng, hắn cũng kêu làng vì hắn nghĩ rằng kêu làng là độc quyền của hắn.

Để cá biệt hóa tính cách, Nam Cao còn cố gắng đi sâu vào đời sống tâm lý bên trong của Chí Phèo.

Đây là đoạn Chí Phèo đang rạch mặt ăn vạ lý Cường thì Bá Kiến về. Hắn tìm cách xử nhũn: "Ai chứ anh với nó còn có họ kia đấy." Chí Phèo chả biết họ hàng ra sao, nhưng cũng thấy lòng nguôi nguôi. "Sự ngọt ngào làm mềm nhũn. Vả lại, những người đứng xem về cả rồi, hắn thấy hắn gần như trơ trọi. Cái sợ cố hữu trong lòng thức dậy cái sợ xa xôi của ngày xưa, hắn thấy quả là táo bạo. Không táo bạo mà dám gây sự với cha con bá Kiến, bốn đời làm tổng lý. Và nghĩ thế, hắn thấy hắn cũng oai."

Đoạn ngắn độc thoại nội tâm này bộc lộ rất rõ một nét tâm lý tiêu biểu của Chí Phèo: tự ti nhưng cũng thích anh hùng rơm.

Ở AQ lại có một tầm khái quát cao hơn, do đó có ý nghĩa phổ biến hơn. Ở Chí Phèo chỉ có một thân phận xã hội. Còn AQ thì mang thêm một vấn đề triết học: "Chủ nghĩa thắng lợi tinh thần". Người ta nói đến AQ hình, AQ tướng, AQ chủ nghĩa.

Lỗ Tấn đã thành công khi xây dựng được một hình tượng nhân vật điển hình bất hủ, nhân vật AQ đã bước ra khỏi tác phẩm đi vào đời sống. AQ đã trở thành tên gọi chung cho những người sống bằng phép "thắng lợi tinh thần". Trên thế giới nhiều người quen biết AQ. Romain Roland nói: "Tác phẩm tả thực châm biếm này là của thế giới. Hồi đại cách mạng Pháp cũng đã từng có AQ."

Nhà văn Ấn Độ Panachi nói: "AQ chỉ có cái tên Trung Quốc thôi, còn tính cách, tâm lý... là chung... Ở Ấn Độ cũng đã từng có AQ."

Theo thiển ý Việt Nam ngày nay cả ở quốc nội lẫn hải ngoại cũng có rất nhiều AQ thì phải! ■

Montréal, 29-11-95

CÁC CÂU ĐỐI TRUYỀN KHẨU

TRẦN QUANG HƯNG

Câu đối thường ngắn gọn, ý nghĩa rất súc tích nên dễ được truyền miệng trong dân chúng và cũng vì vậy câu đối thường tam sao thất bổn, nhiều khi không biết tác giả là ai. Có những câu đối chỉ để nói lên sự tài tình lắt léo trong cách dùng chữ nhưng cũng có những câu đối hàm chứa một ý nghĩa, một nội dung hay một quan điểm chính trị. Vốn là một dân tộc chuộng văn chương chữ nghĩa, người Việt Nam rất ưa thích câu đối. Trong bất cứ hoàn cảnh nào người ta cũng có thể gửi gấm tâm trạng mình qua câu đối.

Biến cố 30 tháng Tư năm 1975 ảnh hưởng đến mọi người dân Việt bất luận tuổi tác và ở bất cứ nơi đâu. Kể từ ngày đó mọi phương tiện truyền thông, báo chí trong nước đều chịu sự kiểm soát thật chặt chẽ của đảng Cộng Sản. Người dân không có phương tiện chính thức và công khai để bày tỏ nỗi lòng hay quan điểm của mình. Để đối phó với sự kềm kẹp như vậy và cũng để thích nghi với chế độ mới, những hình thức thi ca, vè, truyện tiếu lâm... truyền khẩu được phổ biến cùng khắp trong dân chúng Việt Nam.

Ngay khi chiếm xong miền Nam, đảng Cộng Sản bắt đầu xiết bàn tay thép của mình trên đời sống nhân dân cả nước. Mọi người nhất là giới trẻ cảm thấy trước mặt mình cả một tương lai u ám:

Đôi dép râu dẫm nát đời son trẻ
Mũ tai bèo che kín nẻo tương lai

Thành phố Sài Gòn bị đổi tên, các đường xá cũng đổi tên. Trong hồi ký của Nguyễn Văn Trấn ông ta chép câu

"Nam Kỳ Khởi Nghĩa" tiêu "Công Lý"
"Đồng Khởi" vùng lên mất "Tự Do"

Với chế độ mới, công lý và tự do không còn nữa. Cũng từ thời đó đời sống kinh tế trở nên khó khăn, mọi nhu yếu phẩm trở thành khan hiếm:

Đả đảo Thiệu Kỳ mua cái gì cũng có.
Hoan hô Chí Minh mua đinh cũng xếp hàng.

Trong học đường, thầy cô không biết tương lai ra sao.

Phấn trắng, giấy trắng, hai bàn tay trắng.
Bảng đen, mực đen, cả cuộc đời đen.

Các thầy cô dạy học bị xuống tinh thần vì cuộc sống càng ngày càng trở nên khó khăn, đồng lương giáo chức không đủ sống.

Tối ba mươi thày giáo, tháo giày *đi sắm tết,*
Sáng mồng một giáo chức, giức cháo *đón mừng xuân.*

Các nhà tù và trại cải tạo mọc lên đầy rẫy trong khi trường học lại giảm sút.

Nhà tù thay trường học, Mác Lê thay kinh điển
Bo bo thế cơm gạo, Bác đảng thế thầy cô.

Chiếm xong miền Nam một thời gian ngắn, đảng phát động chiến dịch cải tạo công thương nghiệp. Những gia đình có máu mặt, có nhiều tài sản đều bị kiểm kê tài sản, bị tịch thu có khi còn bị tống giam.

Khai bút khai xuân khai hội mới,
Sạch đường sạch phố sạch nhà trơn.

Nền sản xuất trong nước vì vậy trở nên đình trệ sút giảm. Gạo cũng trở nên khan hiếm và tăng giá.

Năm tám mươi, gạo giá tám mươi,
Dân xứ Nghệ mặt vàng như nghệ.

Vào năm 1980, gạo giá 80 đồng một ký trong khi lương một thư ký làm việc cho nhà nước cũng chỉ cỡ 80 đồng một tháng. Câu đối này tài tình ở chỗ nói lên cảnh đói kém xảy ra ngay tại Nghệ An, quê hương của Bác Hồ.

Cán bộ cấp thấp túng tiền vì lương không đủ ăn, chỉ còn cách về nhà cầu viện nơi gia đình. Nhưng gia đình nào có khá hơn.

"Bố cạn" tiền rồi anh cán bộ.

(Chưa có vế hai)

Đảng đề ra chính sách cưỡng bách lao động, nhưng vì không có tổ chức, thiếu kế hoạch nên chính sách này vị dân công kích.

Lao động là vinh quang
Nghĩa trang là kết quả

hay:

Lao động là vinh quang, trăm họ gượng cười khai hội mới,
Hòa bình thống nhất, toàn dân gạt lệ đón xuân hồng.

Mặc cho dân oán trách, đảng vẫn thẳng tay bắt bớ, giam cầm:

Lính muốn bắt lính càn đến bắt
Đảng thích giam đảng lệnh tống giam.

Sự chống đối không phải chỉ ở trong dân chúng mà ngay cả cán bộ, bộ đội cũng nhen nhúm mầm bất mãn. Càng ngày họ càng thấy mình lầm lẫn:

Lỡ bước một phen, nghìn đời ân hận
Quay đầu nghĩ lại, chín suối ngậm ngùi

và

Nghĩ đến tương lai, trào nước mắt
Nhìn lại quá khứ, toát mồ hôi.

Quen sống trong rừng núi, hình ảnh người bộ đội trở về thành ngây ngô khờ khạo trước mắt dân thành phố:

Mạo là nón cối, đội hoài cũ, cất hoài mới, không đội thì thôi, đội vào thành bộ đội.

(Câu đối này chỉ có vế xuất mà chưa có vế đối).

Trong khi đó, nạn tham nhũng xảy ra khắp nơi. Tại các cơ sở nhà nước, người dân muốn được việc cho mình phải nghĩ đến việc hối lộ. Việc lớn phải hối lộ bằng vàng cây, vàng chỉ. Việc nhỏ phải hối lộ bằng quà cáp, thuốc lá, đặc biệt là thuốc lá Samit, "555".

Xa-mít nói ít hiểu nhiều,
Ba số năm vừa nằm vừa ký.

Các công sở tuyển người làm việc không dựa trên tiêu chuẩn bằng cấp hay tài năng mà lựa vào phe đảng:

Bằng cấp không bằng bằng lòng, bằng lòng còn hơn bằng cấp.

Nạn tham nhũng như đã nói, không chỉ xảy ra ở cỡ cán bộ cấp trung hay cấp thấp mà còn xảy ra ở trên thượng tầng lãnh đạo:

Bác Nguyễn Lương Bằng có ai lương bằng bác,
Ông Tôn Đức Thắng nhiều người thắng đức ông.

Hồ Chí Minh được đề cao như một vị thánh sống nhưng trước mắt dân chúng thì thần tượng đó đã sụp đổ.

Vầng trán cao giam cầm cả dân tộc
Mắt sáng láo liên dòm ngó khắp nhân dân.

Đảng ra lệnh cho mọi nhà phải treo hình Hồ Chí Minh vào nơi trang trọng nhất thì nhân dân dặn dò nhau:

Chiều ba mươi tết, lấy ảnh bác "lộng kiếng" (nói lái thành "liệng cống")

vì

Năm mươi năm chiến đấu, tướng Võ không còn nguyên giáp nữa
Nửa thế kỷ điêu tàn, bác Hồ chẳng phải chí minh đâu

Dân chúng không ngần ngại tố cáo đích danh Hồ Chí Minh và đảng Cộng sản:

"Chính mi" gian ác Chí Minh ơi

hoặc:

Chí Minh gian ác quả "chính mi"

và:

Nhà tan cửa nát nhờ ơn Đảng
Áo rách cơm vơi nhớ bác Hồ

Lê Duẩn cũng được dân chúng mắng:

Lê Nin sinh ra Lê Duẩn, Lê Duẩn xuẩn hơn Lê Nin.

Dưới sự lãnh đạo của các "đỉnh cao trí tuệ", đất nước không còn mùa xuân:

Ất Mão (1975) long đong tong cái tết,
Bính Thìn (1976) thin thít tịt mùa xuân.

Tuy vậy, cứ mỗi dịp xuân về, mọi người lại nuôi một hy vọng:

Năm qua gà gáy, gáy chẳng đạt, (1981)
Xuân nay chó sủa, sủa thành công. (1982)

Người ta nuôi hy vọng như vậy năm này qua năm khác:

Tuất tẩu đồn lai thiên hạ trị
Bá đào vương hiện chúng nhân an

(Năm Tuất 1982 đi qua, năm heo 1983 đến thiên hạ sẽ được thịnh trị, cộng sản bá đạo bỏ chạy, thánh vương xuất hiện dân chúng sẽ được an bình).

Hãy nghe tâm trạng của một cải tạo viên đã viết được câu đối lên vách cầu tiêu của trại:

Nợ cũ tương đi, quần chúng mong chờ cơn giải phóng
Đầu xuân ôm nhẹ, can tràng tiêu tán nỗi thương đau.

Những câu đối tại hải ngoại thường là có tác giả rõ ràng và xuất hiện trên các báo Việt Ngữ nhưng rất tiếc vì lâu ngày chúng tôi không nhớ tên tác giả, mong bạn đọc thứ lỗi:

Hồng lạc xưa lừng danh, đánh Bắc mở Nam, sách sử lưu truyền con cháu Việt.
Giang sơn nay thống nhất, di đông tản tây, cộng nô huynh đảo đất nhà Nam.

Nhưng dù có lưu lạc khắp bốn phương trời, đã là người Việt ai cũng nghĩ tới quê hương:

Ly hương vẫn nhớ nguồn dân Việt
Viễn xứ không quên gốc tổ Hùng

và vẫn nuôi ước vọng được trở về xây dựng lại quê hương:

Quốc phá gia vong, con Hồng nương đất khách
Thời lai vận đáo cháu Lạc dựng nhà Nam.

Mọi người dặn dò nhau phải nhớ đến nguồn gốc, bảo tồn giá trị văn hóa dân tộc:

Ngào ngạt mùi hương, dẫu tại xứ người không mất gốc
Lung linh ánh lửa, dù xa quê cũ chẳng quên nguồn.

dù cho có phải làm ăn vất vả, học hành bận rộn nơi xứ người:

Xuân vẫn còn dài, hướng tới tương lai vùng đất mới.
Tết dù đã ngắn, quay nhìn dĩ vãng cảnh người xưa.

Câu đối sau đây có lẽ do một vị nha sỹ làm ra trong lúc ưu tư nghĩa tới quê nhà:

Đất khách chẳng quê hương, nương tựa tấm thân sao có lợi.
Nước nhà đầy bạo ngược, cưu mang tâm huyết phải mần răng?

Những câu đối xuất hiện sau 30 tháng Tư 1975 thường mang nặng hoài bão chống cộng và niềm ao ước một sự thay đổi cho quê hương của 70 triệu đồng bào trong nước và tâm trạng hoài hương cố quốc của gần hai triệu đồng bào hải ngoại. Hàng năm, mỗi dịp xuân về, theo thông lệ, câu đối lại xuất hiện cùng khắp trên báo chí, tại các nơi có hội hè lễ nghi cũng như được truyền khẩu rộng rãi trong dân chúng. Hy vọng trong tương lai gần đây, nội dung các câu đối sẽ phản ánh nỗi vui mừng của toàn dân Việt Nam trong một đất nước thực sự được tự do, no ấm.■

Tháng Giêng 1996

> Người vợ là một tình nhân của chồng khi chàng còn trẻ, là người bạn đời khi tuổi chàng đã cao, là người điều dưỡng cho chàng trong tuổi già. Vậy thì ở tuổi nào, người đàn ông cũng có lý do để lấy vợ.
>
> -- *A. France*

KHI VUI MUỐN KHÓC BUỒN TÊNH LẠI CƯỜI

THÁI TUẤN

Trong buổi tập dượt vở kịch, nhà đạo diễn bảo cô diễn viên: "Cô khóc như thế coi không được, khóc lại đi." Diễn viên khóc lại lần nữa; nhà đạo diễn càng nổi nóng hơn: "Cô khóc kiểu đó khán giả sẽ cười đứt ruột, lăn ra mà chết."

Khóc cười vốn là chuyện tự nhiên trong cõi đời. Có ai phải học cười học khóc đâu. Song khóc trên sân khấu quả có khác với cái khóc trong cuộc sống.

Trong đời sống cái khóc là kết quả của nỗi buồn đau. Lòng buồn giọt nước mắt tự động chảy ra; không ai cần suy nghĩ rồi mới khóc. Người khóc đôi khi không biết mình đang khóc. Khóc trên sân khấu, lòng không mảy may buồn cũng vẫn có thể khóc; là cái khóc có tính toán do kỹ thuật. Người khóc tỉnh bơ mà khóc; biết rõ mình đang khóc kiểu nào. Mỗi cái buồn có một kiểu khóc: khóc thút thít, khóc sụt sịt, khóc mếu máo, khóc kêu gào, khóc òa, khóc thầm, khóc vụng... Được phân loại, kiểu khóc này không thể gắn ghép vào nỗi buồn kia. Đó là cái khóc gọi là nghệ thuật. Không phải ai cũng có thể khóc được như vậy (trừ khi những người trời cho sẵn tài đóng kịch). Cái khóc không duyên cớ không nảy sinh từ một nguyên nhân đau khổ nào.

Người ta đã từng nhận thấy, những tác phẩm nghệ thuật danh tiếng nhất thường được tạo ra từ những nỗi đau khổ. Song nỗi khổ lụy từ cuộc sống qua tác phẩm nghệ thuật đã được tiêu hóa; nói một cách văn vẻ, đã được thăng hoa; không còn mang hình sắc; trở nên vô danh và vượt khỏi mọi suy luận bởi tính chất trừu tượng. Tuy nhiên cuộc sống con người vốn cần đến danh xưng, nên tạm gọi là nỗi buồn man mác, mối sầu mênh mang; thực tế hơn, các nhà chính trị gợi là cái buồn vớ vẩn.

Mối buồn vẩn vơ đó quả đã trút được những nặng nề cho thân xác, mệt mỏi cho trí óc. Nó nhẹ nhàng tựa khí trời, mát mẻ như làn gió, đẹp đẽ như một áng mây trôi.

Bỗng dưng một ngày nào đó, ở một buổi sáng đẹp trời, có thể ở một buổi chiều lạnh lẽo, bất cứ ở một nơi chốn nào. Khi ta nhìn một chiếc lá rơi, ngắm một đóa hoa nở. Và cũng rất có thể khi vừa nghe xong bản đàn, đọc xong bài thơ, xem xong bức họa. Sự gặp gỡ thường bất ngờ như cuộc tái ngộ cố nhân mà sau đó lúc chia tay còn lưu lại muôn vàn âm hưởng, tạo nên niềm rung cảm man mác bao la.

Xem vở kịch có người đã khóc theo vai trò trên sân khấu; đọc cuốn truyện bao kẻ đã giọt lệ vắn dài, khóc cho cuộc tình dang dở, hoàn cảnh éo le. Có người đã trách là "khéo dư nước mắt khóc người ngày xưa." Tính chất nghệ thuật, thực ra không chỉ dừng lại nơi giọt nước mắt, ở những khổ lụy của cuộc nhân sinh. Nếu người diễn viên sân khấu cần phải vượt qua những nỗi muộn phiền, phải tỉnh táo để diễn đạt vai trò thì người thưởng ngoạn cũng cần sự thức tỉnh để dòng nước mắt hóa thành "giọt lệ như sương."

Mối xúc cảm nghệ thuật nẩy sinh từ những âm thanh, hình sắc, không cần duyên cớ. Từ cuộc sống, song thoát ra ngoài cuộc sống để nhìn ngắm đời sống.

Khóc cho có nghệ thuật; chưa hẳn là khóc cho đúng kiểu. Bởi chưng nghệ thuật ở ngoài mọi kiểu mẫu. Buồn thì khóc, vui thì cười. Riêng có cái buồn tênh, người ta lại cười. Phải chăng do đó ngôn ngữ nước ta có thêm hai tiếng Buồn Cười.■

1995

SỐNG NHÀN, GIẢN DỊ, NÊN LẮM CHỨ!

PHAN LẠC TIẾP

Vợ chồng tôi đã đọc đến hai lần bài "Sống Nhàn, Sống Giản Dị" (Thế Kỷ 21 #80). Một bài viết thật trong sáng, với các tài liệu dẫn chứng cụ thể, rất gần gũi với cuộc sống chúng ta. Ở cuối bài tác giả nhắc mọi người nên thử sống như thế xem sao. Lời nhắc nhở ấy khiến tôi muốn đóng góp với tác giả và độc giả một vài ý kiến. Vì quả thật, càng sống lâu ở Mỹ, ta thấy được nhiều điều hay, nhưng cũng có bao nhiêu điều thật là lạ, nếu không muốn nói là phi lý, mà sự phung phí tài nguyên của quả đất thì quả là to lớn quá. Trong một khóa tu mùa xuân năm nay (1995) tại hạt Seely, tôi cũng có đưa ra ý kiến này, vì từ cái to đến cái nhỏ, ở đây, xã hội Mỹ, đã phung phí quá. Nhỏ như khi ta đi chợ mua một bó hành. Bó hành đã được buộc bằng một sợi dây cao su. Khi lấy bó hành, ta đã có sẵn cái bao nhựa trong để bỏ vào. Và khi ra quầy tính tiền, bó hành ấy còn được để vào một bao giấy nữa, khi đem về cất đi là vứt ngay cái bao giấy đi. Khi dùng thì lại vứt bao nhựa và dây cao su. Có lúc thấy tiếc quá. Cứ xếp bao lại, thành một đống...

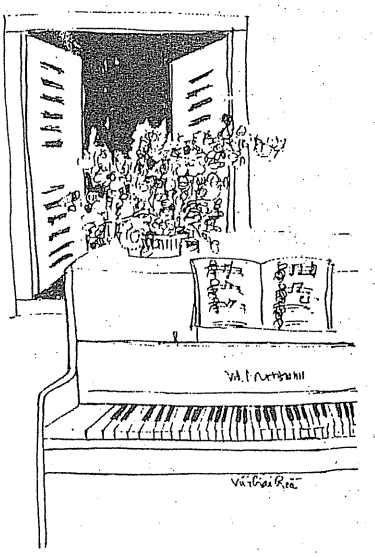

Lớn hơn chút nữa là cái xe hơi. Chắc chị đã có đi lại từ Santa Ana xuống San Diego nhiều lần. Lúc chiều gần tắt, ở xa lộ 5, ta thấy trước mặt là một giòng sông đèn vàng ngược chiều. Đèn nối tiếp nhau mênh mông bất tận. Bao nhiêu nhiên liệu đã đổ ra cho dòng xe này. Mà gần như tất cả các xe, mỗi xe chỉ có một người. Ba hoặc bốn chỗ ngồi còn lại bỏ không. Một đời xe ở Mỹ từ năm đến bảy năm khi phế thải, hoặc có tai nạn bỏ vào nghĩa địa xe, hầu như chỉ có cái ghế của người lái là cũ, các ghế khác còn tốt lắm, nhất là ghế sau. Nhưng mà các xe như thế đều nối tiếp nhau ra nghĩa địa. Ở nước Mỹ có bao nhiêu xa lộ, có bao nhiêu người. Hơn hai trăm triệu người Mỹ, có ít nhất một trăm triệu chiếc xe như thế uống nhiên liệu và thải chất ô nhiễm vào không khí...

To hơn cái xe, là cái nhà. Ở Mỹ, khu buôn bán khác, khu kỹ nghệ khác, khu nhà ở lại khác. Ban ngày đi làm, nhà bỏ không. Tối về, tất tả nhìn qua đống thư từ, phần lớn là các quảng cáo làm phiền hà ta, ta tất tả lo cơm tối, vài cuộc điện thoại cần thiết, lo dọn dẹp để đi ngủ, lấy sức mai đi làm sớm. Có thì giờ đâu mà để ý đến nhà cửa, vườn tược. Hầu như phòng khách nào cũng chỉ để bày ra cho có, chứ mấy khi có khách tới chơi. Cả cái phòng ăn chính thức nữa, bàn ghế cũng chỉ để bày. Còn đa số bữa cơm hàng ngày ta ăn trong phòng nhỏ sát bếp. Trong nhà nơi được sử dụng nhiều nhất có lẽ là phòng tắm và phòng ngủ mà thôi. Thế nhưng tiền nhà thì phải trả đủ, hàng tháng cứ nai lưng ra mà trả góp. Ở Mỹ có bao nhiêu người có nhà như thế. Nhưng cuối tuần nếu có chút thì giờ rảnh, ta lại còn đi xa. Có người còn có nhà trên núi nữa. Bao nhiêu căn phòng bỏ không như thế. Xây nhà cho to, cho tốt, để lau bụi và để trả tiền...

Đó là nói tổng quát, với một gia đình ở tuổi còn trẻ, các con còn bé. Với các người lớn hơn, khi có con cái lớn, chúng lấy vợ, lấy chồng ra ở riêng chẳng nói làm gì, nhưng cả các đứa con mới qua tuổi 18, sau trung học, đa số chúng đều muốn rời khỏi nhà cha mẹ. Chúng muốn có tự do. Để có tự do, chúng phải cố gắng đi làm. Nếu chưa xong đại học, làm việc với số lương ít ỏi, trên dưới 1,000 US$ một tháng. Thuế thật nặng cho một người độc thân. Đem về nhà chỉ độ 800. Số tiền cũng chi cho tiền Rent (thuê nhà), rẻ ra cũng phải 400 US$ một tháng, một *appartment* một phòng ngủ, bếp và phòng khách nhỏ. Nhưng cậu trai này thường chỉ về nhà sau khi đã mệt nhoài, nên chỉ để tắm và ngủ. Phòng khách của căn appartment, thường là nơi la liệt các đôi giầy bẩn, vài cái vỏ chai coca, lon nước uống dở và cái T.V... Số tiền còn lại, phải trả cho tiền xe, tiền xăng, bảo hiểm. Còn lại thật ít, để ăn ở ngoài, phần lớn là đồ ăn làm sẵn, hiệu đồ nguội. Cuộc sống cứ trì kéo cậu trai (hay cô gái) vào một vận hành hối hả, làm cật lực để trả các thứ hầu như quá ư dư thừa... Tất cả chỉ có một cái rất đầy, rất phong phú là Tự Do. Tự do vặn nhạc,

VĂN PHÒNG LUẬT SƯ
EDWARD REID

CHUYÊN MÔN VỀ TAI NẠN

- BẤT CỨ TAI NẠN GÂY THƯƠNG TÍCH
- HỒ SƠ ĐƯỢC THEO DÕI THƯỜNG XUYÊN VÀ GIẢI QUYẾT NHANH CHÓNG
- CHỈ NHẬN THÙ LAO SAU KHI ĐƯỢC BỒI THƯỜNG

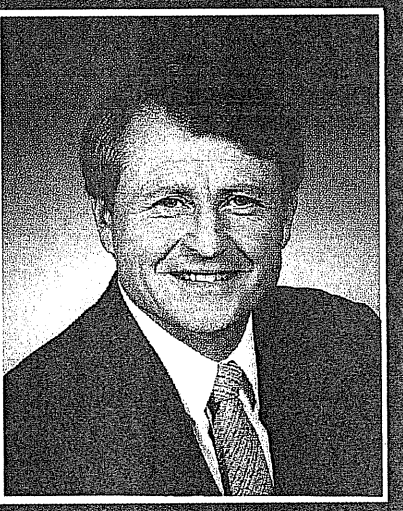

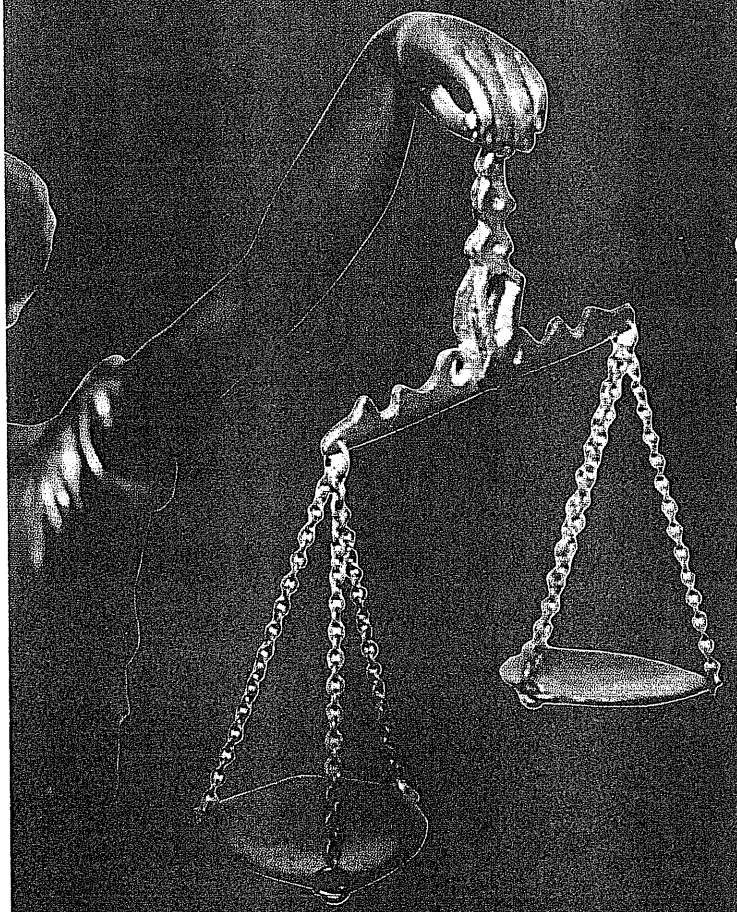

Quý vị cần có một luật sư tận tâm, uy tín. Với rất nhiều năm kinh nghiệm hùng biện trước tòa án, luật sư sẽ bảo vệ quyền lợi tối đa cho thân chủ.

Văn phòng có Cô NHƯ LAN sẽ hướng dẫn và giúp đỡ quý vị tham khảo trực tiếp với luật sư để giải quyết mọi thắc mắc và khó khăn thiệt hại đến đời sống hằng ngày của quý vị. Khi có tai nạn, xin quý vị trực tiếp liên lạc ngay với văn phòng để bảo đảm được lệ phí luật sư thấp và hợp lý.

ĐỊA ĐIỂM THUẬN LỢI

ORANGE COUNTY **LOS ANGELES COUNTY**

(714) 379-8333 **(310) 434-4421**

Bạn đã có dịp đến thăm PRECISION bao giờ chưa?

Thử tưởng tượng ra một business complex có 5 căn tiệm Việt Nam khác nhau gộp lại: một tiệm chụp hình chuyên nghiệp bên cạnh một hãng phân màu loại chiến, cộng với một Graphic Designer hợp sức cùng một nhà in cấp cao. Cuối dãy lại có thêm một anh chàng chuyên in poster, loại poster to bằng bức tường. Cả 5 chàng Việt Nam này làm việc ngày đêm, coi sóc thêm 25 nhân viên, dùng chung một office có 4 cô thư ký, 10 đường giây điện thoại với 24 cái phone...

◦ *Với 3 giàn máy chụp lớn nhỏ khác nhau: NIKON, MAMI và hệ thống đèn cực mạnh 4000 wé chúng tôi xin cống hiến quí vị nhữ rõ ràng, đầy màu sắc nghệ thuật Quí vị cần chụp mỹ phẩm, trar hoa hậu áo dài... xin đừng quê*

◦ *Nếu quí vị đã từng bị phật ý đẹp (mờ đục, màu sắc lệch l rất có thể nhà in đó đã dùn rẻ tiền và low resolution) c Đây là cơ hội phân biệt lưỡng, chúng tôi sẽ phân quí vị bằng máy CROSF (England made, $250,(Quí vị sẽ nhìn thấy l phân minh, đâu ra đ*

◦ *Ngoài ra, phòng C computers, với nhi hoạt động liên tục sẵn sàng cung ứn hợp với thị trườ*

◦ *Hàng nào máy 2 đầu thương m bìa báo, là các Quí (chữ quí*

IA, SINAR
itts NORMAN,
ng tấm ảnh sắc xảo,

ih ảnh, đồ vật, người mẫu,
PRECISION.

vì những tấm hình in không
ục, chi tiết không rõ ràng...)
desktop scanners (loại nhỏ,
lể phân màu cho quí vị.
vàng thau: sau khi phân tích kỹ
màu lại tấm ảnh đó miễn phí cho
IELD 646, loại mới nhất 30" x40"
)00).
ại những chi tiết cực nhỏ, màu sắc
ấy rõ ràng.
raphic Design của chúng tôi với 12
ều họa sĩ của nhiều nước khác nhau,
suốt 16 tiếng đồng hồ mỗi ngày,
ng cho quí vị các design bắt mắt,
ng của quí vị nhất.

máy nấy, chúng tôi dùng máy 1 đầu để in sách báo,
để in văn phòng phẩm, và máy 4 đầu dành cho hàng
ại cấp cao. Bìa băng cassette-CD, bìa băng video,
bìa sách, brochures, posters, Karaoke Laser Disc...
nặt hàng thường ngày của chúng tôi.
vị có hàng 4 màu, cần in cho đẹp, cho chính xác,
nghĩa của một khách hàng khó tính ở Little Saigon)
ị không thể không đến PRECISION.

Tên nhà in PRECISION
xuất hiện trên báo TK 21
số Xuân Bính Tý
đã gây được nhiều chú ý.
PRECISION= CHÍNH XÁC.
Một tiếng gọi rất thuyết phục
trong công việc ăn loát.

Đến thăm nhà in PRECISION
tại City of Industry mới thấy
đây đúng là cơ sở của sự chính xác.
Phòng ốc, máy móc, công việc, sản phẩm...
mọi thứ đều đẹp, gọn, hiệu quả, đâu ra đấy.
Con người ở đó cũng vậy.
Từ chủ nhân đến nhân viên đều cho ta
một cảm tưởng trùng với tên của cơ sở:
PRECISION. CHÍNH XÁC.

Nhà văn Phạm Xuân Đại

◦ Sản phẩm này rất lạ lùng. Chỉ cần vài trăm bạc
là bạn có thể đường hoàng khuân về nhà một bức
poster to bằng cánh cửa (3 feet x 6 feet).
Sinh nhật, party, đại nhạc hội, trade shows...
là những nơi mà một tấm poster cỡ "đại bự"
như thế này không có không xong.
Ready to make some impression ?

PRECISION

COLOR • GRAPHICS • PRINTING

15703 East Valley Blvd. City of Industry, CA 91744

818-937-6886

Diễm Xưa
PRODUCTIONS

Hân hạnh giới thiệu đến quý vị những CD mới năm 1996
Đã Phát Hành Khắp Nơi

VŨ KHANH
Ở Đâu Cũng Có Em

LA SƯƠNG SƯƠNG
Tình Đầu

VŨ KHANH - THANH HÀ
Chờ Em Muôn Kiếp

DIỄM XƯA ĐẶC BIỆT (2CD)
20 Năm Chiếc Áo Dài Viễn Xứ

TRUNG TÂM DIỄM XƯA

P.O.BOX 26217 SANTA ANA, CA 92799 * Tel: (714) 894-9432

tự do đi sớm, về muộn, nhất là tự do có bạn gái, bạn trai. Cuộc sống của họ, các người trẻ, như chiếc xe, xe mới càng quý, để miệt mài chạy trên xa lộ. Xe trống, đổ xăng cho đầy, phun khói miên man... Bao giờ cái xe hư, cần bảo trì, để lần hồi trở ra nghĩa địa xe?

Và con người cũng như chiếc xe. Khi một chiếc xe chạy chậm trên xa lộ, làm cản trở xe sau, bị người lái xe trên xa lộ lườm, nguýt, có khi bóp còi. Đến khi qua mặt, mới hay đó là xe của một người già. Người già lái xe trên xa lộ. Người già rồi về hưu, quạnh quẽ, như chiếc xe cũ nằm trong bãi xe phế thải, chẳng ai nhòm ngó...

Khi tôi đưa ý kiến này ra, có người hỏi: "Vậy phải làm sao?" Tôi không trả lời dứt khoát được. Vì cả xã hội này bị cuốn hút vào một guồng máy tiêu thụ, sản xuất và nhìn xa hơn là tiêu phí quá lớn tài nguyên của quả đất, và làm ô nhiễm môi sinh. Bao lâu thì các giếng dầu sẽ cạn. Bao lâu thì rừng cây sẽ lụi tàn. Mà loài người thì mỗi lúc sinh sản mỗi đông.

Nỗi lo âu ấy không phải chỉ có mình chị, một mình tôi, mà bao nhiêu người đã thấy. Một bộ lạc ở trên dãy núi Sierra, Nam Mỹ, qua cuốn phim tài liệu của ký giả Alan Ereina đã nhắc nhở điều này qua Thông Điệp của Những Người Anh (Elder Brother's Warning). Cuốn phim tài liệu ấy đã được đài BBC và PBS phổ biến vào tháng Mười năm 1993, nhân kỳ Đại hội Tôn giáo Hoàn cầu tổ chức tại Chicago, Hoa Kỳ. Cuốn phim tài liệu ấy đã gây xúc động cho toàn thể cử tọa của Đại hội.

Ông Võ Phiến, là một nhà văn, nhưng mới cho lưu hành giữa bạn bè, một tập thơ nhỏ. Trong đó có một bài mà đọc lên tôi hết sức sửng sốt. Đó là bài *Nghìn Sau*. Ông Võ Phiến viết: *"Mình sắp ra đi, thế kỷ sau vừa tới. Dịp tình cờ không hẹn mà nên. Kỷ bách niên này chấm dứt kỷ thiên niên. Mình đứng ở chỗ ranh giới giữa hai nghìn năm mà nói lời vĩnh biệt."*

Tại sao ông lại bi quan đến thế. Đọc tiếp, ta thấy ông bi quan lắm, ông lo thật sự. Vì cái diều ông thấy, khiến ông sợ hãi rất là cụ thể.

Ôi quả đất cứ mỗi ngày mỗi chật
Mỗi xác xơ bẩn thỉu, mỗi bơ phờ
Ngước trông lên: Trời thủng trống trơ
Bao chất độc tỏa lên không, trôi xuống bể
Núi cả, rừng sâu mất cây liên lỉ
Quả đất như con chó già trụi từng mảng lông
Ngộp thở, ngất ngư, nằm ôn lại tuổi hồng
Khắp mình nó nồng nàn mùi tử khí
Cây cỏ, chim muông, côn trùng, cá tôm chết không xiết kể
Chết tuyệt chủng, chết trọn cả loài

. . . . .

Còn con người?
Nghìn năm nữa, người bao trăm tỉ?
Muôn vật không còn, năm châu bốn bể
Quờ tay ra người toàn chạm phải người
Biết lấy gì ăn, biết lấy gì nuôi...

Ông Võ Phiến còn dự tưởng là lúc ấy loài người sẽ phải thích ứng ra sao. Hoặc chết tất cả như cỏ rác, hoặc "may ra tìm được một tinh cầu" mà dắt díu nhau đi. Thôi thì, như chúng ta, nhìn qua Thái Bình Dương mà nhớ quê nhà đã tội quá, lúc quả đất kiệt quệ phải "di tản" qua tinh cầu khác thì ôi thôi, đau sót bao nhiêu:

Chỗ xa lạ, lạ cái ăn cái uống
Lạ khí trời, lạ nắng, lạ mưa
Phải đổi thay, thích ứng mấy cho vừa
Rồi người sẽ mọc sừng hay mọc cánh...

Ông Võ Phiến buồn bã quá. Mới chỉ tưởng tượng ra cuộc phân ly như thế mà ông ấy đã *"kẻ đứng lại bên ni lằn ranh giới, lệ ứa lưng tròng. Trông theo người dấn bước về phía mông lung. Kẻ trước người sau rồi mất cả..."*

Chao ôi, cái lo to lớn quá, mà quanh ta thì cuộc sống vẫn hăm hở dấn thân vào nơi tiêu thụ và tàn hoại sinh môi. "Thôi thì cố sống giản dị, tiết kiệm mọi thứ từ hơi thở đến bước đi, và nếu có giúp ai được điều gì thì đừng từ nan..."■

10/12/95

LỚP VẼ TRANH LỤA

Họa Sĩ **HOÀNG VŨ**, Master of Fine Arts, sẽ mở các lớp dạy vẽ tranh lụa tại trường Đại học Cal State Fullerton phần "Mở Rộng" (Extended Education) cho mọi lứa tuổi (từ 13 đến 93 tuổi). Đây là một dịp để các bậc phụ huynh cùng con em mình có cơ hội học được nghệ thuật vẽ tranh lụa Việt Nam. Học viên không đòi hỏi phải biết vẽ từ trước.

- **Lớp vẽ Hoa Lá trên lụa:**

Khóa dài 6 tuần vào mỗi thứ Ba, từ ngày 6 tháng 2 đến 12 tháng 3 năm 1996.
Học phí: $185.00 /khóa.

- **Lớp vẽ Chân Dung trên lụa:**

Khóa dài 6 tuần vào mỗi thứ Ba, từ ngày 19 tháng 3 đến 23 tháng 4 năm 1996.
Học phí: $185.00 /khóa.

- Ngoài ra họa sĩ còn mở một lớp **vẽ hí họa** (*caricature*) vào mỗi tối thứ Năm.

Muốn ghi danh học, xin đến **Extended Education Office của Đại Học Cal State Fullerton.**
Cần biết thêm chi tiết xin gọi **Hoàng Vũ, điện thoại số (213) 222-4100.**

LỐC CỐC TỬ ĐẦU NĂM

DOÃN QUỐC SỸ

Kịch Vui Một Màn Hai Cảnh

CẢNH MỘT

Nghệ Sĩ Còm! Anh em gọi đùa vậy thoạt vì hình dáng gầy gò của chàng, sau thành thói quen.

Buổi sáng hôm đó Nghệ Sĩ Còm vừa đi vào bãi đậu của khu Siêu thị chợt cảm thấy có người vỗ nhẹ trên vai. Quay lại, Nghệ Sĩ Còm nhận ra người bạn thân đồng học cũ. Cả hai cùng cỡ tuổi trên bốn mươi, cùng vui tính, dễ thương, vẫn thường bất ngờ gặp nhau như vậy. Vì cư ngụ cách nhau không xa, cùng trong vùng này.

NGƯỜI BẠN: Đi đâu lang thang tới đây? Nghĩ gì mà đăm chiêu quá vậy?

NGHỆ SĨ CÒM: Dạo này mình thường xuyên nghiền ngẫm thuyết *trùng trùng duyên khởi* của nhà Phật đã có từ trên hai mươi lăm thế kỷ trước đây để rồi tới thế kỷ Hai Mươi sau Thiên Chúa ngày nay, Einstein nhấn mạnh lại: *Không cái gì tự tạo nên, không cái gì tự mất đi — Rien ne se crée, rien ne se perd!*

NGƯỜI BẠN: Ờ, tất cả là cái Một Bất Khả Phân mà!

NGHỆ SĨ CÒM: *(khẽ lắc đầu, vẻ mặt thoáng chìm trong suy tư):* Con người với ý thức trời cho, hình thành qua Thời Không vô cùng vô tận — luôn luôn thao thức tìm hiểu thực tướng của mình, thực tướng của vạn hữu. Nhất cử nhất động của chúng ta, trong từng sát na, đều gây ảnh hưởng hỗ tương trong cùng khắp cũ trụ.

N.B.: Còn gì nữa ! Thiền sư Khánh Hỷ đời Lý há chẳng đã nói: *"Trong hạt cải mòng chứa đựng cả mặt trời, trăng, sao... chứa đựng cả vũ trụ !"* — Cá nhân không cô đơn, cá nhân là vũ trụ, cùng vũ trụ tương giao trong từng sát na! Nếu con người ý thức được *Một là tất cả, tất cả là một,* Thiên đường thể hiện tức thì!

N.S.C: Ôi chao nghe cậu nói không hiểu sao tôi chợt nhớ tới loại hoa *Jacaranda* màu tím ngát! Và nhớ luôn cả câu thơ bất hủ của Đoàn Phú Tứ tiền bán thế kỷ Hai Mươi này:

Hương thời gian thanh thanh
Màu thời gian tím ngát

N.B: Mầu nhiệm của sự sống là vậy đó nếu nhân loại biết tự hiển lộ Thượng đế tánh của mình.

N.S.C: Đừng quên điều quan trọng này: Chúng ta luôn luôn làm chủ hiện tại! Hãy sáng suốt ý thức lấy điều đó! Chúng ta luôn luôn làm chủ hiện tại! Một hành động thiện trong hiện tại góp phần chiếu sáng tương lai, góp phần chuyển hóa dĩ vãng. Chăm lo cho cái vô cùng bé nhỏ cũng là chăm lo cho cái vô cùng rộng lớn!

N.B: *(gật gù nhắc lại):* Một là tất cả, tất cả là một! Rien ne se crée, rien ne se perd ! A mà cậu đi đâu lang thang tới đây vậy ?

N.S.C: Tới thăm tòa soạn tờ báo của một người học trò cũ.

N.B: Và chúc mừng năm mới nữa chứ !

N.S.C: Ờ nhỉ, năm mới... Ất Hợi sang Bính Tý! Thế mà mình quên khuấy đi mất. Tuổi mình lẩm cẩm như vậy đó *(lắc đầu)* trí nhớ lãng đãng quá xá!

N.B: *(rút bút nguyên tử trên túi áo xòe bàn tay trái ra):* Một ngẫu nhiên đáng ghi nhận là hôm nay chúng mình gặp nhau đúng vào ngày mùng Một tháng Giêng 1996 Dương Lịch *(quệt thẳng nét mực bút nguyên tử hai số 1, trên bàn tay)* cũng là ngày 11 tháng Mười Một năm Ất Hợi *(quệt thẳng bốn gạch đứng, tức bốn số 1, kế tiếp sát với hai số 1 trước).*

N.S.C: *(chợt rướn mi trợn mắt ngạc nhiên):* Ờ nhỉ! Nè cậu trông sáu gạch thẳng dựng đứng, nếu cậu quay ngang bàn tay chút xíu... (nhẹ nhàng xoay ngang bàn tay bạn) Cậu thấy không?

N.B: Ờ thì sao? Thấy gì?

N.S.C: Thì là *Tượng Quẻ Càn* trong Kinh Dịch chứ còn gì nữa!

N.B: Nhưng ý nghĩa *Tượng Quẻ Càn* trong Kinh Dịch ra sao chớ? Nói nghe thử!

(Nghệ Sĩ Còm ngước mắt nhìn trời, suy nghĩ một giây, rồi vui vẻ chỉ sang một tiệm phở Việt Nam tại ngay khu siêu thị).

N.S.C: Chúng ta hãy vào tiệm phở kia! Ăn phở hay uống cà phê, hay cả ăn phở lẫn uống cà phê, rồi vừa ăn vừa uống vừa bàn bạc!

N.B: A ha! Có lý! Được lắm, phở *vào,* cà phê *vào,* lời *ra*! *(Đi được mấy bước N.S.C chợt dừng khựng lại).*

N.S.C: Chết cha! Mình quên bu nó ví tiền trong túi áo veston ở nhà.

N.B: Không sao! Yên chí lớn mà! *(vỗ vỗ túi mình)* Thiếu gì trong này đây!

(Đôi bạn dắt díu nhau đầy vẻ hào hứng về phía tiệm phở Việt Nam).

CẢNH HAI

Đôi bạn vào tiệm phở, chọn một bàn bên cửa sổ nhìn ra bãi đậu xe. Xa hơn một chút là xa lộ... với đủ các loại xe lớn nhỏ xuôi ngược hai chiều. Vùn vụt... chiếc nọ tiếp nối chiếc kia... bất tận!

Cô chiêu đãi viên tới, tay cầm tập giấy ghi.

N.S.C: Ăn gì, uống gì nào?

N.B: Tôi không ăn gì! *(với cô chiêu đãi viên)* Xin cô một ly cà phê sữa.

N.S.C: Tôi cũng vậy!

CÔ CHIÊU ĐÃI: Hai bác cùng dùng cà phê sữa? Vậy là hai cà phê sữa!

N.B: Vâng, xin cô hai ly cà phê sữa là đủ!

(Đôi bạn cùng ngồi xuống ghế, thân ái đối diện nhau, thân ái trao đổi nụ cười mỉm. Cô chiêu đãi viên mang cà phê sữa tới. Cà phê nhỏ từng giọt xuống màu sữa trắng đặc dưới đáy ly).

N.B: Nào, trong khi chờ đợi, xin ông nói cho nghe về đặc điểm của quẻ CÀN!

(Nghệ Sĩ Còm tự biết mình có giỏi gì về Dịch Lý đâu! Nhưng ôn lại một bài báo, vô tình mới được đọc chiều qua, bàn về Tượng của quẻ KHÔN sáu hào Âm ䷁. Vậy với tượng quẻ CÀN — sáu hào Dương ䷀ thì chỉ cần nương vào đó mà nói ngược lại là ô kê rồi chứ gì!)

N.S.C: *(giọng đầy tự tin):* Được rồi, để tôi nói cho ông nghe! Đầu năm Dương Lịch mùng 1 tháng 1 cũng là 11 tháng 11 Âm Lịch! Vô tình gom lại, chúng ta có sáu gạch đứng tức sáu con số một; xoay ngang lại, chúng ta có được Tượng của quẻ CÀN ䷀, quẻ đầu năm *tự nhiên nhi nhiên* đến với chúng ta! Vậy chúng ta có quyền suy diễn như sau để thường xuyên tự nhắc nhở trong mọi hành động suốt năm Bính Tý Sắp tới: "Trong công khai, vào lúc hành động rực rỡ sắc bén nhất, chúng ta hãy kíp thời nhớ tới quẻ KHÔN để thắng hãm mình không sa vào kiêu căng. Trong ánh sáng rực rỡ của thành công — nếu có — suốt năm Bính Tý, hãy giữ thái độ khiêm cung, nhũn nhặn để hào quang chiến thắng của mình có được màu thánh thiện trường cửu! Trong việc phục vụ tập thể xã hội, hãy tránh cầu lợi lộc riêng tư. Chủ yếu cốt sao đem lại tin yêu và hy vọng cho mọi người là đủ rồi!

N.B: Được lắm! Hãy nghĩ như vậy, hãy hành động như vậy! Không phải chỉ những ngày đầu năm mà là suốt năm! Suốt mười hai tháng!

N.S.C: Sao không suốt đời nhỉ?

N.B: Ờ nhỉ, suốt đời chứ! Ô này, cà phê nhỏ giọt hết rồi nè!

N.S.C *(nâng hai phin cà phê để sang bên):* Nào chúng ta hãy quậy đều rồi cùng nâng ly!

N.B *(cùng quậy ly cà phê sữa như bạn, cất tiếng cười sảng khoái):* Trông màu ly cà phê sữa đầu năm của chúng ta đẹp không nè!

N.S.C *(nâng ly):* Xin mời ! Xin mời! Đừng quên: "Hãy giữ thái độ khiêm cùng nhũn nhặn..."

N.B: *(cụng ly với N.S.C.)* "... để hào quang chiến thắng có được màu thánh thiện trường cửu!"

(Cả hai vừa kịp ngửa cổ uống một hớp thì Người Bạn chợt trợn tròn mắt nhìn về phía trước, vỗ mạnh lên vai Nghệ Sĩ Còm nói nhanh).

N.B: Hãy khoan! Cậu trông kìa! Trông lẹ!

(Nghệ Sĩ Còm nhìn theo ngón tay bạn chỉ về chiếc đồng hồ điện tử phía cao, ngay bên trên quầy hàng... Nghệ Sĩ Còm còn kịp quan sát bốn con số ghi thời gian: giờ và phút lúc đó 11:11).

N.S.C *(đôi mắt sáng lên, nói lớn với bạn):* Trèng đéc ơi! 11 giờ 11 phút đúng! Quả là trường hợp ngàn năm một thuở! Vậy là hai thằng chúng mình hôm nay đã cực kỳ khiêm cung, cực kỳ nhũn nhặn cùng nhau củng ly uống một ngụm để kỳ vọng...

N.B *(tranh lời tiếp nối):* ... Kỳ vọng hào quang chiến thắng trong năm nay của chúng mình có được màu thánh thiện trường cửu.

N.B: Đúng! Và củng ly vào đúng lúc 11 giờ 11 phút, ngày mùng 1 tháng 1 Dương Lịch tức ngày 11 tháng 11 Âm Lịch! Ha ha! Tuyệt vời! (Toan ngửa cổ uống nốt phần cà phê sữa còn lại) Khoan! Còn nữa! Còn nữa!

N.S.C: Ủa, còn gì nữa nào?

N.B: Lần sắp tới này mới thật là hy hữu, cực kỳ hy hữu! *Ngàn năm một thuở* — đúng với nghĩa đen của từ ngữ này một trăm phần trăm!

N.S.C: Thật không? Nói nghe thử! Lẹ! Lẹ!

N.B: Bình tĩnh! Bình tĩnh! Này nhé... Bốn năm nữa...

N.S.C: Bốn năm nữa? Ừ bốn năm nữa... Sao?

N.B: Đã bảo bình tĩnh... bình tĩnh mà! Này nhé bốn năm nữa... Vào đêm giao thừa năm 2000 bước sang năm 2001, chúng ta phải gặp nhau lần nữa!... Nhất định phải gặp nhau lần nữa... Như ngày hôm nay — để củng ly từ biệt — vĩnh biệt thì đúng hơn năm cũ, năm cuối cùng của *Thiên Niên Kỷ Hai* — năm Hai Ngàn (2000) để cùng bước sang giây phút đầu tiên của năm Hai Ngàn Lẻ Một (2001) — năm đầu tiên của *Thiên Niên Kỷ Ba!* Thấy chưa?! Trường hợp cực kỳ hy hữu đúng nghĩa *Ngàn Năm Một Thuở* nhé!

N.S.C *(bừng ý thức được điều bạn vừa khám phá):* Trời!... Được lắm! Được lắm! Giây phút hy hữu của *đầu* và *cuối* hai thiên niên kỷ tiếp nối nhau... Cha cha! Quả thực là ngàn năm một thuở! Bốn năm nữa... bốn năm nữa. 1996-2000... *(giọng càng thêm hối hả)* chúng ta... nhất định chúng ta sẽ lại gặp nhau... sẽ phải gặp nhau. Chạm ly như thế này để vĩnh biệt *Thiên Niên Kỷ Hai* cùng bước sang *Thiên Niên Kỷ Ba,* thiên niên kỷ của Hội Long Hoa, nhân loại an hưởng thái bình thịnh trị! Cụ Trạng Trình nhà ta há chẳng đã tiên đoán một thời những thánh cùng tiên, một thời "Đông Tây vô sự Nam thành quốc gia!"

N.B: Ôi, Thời - Không vô cùng vô tận nhưng vẫn có dấu mốc đấy chứ! Dấu mốc phân chia hai thiên-niên-kỷ! Ha ha! Bốn năm tới, chúng ta sẽ dắt tay nhau bước sang Thiên Niên Kỷ BA. Ha ha! Trường hợp hy hữu *ngàn năm một thuở!* Rõn sao?!

Đôi bạn cùng cả cười nâng ly, chạm ly lần nữa, ngửa cổ uống trong khi đó thì... nếu là sân khấu...

Màn *từ từ hạ!*

6-I-1996

VÀI CHUYỆN RẤT THƯỜNG

LÊ TẤT ĐIỀU

Santee 1/01/96

James Keeran kính mến,

Nói rằng Quân đội Việt Nam Cộng Hòa thuộc vào hạng anh hùng bậc nhất thế giới, tôi thực tình không có ý chê quân đội các quốc gia khác kém anh hùng. Chẳng qua là chỉ vì trên vận động trường thử thách lòng dũng cảm, ý chí, khả năng chiến đấu, sức chịu đựng v.v... quân đội nước tôi không có đối thủ. Họ là tuyển thủ duy nhất. Họ bất hạnh có cơ hội chứng tỏ tất cả những đức tính đẹp đẽ của bậc anh hùng trong một cuộc chiến dài hai mươi năm, và sau đó, trong những năm tháng bại trận bị cầm tù hay sống đời lưu vong, cũng dài hơn hai mươi năm.

Họ nhất vì họ bị độc diễn, vậy thôi.

Nhưng bây giờ đâu phải là lúc ngồi luận anh hùng, phân tích chuyện thắng bại. Tôi cũng không lẩm cẩm đến độ bắt ông nghe những câu chuyện chiến trường Việt Nam. Hai mươi năm qua, nhiều cuộc chiến khác đã làm đầy trang nhất tờ *Daily Pentagraph*. Cảnh tượng chiến trường, dù bi tráng cỡ nào, cũng có những chi tiết bị lập lại, như một thứ văn chương khuôn sáo, khiến chúng ta nhàm chán.

Thư này, tôi chỉ muốn kể về bảy chữ lạ, bảy chữ hoàn toàn không phải tiếng Việt, nằm trong câu nói cuối cùng của một chiến binh Việt Nam. Ông ta đã nói bảy chữ lạ đó một cách đầy ý nghĩa, nói trong lúc biết chắc rằng chỉ năm, ba phút nữa mình sẽ tử trận.

Sau đây là nguyên văn lời kể của cựu phi công Lê Xuân Nhị; (chuyện xảy ra khoảng đầu thập niên 70, hôm đó ông Nhị và một đồng đội, đại úy Ngọc, được giao nhiệm vụ lái máy bay quan sát L.19, bay trên vùng trời thường có giao tranh. Thấy một đồn nào bị tấn công, hai ông sẽ liên lạc gọi quân tiếp viện, hoặc hướng dẫn những phi vụ đánh bom giải vây cho toán quân dưới đất.)

*

Ngày cuối cùng của cuộc biệt phái, chúng tôi cất cánh phi vụ thứ hai vào khoảng ba giờ chiều. Lên trời, làm vài vòng, tôi hỏi đại úy Ngọc:

"Hay mình làm vài vòng, nếu không có gì thì đi kiếm cái chòi Thượng nào đó *'duy trì khả năng'* rồi về đáp. Mai đổi biệt đội rồi."

Đại úy Ngọc tự nhiên phản đối:

"Thôi, cứ để đó, mày bay dọc lên Dak Pek đi. Tao đi quan sát một lần chót để bàn giao vùng trách nhiệm cho phi hành đoàn mới."

Có cái gì thắc mắc trong đầu anh mà tôi không nghĩ ra. Lát sau anh nói:

"Mày để ý thấy chiến trường lần này, đặc biệt là cách mấy ngày hôm nay yên lặng một cách quá đáng không?"

Tôi chả biết gì, trả lời:

"Yên thì yên đó, nhưng mà có gì không anh?"

"Thường thường mà yên quá như thế này là thế nào cũng đánh lớn."

Tôi nói xuôi:

"Mai mình về rồi, nhằm nhò gì."

Khoảng năm giờ chiều, tôi đang lơ lững gần một cái đồn nhỏ gọi là đồn Dakseang, phí Nam của Dakto. Đại úy Ngọc chợt giật lùi cần lái, quẹo một vòng:

"Để tao coi. Đ.M. hình như đồn này đang bị pháo kích."

Chỉ một thoáng sau, anh la lên:

"Đ.M. nó đang pháo vô đồn."

Anh Ngọc gọi máy về trung tâm hành quân,

báo cáo những gì mình thấy và xin tần số liên lạc ngay. Chỉ trong vài phút, trung tâm hành quân xác nhận với chúng tôi là đồn vừa bị pháo và có nhiều dấu hiệu cho thấy đồn bị tấn công.

Chúng tôi được chỉ thị ở lại với đồn.

Bắt được liên lạc, trao đổi danh hiệu là chúng tôi giảm cao độ. Vừa tà tà bay vô thì bỗng hàng chục cây phòng không nhắm vào chúng tôi nổ tới tấp. Chắc chắn phải có vài viên trúng tàu vì tôi nghe lên vài tiếp bụp bụp. Tôi càu nhàu: *"15 ngày biệt phái không sao, ngày cuối cùng mà lãnh một viên vào... đít thì thật là xúi quẩy..."* Vô không nổi, tôi quẹo ra. Đại úy Ngọc phê bình:

"Trên trời mà phòng không *'kèm cứng một rừng'* như vậy thì dưới đất nó đã chuẩn bị trận địa pháo rồi. Lạng quạng thì đồn này chắc mất tối nay."

Anh giở tấm bản đồ, ba cái FM trên phi cơ được xử dụng liên tục. Cái gọi cho pháo binh, cái trực với đồn Dakseang, cái nói thẳng với bộ tư lệnh chiến trường.

Cường độ pháo kích càng ngày càng trở nên khốc liệt. Tôi lên cao chút xíu, rồi rình rình lại chui vào từ một hướng khác. Bố khỉ, lúc ấy tôi mới khám phá ra là khu vực làm việc bị mây "broken" từng cụm nhỏ bao phủ khoảng từ năm đến gần tám ngàn bộ trên trời. Đang quan sát, tàu chui vào mây là coi như mù. Ra khỏi mây thì phải mất một lúc mới trở lại được chỗ quan sát cũ. Đại úy Ngọc chửi thề: *"Đ.M. mây mà cũng biết nghe lời Việt Cộng dụ dỗ để đâm sau lưng chiến sĩ rồi. Trời đất bao la sao không kiếm chỗ bay mà cứ về lẩn quẩn làm c... gì ở đây?"* Tôi đã cắt ga xuống dưới trần mây mấy lần nhưng vừa xuất hiện là đã bị hàng chục họng phòng không thổi rào rào vô mặt, đuổi trở lên. *"Súng đâu mà chúng nó lắm thế?"* Tôi đành vật lộn với mấy cụm mây Việt Cộng này.

Bi thảm hơn, giặc bắt đầu nả 130 ly vào đồn. Hai cây đại pháo, một cây đặt ở ven làng cách đó chừng 15 cây số, cây kia ở hướng đối diện cứ tà tà nả từng trái một vào đồn. Từ trên, tôi nhìn thấy rõ ràng những quả đạn rớt rất chính xác vào trong đồn. Cứ một quả đại bác rơi xuống là có chừng mười mấy trái súng cối nổ kèm theo để *phụ diễn*. Tôi và anh Ngọc lồng lộn trên tàu bay. Máy vô tuyến gọi đến gần nát cả họng, nhưng vì bất ngờ quá, chả thấy phi tuần xuất hiện. Anh Ngọc gọi pháo từ căn cứ pháo binh gần đó nhất để yểm trợ. Vừa nhận được tọa độ, đã nghe ở dưới kêu trời:

"Vô ích bạn ơi. Xa quá, bắn tới... tết cũng huề."

"Thì bạn quay nòng xuống thử đại cho tôi chục tràng đi, bắn dọa nó cũng được."

"Xong rồi, để tôi cho yếu tố tác xạ..."

"Yếu tố mẹ gì, bắn đi bạn..."

Khoảng năm giờ rưỡi chiều, người chỉ huy đồn Dakseang có vẻ bối rối:

"Bạch Ưng đây Thanh Trị."

"Nghe năm bạn."

"Báo cho bạn biết đến giờ này con cái tôi đếm được là 500 trái rồi đó bạn."

Hầm hố tôi 50% thiệt hại."

Tôi muốn nhảy nhổm trong tàu bay. 500 trái vừa cối vừa pháo xuống một diện tích tí teo như thế kia thì còn hầm còn hố nào.

Anh Ngọc bỗng nẩy ra một kế... chết người:

"Cứ để pháo cái điệu này thì chừng tí nữa quân mình chẳng còn gì hết. Mình phải *'chiến tranh chính trị'* mới được.

"Có học trường chiến tranh chính trị ngày nào đâu mà đòi.. chiến tranh chính trị anh?"

Người phi công chiến tranh chính trị bất đắc dĩ lên mặt dạy dỗ:

"Từ từ để tao cắt nghĩa. Chiến tranh chính trị nghĩa là... có là không, không là có. Bây giờ chưa có phi tuần thì mình phải làm như có phi tuần. Mình phải xuống ngay trên đầu mấy cây pháo làm bộ như phi tuần sắp tới thì pháo nó mới câm được."

Xong rồi. Mặc dù vẫn còn ngán mấy chục họng phòng không nhưng trong hoàn cảnh này, đạn tránh người chứ người làm sao tránh đạn? Tôi cắt ga cho tàu rớt cái rào, cứ nhắm họng đại bác bay tới. Đạn nổ tùm lum chung quanh tàu. Anh Ngọc trấn an tôi:

"Mày đừng lo, tao có bùa nanh heo rừng. Đạn nó né tao."

Nghe sao mà chán đời. Tàu bay chỉ có hai người, đạn nó bắn vào đây mà né anh Ngọc thì nhất định nó phải kiếm người khác để chui vào. Người đó còn ai khác hơn là tôi?

Bỗng nhớ ra điều gì, anh thò tay vô ngực quơ quàng một chút rồi rú lên:

"Bỏ mẹ rồi, nanh heo rừng đíu có đem theo. Đ.M. hôm qua đi tắm treo nó chỗ phuy nước quên đeo vô rồi." Nhưng anh nói ngay:

"Nhưng tử vi có nói tao sống thọ lắm, yên chí lớn đi thằng em."

Con người, lúc đó ở trong những hoàn cảnh nguy hiểm đều kiếm ra một lý do gì đó để tin tưởng, và hy vọng.

Càng đi xa đồn thì phòng không càng bớt dần. Thấp thoáng, con gà cồ của giặc đã nằm ngay dưới cánh tôi. Chúng tôi xuống thấp thêm chút nữa, lượn vòng chung quanh cây pháo. Đúng như ý anh Ngọc đoán, pháo im bặt. Rồi như một cơn mưa rào đổ xuống miền hạn hán, một hợp đoàn Cobra của Tây xuất hiện. Đại úy Ngọc qua được tần số của Tây xí xa xí xô một chập, tôi chỉ nghe được mấy tiếng *"everywhere"*.

Vừa vào vùng là mấy anh Cobra làm ăn liền. Tôi ngạc nhiên khi thấy họ thay phiên nhau bắn rào rào chung quanh đồn. Như vậy có nghĩa là con cháu họ Hồ đang *"tùng thiết"* đi vô chăng? Dĩ nhiên, phòng không giặc bây giờ đổi mục tiêu, nhằm mấy ông Cobra nhả đạn. Trận thư hùng coi rất đẹp mắt nhưng ngắn quá. Mấy ông Tây bắn chừng năm phút là hết đạn, quay lui. Khốn nạn hơn, cái đòn chiến tranh chính trị xem ra đã hết ép phê. Có lẽ giặc biết chúng tôi chỉ dọa già nên cây pháo bắt đầu nổ trở lại. Đại úy Ngọc gầm lên:

"Đ.M. tụi mày, lát nữa khu trục lên tao cho nó bỏ bom thấy mẹ."

Tức quá mà không làm gì được thì chửi cho đã tức. Chúng tôi chỉ có bốn trái rocket khói, chẳng sơ múi gì được.

Rồi Peacock gọi thông báo sẽ có hai phi tuần khu trục A-1 đang cất cánh khẩn cấp từ Pleiku lên làm việc với chúng tôi. Đại úy Ngọc hớn hở gọi mấy:

"Thanh Trị đây Bạch Ưng."

"Nghe năm bạn, gần ngàn trái rồi. Tụi nó mới xung phong đợt đầu đó bạn."

"Có sao không bạn?"

"Không, mấy thằng chuồn chuồn tới đúng lúc với lại con cái tôi đánh giặc còn *"tới"* lắm bạn ơi. Tụi nó rút hết rồi. Khoảng chừng năm chục xác nằm dài dài. Mấy thằng Tây đánh đẹp lắm."

"Chúng tôi sẽ có hai phi tuần lên liền bây giờ"

"Bạn ráng dùm, hầm hồ gần nát hết rồi."

"Tôi hiểu."

Cây 130 ly quái ác vẫn đì đạch phọt ra từng cụm khói đen. Tôi bảo anh Ngọc:

"Anh để em lên làm đại một trái khói vô đó coi. May ra..."

"Ờ, may ra..."

Tôi làm vòng bắn, nghiên cánh quẹo vào, nhắm và bóp cò. Oành, cái rocket nổ... gần cây đại pháo. L-19 mà bắn được vậy là nhứt rồi, nhưng có chết thằng chó nào đâu? Không chết nhưng cây pháo lại im tiếng một lần nữa. Tốt, tôi tính cứ lâu lâu nhào xuống xịt cho tụi nó một trái để mua thời gian chờ khu trục lên.

Rồi tiếng rè rè thử vô tuyến của mấy ông khu trục A-1 nghe lên bên tai. Phải thú nhận, cái tiếng rè rè đực rựa này lúc ấy nghe sao mà nó... đáng yêu thế. Đó là thứ tiếng nói của hy vọng, của niềm tin, của sức mạnh, của tình chiến hữu. Anh Ngọc trao đổi vô tuyến với phi tuần khu trục rồi gọi máy cho quân bạn:

"Thanh Trị đây Bạch Ưng"

"Nghe năm bạn."

"Chim sắt của tôi lên rồi đó bạn, bạn muốn tôi đánh đâu?"

"Bạn lo giùm mấy con gà cồ trước đi."

"O.K. roll!"

Phi tuần khu trục vừa xuất hiện thì cả bầu trời biến thành một biển lửa. Số lượng phòng không bây giờ không biết là bao nhiêu cây, nhưng dòm hướng nào cũng chỉ thấy lửa và lửa. Trời đã về chiều nên những viên đạn lửa bay vút lên cao càng được thấy rõ ràng hơn. Phi tuần đầu nhào lên nhào xuống mấy lần vẫn không làm câm họng được cây pháo vì phòng không và trời quá xấu. Những đám mây... phản quốc khốn nạn vẫn chình ình khắp nơi. Khó khăn lắm họ mới kiếm được một lỗ chui xuống, bay giữa những loạt đạn phòng không trùng điệp để tới mục tiêu, bấm rốt bom rồi kéo lên. Còn hai trái cuối cùng, người phi công A-1 *"để"* vào ngay trên ổ súng chính xác như để bi vào lỗ. Ầm một tiếng vang lên rồi tiếp theo là nhiều tiếng nổ phụ. Cha con nó đang đền tội. Xong một cây. Anh Ngọc hướng dẫn phi tuần thứ hai đánh cây thứ nhì.

Phi tuần thứ hai đang làm ăn thì tôi nghe tiếng gọi:

"Bạch Ưng đây Thanh Trị."

"Nghe năm bạn."

"Báo bạn biết hầm chỉ huy tôi sập rồi. Tôi ra giao thông hào với mấy đứa con."

"Bạn nhớ giữ liên lạc với tôi bạn..."

Không có tiếng trả lời. Tôi hoang mang. *"Ra giao thông hào với mấy đứa con,"* vậy là bi đát lắm rồi. Anh Ngọc bảo tôi:

"Anh đang bận hướng dẫn khu trục, em qua FM gọi thẳng trung tâm hành quân xin gấp cho anh ít nhất là hai phi tuần nữa lên liền lập tức. Nếu không kịp là tụi nó sẽ *'over run'* Dakseang trong vòng nửa tiếng đồng hồ."

Tôi đổi tần số FM. Anh Ngọc cẩn thận dặn dò thêm:

"Phải nhớ la ơi ới lên như là đang bị ai bóp... dái thì cha con nó mới chịu chạy giùm."

Tôi phì cười, ông đại úy này lúc nào cũng đùa được. Khỏi cần bị bóp dái tôi cũng la được vì hò hét và tả oán là sở trường của tôi. Tôi gọi máy và có kết quả ngay. Anh Ngọc mừng rú lên khi được thông báo có một phi tuần F-4 của Hải Quân Mỹ sẽ cất cánh ngay từ hàng không mẫu hạm bay vào làm việc.

Giọng nói từ dưới đất bây giờ nghe có vẻ hốt hoảng:

"Bạch Ưng đây Thanh Trị"

"Nghe bạn năm."

"Bạn cho mấy con chim sắt về đánh quanh đồn gấp đi bạn. Tụi nó đang *'à lát sô'* lên.

Anh Ngọc la ùm lên trong tần số khu trục. Hai chiếc A-1 còn mấy trái bom bỏ dở cây pháo, hối hả trở về đồn nhào xuống đánh sát chung quanh hàng rào. Một ông la to khi kéo tàu lên:

"Tụi nó đông như kiến bạn ơi."

"Còn phải hỏi."

Khu trục đánh hết bom nhưng vẫn bay trên mục tiêu để bắn hết những tràng cà nông 20 ly. Tình hình lúc này đã bi đát lắm rồi. Giặc xung phong lên ào ào. Thanh Trị thông báo là một góc phòng tuyến đã bị vỡ và con cái anh đang xáp lá cà với giặc. Tôi nghe trung tâm hành quân thông báo thêm ba căn cứ khác cùng bị tấn công một lúc.

Sản xuất

"Bà đó chẳng bao giờ ra khỏi xứ mà đẻ được ba chục đứa con đứa nào cũng uyên bác, thông minh."

"Đúng ra bà chẳng bao giờ ra khỏi nhà cả."

"Thế bả có ra khỏi giường không?"

*

"Dân thế nào thì đáng được chính phủ như thế đó." (Joseph de Maistre, 1811)

Anh Ngọc bảo tôi: *"Tao còn lạ gì cái trò này, tụi nó đánh nghi binh để dứt điểm Dakseang đó. Phải cẩn thận."* Trong vô tuyến, tiếng tàu bay gọi nhau, tiếng trao đổi giữa trên trời và dưới đất nghe loạn cào cào. Rồi, trong những tiếng ồn ào đó, có tiếng gọi của mấy ông F-4 Phantom Hoa Kỳ.

Mấy ông Tây trang bị võ khí tận răng. Hai chiếc F-4, mỗi chiếc mang 18 trái 500 pounds đang làm vòng chờ ở khoảng 20 ngàn bộ. Anh Ngọc chỉ *"briefing"* một tí, mấy ông *"Roger"* và *"Sir"* lia lịa rồi nhào xuống làm ăn liền.

Khu trục Việt Nam đánh đã đẹp, mấy ông Tây đánh cũng không thua ai. Từ khoảng 15 ngàn, mấy ông nhào xuống dưới trần mây, để những trái bom thật chính xác. Phòng không bắn dữ dội nhưng xem ra không ăn thua gì với mấy chiếc F-4 này.

Đang đánh ngon lành thì tôi nghe tiếng gọi từ dưới đất:

"Bạch Ưng đây Thanh Trị."

Giọng nói lúc này không còn vẻ hoảng mà bình tĩnh lạ thường. Anh Ngọc bấm máy:

"Nghe bạn năm, cho biết tình hình."

"Yêu cầu Bạch Ưng đánh bom ngay vào trong đồn."

Cả hai chúng tôi giật nẩy mình, chỉ hy vọng rằng mình nghe... lộn. Chúng tôi sững sờ không trả lời được. Người chỉ huy phía dưới xác nhận lại:

"Bạch Ưng, tôi xác nhận lại. Tôi xin bạn đánh xuống đầu tôi."

"Xin đánh thẳng vào đồn?"

"Đúng năm. Hết hy vọng rồi bạn ơi. Cứ đánh vào đây cho tụi nó chết chùm luôn."

"Suy nghĩ kỹ chưa?"

Giọng dưới đất lúc này nghe đã có vẻ hết kiên nhẫn:

"Không còn cách nào khác. Đánh lẹ giùm. Chúc bạn may mắn. *'Cổ lai chinh chiến kỷ nhân hồi'* mà..."

Đó là những tiếng nói cuối cùng tôi nghe được từ đồn Dakseang. *"Cổ lai chinh chiến kỷ nhân hồi."* Anh Ngọc hốt hoảng gọi máy về xin chỉ thị quân đoàn. Quân đoàn trả lời phải xác nhận lại với đồn Dakseang một lần nữa rồi cho biết kết quả. Chúng tôi gọi muốn đứt hơi nhưng không còn liên lạc được với Thanh Trị nữa. Báo cáo trở lại, quân đoàn quyết định: Cho đánh thẳng vào đồn nhưng phải... cẩn thận.

"Cẩn thận c... ông", anh Ngọc lẩm bẩm chửi thề rồi gọi thông báo cho mấy ông Tây, bảo đánh thẳng vào đồn. Người phi công hải quân Mỹ vừa kéo con tàu lên sau một loạt tấn công cũng bối rối không kém:

"Roger! Sir, Did you say... right on it? Over."

"Yes, sir. It's all over. I said you salvo right on it. Over."

"Roger, sir, I understood, sir. Over"

Chỉ có vậy thôi là đồn Dakseang biến thành một biển lửa sau hai đợt bom salvo của mấy chiếc Phantom. Tôi đang chứng kiến một hình ảnh mà có lẽ suốt đời sẽ không bao giờ quên được. Tôi biết nói gì lúc này đây cho những người chiến sĩ địa phương quân QLVNCH? Tất cả những ngôn từ, những ý nghĩ đều trở thành vô nghĩa trước cảnh

NGUYỄN TƯỜNG GIANG

XUÂN XƯA

Xuân đến rồi ư người bạn nhỏ
Đầy thềm tuyết đọng suốt đêm qua
Ngẩn ngơ tự hỏi mùa xuân đến
Xuân ở ngoài đời hay trong ta

Thức dậy pha chén trà buổi sớm
Một mình ngồi uống nỗi xót xa
Vợ con còn ngủ trời chưa sáng
Nước mắt rơi thêm một tuổi già

Nghĩ lại năm xưa xuân hớn hở
Bạn bè nhộn nhịp lòng như hoa
Gặp nhau ngày trước ngày sau hẹn
Chuyện vãn qua đêm nhà tiếp nhà

Nhớ xưa tụ họp nơi quán nhỏ
Đốt mộng đổi đời khói thuốc bay
Bạn vào rừng núi tôi thành thị
Thư gửi nhau bằng tiếng đạn bay

Xuân nào ngó lại đầy bông tuyết
Tóc trắng bay theo những mộng đời
Bạn cũ, quê xưa nào đâu thấy
Chỉ thấy quanh nhà tuyết lại rơi.

tượng bi thảm hào hùng này. Bay cách đó chừng năm cây số với cao độ năm ngàn bộ mà con tàu tôi như rung lên dưới tiếng nổ và sức ép khủng khiếp của mấy chục trái bom 500 cân Anh nổ một lần. Làm sao còn có ai sống sót sau cơn tàn phá khủng khiếp này?

Những thịt, những xương, những máu của các anh hùng Dakseang đã tung bay khắp nơi rồi rớt xuống lẫn lộn với những bụi, những đá, những sắt để nằm im trên mặt đất. Cũng trên mặt đất này của quê hương, ở một nơi nào đó, những vợ, những con, những bà con thân bằng quyến thuộc của các anh đâu có biết người thân mình vừa anh dũng đền xong nợ nước, vừa *"cổ lai chinh chiến kỷ nhân hồi"* như lời trăn trối cuối cùng của người đồn trưởng.

Mặt tôi bỗng chan hòa nước mắt. Tôi tống hết ga bay trở lại đồn. Qua màn lệ nhạt nhòa, tôi chẳng còn thấy gì cả ngoài những cụm khói đen bốc lên giữa đồn.

Hai chiếc Phantom Hoa Kỳ ráp thành một hợp đoàn tác chiến bay những vòng tròn thấp chung quanh đám đất đá điêu tàn không hiểu để quan sát hay để chào vĩnh biệt những chiến sĩ gan dạ của địa phương quân QLVNCH. Dưới trời chiều tắt nắng, trông hợp đoàn Phantom như hai con chim hải âu ủ rủ lượn từng vòng quanh xác chết của đồng loại. Sau khi nhận kết quả oanh kích của anh Ngọc, giọng xúc động của người phi tuần trưởng Phantom vang lên:

"Sir, may I reach out across the fires and destructions of today to tell you this: Those people down there have fought like men and have gone in honor."

Giọng anh Ngọc run run nghẹn ngào:

"Yes, sir, they have gone in honor."

"That was an Alamo by all means, sir. An even greater Alamo than ours. Over."

Tôi thấy hai hàng nước mắt chảy dài trên má anh Ngọc:

"Roger! We have thousands of Alamos like that every day in our country."

"Roger, I believe that, sir. God bless you all. Over."

Hai chiếc Phantom lắc cánh chào vĩnh biệt rồi bốc lên cao, mất hút giữa trời chiều ảm đạm.

(Đất Khách Trời Quê - Trường Sơn Lê Xuân Nhị)

*

"Cổ lai chinh chiến kỷ nhân hồi" (xưa nay chinh chiến mấy ai về). Bảy tiếng lạ, không phải tiếng Việt. Trong câu nói cuối cùng của người chiến sĩ là một câu thơ Tàu, nguyên văn chữ Hán. Ông ta đọc nguyên văn câu thơ đó một phần để an ủi, khích lệ hai chiến hữu phi công đang bối rối, bàng hoàng, đang không đủ can đảm để yêu cầu phi cơ Mỹ thả bom xuống đầu ông.

Trong cái giờ khắc khốc liệt ấy, đâu còn thời gian cho lý luận, giải thích, thuyết phục dài dòng. Vậy mà hai người bạn phi công thì, lúc đó, lại rất cần một lời thuyết phục thật mạnh mẽ để có thể nói thành lời một quyết định quá đau lòng. Và người anh hùng đã chọn câu thơ cổ.

Không là người Việt Nam, không rành văn chương, văn hóa Việt, người ta thấy chọn lựa này có vẻ kỳ cục. Tôi biết chắc trăm phần trăm là bạn tôi, ông Nhị, không nói được tiếng Tàu, không đọc được Hán tự. Còn ông đại úy Ngọc và vị anh hùng kia, có thể chín mươi chín phần trăm, là cũng giỏi chữ Nho bằng ông Nhị mà thôi.

Vậy mà ông ta đã chọn lựa thật đúng, và được hiểu ngay. Bởi vì trong tâm hồn hai chiến hữu phi công của ông cũng có câu thơ ấy.

James Keeran kính mến,

Hôm trước đã giới thiệu với ông một nhà văn Việt Nam. Hôm nay lại bắt ông nghe về những giây phút cuối của một chiến sĩ Việt. Tôi có chủ đích cả. Tôi muốn tạo cho mình một cơ hội để phân trần với ông một chuyện hơi riêng tư.

Cái chuyện trong lá thư nào tôi cũng lải nhải xưng mình là một nhà văn Việt. Thay vì nói một cách giản dị là "chuyện giải trí của tôi" thì tôi lại long trọng viết "chuyện giải trí của ông nhà văn tị nạn". Kể chuyện làm thơ, thì cũng phải hùng dũng khoe cho được tước hiệu "ông thợ gốc nhà văn."

Sao không ăn nói giản dị như mọi người: "Công dân Mỹ mới", "ông Mỹ gốc Việt, "ông Mỹ gốc tị nạn"? Mấy tước hiệu ấy cũng bảnh lắm mà còn rất hợp thời? Không có nó, tôi đã không đủ tiêu chuẩn để làm công việc tôi đang làm? Còn cái tước hiệu "nhà văn tị nạn", nó chẳng hề giúp tôi bắt "giớp" thơm, lại cũng chưa nuôi nổi tôi được một ngày! Sao tôi cứ ôm chặt lấy nó và lải nhải khoe khoang mãi?

Tôi xin giải bày, thật vắn tắt: dân Việt, cho đến thế hệ tôi, vẫn hết lòng yêu quý những người của văn chương, nghệ thuật.

Trong khi thế giới có khuynh hướng nhìn nhà văn và sử dụng họ như những chuyên viên, chuyên viên sản xuất những món hàng giải trí... thì người Việt chúng tôi vẫn nhìn nhà thơ, nhà văn, nhạc sĩ... như những kiến trúc sư của tâm hồn dân tộc.

Một đoạn văn quẩn quanh trong tâm trí một cán sự xã hội hơn ba mươi năm, gợi mãi trong ông lòng xót thương người. Một câu thơ viết hằng trăm năm trước, ở một nơi nào đó trên đất Trung Hoa, còn ở cùng người chiến sĩ đến phút giây tử biệt. Với người Việt Nam, những chuyện ấy rất thường.

Qua bàn tay của những cây bút tài hoa kim cổ, Tạo Hóa tiếp tục khắc lên hồn dân tộc những đường nét tuyệt vời.

Tâm hồn người Việt sống ở miền Nam thời đó đẹp đẽ quá, công trình của Tạo Hóa kỳ diệu quá. Được mang tước hiệu một người thợ góp phần tô điểm công trình ấy là một vinh dự rất đáng khoe khoang. Nhất là, với tôi, một kẻ lâu lâu kiểm điểm đời mình, tìm kiếm mở người không ra một thành tích nào khả dĩ cho phép mình ba hoa, bằng nhắng.

Nói thế mong đã đủ để ông hiểu và thông cảm. ■

MÙA XUÂN MÙA THU LÀ NHAU

ĐỖ THÌ KÊNH G

Võng ngà mắc giữa gốc chanh và một cây thật cao. Không biết là cây gì. Cô gái buông chân trần. Khẽ đẩy trên sân cỏ. Võng ru nhè nhẹ. Nửa cổ chân hoa sứ ló ra khỏi ống quần lụa mỡ gà lại nhấc lên, duỗi dài theo thân võng. Chân cô gái duỗi dài như chân trời. Như chân biển. Chân cô gái xuyên biển Thái Bình. Ru võng vườn sau nhà mẹ. Dưới gốc chanh. Vườn chanh nhà mẹ. Quê nhà.

Gió thu rì rào. Cành cây đung đưa. Gió thu tung nghịch mái tóc đen dài, vuốt ve cổ nõn, luồn qua kẽ áo lụa. Cúc bấm đồng trinh. Xoa. Mơn. Cô gái khẽ rùng mình đè tay lên bụng. Má ửng.

Gió thu. Lá vàng. Lá thu rơi vàng nắng chiều thu. Nắng vàng. Nắng chiều thu dịu dàng óng ánh ôm lấy từng chiếc lá thu đang xoay tròn dẫy dụa rơi. Ngàn lá thu dát vàng sân cỏ. Lá rơi sấp, lá rơi ngửa, nằm đìu hiu chồng chất bên nhau. Lá thu vàng. Nắng thu vàng.

Một lá thu lượn tròng trành trên không, đáp nhẹ trên bụng áo lụa mỡ gà. Phó thác. Cô gái nhặt lên. Hai ngón xuân non nõn kẹp chặt cuống lá thu gầy. Máu ửng hồng trong móng tay như muốn chuyền theo từng rãnh gân lá để cứu sống lá vàng.

Gió thu như muốn giành lại lá thu khỏi hai ngón xuân xinh. Gió thu trên ngọn cây thầm thì lời thu:

"Người ơi, lá thu là của gió thu. Lá thu là của mùa thu. Dẫu vài chấm diệp lục tố còn sót mờ trong lá vàng, màu xanh mờ ấy cũng không còn là của mùa xuân. Màu xanh ấy đã thuộc về mùa thu."

Mà người ơi, sao người lại buồn khi thu về? Màu vàng lá thu đẹp lắm. Đừng đạp lên lá thu mà nghe thu xào xạc. Đừng ngồi bên song cửa nhìn lá thu rơi mà nói thu buồn. Hãy đỡ lấy bất cứ lá thu nào vừa lìa cành. Mà chiêm ngưỡng. Người sẽ nhận ra lá thu không phải là lá chết. Lá thu là lá sống. Lá thu đẹp lắm. Lá thu trau chuốt, mượt mà. Trong đời lá, có hai lúc lá đẹp nhất. Một là thuở lá non, lộc bung nở, lớn nhanh thành lá tung tăng, xanh non như ngọc. Ngọc bích. Hai là thuở lá sang thu. Màu vàng lá thu óng mượt trong nắng thu. Lá thu đẹp từ cuống, tới từng đường gân. Gân lá như mười mươi con suối cuồn cuộn đổ xuôi về con sông thẳng tắp từ cuống lên tới đỉnh lá. Màu vàng lá thu là màu vàng con trăng. Con trăng giãi vàng suối thu sông thu. Viền răng cưa lá thu trùng trùng như nẻo mây chớn chở thon vút lên trời. Màu vàng óng pha hồng điểm mờ chấm xanh của lá thu như hiện thân của trời nương dâu, mây tơ tằm, ráng chiều má ửng, suối sông non nõn, đồng lúa đêm trăng.

Cô gái áp lá thu lên má. Da lá thu mịn lụa. Da má mát thạch. Má cô gái ửng hồng chuyền ấm cho lá thu:

"Gió thu à, Lá thu là của người. Mà gió thu cũng thuộc về người. Mùa thu cũng thuộc về người. Mà người cũng thuộc về lá thu, thuộc về gió thu, thuộc về mùa thu. Chấm diệp lục tố mờ trong lá thu chính là mùa xuân. Không phải là mùa xuân còn sót lại. Mùa xuân hiện hữu. Không có xuân làm sao có thu? Không có thu làm sao có xuân? Mùa xuân là mùa thu. Mùa thu là mùa xuân. Mùa thu tới đem màu vàng cho lá. Vàng khối. Óng ánh. Trong vàng thu vẫn có xanh xuân. Mùa xuân về đem màu xanh cho lá. Xanh ngọc. Long lanh. Xanh ngọc thấp thoáng vàng thu. Mùa xuân lá trên cành. Mùa thu lá lìa cành. Lá trên cành đợi thu. Lá lìa cành tìm xuân. Trên cành, lìa cành đâu nghĩa lý gì. Lá luôn hiện hữu.

Gió thu à, thôi đừng nói lá thu của gió hay của người. Của nhau. Ta của nhau. Ta là nhau. Cám ơn lá thu. Cám ơn gió thu. Cám ơn mùa thu. Màu vàng lá thu sống mãi, đẹp mãi. Nha!"

Cô gái mỉm cười. Cười đã như mơ. Khẽ đặt lá thu trên ngực. Gió thu mơn man. Lá thu run trên ngực. Phập phồng. Ngực xuân. Ấm. Cô gái lim dim ngủ. Gió thu đẩy khẽ lá thu lọt qua kẽ hở cúc bấm bung ra. Lá thu nằm chết lịm. Ngực. Thơm ơi! Nắng thu nhảy reo trên tóc, trên ngực, trên bụng, trên bắp chân, trên ngón chân. Chiều thu ơi! Thần tiên ơi!

Cô gái bỗng nghiêng người lại thò bắp chân trắng muốt xuyên bể Thái Bình, khẽ đưa võng. Võng vườn chanh nhà mẹ. Lá thu rơi ra khỏi ngực thơm. Bẽn lẽn. Gió thu cuốn lấy, đưa lá thu bay bổng. Trả lá thu về cho mùa thu.

Chiều nay, sau vườn, có một lá thu theo gió thu đi biền biệt qua mùa đông đằng đẵng, đem theo no thỏa đất trời, ủ theo mầm sống tìm về mùa xuân.

Mùa thu ngủ trong mùa đông. Mùa đông ủ ấm lá thu. Tháng Giêng, lá thu thành đất thơm phức quấn quít rễ cây, theo rễ lên thân cây, rồi như suối đỗ ra trăm nhánh sông, nô nức chuyền tỏa trăm cành. Tháng Hai rét lộc, mùa thu hòa tan trong nhựa cây. Nghe tiếng chim én, xuyên thủng vỏ cây chồi dậy thành chồi non. Mùa thu thành mùa xuân.

Trời xuân ngọc biếc. Chồi xuân ngọc biếc. Nắng xuân ấp chồi biếc nở ra thành vạn lá xuân. Gió xuân chờ sẵn, ùa tới ôm lá xuân reo vui. Bao la.

Cành xuân nhún nhẩy. Lá xuân rì rào. Y hệt mùa xuân năm trước. Không phải y hệt. Rõ là cành

xuân năm trước. Rõ là vạn lá xuân năm trước. Viền răng cưa trùng trùng nẻo mây chớn chở, cuồn cuộn thon vút lên trời. Mười mươi gân lá mười mươi con suối nước biếc đổ và con sông thẳng tắp giữa lá. Reo vui. Rõ là gió xuân năm trước. Gió lá gặp nhau vui mừng tự nhiên, vì đã biết nhau, đã thuộc về nhau, đã là nhau, mãi tự thuở nào.

Mà cũng không có năm trước năm nay. Mùa xuân thường hằng. Mùa xuân lá xuân. Mùa thu lá thu. Trong mùa xuân đã có mùa thu. Trong mùa thu đã có mùa xuân. Lá xuân sông Hồng, sông Lô. Lá thu Trường Sơn xương sống, Thất Sơn nước nổi. Lá xuân Ải Nam Quan, Mũi Cà Mau. Lá thu Đồng Nai, Cửu Long. Lá xuân Hà Nội, Sài Gòn. Lá mùa thu bể Đông, lá mùa thu bên ấy, lá mùa thu bên này. Bên ấy, bên này. Là một. Là nhau. Chung lá mùa thu. Chung lá mùa xuân.

Vâng, là một. Địa lý nước Việt Nam có sông Gianh, có sông Bến Hải. Nhưng dân tộc Việt Nam chưa bao giờ có sông Gianh, sông Bến Hải. Sẽ không bao giờ có sông Gianh, sông Bến Hải. Hà Nội - Sài Gòn, Nam Quan - Cà Mau, con sông thẳng tắp giữa phiến lá, hợp bởi hằng trăm con suối rãnh gân lá đổ về. Gân lá mùa xuân. Gân lá mùa thu.

Vâng, là một sông Gianh chỉ của Trịnh Nguyễn một thời. Bến Hải của Pháp, của Nga, của Tầu, của Mỹ. Của Chủ Nghĩa Cái-Gì-Không-Biết. Của thông minh đỉnh cao ngốc nghếch nhất thời. Nhắm mắt bước. Tối đen. Không lá mùa thu. Không lá mùa xuân. Rồi Trường Sơn rực cháy. Rồi biên giới ai đâu kéo dài xuyên suốt Bể Đông.

Trường Sơn là của chung dân tộc. Không ai được quyền đốt cháy. Đốt cháy bằng bổi máu thịt Việt Nam, linh hồn Việt Nam. Đốt cháy đâu còn lá mùa thu. Của dân tộc.

Không ai được quyền kéo dài biên cương xuyên ngang Bể Đông. Không ai được quyền mộng du mà vạch ranh giới ôm vòng Bể Đông. Bể Đông óng lá thu Việt Nam, vời vợi trăng thu Việt Nam. Bể Đông chỉ của mùa thu Việt Nam, chỉ của mùa xuân Việt Nam, chỉ của dân tộc Việt Nam.

Bể Đông. Bể Đông. Xa ra là Bể Thái Bình. Nửa vòng trái đất.

Năm mươi con theo mẹ lên non. Năm mươi con theo cha xuống Bể. Không phải là xẻ đôi tình máu chảy ruột mềm. Năm mươi con theo mẹ lên non. Năm mươi con theo cha xuống Bể. Chỉ là chia

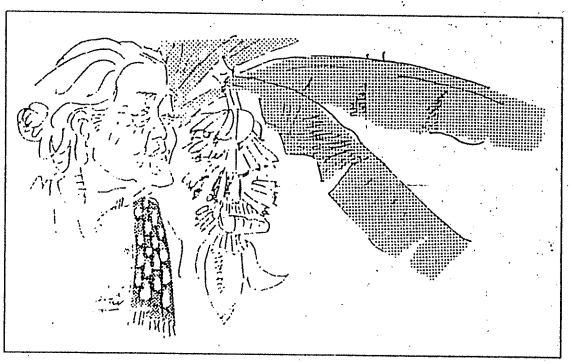

nhau trấn giữ sơn hà, xây dựng nước non. Là bổ túc cho nhau, là cộng, không là trừ. Ta là giống Rồng, nàng là giống Tiên, đã cưu mang nhau, đã tặng nhau cả đất trời trên lá mùa thu, đã dìu nhau nhặt sao rơi dẫy đầy trên lá mùa xuân, đã có với nhau tới một trăm con. Sao bỏ nhau được? Sao bỏ nhau đành?

Bố hùng mẹ đẹp. Anh em ta, cùng mẹ cha, nhớ chuyện cũ, trong tích xưa, khi thế gian, còn mù mờ....Còn mù mờ, thế gian đã có mùa xuân, đã có mùa thu. Thế gian còn mù mờ, mùa xuân đã của mùa thu, mùa thu đã của mùa xuân. Mùa xuân không sống mãi với mùa thu. Mùa thu đâu "ai thắng ai" với mùa xuân?

Cầm lược thì nhớ đến gương
Nằm chăn nhớ chiếu, nằm giường nhớ nhau.

Mùa thu nhớ mùa xuân. Mùa xuân nhớ mùa thu. Nhớ nhau. Bởi của nhau. Bởi là nhau.

Nhiễu điều phủ lấy giá gương
Người trong một nước phải thương nhau cùng.

Lá thu phủ lá xuân. Lá xuân thương lá thu. Phủ nhau. Thương nhau. Bởi của nhau. Bởi là nhau.

Lá xuân không xỉa ngón tay vào mặt lá thu mà nghiến ngấu:

Lôi cổ bọn nó ra đây
Bắt quì gục xuống đọa đầy chết thôi.

Bởi làm thế, sẽ có bên ấy, sẽ có bên này. Bên này, "Cây vàng lá rụng chung quanh". Bên ấy, "sầu em nước mắt như mưa". Bên này đã không có mùa xuân. Mà bên ấy, cây vàng lá rụng cũng không có mùa thu. Mất hết. Tan tác.

Chim xa bầy thương cây nhớ cội
Người xa người tội lắm người ơi!

Lá xuân đã bay xa. Lá thu đã bay xa. Đã xa cội. Mà không lìa Bể Đông. Xa. Như chim xa bầy. Xa. Như lá lìa cành. Sao đành? Mà đành! Mà phải đành! Để khỏi bị đốt cháy. Để khỏi bị đọa đầy chết thôi. Để ấp mùa thu cho dân tộc. Để lá thu ngủ trong mùa đông. Sẽ có ngày, tháng Hai rét lộc, mùa thu hòa tan trong nhựa cây, nghe tiếng chim én, xuyên thủng vỏ cây chỗi dậy. Thành mùa xuân. Mùa xuân dân tộc.

Chim ham trái chín ăn xa
Buồn tình nhớ lại gốc đa muốn về

Ngày ấy, chim về lại gốc đa, nhìn lá thu bắc cầu giải yếm rước lá xuân sang, nhìn mùa xuân xây gạch bát tràng cho lá thu rửa chân trước khi vào ngủ trong mùa đông. Chim về nhìn dân tộc trẩy hội. Trẩy hội mùa xuân. Trẩy hội mùa thu. Hội thề, hội trò, hội làng, hội đình, hội chùa, hội núi. Cầu yên, cầu mưa, cầu mùa, cầu mát, cầu phúc, cầu siêu, cầu tự.

Mùa xuân. Chim trẩy vào Thanh Hóa, trẩy ra Hòa Bình, Lạng Sơn, đón tết với nhịp *xéc vùa* dội núi vang rừng của dân tộc Mường, người anh em rất xa xưa từ thuở vua Hùng. Từng đoàn trai gái sặc sỡ với đủ bộ vùa gồm chiêng dóng, chiêng giàm, chiêng đúc, chiêng thau, thanh la, nối nức lên lỏi trên những ngõ lá xuân, đi chúc tết từng nhà. Thóc thưởng đầy thúng. Rượu đãi ấp sừng trâu.

Xuân bạt ngàn nâng cánh chim qua rừng núi Sơn La, Lai Châu. Hoa Ban nở trắng rừng. Chim Khun hót vang mừng rỡ. Tình yêu ơi. Tình chưa trọn. Nên tình còn mãi. Nên tình tìm nhau. Em tìm anh. Nên anh tìm em. Khun ơi, anh ở đâu? Ban ơi, em đâu rồi? Suốt năm Khun thui thủi chuyền cành. Rồi kìa rừng trắng hoa Ban. Khun hót mừng gặp Ban. Mừng xuân. Ban là mùa xuân. Tình yêu là mùa xuân. Khun hóa thân thành chàng trai Thái ngồi lái chèo thuyền gẩy đàn. Qua sông qua suối. Ban thành cô gái Thái, ngồi mũi ôm hoa trắng hát mừng tình yêu.

Chim qua Bắc Ninh. Trai gái làng Bùi hát quan họ vừa chuyền gáo múc nước giếng đổ đầy chum nước tắm Phật. Chim đáp xuống Sóc Sơn. Gái trai làng Phù Đổng nô nức tranh lộc hoa tre, rồi ngồi bên nhau dự lễ Thánh Gióng nhổ tre phá tan quân giặc. Chim về Vĩnh Bảo xem hội đánh đường. Pháo đất nổ đùng tung lên, úp xuống, gợi nhớ thuở Hai Bà, dân làng lấp đất cứu voi sa lầy của nữ tướng Lê Chân.

Mùng 10 tháng Ba. Chim nôn nao. Núi Ngũ Lĩnh. Giỗ Tổ Hùng Vương. Hương hoa, thức quả, cỗ tam sinh, bánh dầy, xôi gấc. Chim qua Bạch Hạc. Từng đoàn thuyền gỗ chò với năm mươi tay chèo, theo tiếng mõ nhịp, bay lướt như Thánh Hạc xưa trên sóng nước, giúp Vua Hùng đánh lui Thục Phán.

Bay vào. Bay ra. Bay qua. Bay lại. Chim

BÀI THƠ "ÔNG ĐỒ" TRÒN MỘT HỘI

PHÓ ĐỨC AN

LTS. Nhà thơ Vũ Đình Liên, tác giả bài thơ "Ông Đồ" nổi tiếng 60 năm qua, đã qua đời tại Hà Nội tháng 01.1996 vừa qua. Chúng tôi xin đăng lại đây câu chuyện liên quan đến nhà thơ của tác giả Phó Đức An, trích từ một tờ báo Xuân trong nước.

Ông đồ
Tranh cắt giấy của Bùi Xuân Phái

Bài thơ *Ông Đồ* của Vũ Đình Liên đã sống hơn nửa thế kỷ, còn tác giả thì Tết này đã quá tuổi 80. "Mỗi năm hoa đào nở, lại thấy ông đồ già..." Bài thơ này mấy ai không thuộc. Đối với tôi, mỗi mùa xuân đến, không khí tết nhất lại làm xốn xang như con trẻ. Trời đất ban cho chúng ta hoa đào để báo cho ta xuân đã đến. Xuân đến biết bao chuyện ngàn xưa lại sống lại. Lại bánh chưng. Lại thịt mỡ, dưa hành, lại câu đối. Nhưng bây giờ thì chúng ta đã loại trừ cái trò pháo nổ.

Tôi may mắn đã có lần được gặp nhà thơ. Toi coi lần được gặp nhà thơ ấy là có một không hai. Tôi được tác giả kể cho nghe vài mẩu chuyện về bài thơ *Ông đồ* mà tác giả làm từ năm 1936. Tác giả cho biết: "Bài thơ *Ông đồ*, tôi ngẫu hứng vào cái Tết Ất Hợi (1935), thai nghén một năm, mãi đến cái Tết Bính Tý (1936) mới sáng tác được." Thế đấy, từ Bính Tý đến Bính Tý, vừa đúng một hội. Từ 1935 đến 1995, vừa tròn 60 năm.

Tác giả kể tiếp:

"Đi kháng chiến, lặn lội khắp nẻo đường, sau cái Tết Đinh Dậu (1957) tôi mới được xem bức tranh *Ông đồ* của anh Bùi Xuân Phái tại nhà một người bạn thân, cũng là bạn thân của anh Phái. Thật bất ngờ, tôi lặng đi giờ lâu. Tôi không ngờ bức tranh của anh Phái vẽ lại làm tôi ý thức được rõ hơn về bài thơ của chính mình. Về nhà tôi làm ngay mấy dòng cảm hứng:

Tranh ngắm lòng càng rộn ý thơ
Cả hồn quá khứ xót ông đồ
Ba vần thơ đã khơi nguồn nhớ
Mấy mảnh giấy còn chắp cánh thơ
Thanh sắc chưa phai màu lệ cũ
Ảnh hình thêm đậm mối thương xưa
Hỡi người nghiên bút ngàn năm cũ
Khối hận đến giờ đã nhẹ chưa?

và gửi bài thơ này đến tặng họa sĩ Bùi Xuân Phái.

gặp cha Lạc Long Quân về Bình Đà Thanh Oai. Pháo lệnh nổ đùng. Tiếp liền dồn dã cả chục loại pháo khác nhau. Khói mờ ngọn tre. Cha âu yếm nhìn trăm trứng Âu Cơ, tượng trưng bằng trăm chiếc bánh trôi gọi là vánh vía, nằm ấm cúng trên mâm cỗ thờ.

Pháo bông sáng trời soi đường chim về Sông Thao. Kìa Mẹ Âu Cơ dạy con cấy lúa, trồng khoai, chăn tằm, dệt lụa, hát ca. Dân làng Hiền Lương đang cúng bánh vòi. Nhớ thuở chia tay. Vì không thể sống chùm nhúm mãi bên nhau. Người khôn của khó. Phải bung ra mới mong mở rộng nước non, giành lẽ sống còn. Con lên non. Với mẹ. Con xuống Bể. Với cha. Sáng trước ngày chia tay, mẹ đã dạy cho cả trăm con giã nhuyễn gạo nếp, nhào với nước mía, đồ lên thành chiếc bánh vòi. Trên đường mở nước, bánh nuôi con trên non, bánh nuôi con dưới bể. Con dưới bể ăn no nhớ mẹ. Con trên non ăn no thương cha. Và anh. Và em.

Chim gặp My Nương về Bạch Trữ, cười khúc khích nhìn trai gái ôm nhau bắt trạch trong chum. Gặp Thái sư Trần Quang Khải về làng Cao Đài Nam Định. Trai làng vui lặn trên sông bắt vịt. Gái làng gánh bếp trên vai, vừa đi vừa vo gạo, nhai mía lấy bã thổi chín nồi cơm. Gặp Phạm Ngũ lão về Phù Ủng Hưng Yên, rồi về Đền Hét Thái Bình ngồi ung dung chấm trai làng các giáp cởi trần đóng khố thi vật những quả cầu gốc chuối nặng hai mươi cân. Gặp Quang Trung Hoàng Đế cưỡi ngựa cùng Đô Đốc Long về Đống Đa. Kìa 13 gò cao Kình Nghê Kình quán chôn quân tướng Sầm Nghi Đống. Kìa đoàn rước trùng trùng theo con rồng lửa. Cờ, lọng. Trống chiêng. Pháo dây, pháo đùng.

Chim bay. Chim bay. Vẫn ê hề xuân. Khắp nơi. Chim gặp Lý Thường Kiệt về làng Nhống. Gặp Chử Đồng Tử và Tiên Dung về Dạ Trạch, Đa Hòa. Có cả Hồng Vân xinh dồn như mộng. Gặp An Dương Vương về Cổ Loa. Gặp Lê Phụng Hiểu về Trì Trọng. Gặp Phùng Hưng về Triều Khúc.

Kìa nữ tướng Xuân Nương oai đẹp bên sông làng Xoan, xem dân làng mổ trâu lấy da làm nồi nấu thịt tế thần. Kìa Đinh Tiên Hoàng và Lê Đại Hành cùng về Hoa Lư dự hội Trường Yên, cờ lau tập trận. Kìa dân Quốc Oai rước Phật vào hội Chùa Thầy. Dân làng nô nức tiến vào Chùa Cao, sang Chùa Một Mái, ngửa mặt trong Hang Bụt Mọc, lom khom trong Hang Thanh Hóa, lạc hồn trong Hang Cắc Cớ, thở mát không khí Chợ Trời trên đỉnh Núi Thầy. Kìa Chùa Hương, với Hương Sơn. Bến Đục, suối Vĩ, núi Đụn, núi Ông Sư, núi Bà Vãi, núi Mâm Xôi, núi Gà, núi Rồng, núi Trống, núi Chiêng, đền Trình, bến Trò, bến Thiên Trù, Chùa Trong, Chùa Tiên, Chùa Giải Oan. Nam thiên đệ nhất động. Kìa trai gái làng Hạ Đới và Cẩm Khê, từng cặp thi cấy mạ. Con trai chuyển mạ, con gái cấy, trong tiếng reo hò chọc ghẹo vang đồng của hội Ghép Đôi.

Kìa tổ sư đan nón về làng Chuông. Tổ sư bói toán về làng Chọc. Tổ sư gò đồng về làng Bưởi. Tổ sư dệt chiếu về làng Hới. Tổ sư dệt lụa về làng Vân Sa.

Kìa Đền Hát Môn, Đền Đồng Nhân, Đền Hạ Lôi. Hai Bà Trưng lộng lẫy oai hùng. Áo giáp vàng. Voi trận. Ngày Hai Bà khao quân. Ngày Hai Bà xuất quân. Ngày Hai Bà hóa. Đền nào cũng kiệu hoa tươi thắm. Kiệu xuân. Kiệu Hai Bà đi trước. Kiệu Thi Sách đi sau.

Một xin rửa sạch nước thù
Hai xin trở lại nghiệp xưa Họ Hùng.
Ba khỏi oan ức lòng chồng
Bốn xin vẻn vẹn sở công lênh này.

Lời thề đầu tiên nợ nước thù nhà trong lịch sử chống ngoại xâm của dân tộc, đã trên 2000 năm, nghe vẫn mới như vừa hôm qua. Nghe vẫn mới như đang bây giờ. Thề hy sinh thân mình vì thù của nước. Vì muốn trở lại nghiệp xưa. Nghiệp xưa họ Hùng chính là độc lập tổ quốc. Không vì gì gì khác. Nợ nước cũng là thù nhà. Nước mất thì nhà tan. Đền xong nợ nước, thù nhà ắt rửa. Xin dâng Đất Nước chỉ một tí công lênh. Rất mọn. Vỏn vẹn. Khiêm cung. Ôi chiến sĩ vô danh! Chiến sĩ vô danh là chiến sĩ oai hùng nhất, chiến sĩ đúng nghĩa nhất. Ôi Trưng Nữ Vương, gương sáng nghìn thu của người dân Việt yêu nước chân thành. Tô Định vắt giò lên cổ. Quân tướng Đông Hán vắt cổ lên giò. Trối chết.

Lời thề Hát Môn đã được tiếp nối bằng bao lời thề khác. Của con dân đất Việt. Suốt chặng đường lịch sử bi thương anh dũng.

Lời thề Nông Cống. Bà Triệu. "Tôi muốn cỡi cơn gió mạnh, đạp sóng dữ, chém cá kình Bể Đông, quét sạch bờ cõi cứu dân." Cũng áo giáp vàng.

Này có này cấu. Này đấu này thưng. Lưng sào cánh ná. Này lá này lao. Nghe cồng Bà rao. Nghe lệnh Ông gióng. Nghe voi rống rống. Chong chóng chạy về.

Tiếng cồng núi Nưa. Tiếng cồng luyện quân. Tiếng cồng thuần voi.

Ru con con ngủ cho lành
Để mẹ gánh nước rửa bành con voi.
Muốn coi lên núi mà coi
Xem Bà Triệu Tướng cỡi voi đánh cồng.

Tiếng cồng xuất quân. Nhụy Kiều Tướng Quân áo giáp vàng xung trận. Voi cong ngà duỗi vòi dàn hàng. Đá lăn gỗ chặn. Hoành qua đương hổ dị, đối diện Bà Vương nan. Lục Dận xiểng niểng, điên đầu.

Lời thề Đồng Cổ triều Lý Thái Tông: "Làm con bất hiếu, làm tôi bất trung, thần minh giết chết." Bất hiếu với tổ tiên, với xóm làng, với lũy tre xanh. Bất trung với đất nước, với đồng bào, với truyền thống cha ông. Là không thuộc về dân tộc. Bị loại ra khỏi dân tộc còn đau thương tủi nhục hơn bị thần minh giết chết.

Bến Ngọt, Lý Thường Kiệt oai dũng điều quân. Vang vang sóng nước. Giặc Tống hỗn loạn vì trận mưa thơ bắn xuống từ trời.

Nam Quốc Sơn Hà Nam Đế Cư
Tiệt nhiên định phận tại thiên thư
Như hà nghịch lỗ lai xâm phạm

ĐINH CƯỜNG

CÓ NHỮNG NGÀY LONG LANH NƯỚC MẮT

tặng N.M.Hg

người đàn ông vẫn ngồi một mình
trên chiếc ghế cũ kỹ
chiều mù tăm. cuối năm
gió lạnh. rất lạnh, ngoài thềm hoang...

có những này long lanh nước mắt
là muôn vàn hạt tuyết thủy tinh
trên những đọt cây khô, xuyên qua nắng hiếm
con chim màu đỏ gạch không về.

người đàn ông vẫn ngồi im
vạch thử một đường chì than
khuôn mặt của tháng chạp
với hàng thập tự giá, những bó hoa tươi
vẫn thì thầm bên nhau, ngoài nghĩa trang
cho người nằm yên dưới mộ
có điệu ru của loài cỏ hoang.

mặc cho những người trên trần gian tiếp tục
múa may. quay cuồng. những vòng hào quang giả.
nên chiếc mũ đen, bộ râu, đôi giày,
cây gậy của Charlie Chaplin
lúc nào cũng làm ta ứa lệ.

tháng chạp rồi, Cybèle
con gà vẫn còn nguyên trên thánh giá
nóc giáo đường cao vút...

người đàn ông vẫn ngồi im
một mình, trên chiếc ghế cũ kỹ
nghe "...từ vườn khuya bước về.
bàn chân ai rất nhẹ
tựa hồn những năm xưa..." (*)

31.XII.1995

(*) *Phôi Pha*, ca khúc TCS

Những đẳng hành khan thủ bại hư

Nam Đế thề. Dân Nam thề.

Bạch Đằng Giang, sóng trườn nô nức. Hưng Đạo Vương chỉ mặt sông mênh mông: "Không diệt được giặc, thề không trở về khúc sông này." Lời thề của nguyên soái 30 tuổi, oai dũng như thiên thần chiến thắng đã từ lúc ấy. Rưng rưng mà dứt khoát. Máu quân dân rần rật. Không phải lời thề dũng sĩ biết chắc một đi không trở lại. Mà thề không trở về nếu giặc còn kia. Lời thề chiến sĩ. Một là bỏ thây sa trường. Cho đồng đội tiến lên. Như Trần Bình Trọng thề ở Thiên Trường, gươm giặc kề cổ: "Ta thà làm quỉ nước Nam, còn hơn làm Vương đất Bắc". Hai là trở về khúc sông xưa, lũy tre làng cũ, trong khúc khải hoàn. Giặc Nguyên Mông sạch bóng.

Lời thề Lũng Nhai, Lê Lợi cùng 18 đồng chí áo vải uống máu nhau. Thề đồng sinh đồng tử, giải phóng giang sơn khỏi tay giặc Minh. Lời thề Đông Quan, Lê Lợi và Nguyễn Trãi tỏ đức khoan nhân, cứu cả sinh linh quân tướng giặc. Mà cũng là tỏ trí huệ thông minh tuyệt vời. Biết người biết ta. Đóng cửa oán thù. Mở cửa hòa bình.

Lời thề Tam Điệp. 20 tháng Chạp. Quang Trung Hoàng Đế hướng về đất Bắc. Cắm bạnh. Mắt lửa mặt trời. Giặc Thanh. Lang sói hú tru. Đuổi cho bằng hết. "Bữa nay ta ăn tết Nguyên Đán trước. Nội mươi ngày đuổi sạch giặc Thanh. Sang Xuân ta sẽ ăn khai Hạ vào ngày mùng năm. Giữa Thăng Long". Lời thần. Mùng năm, giữa Thăng Long. Tướng giặc phơi thây. Nguyên soái giặc chạy ôm quần. Quân ta reo mừng. Chiến bào đầu tóc thơm nồng thuốc súng. Khói súng xám trời. Máu giặc đỏ sông. Giang sơn giải phóng. Chim bay. Chim bay. Xuân còn ăm ắp. Chim về đất Phong Châu. Trai gái ba làng Vầy, Á, Trúc Phê đang tở mở pháo lệnh, trống chiêng, reo hò diễn tích Tản Viên đánh Thục. Kìa làng Khê Thượng Ba Vì, Thánh Tản đang hăm hở xuống đò ngang về Ngũ Lĩnh tết đầu năm bố vợ. Kìa trai gái làng Me hớn hở lặn hụp dưới ao làng thi bắt cá mè cá chép. Mùi cá nướng thơm lừng. Kính dâng Thánh Tản. Kìa dân hai làng Cẩm Đái và Tòng Lệnh, kẻ tay nơm, người tay giậm, đánh bắt cá lăng cá quất trên sông. Mâm gỏi cá dâng Thánh. Tiệc gỏi cá sân đình. Cả làng đánh chén. Nhớ xưa Thánh Tản thường xuống núi Ba Vì, cùng bì bõm đánh cá với dân, cùng ngồi ăn sống cá với dân bên bờ sông Đà. Rượu nếp đầu sông thơm tới cuối sông. Con nước lên. Con gió lồng lộng. Bèo bồng hoa tím nhấp nhô

theo con nước. Con trăng lên, cởi trần, đánh giấc thần tiên trên cỏ bờ con sông.

Chim bay. Chim bay. Nhớ lại gốc đa đã về. Chim bay khắp trời Phong Châu, núi rừng Kinh Bắc, sông nước Hoa Lư. Rợp trời cây phướn cây nêu, cờ lọng tán tàn. Rực trời đình liệu, pháo bông. Chim say mê. Chim được chúc phúc với tiếng chiêng tiếng trống, tiếng mõ tiếng cồng. Hò đâm trâu. Reo chém lợn. Đâm đuống. Chơi đu. Đánh phết. Thả diều. Đánh đáo. Cờ người. Xé cù. Cướp Cù. Cướp cờ. Cướp dò. Cướp nõn nường. Kéo co. Kéo chữ. Cột mỡ. Cầu Kiều. Đồ xôi. Thổi cơm. Làm bánh. Chọi gà. Chọi trâu. Múa sư tử. Múa chạy chày. Múa giáo cờ giáo quạt. Múa trình đầu rối. Con đĩ đánh bồng. Phường bát âm rỉ rón. Hát giậm. Hát ví. Hát trống quân. Quan họ làng Lim. Ớ liền anh ơi. Ớ liền chị ơi. Tình ơi tứ ơi, quan họ khắp 49 làng đất Kinh Bắc vào xuân.

Chim bay. Chim bay xuôi Nam. Bình Định. Tiếng trống trận Tây Sơn. Từng bộ 12 trống da trâu căng đánh một lượt rung mây. Nghệ An. Đoàn thuyền làng Thanh Đàm rước hến trên sông Lam lăn tăn sóng ngọt. Bố Cái Đại Vương về Vân Diên ra hiệu lệnh cho đoàn thuyền đua từ Cửa Đền Vua Mai vòng qua thành Vạn An. Chập tối, rừng đuốc bập bùng từ đền Cồn Làng. Mọi người làng Sổng vui rước Hồn Lúa về nhà mình sau trọn ngày lễ tế Thần Nông. Xuân rộn trời. Rộn nước. Rộn người.

Chim bay. Chim bay. Thấm thoắt đã Thu. Chim xoải cánh trên trời Cai Lậy. Mộ tứ kiệt Đuốc, Long, Rong, Thận nằm kế bên nhau. Ngày nao tứ kiệt bị giặc Pháp chém bêu đầu vì phải ra hàng cứu mạng cha mẹ vợ con. Trước đó, tháng Tư, nắng hè, chim đã tìm về Núi Sam. Chùa Phật Thầy Tây An. Lăng Thoại Ngọc Hầu. Nườm nượp dân Châu Đốc, Long Xuyên, Cần Thơ, Rạch Giá, Sóc Trăng, Sa Đéc, Sài Gòn về thỉnh sắc, vay tiền Bà Chúa Xứ, cầu quốc thới dân an.

Mùa Thu. Tháng Tám giỗ cha! Chim vội trở ra Kiếp Bạc gần 700 năm, dựng trên nền nhà cũ, nơi Đức Hưng Đạo Vương đã sống cuối đời, ở chân núi Dược Sơn. Chim đậu nhành xoan bên sông Bạch Đằng nhìn đoàn thuyền thi bơi trải. Hò khoan. Bắt cái hò khoan. Dô ta hò. Hò dô ta. Bắt cho bằng hết tướng giặc. Chim vào Chùa Vẽ. Những chồng bánh đa nghều nghệu. Nhớ xưa Đức Thánh vẽ bản đồ sông nước, thủy triều, rồi sao ra thành vạn bản đồ tác chiến, bằng cách rắc vừng lên bánh đa, thành hình các trận đồ. Dưới trăng thu, trên lá thu, quân tướng nướng bánh đa. Vừa nhai dòn dã vừa tập trận đồ. Chim xuống Yên Cư. Kiệu Đức Thánh, kiệu phu nhân, kiệu các quận chúa được các đoàn gái trai rước qua sông Đáy. Cứ ngày này hàng năm, 20 tháng Tám, cá từ tận sông Bạch Đằng cũng trẩy về chật khúc sông Đáy làng Yên Cư, cùng người mừng Đức Thánh Trần.

Mùa thu. Mùa trăng. Chim về Mai Châu. Trăng thu vằng vặc. Mây thu non nõn. Gái Thái phau phau xúm nhau "tộp Nàng Đúng". Tiếng hát hòa tiếng vỗ tay. Trăng ơi, mời nàng trăng xuống, lọt qua cái sàng, chui vào cái sọt, cùng mình vui chơi. Áo mình trên sàng, nàng trăng nhập vào, chỉ "đường chồng" cho mình đi tìm chồng đúng hướng. Ơi hỡi nàng trăng.

Tháng Tám. Mảng vui. Chim vẫn không quên "hăm mốt Lê Lai, Hăm hai Lê Lợi." Chim về làng Tép, nghe bài "Lai công thệ từ". Rồi suốt ba ngày 21, 22, 23, chim co ro nhìn bão mưa sụt sùi nhớ thương hai đấng anh hùng Lam Sơn. Năm nào cũng thế. Nước mênh mang từ sông lên tới đỉnh trời. Hỡi người hùng anh. Ơi người nghĩa sĩ.

Chim bay. Chim bay. Cô gái lim dim giấc chiều dưới gốc chanh bên này bể Thái Bình, lại thò chân đưa võng vườn chanh nhà mẹ bên ấy. Cô đã thành chim. Nắng thu, gió thu, lá thu đưa cô về. Bên ấy có trời thu. Bên ấy có trời xuân. Cô thành mùa thu bên ấy. Cô thành mùa xuân bên ấy. Chim ăn xa. Nhớ gốc đa. Cô về. Cô đã về, bay khắp trời quê. Trời mùa xuân. Trời mùa thu. Cô về mang theo trái chín. Trái chín tinh hoa nhân loại làm đĩa thức quả dâng cúng tổ tiên, anh hùng liệt sĩ. Trái chín thơm giỏ hương hoa tối lửa tắt đèn kính dâng đất nước đồng bào. Trái chín. Mời cha. Mời mẹ. Mời chị. Mời anh. Mời em. Mời hàng xóm láng giềng. Trái chín tự do. Trái chín tình người. Trái chín tình quê. Cái ác đã biền biệt. Cái ác đã gục mặt xấu hổ. Trả lại cây đa cho đầu làng. Cho chim ăn xa về lại gốc đa. Cái ác một thời ngự trị tiếm xưng, làm chim đau, làm gốc đa đau, làm lá xuân đau, làm lá thu đau, so với đằng đẵng lịch sử, chỉ là cơn ác mộng. Chỉ là vết gai đâm. Tự do nở hoa suốt mùa xuân. Tình người kết trái suốt mùa xuân. Rồi mùa thu, trái chín. Trái chín tình quê.

Tình quê của năm mươi con theo mẹ lên non. Con trai. Của năm mươi con theo cha xuống Bể. Con trai. Dẫu lên non, dẫu xuống bể, mỗi con phối ngẫu một nàng tiên. Nàng tiên mùa xuân. Nàng tiên mùa thu. Nàng tiên tình yêu. Rồi sinh con. Con mùa xuân. Con mùa thu. Vẫn là con cùng mẹ cha, nhớ chuyện cũ, trong tích xưa, khi thế gian còn mù mờ.

Vậy là trùng phùng. Không là trùng phùng bên lá mùa thu. Trùng phùng trong. Bởi tôi là lá mùa thu. Anh là lá mùa t... hị là lá mùa thu. Em là lá mùa thu. Lá mùa thu cũng là lá mùa xuân. Mùa thu mùa xuân. Lá thu lá xuân. Là nhau. Tôi anh em chị là nhau. Là Dân Tộc.■

Xuân Bính Tý 1996

Yêu ai là yêu trọn vẹn con người đó y nguyên như trên thực tế, chứ không phải như trong ước muốn của ta.

-- Leon Tolstoi

Có hai thứ không thể giấu được: đó là say rượu và đang yêu.

-- Antiphanes

Những luyến tiếc về tình yêu vẫn còn tạo nên được hạnh phúc.

-- Lermontov

TUYỀN DUNG

TRẦN CÔNG SUNG

Tôi xuống trạm bus thứ 13. Tuyền Dung đã dặn đi dặn lại qua điện thoại: "Anh nhớ xuống trạm thứ 13. Anh đứng chờ dưới tấm bảng quảng cáo Coca Cola, tụi này đến đón."

Tấm bảng quảng cáo ở trên đầu: một bầy trai gái mặt mũi hớn hở, toe toét với những chai Coca trên tay. Điều đó chứng tỏ Coca Cola mang lại hạnh phúc cho nhân loại. Tôi ân hận đã không uống Coca Cola đều đặn. Đã lâu lắm, tôi không hề cười đùa, mặt mũi lúc nào cũng khó đăm đăm, nhăn nhó như khỉ ăn gừng. Trong nhiều năm đằng đẵng, tôi suốt đêm nằm ngắm trần nhà, suốt ngày ngồi nói chuyện với hai cái đầu gối.

Phía bên kia đường, một chiếc xe Toyota quay vội một bánh xe ghếch trên bờ hè, đậu kiểu chó đái. Một người đàn bà Việt Nam mở cửa xe bước xuống, đi về phía tôi. Người đàn bà dáng sồ sề, bước đi nặng nhọc, nhìn tôi một lúc rồi hỏi, rụt rè, như sợ lầm:

"Anh Sinh?"

Tôi nhìn người đàn bà hai cằm, khuôn mặt mệt mỏi, những đường nhăn chém sâu ở đuôi mắt. Đôi mắt có cái gì khiến tôi kêu lên:

"Tuyền Dung!"

Tất cả những gì còn lại của Tuyền Dung 30 năm trước là đôi mắt đen láy, tinh nghịch. Đôi mắt của một người đứng ngoài hàng, trên người khác, ý thức được sắc đẹp và trí thông minh của mình, lúc nào cũng như muốn diễu cợt.

Người đàn bà sồ sề mà thời gian đã không nể nang, đứng trước tôi, ngượng ngập, là Tuyền Dung, cái nhan sắc trước đây đã làm điêu đứng một nửa Đà Lạt. Một nửa, bởi vì một nửa kia không có mắt.

"Không nhận ra anh, vì... vì..."

Tuyền Dung ngưng lại, bởi lỡ lời, và tiếp tục "vì trời tối quá". Tôi nói, bao dung:

"Không ai còn nhận ra tôi đâu. Năm trước tôi đến thăm mấy đứa con, chúng nó hét lên, chạy trốn hết."

Trong thư viết cho Dung, tôi đã bảo trước về cái tôi dị dạng để nàng khỏi ngạc nhiên. Lúc ở phi trường, tôi đã phân vân có nên gặp Dung không.

Tôi đứng nửa giờ nhìn tôi trong cái gương lớn ở nhà W.C, lông lá mọc dài che cả khuôn mặt hốp, lông lá che đôi mắt sâu hoắm như mắt người chết, lông lá cùng khắp người khiến tôi nóng bức, nực nội mặc dù chỉ mặc một chiếc sơ mi mỏng manh.

"Anh Thước không ra đón anh được. Anh ấy yếu lắm."

Tôi theo Dung qua đường. Tôi chợt hiểu tại sao Dung có cái dáng đi mệt nhọc, nặng nề, Dung ngày xưa nổi tiếng vì dáng sang trọng, đài các. Chính dáng đi đứng của Dung đã làm tôi ngất ngư, hơn cả khuôn mặt gần với sự hoàn mỹ của nàng. Cả vẻ mệt nhọc ấy là do cái đuôi nàng kéo lê sau lưng. Nàng mặc chiếc váy dài, nhưng không đủ che cái đuôi sau lưng, cái đuôi làm nổi cồm cộm chiếc váy xanh da trời, cái đầu đuôi thò ra dưới gấu váy, như đuôi một con Kangourou.

Tuyền Dung ì ạch leo xe một cách khó khăn, ngồi một cách khó khăn, mặc dù đã kê sẵn một chiếc gối trên ghế xe. Tôi nhìn cái đuôi, hỏi, ái ngại:

"Từ bao giờ vậy?"

Nàng trả lời, giọng bình thản, nhưng tôi biết nàng sẵn sàng bật khóc:

"Từ sáu năm nay. Mới đầu nó chỉ ngắn bằng

hai đốt tay, dần dần mọc dài ra. Bác sĩ đã cắt, đốt, hàng chục lần, nó vẫn mọc lại."

Cái giọng bình thản ấy che giấu một nỗi tuyệt vọng mông mênh, biểu hiện cho cái can đảm phi thường của người đàn bà Việt Nam. Tôi nghĩ tới một người đàn bà ở An Lộc ngày trước. Sau một trận đánh ác liệt, quận lỵ bị tiêu hủy. Cả thị trấn chỉ còn những đám cháy và xác chết la liệt. Người ta tìm thấy trong đám gạch vụn một người đàn bà ôm ghì ba đứa con. Đứa nhỏ nhất đã chết, miệng còn ngậm vú mẹ. Người đàn bà, nhà cửa tan nát, xác chồng và đứa con út còn đắp chiếu lù lù trong góc nhà, vẫn nhẫn nhục, không hề than vãn, ngồi nấu cơm, đút ăn cho hai đứa con còn sống.

Cái nhẫn nhục ấy, cái im lặng phi thường ấy tôi chưa hề thấy ở người đàn bà bất cứ nước nào, những nơi tôi đã đi qua, và nói có trời chứng giám, tôi đã lê gót biết bao nhiêu đường đất.

"Dung đã đi tất cả các bệnh viện," Dung nói, "các y sĩ nổi tiếng nhất của Hoa Kỳ. Họ đành bó tay. Đó là trường hợp chưa hề có trong lịch sử y học."

Dung nói như nói về một người khác, như đọc một mẩu tin trên báo. Trời đã nhá nhem tối. Đường vắng tanh. Không như ở Paris, các tiệm ăn tại các tỉnh nhỏ bên Mỹ đóng cửa sớm, im ỉm như mồ ma.

Tôi tự nhủ lúc nào rảnh tôi sẽ kể cho Tuyền Dung những gì đã xẩy đến cho tôi và cái lý thuyết của Giáo sư De Dieuleveult bên Pháp.

Một hôm nằm trong bồn tắm, tôi ngạc nhiên thấy những sợi tóc nổi lềnh bềnh trên mặt nước. Tôi đưa tay sờ đầu: tóc rơi lả chả từng cụm, từng cụm. Tôi kinh hãi, vò đầu. Tất cả mái tóc đen theo ngón tay rơi xuống nước. Tôi hốt hoảng nhẩy ra, soi gương, thấy một cái đầu trọc lóc, trắng hếu. Tôi vội tìm một cái mũ, đội lên đầu, chạy đến một ông bác sĩ gần nhất. Ông ta xem xét, lắc đầu, chịu thua, gởi tôi vào nhà thương, họ cũng đành chịu, không giải thích nổi.

Ba ngày sau, trong lúc đánh răng, tôi nhận thấy những sợi lông đen mượt mọc ở hai bên má. Tôi cạo sạch, nhưng sáng hôm sau, tôi không nhận ra tôi nữa. Chỉ một đêm, lông lá đã mọc tùm lum trên khắp mặt mũi. Cái đầu tối hôm qua còn trọc lóc như sọ dừa đã đầy những lông đen, mượt, dài bốn, năm phân. Khắp người, trừ hai bàn tay và hai bàn chân, lông lá xồm xoàm.

Công, danh

Danh là mùi thơm phát xuất từ Công của kẻ anh hùng. (Socrates)

Diễn xuất

Ba: "Hồi xưa ba đóng tuồng Hai Chuyến Xe Hoa với cô Thanh Nga, diễn suốt ba tháng liền không hết khán giả."

Má: "Mấy đứa biết ba đóng vai gì không? Vai tài xế."

Tôi bị sở cho nghỉ việc, nhưng các nghiệp đoàn nhẩy vào can thiệp, chống lại quyết định sa thải. Một sớm một chiều, tôi trở thành người nổi tiếng nhất nước Pháp. Không một tờ báo nào, từ những tờ lá cải đến những tờ đứng đắn nhất, không một đài truyền hình nào không nói đến tôi. Vụ tranh chấp đưa ra Prudhomme, cơ quan hòa giải giữa chủ và thợ. Bàn cãi mãi, chẳng ai trả lời được câu hỏi là chủ nhân có quyền sa thải một nhân viên đột nhiên biến dạng, không còn nhân dáng. Đến lượt hội bảo vệ nhân quyền, hội chống kỳ thị chủng tộc, đứng ra can thiệp.

Giữa lúc tôi hết sức mệt mỏi vì những cuộc tranh cãi, giáo sư De Dieuleveult, bác sĩ tâm trí ở bệnh viện Sainte Anne, đề nghị tôi cộng tác với ông. Tôi nhận lời, vì cần tiền sống (đời sống ở Paris hết sức đắt đỏ), hơn là vì lời thuyết phục của ông ta, cho rằng tôi có thể đóng góp cho y khoa. Y học có tiến lên hay lùi xuống, tôi coi như pha.

Mỗi buổi sáng, tôi đến trình diện. Người ta thử máu, chiếu điện, đo áp huyết, phân chất nước tiểu. Sau đó, vào văn phòng giáo sư De Dieuleveult. Ông ta đặt tôi nằm ngửa trên đi văng trong căn phòng tối lù mù, hỏi những chuyện lăng nhăng. Tôi nằm kể lể, như một mụ đàn bà lắm lời. Ông bác sĩ ngồi đằng sau, hí hoáy ghi chép. Mỗi ngày ba giờ, trong ba năm dòng dã. Mới đầu tôi có bực mình, nhưng thực ra, nằm ngửa tênh hênh nói nhảm với một ông Tây già ngồi biên chép sau lưng, cũng còn hơn là ngồi thảo luận với đầu gối.

Buổi chiều tôi được tự do, nhưng luôn luôn phải đeo kè kè một cái máy ghi nhịp tim, ghi áp huyết. Tám giờ tối, trở vào nhà thương, người ta gắn trên đầu trên ngón tay, ngón chân, trên ngực những dây điện lòng thòng trước khi ngủ.

Ba năm sau, De Dieuleveult viết một bài tường trình về trường hợp tôi và năm, sáu trường hợp tương tự, trên hai tờ báo khoa học có uy tín, *Nature* và *Lancet*. Tôi đọc bài báo dài ba, bốn chục trang với những từ ngữ chuyên khoa, ù ù cạc cạc, không hiểu mô tê gì. Đại khái ông ta đưa ra lý thuyết ngày nay gọi là thuyết De Dieuleveult, theo đó, những người sống xa quê hương, bị bứng ra khỏi gốc rễ, sống trong một môi trường khác với môi trường được nuôi dưỡng, giáo hóa, dần dần trở thành bất bình thường. Sự bất bình thường ấy biểu hiện bằng những những bệnh tâm trí, hay sự biến dạng cơ thể, hay cả hai. De Dieuleveult tin rằng việc sống ly hương là một tình trạng tạm bợ, không thể kéo dài một cách bình thường vô hại. Những biến chứng về tâm trí, người ta đã biết từ lâu, nhưng sự biến dạng cơ thể là một hiện tượng mới lạ.

*

Nơi Tuyền Dung ở là một căn nhà xinh xắn với thảm cỏ xanh đằng trước như nhiều nhà ở các tỉnh nhỏ Hoa Kỳ. Một người đàn ông ngồi trước cửa sổ, nhìn lơ đãng con phố vắng. Tôi bắt tay, chào Thước, anh ta mỉm cười ngây ngô.

"Anh ấy không nhận ra anh đâu," Dung nói.

"Nhiều lúc Dung tự hỏi anh ấy có nhận ra Dung không."

Tôi vỗ vai Thước, bày tỏ cảm tình với một người tôi vẫn có ác cảm. Trong nhiều năm, tôi vẫn trằn trọc với cái ý nghĩ mỗi đêm Dung nằm trong tay một người đàn ông khác. Đã có lúc tôi tưởng tượng đạp cửa vào nhà, trói người đàn ông ấy, mổ bụng ăn gan cho hả giận như Võ Tòng. Cố nhiên điều ấy chỉ xẩy ra trong trí tưởng tượng, bởi vì từ hồi gần gũi De Dieuleveult, tôi biết tôi hèn nhát, chỉ mơ tưởng những chuyện động trời nhưng không bao giờ có can đảm thực hiện. Người đàn ông nào không có một lúc muốn xiết cổ vợ, nhưng trên thực tế, có bao nhiêu người thành kẻ sát nhân. Tôi hiểu tại sao tôi mê đến thuộc lòng Thủy Hử, với những anh hùng hảo hán, "vỗ gươm mà hát, nghiêng bầu mà hỏi..." Tôi hiểu tại sao cái đám chúng sinh tầm thường, lèm bèm, yếu đuối ở bất cứ xứ nào và bất cứ thời nào vẫn mơ những Zorro, những Batman, những Superman, những mẫu người vượt ra khỏi cái tạp nhạp lỉnh kỉnh thường nhật, những dị nhân bay trên trời, chạy trên nước.

Anh ấy hết lòng với Dung. Anh ấy bán nhà cửa, chạy hết y sĩ này đến bệnh viện kia. Lúc biết không còn hy vọng gì, anh ấy trở thành người mất trí. Dung nói về Thước, và tôi tự hỏi liệu tôi có thể làm cho Dung những gì Thước đã làm.

Dung bảo tôi vào tắm một cái cho khỏe. Lúc ở phòng tắm ra, cơm nước đã bày sẵn. Cơm tám thơm, chả cá, canh chua, bò lá lốt: những món tôi ưa thích, bên cạnh một chai rượu đỏ, Château Neuf du Pape. Mỗi phút với Dung là một ngạc nhiên. Đào đâu ra lá lốt và Château Neuf du Pape ở cái xứ khỉ ho cò gáy này?

Tôi đưa mắt nhìn Thước. Dung nói: anh ấy không ăn đâu, anh ấy chỉ uống Whisky. Nàng rót hai ly rượu, "chưa bao giờ uống rượu, hôm nay say với anh một bữa." Miệng nàng cười mà mắt thì buồn khôn cùng. Đó là lần đầu tiên tôi thấy nét buồn trong đôi mắt vốn tinh nghịch, láu lỉnh.

Dung hỏi:

"Anh có tin tức gì về Việt Nam?"

Tôi lắc đầu, có hơi ngượng. Đã lâu lắm tôi không liên hệ gì đến quê hương. Lần cuối cùng tôi gặp những người đồng hương là cái ngày quân đội Trung Hoa tràn sang, xâm chiếm Việt Nam, tuyên bố Việt Nam là một tỉnh của Trung Quốc, gọi là tỉnh Cực Nam. Chúng tôi, một dúm Việt Kiều, tụ tập ở Trocadéro, hò hét suốt buổi sáng, trước sự thờ ơ của khách đi đường, trừ vài cậu mợ du khách Nhật Bản đi lớ ngớ qua đó, tò mò đứng lại chụp hình. Du khách Nhật, họ chụp hình cả những cái cột điện. Trung Quốc chiếm Việt Nam, cũng như trước kia họ chiếm Tây Tạng, thiên hạ cóc cần. Chừng nào còn yên ổn đi nghỉ mát cuối tuần, cuộc đời không có gì đáng để phân vân.

Hò hét xong, chúng tôi họp nhau ở một hội quán khu La Tinh, tính thành lập một Mặt Trận Đấu Tranh cho chủ quyền đất nước. Cuộc họp có 30 mạng, đại diện 15 hội đoàn, lực lượng, phong trào và liên minh. Trong số ba chục người, có 21 người nhắm cái ghế chủ tịch. Cãi nhau như mổ bò cả buổi, cuộc họp tan rã, Liên Minh chết trước khi sinh, ai về nhà nấy. Ai cũng yêu nước, nhưng 30 người yêu nước 30 kiểu khác nhau. Và đã mất thì giờ yêu nước, nếu không nắm được chức chủ tịch, chẳng lẽ theo voi ăn bã mía? Tôi bất mãn vì không ai đề cử tôi giữ chức vụ lãnh đạo. Tôi nghĩ, một cách rất khách quan, công bình, là tôi xứng đáng hơn cả. Cố nhiên, đó cũng là ý kiến của những

HẠ ĐỎ
GIỮA TUYẾT MÊNH MÔNG

Yêu dấu ơi,
tuyết vẫn rơi trong ngày tháng
lất phất
vô tình
ướt đẫm khuôn mặt em
Giữa nhân gian
lệ không thành hàng
chỉ nhạt nhòa
theo tình đã vỡ tan...

Yêu dấu ơi
úp mặt trong tuyết trắng
che nửa đời
chỉ còn tiếng thở than
Giăng đôi tay
ôm gió lạnh vào lòng
Cúi xuống đời
tìm dấu vết chim bay...

Yêu dấu ơi,
sông Columbia trôi vẫn trôi
theo dòng người
Sao em còn lạc lõng
giữa mênh mông
môi không thốt nên lời
ôi! tình đời thay đổi
bên dòng tuyết tan...

(ngày tuyết 1/96)

người khác về chính họ.

Tôi về nhà, thành lập một Phong trào gọi là Phong Trào Việt Hưng. Ngày ra mắt có bảy người đến dự (trước khi Mao phát động cuộc Vạn lý Trường chinh, họ cũng chỉ có bảy người), ngoài mấy đứa em họ tôi còn có bác sĩ Đắc, người đã làm giầu vì cái tài châm cứu, bà Marie Hồ, người làm chạo tôm ngon nhất khu 13, bà Út Mập, ngoài những lúc cho vay cắt cổ là một người nặng lòng với đất nước, và cụ Tuất, một ông hàng xóm hom hem, tôi lôi về khi gặp cụ ở chợ đang mua đầu heo về làm giò thủ. Từ ngày có cụ Tuất và một đám người đồng hương, Tây họ bày bán cả đầu heo, lòng lợn, cánh gà là những thứ trước kia họ vứt đi. Cụ Tuất là người mang văn minh Á Đông đến ngoại ô Paris. Bác sĩ Đắc được mời giữ chức Chủ tịch Danh dự, vì là người khoa bảng, trí thức. Nghe đâu ông đã từng làm thơ đăng báo, và là hội trưởng một cái hội văn nghệ sĩ gì đó, cũng đình đám lắm. Nếu không có cái chức Chủ tịch Danh dự, chắc chắn ông ta đã bỏ đi lập một Mặt Trận khác. Lúc tôi đang nghiêm trọng đọc bản cương lĩnh của Phong Trào, thằng em Tổng Thư Ký đứng dậy, ghé vào tai:

"Em phải về đưa bà xã đi Carrefour. Hôm nay thứ bẩy, nó đóng cửa sớm."

Hội nghị chấp thuận cho ông Tổng Thư Ký rời buổi họp, mặc dù theo chương trình nghị sự, ông Tổng Thư Ký sẽ trình bầy chương trình hoạt động. Cái lý do y đưa ra — Siêu thị đóng cửa sớm ngày thứ bẩy — xem ra rất nghiêm túc và chính đáng. Mụ vợ y không phải là một người có thể giỡn mặt. Người ta có thể có can đảm chống một tỷ 200 triệu người Tàu, nhưng đối với bà xã thì rất nên có thái độ thỏa hiệp. Có biết bao nhiêu người bạn vàng, mỗi khi bạn nhờ vả tí gì, họ đã chẳng nói "để moa hỏi ý bà xã xem sao"?

Người được cử ra đọc chương trình hành động là Philippe Khôi, sống ở Pháp từ nhỏ, giọng lơ lớ. Có bao nhiêu dấu sắc, dấu ớ, dấu ô, y tự tiện dẹp cả, cho tiện việc sổ sách. Dù sao các thành viên, trừ cụ Tuất gục đầu ngủ ngon lành, đều hiểu đại khái là Phong trào kiên quyết đấu tranh để phục hồi chủ quyền đất nước.

Tôi gởi bản tuyên cáo đi khắp nơi, nhưng phải nhìn nhận là phong trào không gặt hái được kết quả mong đợi. Một phần vì thiếu ngân sách và nhân lực. Một phần vì bị những hội đoàn khác phá đám. Cô em họ tôi bắt gặp kỹ sư Nguyễn Viết Oanh, tự là Oanh Móm, đang dán truyền đơn ẩn danh tại những tiệm chạp phô Việt, Tàu (bên cạnh những tờ quảng cáo bánh cuốn Thanh Trì, những mẩu giấy nhận gói chả giò, sang lại nồi cơm điện Sony, nhận giữ trẻ) kết án tôi là tay sai của C.I.A Mỹ. Chúng tôi phản ứng, viết một bài báo vạch mặt y là công cụ của phòng nhì Pháp. Tôi với Oanh Móm trước kia là bạn thân, thứ bảy nào cũng ngồi ở café Aux Deux Magots, vừa nhậu la de, vừa nhìn đùi đẫm qua lại, vừa bàn chuyện cứu nước. Từ đó chúng tôi cạch mặt nhau. Hậu quả đầu tiên của công cuộc chống Trung Quốc xâm lược là tôi mất một người bạn và "Aux Deux Magots" mất hai người khách. Cuộc cách mạng nào mà chẳng có những nạn nhân vô tội?

Bây giờ phong trào gần như ngưng hoạt động. Tất cả những gì còn lại là tấm danh phiếu với tên tôi in chữ nổi, kèm theo chức Chủ tịch mà tôi vẫn dùng mỗi lần trao đổi địa chỉ với những người quen.

Chủ tịch một mặt trận cứu quốc dù sao cũng chững chạc, bề thế hơn là thủ quỹ hội Ái hữu cựu Học sinh trường Tiểu học Cái Vồn, hay Tổng Thư Ký Hội cựu y tá Khu A nhà thương Chợ Rẫy. Nhất là cái chức ấy không mấy tốn kém, ngoài 90 quan tiền in danh thiếp. Ông ngoại tôi trước kia đã chẳng bán hai con trâu và một con heo nái, nghĩa là một nửa gia tài, để mua chức lý trưởng? Cái chức lý trưởng đã làm gia tộc tôi được trọng vọng, được ngồi chiếu trên từ một nửa thế kỷ nay.

*

Tôi và Dung ngồi uống cà phê, nhắc những kỷ niệm cũ. Thước đứng dậy, rót một ly Whisky và lè nhè hỏi vợ:

"Em mua vé máy bay cho anh chưa?"

"Mua rồi, anh cứ yên tâm đi nghỉ đi."

Nàng chỉ tôi:

"Anh Sinh ở Paris qua thăm mình. Anh nhớ anh Sinh không?"

"Nhớ chứ," Thước cười ngây ngô, "Thế anh Sinh đã mua được vé máy bay chưa?"

Y đi loạng choạng vào phòng ngủ với chai Whisky trong tay.

"Ngày nào anh ấy cũng đòi mua vé máy bay về Việt Nam." Dung chép miệng, "Anh ấy không biết là ngày nay Việt Nam không còn nữa."

Đêm bắt đầu gây gấy. Tự nhiên tôi nghĩ đến Đà Lạt, đến những ngày đứng chờ Tuyền Dung ở cổng trường Bùi Thị Xuân. Đà Lạt với cơm nóng, thịt kho, dưa chua những ngày trở lạnh, với Dung má hồng, bây giờ biền biệt.

Cái mệt sau một chuyến bay dài và chai rượu đỏ khiến tôi ngủ thiếp đi trên ghế bành. Tôi tỉnh dậy khoảng hai, ba giờ sáng vì khát khô cổ. Một cái chăn đắp trên ngực, thơm mùi bột giặt. Dung ngồi bên cạnh, đọc sách:

"Anh nói lảm nhảm suốt đêm. Ngày xưa anh đâu có cái tật ấy."

Tôi hỏi tôi nói gì trong cơn mơ. Dung trả lời: "Anh cứ hỏi đi hỏi lại đã mua được vé máy bay cho anh chưa." Cả hai chúng tôi cùng bật cười. ■

Paris, tháng Giêng 1996

Bạn đừng bao giờ lấy nhau vì tiền, tiền thì vay đâu mà chả được và còn chịu ít lời hơn.
-- J. Kelly

Tai hại thay, đàn bà không thể hóa trang tư tưởng của họ như đã hóa trang bộ mặt của họ.
-- Georges Feydeau

VĂN HÓA VIỆT TRONG CÁC TRƯỜNG MỸ

LÊ TAM CA

Nhà báo Chử Bá Anh, bà Anne Frank, và nhà báo Đỗ Ngọc Yến, tại Văn Khố Đông Nam Á

Số người Việt Nam định cư ở quận Cam ngày một đông. Thực tế này đã được phản ảnh trong nhiều khía cạnh của đời sống — như số cơ sở kinh doanh và chuyên nghiệp nhắm vào người tiêu thụ gốc Việt tăng cường số lượng cũng như mức độ tiếp thị: Rất nhiều tiệm hoặc kho hàng Mỹ có quảng cáo hoặc chỉ dẫn bằng tiếng Việt.

Khía cạnh ít thấy rõ, nhưng lại có ảnh hưởng lâu dài là các hoạt động của ngành giáo dục. Hầu hết các trường đại học trong vùng đã mở những khóa học liên quan đến ngôn ngữ, nghệ thuật, hoặc văn hóa Việt Nam.

Đại học Cộng đồng Rancho Santiago ở Santa Ana mới mở lớp Hội họa Á đông, và lớp Đàm thoại tiếng Việt.

Đại học Cal State Fullerton mở lớp Hội họa Truyền thống Việt Nam, đặc biệt về kỹ thuật vẽ tranh lụa. Các đại học UCLA, Cal State Long Beach từ lâu đã có những lớp về văn hóa và lịch sử Việt Nam.

Đại học UCI cũng mới mở một số lớp về văn hóa và ngôn ngữ Việt. Tuy nhiên, viện đại học lớn nhất quận Cam này, năm qua đã giật liền một lúc hai giải Nobel về hóa học và vật lý, đã có một chương trình yểm trợ việc lưu trữ và bảo tồn những dấu tích văn hóa của người Việt định cư tại Mỹ. Đó là Văn Khố Đông Dương (*Southeast Asian Archive*) thuộc thu viện trung ương của UCI.

Văn Khố được thành lập từ giữa thập niên 1980, do nỗ lực vận động của nhiều người, trong đó có hai giáo sư hiện vẫn đang dạy tại đại học này là bác sĩ y khoa Vũ Đình Minh và tiến sĩ sử học Phạm Cao Dương.

Người trông coi Văn Khố là bà Anne Frank. Bà đã gắn bó với nó từ năm 1987 và phát triển nó từ một kệ sách báo khiêm nhượng ở tầng hầm thư viện, nay đã là một phòng khang trang trên lầu 3 của thư viện trung ương UCI, trong đó hàng ngàn tài liệu, sách, báo, ảnh, vi phim ghi lại các sinh hoạt và suy nghĩ của cộng đồng người Việt từ 1975 đến nay, được lưu trữ, phân loại. Sinh viên và các nhà nghiên cứu, không những trong viện đại học UCI, mà từ nhiều nơi trên thế giới đã đến sử dụng tài liệu của Văn Khố này trong các công trình biên khảo của họ.

Nhà báo Chử Bá Anh từ Washington DC, trong một chuyến viếng thăm Văn Khố hồi đầu tháng Hai 1996, ngỏ ý sẽ tặng Văn Khố này nhiều tài liệu, tranh ảnh, sách báo mà ông thâu tập được từ 20 năm qua.

Nhà báo Đỗ Ngọc Yến cũng cho biết trong dịp này rằng cơ sở nhật báo *Người Việt* cũng sẵn sàng tổ chức một buổi sinh hoạt để bà Anne Frank tiếp xúc rộng rãi với cộng đồng Việt Nam ở quận Cam, để trình bày ý nghĩa và tầm quan trọng lịch sử của Văn Khố, ngõ hầu nhiều người trong cộng đồng có thể tiếp tay xây dựng Văn Khố thành một định chế lâu dài. ■

NỤ HÔN VĂN HÓA ĐÃ NỞ TRONG ĐÊM NHẠC 3-2-96

PHAN SINH

"Khi đàn bầu, sáo và khánh quyện lại, tôi thấy nhạc Việt và nhạc Tây phương ôm choàng lấy nhau."

-Nhạc trưởng Edward Cumming

Ngót 800 người, đa số là người Việt Nam, sắp hàng dài bên ngoài thính đường Donald Wash Memorial Auditorium, có người đã đứng chờ gần 2 tiếng đồng hồ dưới trời lạnh, để vào nghe nhạc giao hưởng. Đó là một hiện tượng chưa từng có trong các sinh hoạt âm nhạc Việt Nam tại Hoa Kỳ. Đối với phần đông dân chúng dù thuộc bất kỳ quốc gia nào, nhạc giao hưởng là loại nhạc khó tiêu. Ông James Wooten, Phó Giám đốc điều hành Pacific Symphony Orchestra cho chúng tôi biết: "Theo kinh nghiệm của hai mươi mấy năm làm việc với các chương trình nhạc giao hưởng, hễ hôm nào có trời mưa như hôm nay, thì đêm đó vắng khách. Dù người ta có định ý đi nghe nhạc từ trước, nhưng trời mưa lạnh làm người ta đổi ý. Nếu trời không mưa chắc chắn sẽ không đủ chỗ ngồi. Tôi rất cảm kích mà thấy khán giả Việt Nam sắp hàng trong trật tự dưới trời lạnh như thế này. Tôi cũng xin lỗi tất cả qúy vị vì mở cửa hơi trễ hơn giờ ấn định."

Tại sao có hiện tượng này?

Theo chỗ thăm dò khách đến dự, chúng tôi thấy có ba lý do chính:

1. Chương trình miễn phí. Thường đi dự một chương trình như thế này, vé vào cửa phải trên hai mươi đồng cho mỗi người.

2. Nghe nhạc Việt Nam do dàn nhạc giao hưởng lớn của Hoa Kỳ trình diễn. Nhiều người tiếc vì không dự được buổi trình diễn Tổ khúc Giao hưởng "1975" của Lê Văn Khoa hồi tháng Sáu 1995. Họ không muốn bị lỡ cơ hội lần nữa.

3. Nhờ chương trình phát thanh VNCR loan tin có dẫn giải trước khi trình diễn, nên hy vọng sẽ theo dõi nhạc hòa tấu dễ dàng và lý thú hơn.

Học mà không vào lớp

Nhạc trưởng Edward Cumming đã vô cùng sống động không phải chỉ ở vai trò nhạc trưởng mà thôi, ông còn hấp dẫn trong vai một ông giáo (ông là giáo sư âm nhạc của Cal State Fullerton) trước một lớp học đông đảo mà học viên bất đắc dĩ thuộc đủ mọi trình độ hiểu biết âm nhạc khác nhau. Qua phần chuyển ngữ linh động và lôi cuốn của nhạc sĩ Lê Văn Khoa (vốn là khuôn mặt quen thuộc của chương trình giáo dục thiếu nhi của Truyền Hình Việt Nam trước 1975), nên khán thính giả được dịp đi sâu vào phần cấu tạo tác phẩm. Họ không ngờ những cái phức tạp của âm nhạc được giải bày dễ dàng, và ngược lại, những nét nhạc quen thuộc nghe rất dễ lại được cấu tạo vô cùng tinh vi.

Edward Cumming, tiến sĩ âm nhạc, ngành chỉ huy nhạc giao hưởng, từng điều khiển nhiều ban nhạc lớn ở nhiều tiểu bang Hoa Kỳ, dĩ nhiên sự thông hiểu âm nhạc của ông thật rộng. Điều đáng nói là sự trình bày của ông không có tính cách bác học, giản dị, dễ hiểu, với những câu nhạc chính được ban nhạc cho nghe trước khi trình diễn toàn bộ tác phẩm, giúp cho sự thưởng thức của khán giả không ít. Nhiều người quen nghe nhạc cổ điển đã nhìn nhận rằng mình nghe nhạc nhiều nhưng chưa từng để ý đến sự biến hóa kỳ diệu của câu nhạc.

Đối với những người chưa quen với các nhạc cụ và âm thanh của chúng trong dàn nhạc, sự giới thiệu vừa qua là cả một khám phá lý thú, và họ chờ nghe âm thanh của những nhạc cụ ấy trong toàn bộ tấu khúc như thế nào.

Những con số lớn lần

Phần lớn quen nghe nhạc theo cảm quan, hôm nay được nhạc trưởng Edward Cumming hướng dẫn cho nghe nhạc theo tri thức. Ông phân tách những mô-típ (motif), một phần nhỏ nhất của câu nhạc, để thấy sự biến hóa diệu kỳ của bài nhạc. Nhờ đó khán giả nhận ra được tài nghệ và sự thông minh của người viết nhạc. Nhạc trưởng Cumming giải thích:

Tấu khúc số 5 cung Đô Thứ (Symphony No. 5 in C minor) bất hủ của Beethoven phát khởi bằng bốn nốt nhạc. Có lúc chúng tăng thành năm, sáu nốt, rồi rút lần xuống còn ba, hai, rồi một. Khi không thể rút xuống nhỏ hơn, Beethoven trở lại câu nhạc bốn nốt. Dù nhạc đề thứ hai được giới thiệu, nhưng bốn nốt nhạc căn bản vẫn chập chờn đây đó.

Mendelssohn dùng mô-típ năm nốt nhạc cho hành âm cuối của tấu khúc số 4 có tên là Italian (Symphony No. 4, Italian) của ông. Năm nốt nhạc cứ liên tục quay vòng vòng và tăng tốc độ lần để tạo ảnh hưởng choáng váng. Khi đến độ thật nhanh, giai điệu chính bắt đầu.

Trong Trăng Rằm của Tổ khúc Giao hưởng 1975 (Symphonic Suite), Lê Văn Khoa dùng mô-típ sáu nốt nhạc, rút xuống còn bốn, rồi ba nốt, cuối cùng còn một nốt và tốc độ tăng lên, cường độ lớn dần báo hiệu một biến chuyển quan trọng sắp diễn

Đông và Tây bắt tay nhau: Nhạc trưởng Edward Cumming và nhạc trưởng Lê Văn Khoa

ra. Rồi như đóa hoa hàm tiếu xòe cánh nở rực để khoe nhụy vàng: nhạc đề chính xuất hiện. Nhạc đề chính là bài dân ca "Hát Hội Trăng Rằm", nằm trong tiếng khánh (glockenspiel), tuy mong manh, nhưng sang trọng, sáng chói, tương phản hẳn với đoạn nhạc chuẩn bị đi trước.

Nụ hôn âm nhạc

Chúng tôi chú ý đến tấu khúc Trăng Rằm ngoài yếu tố âm nhạc, còn yếu tố văn hóa và lịch sử. Các yếu tố này tuy rằng ba, nhưng gồm chung trong một buổi hòa nhạc 3 tháng Hai 1996 của Pacific Symphony Orchestra. Lần đầu một nhạc cụ thuần túy dân tộc là đàn bầu được hòa chung với dàn nhạc giao hưởng lớn của Hoa Kỳ, và cũng là lần đầu dàn nhạc lớn này chơi nhạc Việt Nam của một soạn nhạc gia Việt Nam. Phần đàn bầu do nhạc sĩ Ngô Long Thống Nhất đảm nhận. Ông là người được huấn luyện cả hai ngành nhạc Việt và Âu. Đã từng chơi French Horn trong nhiều ban nhạc lớn, nên việc đọc nốt nhạc và theo sự chỉ huy của nhạc trưởng không khó. Có lẽ đó là lý do chính mà nhà soạn nhạc Lê Văn Khoa chọn và ủy thác cho ông đảm trách phần độc tấu đàn bầu.

Sau phần trình diễn, nhạc trưởng Cumming có ba câu hỏi nêu lên cho người viết tấu khúc Trăng Rằm ngay trên sân khấu: "Tại sao ông viết nhạc như vậy và ước vọng của ông là gì?"

Nhạc sĩ Lê Văn Khoa trả lời bằng câu trích lời của Rudyard Kipling: "'Đông là Đông, Tây là Tây, hai bên sẽ không bao giờ gặp nhau.' Câu nói ấy có thể đúng trong thời của ông Kipling, nhưng ngày nay cả hai bên đều đi tìm cái hay cái đẹp của nhau. Các nhạc sĩ, các soạn nhạc gia Tây phương các ông đi tìm nét quyến rũ của Đông phương, còn người Đông phương chúng tôi hướng về Tây phương để tìm cái hay, đẹp của các ông. Khi cả hai bên cùng hướng vào nhau thì thế nào cũng có điểm gặp nhau. Tôi muốn chứng minh rằng Đông và Tây có thể gặp nhau. Chúng ta đã gặp nhau ngay đêm nay, tại đây, trong buổi hòa nhạc này. Đàn bầu của chúng tôi lần đầu cùng hòa điệu với dàn nhạc của ông. Hồi năm ngoái tuy có đàn bầu trình diễn trong dàn nhạc, nhưng khi đàn bầu chơi thì dàn nhạc nghỉ, và ngược lại, dàn nhạc chơi thì đàn bầu nghỉ. Đêm nay, tất cả cùng hoà nhau. Tôi hy vọng khi đã gặp được nhau, chúng ta cứ thế mà tiến lên."

Nhạc trưởng Edward Cumming xác nhận: "Khi đàn bầu, sáo và khánh (glockenspiel) quyện lại, tôi thấy nhạc Việt và nhạc Tây phương ôm choàng lấy nhau, gắn bó nhau. Đó là cái ôm siết chặt của văn hóa Đông-Tây." Ed Cumming hỏi thêm: "Có thể trong thế kỷ tới, người da trắng chúng tôi trở thành thiểu số, các ông có bắt chúng tôi phải học nhạc của các ông không?"

Lê Văn Khoa tránh né, không trả lời thẳng.

Ngoài yếu tố lịch sử đã tạo được qua buổi hòa

nhạc đêm nay, nhạc trưởng Edward Cumming nhắc lại Tổ Tấu Khúc Giao Hưởng "1975" của Lê Văn Khoa là tác phẩm âm nhạc nói lên lịch sử cận kim của Việt Nam. Ba trích đoạn của tổ khúc này đã được dàn nhạc Pacific Symphony Institute Orchestra, cũng do ông điều khiển, đã trình diễn tháng Sáu năm ngoái tại Orange County Performing Arts Center.

Nhạc Việt và nhạc Tây phương

Để chia sẻ vui buồn với cộng đồng Việt, nhạc trưởng Edward Cumming tuyên bố phần trình diễn tấu khúc Trăng Rằm của Lê Văn Khoa là để tưởng nhớ sinh viên Lý Minh Thiện, cùng chia buồn với gia đình và các sinh viên Việt. Ông hy vọng tinh thần Lý Minh Thiện sẽ mãi tiếp tục trong các sinh hoạt của sinh viên. Đây cũng là một điểm lịch sử. Một dàn nhạc giao hưởng Hoa Kỳ, qua một tấu khúc của một soạn nhạc gia Việt Nam, trình diễn để tưởng niệm một sinh viên Việt Nam. Nơi đây tình người gửi đến con người, không qua màu sắc của chính trị.

Các nét nhạc cổ điển Tây phương và Việt Nam còn được trình diễn thêm trong chương trình, gồm có: Overture to The Marriage of Figaro, ba trích đoạn từ Tổ khúc Giao hưởng Ballet mang tên là The Nutcracker của Tchaikowsky: Chinese Dance, Arabian Dance và Russian Dance.

Ban cổ nhạc Ngọc Thanh với Lữ Liên, đàn cò, Kim Đồng, đàn bầu, Bảo Châu, đàn sến và Ngọc thanh, đàn guitar, giới thiệu với khán giả hai bài hòa tấu Văn Thiên Tường và Tây Thi. Việt Hùng gây nhiều xúc động qua bài ca vọng cổ Tâm Sự Người 20 Năm Xa Xứ. Ta thấy rõ sự khác biệt từ nhạc cụ, âm sắc, kiến trúc của câu nhạc cũng như cung cách trình diễn. Nếu chỉ đối chiếu như thế này thì rõ ràng Đông và Tây không gặp nhau, dù các nhạc sĩ Việt Nam đều có dùng máy khuếch thanh của Tây phương.

Vài ý kiến

Đa số khán giả đều ca ngợi nỗ lực kết hợp nhạc Đông - Tây. Họ cho biết chương trình rất quân bình giữa phần nhạc cổ Việt Nam và nhạc hòa tấu Tây phương. Bài bản chọn lựa khéo, linh động, không lê thê buồn ngủ. Chúng tôi cũng ghi nhận được một số ý kiến chuyên biệt, xin ghi ra đây.

Ông Comwell: "Nhạc bị cắt đứt quá nhiều bởi lời dẫn giải bằng hai thứ tiếng. Thật diệu kỳ khi chỉ có một dây mà đàn bầu có thể phát ra âm thanh trong âm vực rộng như vậy, tuy nhiên âm sắc dường như không được xuất sắc lắm. Tiếng đàn bầu buồn qúa, gây cho tôi cảm giác chán đời."

Cô Tuyết Nga: "Tôi thích nghe nhạc liên tục hơn. Chương trình hay lắm."

Ông Nguyễn Tiến Thịnh, Võ Thẩm, Lương Vinh và nhiều khán giả khác: "Phần dẫn giải trước mỗi bài trình diễn rất có ích trên mặt giáo dục. Tôi nghe nhạc cổ điển Tây phương nhiều, nhưng hôm nay mới khám phá được nhiều điều hay."

Bà Dolly, nhạc sĩ: " Tôi thổi sáo trong ban nhạc hòa tấu. Tất cả những tấu khúc trong chương trình tôi đều có chơi ở La Mirada Theatre, trừ bài Trăng Rằm. Tôi thấy phần giải thích kiến trúc của các tấu khúc rất có lợi cho người chưa am hiểu. Dù không hiểu tiếng Việt, tôi không cảm thấy khó chịu."

Ông bà William Barn: "Thật may mắn cho chúng tôi được dự chương trình này, nếu không, chúng tôi bị mất mát rất nhiều. Lần đầu tôi được xem nhạc cụ Việt Nam trình diễn với dàn nhạc hòa tấu. Bài Trăng Rằm thật hay. Điều tôi ngạc nhiên là làm sao chỉ với một sợi dây mà đàn bầu chơi được những nốt nhạc từ trầm đến thật cao. Nhạc cổ điển Tây phương thì tôi nghe nhiều ở thành phố tôi. Rất tiếc vài hôm nữa chúng tôi phải về Boston rồi, không còn được ở lại để dự những chương trình khác. Hoan hô sự phối hợp nhạc Việt vào dàn nhạc Tây Phương."

Bà Boon Yen, tốt nghiệp cao học nhạc viện London :"Tôi có chơi nhạc của ông Lê Văn Khoa nhiều, nhưng bài Trăng Rằm này thật đặc biệt. Sự hòa hợp Đông Tây thật tuyệt. Tôi hy vọng sẽ được chơi trong ban nhạc trình diễn một bài tương tự như Trăng Rằm."

Ông Louis Spisto, giám đốc điều hành PSO: "Trăng Rằm là bản nhạc ưa chuộng của tôi."

Ông Sam Brown: "Bài Trăng Rằm thật đặc biệt. Tôi hy vọng được nghe những bài hòa tấu khác của ông Khoa."

Ông James Wooten: "Trăng Rằm rất đặc biệt. Hy vọng ông Khoa cứ tiếp tục viết nhạc giá trị như thế."

Ông Nguyễn Trung: "Rất tiếc đàn bầu chơi quá ít trong Trăng Rằm. Có lẽ ông Khoa còn đang dò dẫm để tìm sự kết hợp lý tưởng. Theo lời ông nói dù có sự khác nhau trong việc đưa đàn bầu vào dàn nhạc giao hưởng năm ngoái và năm nay, nhưng tôi cảm thấy ông chưa được thỏa lòng, qua giọng nói và dáng điệu của ông."

Cô Kelly: "Nhạc trưởng Ed Cumming và soạn nhạc gia Lê Văn Khoa hợp nhau trên sân khấu thì thật là tuyệt. Hy vọng hai người kết lại làm một toán đi trình diễn lưu động thì hay lắm."

Nhạc trưởng Edward Cumming; "Niềm vui lớn nhất của tôi khi đến Orange này là được gặp Lê Văn Khoa. Khán giả đêm nay thật dễ thương. Nếu chỗ trình diễn nào tôi cũng gặp được khán giả như vầy, tôi không còn ao ước gì hơn."

Điều đáng buồn là vẫn có một số khán giả vào trễ, sau bài thứ nhất và cả sau bài thứ hai. Họ rất tiếc sự tán thưởng một công trình hiếm có được thực hiện để cống hiến họ. Người ta vỗ tay lấy lệ hơn là nồng nhiệt tán thưởng để mời nhạc trưởng ra chứng kiến đôi ba lần như thường thấy nơi các phòng hòa nhạc lớn.

Buổi trình diễn nhạc đêm nay nằm trong chương trình Hòa Điệu của Pacific Symphony Orchestra, được PSO, ban Tư Vấn Việt Nam và Hội Văn Học Nghệ Thuật Việt-Mỹ phối hợp tổ chức với phần yểm trợ tài chánh của James Irvine Foundation.■

KINH NGHIỆM 40 NĂM GIẢNG DẠY TIẾNG VIỆT TẠI MĨ

(FORTY YEARS' EXPERIENCE IN TEACHING VIETNAMESE IN THE US)

NGUYỄN ĐÌNH HOÀ

Giáo sư Ngữ học & Ngoại ngữ Ngoại văn (hồi hưu)
Viện Đại học Nam Illinois, Carbondale, Illinois

Tôi may mắn được sang du học bên Mĩ từ năm 1948, và về sau ở lại đất Mĩ cho đến bây giờ — trừ khoảng cách tám năm phục vụ nền giáo dục trong nước từ 1957 tới 1965. Nhờ có dịp dạy tiếng Việt ở bậc đại học, tôi đã tích lũy được chút ít kinh nghiệm mà tôi muốn chia sẻ với các bạn đồng nghiệp trẻ.

1. **Columbia University,** New York, 1953-57. Sau khi lĩnh bằng Master of Arts tại Viện Đại học New York về ngành Giáo dục Anh ngữ, năm 1952, tôi muốn đi sâu vào việc so sánh và đối chiếu tiếng mẹ đẻ và tiếng Anh. Nhân được đọc cuốn *Le Parler Vietnamien* của Linh mục Lê Văn Lý, tôi bèn tìm đến Viện Đại học Columbia cũng ở thành phố Nữu-ước, cốt liên-lạc với Giáo-sư André Martinet, là nhà ngữ-học danh-tiếng của Pháp lúc trước đã bảo-trợ luận-án tiến-sĩ của Cha Lý tại Viện Đại-học Paris. Trường đại-học của tôi không có Ban Ngữ-học, nên tôi thấy cần phải xin Giáo-sư Martinet chỉ-dẫn cho tôi về nhiều điểm ngôn-ngữ học, kể cả việc nghiên-cứu tiếng Việt. Ngoài Giáo-sư Mario Pei, có mời tôi đến lớp của ông ấy trình-bày sơ-lược về những nét đặc-thù của Việt-ngữ, tôi được gặp cả Giáo-sư Eugene Dorfman, lúc đó làm Trưởng ban Ngữ-học Đại-cương và Tỉ-hiệu. Hai ông Martinet và Dorfman hỏi tôi có thể đến giúp nhà trường bắt đầu chương-trình tiếng Việt hay không. Tôi nhận lời liền.

Hồi đó,ít người muốn học tiếng Việt, nên nhà trường phải đưa ra một phương thức tạm thời, là, sau khi trường đăng quảng-cáo chiêu-sinh, nếu có sinh-viên muốn ghi tên học thì giảng-viên sẽ được trả 80 phần trăm số tiền học-phí, chứ nhà trường không có mục nào trong ngân-sách để trả lương giảng-viên lớp tiếng Việt, hay tiếng Tây-ban-nha, tiếng Trung-hoa, v.v. Khóa học buổi tối đó (năm 1953), có sáu sinh-viên ghi tên, vì ban ngày họ đều phải đi làm. Mấy năm sau cũng thế, chỉ lác-đác vài người thôi. Bài vở thì tôi phải soạn lấy, đánh máy lấy vào tờ giấy tăng-xin, rồi mỗi tuần đem vào cho văn-phòng họ quay rô-nê-ô. Trong số sinh-viên, tôi nhớ có một ông mục-sư, một cô gốc Do-thái làm biên-tập-viên cho hãng thông-tấn, một cô gốc Mĩ Do-thái khác có bạn trai người Việt, và một thanh niên gốc Do-thái, nói không lưu-loát, nhưng đọc tương-đối được. Tôi đặc-biệt nhớ người sinh-viên Do-thái để râu mép kiểu tài-tử Clark Gable, vì anh ta thường nhún bàn chân lên xuống tùy theo thanh-điệu sắc hay huyền, và đồng thời đưa ngón tay trỏ lên xuống, ngộ lắm. Tất cả đều là người đứng tuổi, chứ không phải sinh-viên trẻ cỡ 20, và họ đều biết chút ít tiếng Pháp.

Lớp tiếng Việt đó thuộc chương-trình giáo-dục tráng-niên, dành cho người đứng tuổi muốn học thêm. Học lối "nhỏ giọt" mỗi tuần ba tiếng thì khó dạy lắm. Tôi chỉ có thể dạy những bài đàm-thoại thật ngắn, bắt họ phải học thuộc lòng những câu thường dùng hằng ngày trong khi giao-tiếp, rồi tập phát-âm, và đọc những đoạn ngắn trích từ *Nửa Chừng Xuân*, mỗi người đóng một vai. Sinh-viên học để cho biết, chứ không cần điểm cho các đơn-vị giá-trị [tôi dịch *credit; unité de valeur,* và cho rằng nói "tín-chỉ" là sai] như là sinh-viên ban cử-nhân hoặc cao-học, cần đủ số giờ để lấy bằng-cấp. Được cái người nào cũng chịu khó tìm hiểu, và hay hỏi về văn chương Việt Nam có những thể loại nào, đề-tài gì, v.v. Tuy thư-viện chính của Columbia có khá nhiều sách về các ngoại-ngữ, ngoại-văn, nhưng với một chương-trình sơ-cấp như thế, sinh-viên không cần dùng sách trong thư-viện, chỉ quanh-quẩn những trang bài thầy giáo phát cho họ thôi, trừ một số ít muốn tra-cứu thêm.

2. **Viện Đại-học Tiểu-bang Washington,** Seattle, năm học 1965-66. Nhờ sự giới-thiệu của Giáo-sư Lý Phương-Quế và Giáo-sư Laurence Thompson, mà đầu năm 1965 tôi được gặp tại Luân-đôn trong Hội-nghị Ngữ-học Thái-bình-dương họp ở trường Nghiên-cứu Á-Phi, tôi được Viện Đại-học Tiểu-bang Washington mời sang làm Giáo-sư Biệt-thỉnh về Ngôn-ngữ và Văn-chương Việt-nam. Giáo-sư Lý [Fang-kuei Li] là một chuyên-gia về Ngữ-tộc Thái cũng như về các phương-ngữ của tiếng Hán, lại biết nhiều về các ngôn-ngữ Đông và Đông-nam Á, còn chính Giáo-sư Thompson thì am-tường Pháp-văn và Nga-văn, và đã soạn luận-án tiến-sĩ tại Viện Đại-học Yale về ngữ-pháp tiếng Sài Gòn. Ông đã từng phụ-

trách chương-trình tiếng Việt ở trường Sinh-ngữ Quân-đội *[Army Language School],* Monterey, California, trước khi được tuyển vào Ban Ngữ-học trên Seattle. Ông đã cùng soạn với cụ Nguyễn Đức-Hiệp một cuốn độc-bản rất có ích lúc đó, nhan đề *A Vietnamese Reader,* mà tôi có viết bài phê-bình.

Tại viện đại-học công-lập ở Seattle, tôi phụ-trách hai lớp: một lớp tiếng Việt và một lớp về từ-ngữ Hán-Việt, trong khuôn-khổ Ban Ngôn-ngữ Viễn-Đông, do Giáo-sư George Taylor làm Trưởng ban. Sinh-viên cũng ít thôi: phái nam có Neil Jamieson (mới đi Việt-nam về) và ? Smith — tôi không nhớ tên đầu — còn phái nữ có bà Jane Keyes (người Anh, vợ một giáo-sư nhân-loại-học) và cô Julia Kwan (người Quảng-Đông). Khế-ước của tôi kí một năm học (chín tháng) với Ban Ngôn-ngữ Viễn-Đông, là ban có tiếng, dạy cả tiếng Tây-Tạng bên cạnh tiếng Trung-Quốc, tiếng Nhật-Bản và tiếng Triều-Tiên.

Lớp tiếng Việt thì tôi soạn bài tương-đối dễ, còn tư-liệu về Hán-Việt thì tôi phải dùng một số bản chụp những bài đăng trong những tập-san như *Bulletin de l'Ecole Francaise d'Extrême-Orient (BEFEO),* chẳng hạn bài về "Bình Ngô đại-cáo" hay *Dân Việt-nam,* chẳng hạn bài về "Việt-điện u-linh". Phương-pháp rõ ràng là phương-pháp giảng văn, giải-nghĩa từng từ hoặc ngữ Hán-Việt. Tôi cũng dùng một số câu lục-bát trong *Nhất Thiên Tự:* "Thiên giời, địa đất, vân mây / Vũ mưa, phong gió, chú ngày, dạ đêm / Tinh sao, lộ móc, tường điềm / Hưu lành, khánh phúc, tăng thêm, đa nhiều"...

Tôi bắt sinh-viên phải lần lượt đọc từng từ-ngữ hay từng câu, và giải-nghĩa, rồi sửa giọng, sửa lỗi cho họ. Họ có vẻ thích lối học thuộc lòng, đã giúp họ nhớ âm, nhớ nghĩa. Tuy nhiên, tôi ý-thức rõ-ràng là không nên dạy họ nói theo như vẹt. Kết-quả là họ có thể đoán nghĩa một từ kép mà một thành-tố đã được học trước rồi. Đồng thời, tôi cũng dạy sinh-viên tìm yếu-tố đồng-âm của những từ kép ghi trong *Hán-Việt từ-điển* của Đào Duy-Anh, cùng là hiểu biết chút ít về cách cấu-tạo chữ Hán, đặc-biệt làm quen với một số bộ-thủ thường xuất-hiện nhất.

3. **Viện Đại-học Tiểu-bang Hawaii,** Honolulu, mùa hè 1966. Mùa xuân năm ấy, tôi được đến ba trường mời tới dạy chương-trình tiếng Việt cho họ bắt đầu từ niên-khóa 1966-1967: Đó là hai trường Washington và Hawaii, và Đại-học Cornell nữa. Tôi nhớ gia-đình, nên không quyết-định về trường nào, song cũng được ông Trưởng Ban Ngôn-ngữ Á-châu là Giáo-sư John Young thuyết-phục tôi cứ đến thử xem có thích Viện Đại-học Ha-oai-di không. Thích thì thích thật (khí-hậu thần-tiên, bờ biển nên thơ, hàng dừa nghiêng-ngả, đi chỗ nào cũng nghe thấy nhạc êm-dịu của đàn lục-huyền và đàn ukulele, ăn mặc thoải mái dễ chịu) nhưng tổ-chức hành-chính hơi luộm-thuộm. Điển-hình là sinh-viên đến giờ cuối ngày, từ hai đến ba giờ, là chỉ tấp-tểnh cắp chiếu chạy ra bãi biển, nên khó tập-trung tư-tưởng vào bài vở. Lớp của tôi có 12 sinh-viên, hình như tất cả đều được học bổng của chính-phủ liên-bang để theo học lớp cấp-tốc — mỗi ngày năm tiếng. Cả 12 người đó, đáng lẽ được gửi đến Seattle, nhưng Ha-oai được cái khế-ước đó, nên họ lại theo tôi sang quần-đảo ở Thái-bình-dương. Tôi may mắn có được một cô phụ-giáo có chồng Mĩ, dạy rất tận-tâm, và còn giúp tổ-chức một buổi thực-tập ngoài trời, bên bãi biển cát vàng, có cả màn ẩm-thực — bún chả, đủ cả tía-tô kinh-giới! — khiến cho sinh-viên thích-thú vô-cùng.

Sách giáo-khoa được dùng là cuốn *Speak Vietnamese* của tôi, gồm 15 bài nhấn mạnh khía cạnh phát-âm và có nhiều bài tập quanh những chủ-đề đàm-thoại rất thực-tiễn. Sách rất dễ kiếm (xuất-bản ở Sài Gòn, và tái-bản ở Đông-Kinh), và có kèm theo băng cát-xét để sinh-viên tập nghe, tập nói trong trường và ở nhà nữa. Tôi cần nói rõ là năm đó đã có cuốn sách giáo-khoa rất có qui-mô nhan đề *Introduction to Spoken Vietnamese,* dạy tiếng Saigon, mà soạn-giả là hai giáo-sư R.B.Jones và Huỳnh Sanh Thông.

Tuần nào cũng có bài kiểm-tra, và cuối khóa thì có bài thi lớn, trong đó phần nói và nghe được chú-trọng hơn phần đọc và viết. Trong số 12 sinh-viên của tôi khóa hè đó, có người về sau tiếp-tục học ở Mĩ và cả ở Saigon, và trở nên rất thông-thạo về tiếng Việt và văn Việt.

4. **Viện Đại-học Nam Illinois,** Carbondale, 1969-90. Năm 1968, tôi được ướm hỏi, và mùa hè 1969 quyết-định trở lại dạy cho Viện Đại-học Tiểu-bang Washington, là trường có khuôn-viên rất đẹp, có biển, có núi, có hồ, phong-cảnh thật mĩ-quan. Hai cháu gái lớn của tôi, đã được ở đó mấy tháng mùa xuân 1966, cũng thích lắm. Mọi việc đã sửa-soạn xong cả, chỉ chờ tôi kí và trả lại khế-ước, thì lại có thư mời tôi đến cộng-tác với Viện Đại-học SIU *[Southern Illinois University,* nói tắt] ở miền trung-tây Hoa-Kì. Nơi sau này từ đầu thập-kỉ 1960 đã có một số giáo-sư sang miền Nam Việt-Nam làm cố-vấn cho các trường sư-phạm và kĩ-thuật, người thì qua làm việc sáu tháng, người thì qua làm việc tới bốn hay năm năm. Ông Delyte Morris, Viện-trưởng trường đó, tự hỏi có nên sử-dụng kinh-nghiệm đó hay không, và ông có sáng-kiến vận-động với ông Dirksen, Thượng-nghị-sĩ Tiểu-bang Illinois, để Cơ-quan Phát-triển Quốc-tế *(Agency for International Development, AID) cấp cho SIU — vốn là trường sư-phạm — một tặng-khoản lớn dùng cho việc thiết-lập một viện hay trung-tâm chuyên nghiên-cứu học-hỏi về Việt-nam, sẽ giúp việc mở-mang*

Ghen

"Bữa tiệc đêm qua anh thấy em đứng cạnh một ông rất lâu, cầm tay thắm thiết lắm. Ông nào vậy?"

"Anh phải nói lúc mấy giờ em mới biết mà trả lời anh chứ?"

Việt-nam một khi chiến-tranh chấm dứt.

Ý-kiến thật là hay! Vì sự hiểu-biết quốc-tế là điều tối-cần trong bất cứ giai-đoạn nào. Tôi được mời đến thăm trường Carbondale để cấp chỉ-huy theo thông-lệ phỏng-vấn về khả-năng và bối-cảnh giáo-dục. Lúc về nhà, tôi bảo nhà tôi: "Em ơi, Carbondale không có đậu phụ." [Hai năm đầu ở Carbondale, nhà tôi chiều tôi, phải dùng đậu nành là thổ-sản Illinois để làm món ăn tủ của tôi, lớn lên bằng thực-đơn rau muống, đậu rán.] Khi Giáo-sư George Taylor gọi điện-thoại giục tôi kí giao-kèo, ông biết chuyện SIU nên lập-tức khuyên tôi nên nhận việc ở Nam Illinois. Ông bảo nếu quay lại Seattle thì tôi sẽ chỉ lại dạy tiếng Việt như hồi 1965-66 mà thôi — Giáo sư Taylor lúc ấy cũng sắp về hưu — còn nếu nhận việc tại Carbondale tôi sẽ có cơ-hội súc-tiến việc nghiên-cứu khoa-học qua một Trung-tâm Việt-học đang được chuẩn-bị, và sẽ có thể đóng góp vào việc đào-tạo chuyên-viên về mọi ngành Việt-học: Ngôn-ngữ, văn-học, văn-hóa, lịch-sử, kinh-tế, xã-hội, v.v., vẫn là cái mộng của tôi từ lâu. Phải nói là các học-giả của Mĩ muốn theo gương những cơ-sở bác-học về văn-hóa của Pháp, là nước đã có nhiều thành-tựu về Đông-dương-học.

Nước Mĩ, theo tôi nghĩ ở thời điểm đó, cần nhiều trung-tâm hay học-viện để cho thanh-niên học và khảo về văn-minh Việt-Nam, như các giáo-sư Pháp Paul Mus, Paul Lévy, Maurice Durand, hay nữ-tác-giả Mĩ Virginia Thompson, giáo-sư Mĩ John Embree đã thường nói với tôi lúc tôi mới chân ướt chân ráo từ Hà-nội đến New York vào mùa thu 1948.

Thời-điểm 1969 rất ư đặc-biệt, là phong-trào phản-chiến đang leo thang. Lúc khác, như hồi những năm 1960, các trường đại-học như Yale, Georgetown, và cả trường sinh-ngữ của Bộ Ngoại-giao dạy tiếng Việt thì không ai nói cả. Song le, thời-gian 1968-69 mà đả-động nói đến cái gì Việt-nam, như chả giò, đũa gắp, v.v. thì vô khối những tay phản-chiến thiếu hiểu-biết và thiếu sáng-suốt sẽ xuống đường ngay. Vì thế cho nên tập-đoàn vài sinh-viên Mĩ non-nớt vào hùa với một số sinh-viên Việt-nam (trốn lính hay không chịu về nước phục-vụ), đã đẩy mạnh phong-trào chống chiến-tranh. Báo-chí tường-thuật đầy-đủ. Tôi chỉ cần nói sơ-sơ là những người chống Trung-tâm Việt-học SIU đã không chịu nhìn vào thực-chất các hoạt-động và thành tích của Trung-tâm Việt-học độc-nhất đó, mà tôi được hãnh-diện làm Phó Giám-đốc, rồi sau năm 1972 làm Giám-đốc luôn.

Một chi-tiết khác làm tôi năm 1969-1970 phải khinh-bỉ vài tên "giáo-sư" phản-chiến cả Mĩ lẫn Việt, đã dùng lối tranh khách ở bến xe đò lục-tỉnh: là họ dùng ấn-chỉ của Đại-học Cornell danh-tiếng để viết thư cho những sinh-viên ghi tên học tiếng Việt ở SIU-Carbondale, bảo các sinh-viên đó hãy đến học tại Cornell!

Dù sao chăng nữa, ta cứ thử kiểm-điểm xem Trung-tâm Việt-học tại Carbondale đã có những hoạt-động gì? Trung-tâm đó, thật ra, không ủng-hộ chiến-tranh và cũng có ước-vọng về hòa bình như bất cứ ai! Trung-tâm đó không "ủng-hộ lầu xanh hay sòng bạc", như một giáo-sư Triết ở ngay SIU đã vu-khống! Nó chỉ đã:

— dạy nhiều giảng-khoa về Việt-nam (Tờ chương-trình phổ-biến có kê khai đầy-đủ). Một số sinh-viên Mĩ đã học được bằng B.A. chuyên ngành về ngôn-ngữ, văn-học và ngữ-học Việt-nam, đó cũng là nhờ một số giáo-sư biệt-thỉnh từ nhiều nơi đến dạy giúp hoặc diễn-giảng về các đề-tài thuần-túy bác-học.

— cấp học-bổng cho sinh-viên cử-nhân theo học và sinh-viên cao-học làm luận-án tiến-sĩ hay phó-tiến-sĩ.

— thu mua khá nhiều sách báo và phim ảnh *đứng đắn* về văn-minh, văn-hóa Việt-nam — mua từ Pháp, Nhật, Hồng-công, và cả Bắc-Việt nữa.

— tổ-chức năm cuộc triển-lãm nghệ-thuật hội-họa Việt-nam.

— tổ-chức những buổi trình-diễn âm-nhạc Việt-Nam.

— xuất-bản quí-san *Southeast Asia* và nhiều tập chuyên-khảo và chuyên-luận giá-trị, mà cho tới nay vẫn còn những nhà nghiên-cứu tìm mua để tham-khảo.

5. **Viện Đại-học Tiểu-bang California tại San José,** 1990-92. Năm 1990, tôi sửa-soạn về nghỉ hưu, chấm dứt 21 năm chăm-chú làm một việc duy-nhất là: riêng mình thì nghiên-cứu tiếng mẹ đẻ, và cho người khác thì cung-cấp tài-liệu mà Thư-viện Morris đã thu-thập được, rồi còn sao chép tư-liệu cho bất cứ một nhà nghiên-cứu nào từ đâu đến tận mặt hoặc liên-lạc bằng thư-từ, yêu-cầu giúp-đỡ. Vì nhận-biết những cố-gắng đó của tôi và biết tôi có chương-trình rời bỏ nơi "khỉ ho cò gáy" tôi gọi là "Vũng Than", viện đại-học công ở San José mời tôi đến cộng-tác. Giáo-sư Nhân-loại-học James Freeman, tác-giả một cuốn sách nói về người tị-nạn, thay mặt nhà trường viết công-văn ân-cần mời tôi đến giúp Viện Đại-học San José State (SJSU) xây-dựng một chương-trình Việt-học toàn-khoa. Dự-án đó đã được ông Khoa-trưởng Khoa-học Xã-hội và bà Phó-Viện-trưởng đặc-biệt lưu-tâm vì vùng bắc Vịnh San Francisco có nhiều người Việt tị-nạn đến cư-ngụ, và trường đó cũng có mấy nghìn sinh-viên gốc Việt-Nam. Vì tôi cũng đã chọn về nghỉ hưu tại Cali, là nơi có con cháu cùng nhiều bạn-bè, nên tôi liền nhận lời. Điều này dễ hiểu: khí-hậu nắng-ấm, tương-phản với thời-tiết Illinois — tuy Carbondale ở phía nam không lạnh bằng Chicago chẳng hạn, nhưng cũng mỗi năm vài ba vụ mưa tuyết, đường xá đóng băng, nhà cửa bị vỡ ống nước, rất là khó-khăn. Tại Cali, như ai cũng biết, lại có nhiều thực-phẩm và rau trái từ châu Á đem sang, và nhất là đầy-đủ các món ăn dân-tộc của Việt-Nam, hàng quán thì la-liệt, làm cho người Á-đông nói chung thấy như mình đang sống ở quê-hương vậy.

Tôi nhận lời cũng không phải không có điều-kiện. Nhà trường ưng-thuận và đưa ra ý-kiến phong cho tôi chức-vụ Giáo-sư Ưu-vị *(Distin-*

guished Professor) về Việt-học, với trách-nhiệm một mặt phụ-trách phần ngôn-ngữ và văn-hóa Việt-nam như tôi đã làm tại SIU trong 21 năm trời, và một mặt khác điều-đình, thương-lượng mời các học-giả chuyên về Việt-học ngõ hầu dần-dần thiết-lập những giảng-khoa chính thuộc đủ các bộ-môn. Một điểm khác, không hẳn là điều-kiện, là tôi sẵn-sàng biếu Thư-viện Clark tại San José State U. ít nhất một phần tủ sách riêng của tôi gồm nhiều sách và tập-san, tạp-chí bằng nhiều thứ tiếng, khảo về Việt-Nam. Nhưng khi giáo-sư Freeman và tôi liên-lạc với bà giám-đốc Thư-viện Clark, thì được bà cho biết là không có khả-năng tiếp-nhận tủ sách của tôi vì không có ngân-khoản để phân-loại sách, và cũng không có chỗ trên kệ cho sưu-tập Việt-Nam. Điều này làm tôi thất-vọng nhất.

Mùa thu 1990, tôi phấn-khởi bắt đầu, báo-chí hoan-nghênh đăng tin vui cho cộng-đồng người Việt ở San José và vùng phụ-cận. Sinh-viên ghi tên đông quá, mà chỉ có một mình tôi làm việc với ông Freeman trong Ban Nhân-loại-học thôi.

Đầu tiên, vì Ban Nhân-loại-học là đơn-vị trả lương cho tôi, nên Ban Ngoại-ngữ tán-thành tuy không có ngân-sách, và trong khi vài lớp tiếng Pháp, tiếng Tây-Ban-Nha của họ bị cắt bỏ, thì mấy lớp về Việt-Nam lại được sách hóa-mục *(catalogue)* ghi đủ, khiến cho một số giáo-sư bất-mãn.

KHÔNG THỂ BỎ QUA!!!

Bạn đã từng say mê với:
"LỘT MẶT NẠ
NHỮNG CON THỎ LÒ CHÍNH TRỊ"
Xin hãy tìm đọc ngay:
"BƯỚC QUA NGƯỠNG CỬA HY VỌNG
HAY ĐẾN BỜ ẢO VỌNG"
của **Cửu Long Lê Trọng Văn**

- **Một tác phẩm mới: Sôi động, hào hứng, thích thú...**
- **Một tác phẩm nổ lớn hơn bom C.B.U.**
- **Một tác phẩm bất hủ, có một không hai trên văn đàn hải ngoại.**

Có bày bán tại các nhà sách hoặc tại:
Mr. Lê,
P.O. Box 710091,
San Diego,
CA 92171

Giá sách $16.00 US (Ngoài Hoa Kỳ thêm cước phí sai biệt)

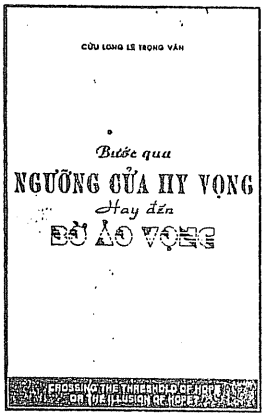

Lục-cá-nguyệt mùa thu 1990, tôi nhận dạy một lớp về Văn-hóa Đông-nam Á và một lớp về văn-minh Việt-Nam, cả hai đều có ngót trăm sinh-viên ghi tên. Học-Kì sau đó mới mở thêm lớp tiếng Việt sơ-cấp, rồi trung-cấp, để hi-vọng tiến dần tới một chương-trình qui-mô gồm các bộ-môn.

Tiếc thay, những trường đại-học công-lập của tiểu-bang phải tùy thuộc vào ngân-sách chung dành cho giáo-dục: San José cũng như các trường khác trong hệ-thống đại-học 4-năm gọi là *"State Univerities"* bị cắt giảm ngân-khoản. Hai ban Nhân-loại-học và Ngoại-ngữ bàn đi tính lại không đi đến đâu, và rút cuộc tôi thấy tình-hình tài-chính của họ rất bi-quan, nên tự-ý cho họ biết là sau năm 1991-92 tôi sẽ thôi hoạt-động với họ để dành hết thì-giờ vào việc soạn-thảo mấy cuốn sách nhỏ bằng tiếng Anh về ngôn-ngữ và văn-hóa Việt Nam mà từ những năm 1988-89 tôi đã khởi-thảo trong máy điện-não của tôi. Ông Trưởng ban của tôi cuống-quít (chắc là sau khi được chỉ-thị của ông Khoa trưởng Khoa-học Xã-hội), gọi điện thoại nói là đã lo kiếm được ngân-khoản nên xin tôi cứ tiếp-tục. Thấy câu chuyện nó hơi ỡm-ờ trẻ con, tôi xác-nhận là chắc ông ta phải mượn người khác kế chân tôi. Sau đó, và cho đến giờ này, trường San José State vẫn không có chương-trình tiếng Việt và văn Việt — trong khi họ vẫn nói là cần có chương-trình Việt-ngữ. Điều lạ-lùng là họ không chịu mở các lớp Việt-ngữ, nhưng lại có tiền để một ban khác bắt đầu một chương-trình rất "đúng mốt" là Nghiên-cứu Á-Mĩ, dạy về "Phụ-nữ Mĩ gốc Việt" chẳng hạn! Tôi phải công-nhận là trường Giáo-dục của San José có một chương-trình có giá-trị là đào-tạo giáo-viên trong một năm học để trở thành giáo-viên hay trợ-giáo trong các trường tiểu-học và trung-học có nhiều các cháu nhỏ người mình. Ít ra chương-trình này cũng có tiếng vang trong cộng-đồng người Việt.

À quên, do lời yêu-cầu của Hội Sinh-viên Việt-Nam tại trường đó, trong khóa mùa xuân 1993 tôi có dạy thí một lớp tiếng Việt vào sáng thứ Bảy mỗi tuần: lớp này được nhiều người đón nhận nồng-nhiệt nên ghi tên khá đông, trong số sinh-viên có cả một ông cụ người Mĩ 78 tuổi rất chú-ý đến cộng-đồng người Việt mà cụ vô-cùng thương-mến và khâm-phục. Lẽ tất-nhiên ban giảng-huấn của trường không thích chuyện này vì lí-do ghen-tị hay gì đó, vì chương-trình miễn-phí của tôi có thể làm hại đến chương-trình thường-xuyên của họ cho các thứ tiếng Trung-Quốc, tiếng Nhật, tiếng Bồ-Đào-Nha, v.v. Hiện nay,có một cô sinh-viên lúc trước phụ giúp tôi giảng bài, nhắc bài và chấm thi, bây giờ lại tình-nguyện dạy lớp tiếng Việt vào sáng Chủ Nhật mỗi tuần. Đấy, đại-khái có những cố-gắng cá-nhân lẻ-tẻ như thế mà không được nhà trường ủng-hộ về tài-chính.

Riêng các sinh-viên gốc Việt, nếu các lớp tiếng Việt không được kể điểm vào tổng-số điểm cần-thiết để tốt-nghiệp thì nhiều cô cậu cũng không thiết-tha. Đó là chưa kể nhiều người tưởng bở, rủ nhau cứ ghi tên vào học, thế nào chẳng được

điểm A tức là "ưu". Trong hai năm tôi dạy ở SJSU, có nhiều cô cậu thất-vọng vì nhận được điểm thấp hơn đấy. Tôi để ý cũng có một số sinh-viên Việt-Nam, lúc đầu đổ xô đến ghi tên, nhưng sau một hai tuần "nếm cơm" lại rút lui vì thấy không nhá được: nào phải làm bài tập, trả bài, nào phải nghe băng cùng đọc những tài-liệu đọc thêm. Tuy-nhiên, trong số những người "sống sót" cầm-cự được với ông thầy già thì có lác-đác vài người rất đáng khen: họ chăm-chỉ học-tập và chịu hỏi ngay trong lớp hoặc gọi dây-nói đến nhà riêng để hỏi về một điểm về ngữ-pháp hay văn-hóa Việt-Nam. Những sinh-viên loại đó (gồm cả những bác sinh-viên trung-niên) khiến tôi vui-sướng vô-cùng và tiếp-tục làm việc không quản-ngại về thì-giờ và tiền bạc.

Lớp sơ-cấp thì tôi dùng cuốn *Speak Vietnamese* (tôi cho Charles Tuttle xuất-bản bên Tokyo), nay đã tuyệt-bản, và sinh-viên phải tự-ý đi chụp phóng-ảnh tại những nơi như Kinko, Zebra, v.v. Hơn ai hết, tôi thấy cuốn sách có một số từ như *nhà dây thép, cạo đầu,* cần được cập-nhật. Nhưng về phương-diện phương-pháp-luận thì tôi cũng chưa gặp cuốn nào khác làm tôi vừa ý cả. Lớp trung-cấp thì tôi dùng cuốn *Colloquial Vietnamese* (Nhà xuất-bản SIU xuất-bản, nhưng nay đã tuyệt-bản, tôi lấy lại tác-quyền và mới cho in lại vì nhiều trường hỏi mua).

Sinh-viên học mỗi tuần chỉ có hai buổi tối, nên nếu họ không chịu nghe băng cát-xét ở nhà hoặc trong phòng thính-thị, thì cũng khó đạt được mục-tiêu, là nghe hiểu và nói được những câu nhật-dụng thường-đàm. Tôi chú-trọng đến kĩ-năng nói và nghe, nên trong lớp để nhiều thì-giờ bắt họ chia nhóm, nói chuyện với nhau, cùng là trả lời câu hỏi cũng như đặt những câu hỏi về một đề-tài có tính-cách thời-sự [ví-dụ một tai-nạn xe hơi, một vụ trộm, một vụ li-dị, mà báo hôm trước đăng-tải], đồng thời tập-luyện luôn về các kiểu câu mới được trình-bày ở phần Ngữ-pháp trong mỗi bài.

Tôi kết-hợp nhiều phương-pháp phổ-biến, như Trực-tiếp, Thực-dụng, Thông-báo, Khái-niệm và Tình-huống, v.v., và cũng cho sinh-viên xem những cuộn băng vi-đê-ô về truyện cổ-tích, lịch-sử, lễ-hội, âm-nhạc Việt-Nam, v.v. Tôi cho sinh-viên nghe băng cát-xét hay vi-đê-ô về ca-nhạc Việt-Nam cũng như những bài thơ cổ-điển và thơ mới, qua các giọng ngâm điêu-luyện. Không kể bài kiểm-tra hằng tuần, còn có hai bài thi lớn — giữa khóa *(midterm)* và cuối khóa *(final)*. Chỉ tiếc rằng chương-trình mà tôi trù-liệu cho ba cấp Việt-ngữ, sau đó có ít nhất ba lớp về văn-học dân-gian và văn-học cổ-điển, văn-học hiện-đại, văn-học hải-ngoại, rồi cả văn-hóa truyền-thống, bị bỏ dở, không thực-hiện được — chỉ vì nhà trường không có phương-tiện để thi-hành như hai bên đã đồng-ý hồi 1990.

6. **Đại-học Cộng-đồng Mission College,** Santa Clara, 1993-94. Một bà giáo nghe nói tôi dạy lớp miễn-phí mỗi sáng thứ Bảy mùa xuân 1993, đã xin đến học và gợi ý mời tôi qua dạy tại trường Mission College, là một trong bốn năm trường đại-học cộng-đồng trong vùng, có hàng nghìn sinh-viên gốc Việt. Một lần nữa, tôi lại nhận lời trong tinh-thần tình-nguyện làm tiên-phong, mặc dầu là dạy một phần thời-gian *(part-time)* thì không được hưởng bảo-hiểm sức khỏe.

Đại-học cộng-đồng hai-năm bên Mĩ rất là đặc-sắc, như đã được trình bầy trong luận-án tiến sĩ của Giáo-sư Đỗ Bá-Khê. Thành-phần sinh-viên đặc-biệt là có các cô cậu mới xong trung-học, học hai năm để chuẩn-bị chuyển lên các đại-học tổng-hợp bốn-năm, vừa có sinh-viên trung-niên hoặc cao-niên muốn học thêm để lấy bằng-cấp hoặc chỉ để tăng-tiến kiến-thức mà thôi. Thành-phần sau không có vấn-đề kỉ-luật. Chăm-chỉ thì tùy từng cá-nhân. Trước khi nhận lời, tôi đã yêu-cầu họ phải mở mỗi trình-độ hai lớp riêng: một lớp cho sinh-viên Mĩ "trắng" chưa học tiếng Việt bao giờ, và một lớp thứ hai cho sinh-viên "Mĩ vàng" tức gốc Việt, ở nhà có nghe và nói tiếng Việt với cha mẹ, ông bà làm tiếng mẹ đẻ, nhưng phát-âm và viết chính-tả thì lúng-túng.

Mỗi tuần gặp nhau có một buổi tối, học liền ba tiếng đồng-hồ, đúng là kiểu "nhà trò giữ nhịp", làm sao mà đạt được trình-độ ăn-nói lưu-loát, nói chi đến xem báo hằng ngày, hay viết thư, làm luận! Thế mà tôi cũng vui thích đeo-đuổi lái xe (khá xa) mỗi tuần đi dạy — cho tới khi tôi gặp tai-nạn hồi tháng Ba, 1994, vì té ngã ở khu phố Tàu San Francisco, gẫy xương bánh chè chân trái, nên phải nghỉ dạy luôn.

7. **Kết-luận.** Riêng sáu trường kể trên, mỗi trường một khác, nhưng đại-để thì chưa thật-sự có nơi nào có chương-trình và ngân-sách thường-xuyên (như Hawaii, Cornell, và gần đây Berkeley, Seattle, Irvine, Hayward, v.v.) để người phụ-trách yên-tâm làm việc, khỏi lo năm sau bị cho nghỉ. Nhiều trường-hợp, một giáo-sư ngữ-học người Mĩ không rành tiếng Việt phải điều-khiển chương-trình với sự giúp-đỡ của một sinh-viên cao-học người Việt (lắm khi không thuộc bộ-môn Ngữ-học) để cho học-viên luyện giọng.

Tôi nhận thấy có nhu-cầu cấp-bách là toàn-thể các vị đồng-nghiệp trong ngành ở Mĩ cần họp nhau lại thành một hiệp-hội, có nội-qui đàng-hoàng, để gây ảnh-hưởng yêu-cầu mở chương-trình thường-xuyên tại các viện và trường đại-học, sẽ dẫn tới bằng cử-nhân về Việt-ngữ [như bên Pháp, bên Úc]. Về nội-dung khóa-trình thì cần thống-nhất về sách giáo-khoa và về thi-cử, và tiến dần đến việc tiêu-chuẩn-hóa giáo-tài để tránh cảnh "Ông nói gà, Bà nói vịt". Có thế ta mới có được những chương-trình qui-mô và nghiêm-túc, có sức hấp-dẫn đối với lớp học-sinh trung-học sắp lên bậc đại-học.■

Nguyên văn bài tham luận của Giáo-sư Nguyễn Đình-Hòa đọc hôm 27-10-1994 ở phần mở đầu "Symposium on Teaching Vietnamese as a Foreign Language" tại Trung-tâm Nghiên-cứu Việt-Nam và Đông-nam Á, Đại-học Saigon (12 Đinh Tiên Hoàng).

CƯ SĨ

HÀ THÚC SINH

LTS: Hai truyện ngắn Cư Sỹ và Người Tù của nhà văn Hà Thúc Sinh đăng kỳ này đều trích trong tập truyện "Dưa Cà Mắm Muối" do nhà xuất bản Văn Mới đang lên khuôn ấn hành.

Cụ Đạo là người hạnh phúc, hiểu theo nghĩa có một cuộc đời êm ả hanh thông, con cái đỗ đạt. Trẻ từng tu chùa, lớn không thoải mái cụ hồi tục, lập gia đình. Lương thiện là bước đầu phải có của một người tốt, cụ tin thế, mọi thứ khác theo sau. Tuổi hưu cụ vẫn hồng hào, đọc sách báo không cần kính, đi không cần gậy. Nhà thương xứ Mỹ chưa lấy được của cụ đồng bạc nào cho đáng như ở các cụ bạn. Lại nữa từ nước nhà ra nước người cụ được làm một nghề duy nhất cụ thích: Nghề quản thủ thư viện.

Chỉ một bệnh cụ có từ trẻ là chứng tê tay. Có khi rờ ấm trà thật nóng cụ không cảm thấy gì. Cụ không quan tâm chữa trị.

*

Từ hưu đời sống cụ đâm thay đổi. Nhà con cháu vắng dần. Xứ này vậy. Cơm áo nghề ngỗng lôi mỗi đứa một nẻo. Nhưng ngạc nhiên thay, hai vợ chồng già xem ra lại tất bật hơn, ấy là do khách khứa.

Cụ bà là người nhân từ, thuận thảo từ trẻ. Cụ như cái bóng đen lặng lẽ và trung thành của cụ ông, như cánh bèo nương theo con nước, đúng đạo xướng tùy. Mà khách nào phải hạng rượu chè cờ bạc gì, toàn những vị thức giả, đến để đàm đạo với cụ ông những vấn đề nhìn chiều nào cũng thấy nghĩa lý. Từ những vấn đề siêu hình như con người từ đâu tới rồi đi về đâu, khổ đau rời khỏi mặt đất phải vì đã không được chọn lựa khi đến mặt đất, tiếng khóc có thực là phản diện của tiếng cười; hoặc thực tiễn như nhai miếng cơm phải nhiều lần ra sao, điều tiết hơi thở quan trọng thế nào...

Không thiếu lúc ngồi nhà sau thiu thiu ngủ, cụ bà chợt tỉnh mỉm nụ cười đến từ một hồi tưởng. Nhưng nói chung cụ vui. Có người đàn bà nào kém

Một con chó sống còn hơn một con sư tử chết. Kinh Thánh Cựu ước Ecclesiastes, IX, 4.

*

"Ghét người ta thì cũng giống như đốt nhà để trừ chuột." (Hary Emerson Fosdick)

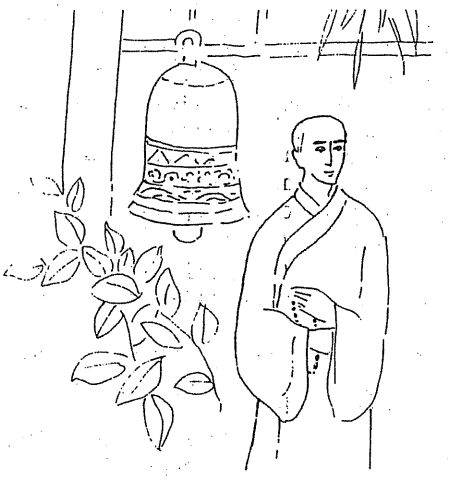

vui khi chồng được đời tin tưởng? Lượng khách ở đây là thước đo sự uyên bác của chủ nhà.

Cụ Đạo biến thành một nhà thuyết giảng thật rồi.

*

Nhưng những hành động vong thân của một chủ thể phải chăng thường thoát thai từ hấp lực của khách thể, của thế giới ngoại tại? Nhưng người vong thân hiếm khi tự nhận ra mình là nạn nhân một sự lệ thuộc. Có thể cụ Đạo không thoát khỏi lối mòn này. Dù sao bản chất khiêm tốn, có bao giờ cụ dám nghĩ đời tối; nhưng đời như áng mây nhàn nhã trôi qua, phiền hà gì ánh trăng không toả sáng cho mây thấy rõ hơn vũ trụ còn trùng điệp tinh tú? Nhưng mây thì dài quá, nhiều quá, mà trăng lại hữu hạn từ quang năng đến thời lượng hiện diện. Chỉ đôi ba năm cụ Đạo đuối nhanh chóng về sức khoẻ và cạn cũng nhanh về kho kiến thức. Cụ âm thầm tự chống lại sự sa sút nhưng xem ra không hiệu quả. Cứ như một sa mạc phát tiết cạn nhiệt dần, một ngày cụ nhận chân một điều: Hạnh phúc chính là mình sống suy niệm với chính mình chứ không hẳn đem sự suy niệm ấy rao giảng ầm ỹ cho ai. Các triết gia sẽ là triết nhân nếu họ im lặng. Rao giảng biết đâu không là một hình thái bộc lộ bế tắc? Xưa nay có phải cụ không biết bên kia cánh đồng hoa đẹp rực rỡ của đời là một bãi lầy bế tắc đâu! Hãy sống nhàn hạ đời hữu hạn với cánh đồng hoa, hà tất bước chi bước lớn để sa vào bãi đầm lầy mà ở đó, từ cổ kim, đám triết gia bất hạnh đã om sòm đùn đẩy nhau tới chia đều mỗi người một khoảnh?

Cụ Đạo đã nhận ra mình chọn nhầm lối rẽ ở một ngã ba. Cụ không tiết lộ với vợ. Và vì thế, cứ chiều đến là: "Hôm nay ông đãi khách trà gì để tôi liệu pha?"

*

Một tối đeo kính, chống gậy thả bộ một vòng quanh khu vực nhà, về tới trước cửa cụ ngẩn người.

Khóm Dạ Lan vợ trồng hồi nào mà giờ sao thơm lạ lùng. Cụ đứng lại, dưới trăng, nhìn những cụm hoa trắng li ti ẩn hiện như bầu trời tinh tú thứ hai mơ hồ, huyền bí. Cụ bước lên thềm, chìm trong nghĩ ngợi. Đúng lúc đó, từ sâu trong tâm khảm, cụ thấy có gì máy động, rồi bung lơi, như tơ; nó khiến cụ ngất ngây, run rẩy, không thể giải thích, không thể chống cự, và cụ ngã xuống.

Ít phút sau cụ thấy mình ngồi trong ghế bành. Về đêm nhà vắng ngắt như bao giờ. Bất giác cụ hiểu ra những sợi tờ lan dần ban nãy là hơi lạnh bốc lên từ một khối cô đơn. Cụ nhìn quanh. Mừng quá. Đó là lần đầu cụ đột ngột ngộ được sự hiện diện của một con người có thực là bà vợ già lặng lẽ.

"Cơ khổ!" Cụ bà nói: "Ông đi lang thang làm gì cho ngã sấp ngã ngửa. Ông dùng chút trà gừng nóng cho khoẻ rồi đi nằm."

Cụ đỡ lấy tách trà từ tay vợ. Cụ lại sững sờ. Đó cũng là lần đầu cùng lúc cụ cảm được hai luồng ấm lạnh thấm vào tay, dẫn vào tim, thật tách bạch, thật trong sáng, là hơi nóng từ tách trà và hơi mát từ bàn tay người bạn đời.

Cụ Đạo cứ cầm tách trà như thế trong tay lúc lâu, và cầm cả bàn tay nhăn nheo của vợ nữa. Cụ buột miệng nói thầm vào vẻ mặt nửa dò hỏi nửa bối rối của vợ:

"Mình nhỉ, đời ngắn sao người ta cứ sống mãi với những thứ giả..."

Cụ bà nhẹ rút tay ra, nhớ mang máng gần năm mươi năm trước dường như đã một lần cụ ông nói câu ấy, duy chỉ khác giọng, và không nhớ rõ trong dịp nào.

Alhambra 27-8-95

NGƯỜI TÙ

HÀ THÚC SINH

Xe về tới Sài Gòn vào một chiều cuối năm, đến ngã ba rẽ vào Khám Lớn thì kẹt. Người tù rối loạn vì mót tiểu tiện. Biết xin xỏ lúc này vô ích, anh cắn răng chịu cho đến lúc ướt hết đũng quần. Cái hình mũi khó chịu làm giảm nét vô cảm trên khuôn mặt người công an trẻ áp giải. Nhưng chắc đã quen với phía trái "thiên đường", anh ta yên lặng.

Người tù nhìn ra dòng đời ngoài ô cửa lưới. Nắng chiều óng cơn mưa nhỏ, khói đè thấp mái quán, bước chân người như dính lối đi... Xa quá, tách biệt quá, cảnh đời không hàm chứa một khơi dậy nào cho anh, dẫu là sự tò mò gần với bản năng, thậm chí chút buồn. Anh quay vào như tránh nhìn một tấm gương vừa soi rõ thân anh như hòn sỏi, quen đến lỳ sự trầm tích dưới sức nặng thời gian. Hai mươi mốt năm hết nhà tù này sang nhà tù nọ, anh tự hỏi sao lòng dửng dưng, đến nỗi buồn cũng trắng?

May! Có thế chứ! Anh vừa nghe đâu sâu trong

HUỲNH LIỄU NGẠN

DÙ MỘT LẦN THÔI

chìm trong tiếng nói
người vội ra đi
bữa hôm bữa mai
quên cả xuân thì

trong tôi không rõ
chút kỷ niệm nào
lẫn vào trí nhớ
cuộc tình hư hao

qua nhà ngó lại
bông giấy trắng tinh
rụng vai em khuất
sao còn đinh ninh

bên khung cửa đó
hai năm ba năm
vẫn hoài đứng ngó
ngó trời xa xăm

thôi mây có bay
xin đời vẫn vậy
tôi già theo tuổi
lênh đênh tháng ngày

hoang vu như lá
vàng rơi giữa trời
làm sao trẻ lại
dù một lần thôi

rồi cơn mưa xuống
ướt cả không gian
thời giờ có hạn
em vội bỏ ngang

em bỏ ra đi
mây xa đầu ngõ
tôi về nhớ lại
đời thành giấc mơ

tôi về sực tỉnh
đời thành bài thơ.

tâm khảm máy động chút luyến tiếc những năm đầu tù tội. Ôi tuổi trẻ đâu cũng là tuổi trẻ, dù tuổi trẻ trong tù. Thân xác màu mỡ ngày ấy gánh nặng đời chưa đè nổi hạt mầm hy vọng. Đó là khoảng thời gian anh còn chia xẻ được với các bạn bóng lồng lộng một người nữ không có thực, còn ăn ngon lành món ăn tưởng tượng sợ chưa từng hưởng trong đời, còn mơ được loài chim cánh rộng phủ mát bầu trời ngoài khung cửa hẹp, một đốm lửa đầu thuốc nghĩ ra cả một đám cháy lớn, nghe ra tiếng chấn động càn khôn của chú dế đêm tưởng là nhỏ bé lạc loài...

Lao tù tiêu hoang đời anh nhưng anh không chận tay nó được. Hết rồi, mơ mộng ấy sẽ không bao giờ còn nữa?

"Ỉa đấy à?"

"Dạ không."

"Thối quá!"

Anh tính nói lâu rồi anh đã xa lạ mùi thơm nhưng yên lặng. Người công an áp giải đốt thuốc hút một mình, một lát lại ngứa miệng hỏi, kiểu mông lung:

"Cuối năm sao chuyển trại mỗi mình ha?"

"Dạ đâu biết."

"Phản động tội to như cột đình, va sưng trán thế kia mà cứ không biết... Trước nghề gì?"

"Tôi dạy học."

"À, trí thức..."

Người công an bỏ lửng nhưng anh hiểu. Nén lắm anh mới không bật cười. Từ bình minh nhân loại trai săn bắn gái hái lượm, lời ca ngợi bộ óc chế ra lưỡi dao, mũi tên, cái thúng, cái rổ lớn mãi theo quá trình thăng tiến, dè đâu có lúc bị chận đứng ở cuối thế kỷ 20. Bộ óc hoá thành đối tượng cần thủ tiêu của chế độ. Cũng tốt thôi! Nhưng không nên nói điều đúng hơn vào tai kẻ vốn đã tin lời y là đúng nhất, anh dặn lòng, rồi anh tự xoa dịu bằng ý nghĩ: Y coi mình là tội phạm nguy hiểm nhưng cấm sao được mình coi y là một nạn nhân đáng thương.

KHAI THUẾ VÀ KẾ TOÁN

VĨNH KHẢI
Enrolled Agent

Chuyên gia thuế vụ,
Đại diện thân chủ trước sở thuế
Tốt nghiệp Cao Đẳng Thương Mại
(HEC) tại Pháp,
BS Computer Science
Nguyên Giám đốc Kế toán
(Controller) nhiều xí nghiệp Hoa Kỳ
10872 Westminster Ave. #102,
Garden Grove, CA 92643
(Khu chợ Vanco)
Tel: (714) 530-1678.
Fax: (714) 530-1298.

Xe lại chuyển bánh. Thấp thoáng xa xa cánh cổng dẫn vào Khám Lớn. Những hàng Gòn, Trứng cá xanh quanh năm bên đàng không giúp anh nhớ rõ anh đã trở lại chốn cũ bao lần. Nhưng khác gì nhau dù chỗ này chỗ nọ, khi mà chỗ nào cũng chỉ phản ảnh mặt tiêu cực nhất của sự căm thù vô lối? Đó là chỗ cũng con người cho ăn mới được ăn, cho ngủ mới được ngủ, cho sống được sống, bắt chết phải chết; chỗ con người trở lại sự trần truồng không ngượng ngập buổi đầu đời, và sự sống hoàn toàn tùy thuộc như trẻ sơ sinh, có hiện tại mong manh và tương lai là điều bất khả ý thức.

Xe đậu. Người công an áp giải chà tay trên báng súng, nói như thay lời nhắc"Đã đến!"

"Thế nào chả gặp lại đồng cảnh cũ, vui nhá!"

Anh tính nói "Tôi có hàng triệu đồng cảnh, đâu chả gặp" nhưng thôi. Người công an áp giải nhìn ra ngoài sân nhốn nháo những đồng nghiệp, nhớ cả ngày đường tên tù không làm phiền điều gì, anh ta buột miệng gia ân cho tí tin vui:

"Lúc này thả nhiều đấy, nếu được thả tính làm gì?"

"Sẽ dạy đốt."

"Hả?"

"Cái di sản u tối kiên cố kia..."

Người công an trẻ biến sắc. Anh ta mở cửa, nói nhỏ với mấy đồng nghiệp, kế hất mũi súng ra lệnh cho anh bước xuống. "ĐM. mày tính thiêu sống các ông đấy!" Anh lầm lũi bước theo một cai tù già có bộ mặt hằn học vừa chửi xéo anh. Đầu anh nẩy ý nghĩ vui vui: Hoá ra lão ta chưa vô cảm!

Dời phòng giám thị, lão khua xâu chìa khoá dẫn anh về khu giam, giữa đường nghĩ sao bảo:

"Dám sắp được về đấy, giữ lấy mồm mép."

"..."

"Nếu được đi nước ngoài đi không?"

Anh đáp, lời như đã hờm sẵn từ lâu:

"Không!"

"Điên à?"

Giọng anh hơi đanh:

"Đi hết ai dạy trẻ?"

"Dạy gì?"

"Thì dạy đốt...."

"Nữa..."

"Thế đấy, đốt sạch lao tù đã giam cầm hết tuổi trẻ chúng ta."

Cánh cửa sắt khép lại. Trí nhớ anh khi không hồi phục, ít ra đủ để anh nhớ những lần trước nó sập cách thô bạo, lạnh lùng; lần này nhẹ, hơi lưỡng lự nữa. Anh nhủ lòng biết đâu có người cai tù vừa hiểu ra ngọn lửa không tàn ác của một người tù?

Rồi anh nằm xuống gối tay trong bóng tối, thoáng chốc mơ lại giấc mơ vẫn thơm cuộc đời dẫu đã trộn mùi nước mắt, có tiếng cười tuổi trẻ bất chấp ran ran, có loài chim tung khung cửa hẹp phủ cánh mát trời, có lửa cháy và nhất là có hạt hy vọng nẩy mầm vào một bình minh mới. Tiếng dế lại vang vang, chấn động. Anh xoay nghiêng, mở mắt cười vào góc tối: Mày, y nguyên, không suy suyển chút nào! ■

Alhambra 19-10-95

Tâm sự Nguyễn Văn Trấn
THÌA KHÓA MỞ NHIỀU KHO TÀNG

Tên sách: VIẾT CHO MẸ VÀ QUỐC HỘI
Người viết: NGUYỄN VĂN TRẤN, Chợ Đệm, Bình Chánh, Sài Gòn 1995
Xuất bản: VĂN NGHỆ, P.O. Box 2301, Westminster, CA 92683, USA. Tel: (714) 527-5761.
Số trang: 486. Giá bán: US$20.00. Ngoài USA thêm $3.00. Ngày phát hành: 15-01-1996.

Người đọc: LÊ VĂN TIẾN

Dưới đây không phải là một bài điểm sách đúng tiêu chuẩn và giới hạn trong 500 chữ. Chỉ là một số suy nghĩ sau khi đọc liền một mạch trong tám tiếng đồng hồ cuốn sách "vừa ra lò, còn nóng hổi vừa thổi vừa đọc."

1. Người viết không gọi tác phẩm của mình là Hồi Ký mà là *Tâm Sự*. Không theo thứ tự thời gian, không dàn dựng theo đề mục, Nguyễn Văn Trấn nhớ gì, nghĩ sao viết vậy. Thật ra đọc Bảy Trấn thấy ông viết ít mà nghe rõ tiếng ông nói. Lời tâm sự thiết tha, sống động, hài hước trộn đắng cay và vì vậy rất trung thực.

Nhà xuất bản ngay bìa sách giới thiệu Nguyễn Văn Trấn là một "cán bộ cao cấp". Đúng ra trong hàng ngũ CSVN, mới 25 tuổi ông đã nổi tiếng là "nhà hùng biện của Sài Gòn" trên diễn đàn của Mặt Trận Dân Chủ Đông Dương (1938). Ở tuổi 30 ông đã là một Cấp ủy trong hàng ngũ lãnh đạo với chức vụ Phó Bí Thư Xứ Ủy Nam Kỳ. 37 tuổi ra Bắc dự Đại hội đảng lần thứ hai (1951) ông đã là Tổ trưởng của Tổ Đại biểu CS Nam Bộ-Quốc Tế. Tổ Nam Bộ-Quốc Tế này gồm nhiều lãnh tụ Cộng sản uy tín lẫy lừng khắp Đông Dương từ 1936 như Dương Bạch Mai, Nguyễn Văn Tạo, Bùi Lâm, Bùi Công Trừng..., Sieu Heng của CS Khmer, Kay sỏn Phomvihạn của CS Lào (1).

Trong 26 năm làm việc ở miền Bắc, qua ba kỳ Đại hội đảng, Nguyễn Văn Trấn sống với tâm trạng một kẻ lưu đày biệt xứ. Không "bị chỉ định" làm một Ủy Viên Ban Chấp Hành Trung Ương, ông mừng vì đã tránh được một ô nhục. Dẫu sao, gốc miền Nam, ông vẫn phải nhận một ghế đại biểu Quốc Hội để có tiếng nói. Không có học vị cao nhưng Nguyễn Văn Trấn là một trong những đầu óc uyên bác hiếm có trong hàng ngũ lãnh đạo CSVN. Nhưng các nhà lãnh đạo ưu việt khác hơn ông gấp bội ở chỗ họ biết vận dụng mọi chước quỷ mưu thần và nhất là không như ông, trọng luân thường.

2. Nguyễn Văn Trấn kể lại không biết cơ man nào là việc với cả ngàn nhân vật ở miền Nam ở miền Bắc, trải 60 năm, từ 1936 tới nay. Ông cho chúng ta nghe niềm thương tiếc một bạn chiến đấu xương đã rục không biết nơi đâu. Ông cũng cho ta nghe lời của người chú tâm sự với người cháu là Phan Văn Khải, hôm nay đang ngự chót vót trong Bộ Chính Trị. Giữa rừng Người núi Việc đó, nhiều giai thoại được chen vào rất sống động, đôi khi hoạt kê, khiến người nghe ông tâm sự phải ngạc nhiên thích thú.

Chẳng hạn về Hồ Chí Minh, nhân vật lịch sử Số 1 mà đến nay không ít học giả vẫn còn đang tìm hiểu. Nguyễn Văn Trấn kể rằng hồi tháng Chín 1945 khi nghe Hồ Chí Minh làm Chủ tịch nước VNDCCH, bà con Nam Bộ hỏi: *"Hồ Chí Minh là ừng cha nào!"* Giữa Đại hội II ông đã thuật lại câu hỏi này với mấy trăm đại biểu. *"Khi thấy hội trường xôn xao, tôi gỡ lại liền..."* (tr. 161) Ở trang sau (162) ông kể tiếp: *"Tôi lúc đó đã thấy ra cái ông Hồ hữu khuynh ấy sống không êm ái với chung quanh. Vậy nên Bùi Lâm mới tiễn đưa ông phó hội Fontainebleau mà ghé tai bảo nhỏ 'đi kỳ này đừng bán nước nhé!'"* (tr. 155 và 163).

Về một *thần linh* khác - Lê Đức Thọ - ông kể: *"Nếu ai hỏi tôi có sợ Lê Đức Thọ không, thì tôi nói rằng ra miền Bắc, tôi gặp lại Sáu Thọ ở nhà khách của đảng. Hôm đó ông làm cuộc họp thăm dò về chính sách cán bộ. Tôi nói: 'Trong đảng ta đồng chí coi nhau còn hơn anh em ruột, nhưng cán bộ sợ anh lắm, họ kêu anh bằng Sáu Búa.' Hoàng Tùng khi gặp tôi đã nói: 'Thôi, đời anh khó-gỡ lắm rồi...'"*

Nguyễn Văn Trấn hé mở cho người nghe tâm sự của ông, được thoáng thấy chân tướng của các vì Vua Chúa cùng quần thần của Triều đình đỏ. Trình độ, tâm địa, phong cách sống và làm việc của các "thần linh" được ông đánh giá thẳng thắn

với dẫn chứng. Ông nhắc lại lời Hồ Chí Minh định nghĩa: Dân chủ Tập trung là gì?:

"Như các cô các chú có đồ đạc, tài sản gì đó thì các chú các cô là chủ, đó là dân chủ. Các chú các cô không biết giữ, tôi giữ dùm cho. Tôi tập trung bỏ vào rương. Tôi khóa lại và bỏ chìa khóa vào túi tôi đây, đó là tập trung."

Rồi ông tiếp:

"Bác ra về. Tôi lốc thốc theo đưa. Bác hỏi: 'Tôi nói như vậy có được không?' 'Dạ thưa, Bác nói thì thôi.'" (tr.188).

4. Viết Cho Mẹ chưa phải là một kho tàng. Nguyễn Văn Trấn chỉ mới cho ta cái thìa khóa để mở kho tàng. Không phải một mà nhiều kho tàng. Người nghiên cứu lịch sử để viết sách hoặc làm luận án nghe ông tâm sự sẽ có hàng chục (nếu không nói là hằng trăm) đề tài chưa từng học giả nào khai thác. Người Việt sống và lớn lên ở nước ngoài, trước khi tìm về nguồn để thăm quê hương anh hùng cần được nghe tâm sự của ông. Nếu không, khi được hướng dẫn vào thăm Nhà Lưu Niệm Tôn Đức Thắng ở Bến Bạch Đằng Sài Gòn anh ta sẽ có thể té xỉu khi vẳng nghe tiếng nói Bác Tôn trả lời câu hỏi của đại biểu anh chị em Nam Bộ, tại sao ổng để cho Cải Cách Ruộng Đất giết người như vậy?

"Đụ mẹ, tao cũng sợ nó, mầy biểu tao còn dám nói cái gì?" (tr.267).

Ông Phó Bí Thư Xứ ủy CS Nam kỳ 1945 đã kể nhiều, kể phớt qua nhưng kể rõ, kể hết. Hẳn có rất nhiều người, hậu duệ của những Trần Văn Thạch, Phan Văn Hùm, Dương Văn Giáo, Trần Quang An v.v... muốn xin ông Giám Đốc Quốc Gia Tự Vệ Cuộc cho biết Ông, Cha của họ chết ngày tháng nào để cúng giỗ, hài cốt vùi nơi đâu để tìm rước về cho trọn đạo luân thường.

Năm nay ông đã 82. Cầu mong sao ông được khỏe mạnh, sáng suốt thêm vài năm nữa để cùng với những Nguyễn Khắc Viện, Nguyễn Xiển, L.M. Chân Tín, Nguyễn Ngọc Lan, Hà Sĩ Phu, Nguyễn Trung Hiếu, Đỗ Thị Văn và hàng hàng lớp lớp hướng dẫn "cuộc kháng chiến mới" tới toàn thắng. Nhất là cầu mong sao cho ông được thấy tận mắt cảnh Phá Ngục Bastille tại Sài Gòn, việc mà ông đã lãnh trách nhiệm thực hiện đêm 22 tháng 11, 1940 và đã thất bại. Khám lớn Sài Gòn đã bị cựu Thủ tướng Nguyễn Văn Tâm cho phá rồi. Nhưng Trung tâm Cải tạo Chí Hòa T.30 còn sừng sững.

Người ghi những dòng này được nghe nhiều lần ông trích dẫn Lénine, nhưng vẫn nhận rõ rằng ông chỉ là một chiến sĩ của Cách Mạng Tư Sản Dân Quyền, trung thành với những điều khoản không thể nhân nhượng của các Tuyên Ngôn Nhân Quyền từ 1789, 1948, đến Helsinki 1975. ■

Santa Ana, Jan. 15, 1996

(1) Tổng Bí Thư, Thủ tướng Chính phủ Lào CS 1975-94.

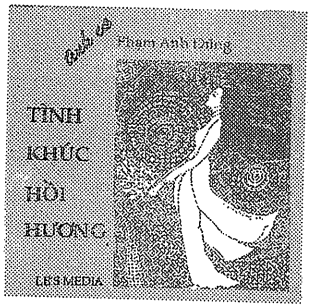

CD Tình Khúc Hồi Hương

phát hành 1996
Phạm Anh Dũng hát 12 bài ca trong Tập Nhạc Tình Khúc Hồi Hương.
Quốc Dũng hòa âm tài hoa, bay bướm.
Bìa Mùi Quí Bồng vẽ trang nhã.
Thu âm tại Sutton Sound Studio, Atascadero, California.

Và 2 tác phẩm đã phát hành:
TẬP NHẠC **Tình Khúc Hồi Hương** xuất bản 1991 và tái bản lần thứ nhất 1993
Phạm Duy đề tựa cho 12 tình khúc trong số đó 7 bản nhạc Phạm Anh Dũng phổ vào thơ của cố thi sĩ Phạm Thế Trường và các thi sĩ Đinh Tuấn, Trang Châu,Bích Huyền... Duy Cường soạn hòa âm Tây Ban Cầm; Mùi Quý Bồng vẽ bìa và phụ bản tuyệt vời.
CD **Đưa Người Về Phương Đông** phát hành 1993
12 tình khúc do Duy Cường hoà âm tuyệt hảo; Khánh Trường vẽ bìa CD đẹp và đặc biệt. Thu thanh tối tân 24 tracks tại Tomlinson Studio. Thơ Nguyên Sa, Du Tử Lê, Cung Vũ... Các ca sĩ Tuấn Ngọc, Duy Trác, Lệ Thu, Mai Hương, Thái Hiền... trình bầy rất điêu luyện.
GIÁ BÁN kể cả cước phí bưu điện: (Ngoài Hoa Kỳ trả bằng USD International Monney Order) CD Tình Khúc Hồi Hương. Giá 1 CD US$6.00. TẬP NHẠC Tình Khúc Hồi Hương. Giá 1 tập nhạc US$6.00 CD và TẬP NHẠC Tình Khúc Hồi Hương. Giá cả hai là US$10.00 *Vì CD Đưa Người Về Phương Đông sắp hết, một số giới hạn sau đây dành cho người đặt mua sớm: CD Đưa Người Về Phương Đông. Giá 1 CD US$12.00 CD Đưa Người Về Phương Đông và CD Tình Khúc Hồi Hương. Giá cả 2 CD là US$15.00 CD Đưa Người Về Phương Đông, CD Tình Khúc Hồi Hương và TẬP NHẠC Tình Khúc Hồi Hương. Giá cả 3 món hàng là US$18.00
Thư từ, tiền bạc, ngân phiếu, lệnh phiếu... xin đề tên và gửi đến: **Dan Pham / 4697 Stillwell Rd. / Santa Maria, CA 93455 / ĐT: (805)937-7655**

Giới thiệu sách mới:

Tuyển tập

HÀ SĨ PHU

270 trang, gồm những tài liệu đã và đang gây sổi nổi khắp trong và ngoài nước.
---- Dắt tay nhau đi dưới những tấm biển chỉ đường của trí tuệ.
---- Đôi điều suy nghĩ của một công dân.
---- Chia tay ý thức hệ.
---- Phụ lục gồm ý kiến của một số người ở hải ngoại cũng như ở trong nước viết về Hà Sĩ Phu và các tác phẩm của ông.

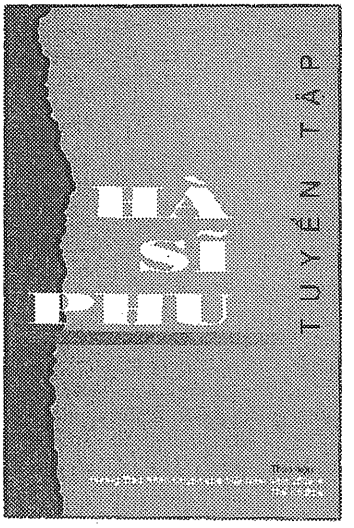

*Ngày 28 tháng Mười Một 1995, Hà Sĩ Phu đã trả lời một cuộc phỏng vấn đặc biệt của đài phát thanh VNCR, trong đó ông khẳng định "**không phải như Cộng sản thường nói rằng chủ nghĩa luôn luôn đúng, chỉ có con người thi hành sai. Ý thức hệ Cộng sản sai lầm ngay từ căn bản. Phải từ bỏ ý thức hệ đó thì mới xây dựng được đất nước.**" Hà Sĩ Phu bị cộng sản Việt Nam bắt giữ tại Hà Nội ngày 5 tháng Mười Hai 1995.*

Sách do Phong Trào Nhân Quyền cho Việt Nam năm 2000
và tạp chí Thế Kỷ 21 xuất bản và phát hành, giá 12 mỹ kim.
Liên lạc: **Thế Kỷ, 11022 Acacia Parkway #A, Garden Grove, CA 92640 USA**
(714) **638-9510**. Fax (714) 638-1944
Hoặc: **Việt Nam 2000, PO Box 4638, Garden Grove, CA 92642-4638 USA.**

TRO, LỬA, VÀ NỖI HOÀI NHỚ TRONG TÙY BÚT CỦA NGUYỄN XUÂN HOÀNG

BÙI VĨNH PHÚC

Nguyễn Xuân Hoàng là một nhà văn của tùy bút, của lòng hoài niệm không nguôi về những nơi chốn cũ, về những giấc mộng xa vắng thiết tha làm dậy men trong lòng người. Tôi vẫn nghĩ như thế từ lâu khi đọc văn ông.

Nói như vậy không có nghĩa là Nguyễn Xuân Hoàng đã không có những đóng góp đáng kể trong những thể loại khác, như truyện ngắn và truyện dài. Dù sao, truyện ngắn của Nguyễn Xuân Hoàng, nhìn ở một góc cạnh, cũng chia sẻ rất nhiều yếu tố cấu thành của nó với những tùy bút của ông. Ngoài những tập truyện ngắn, truyện dài đã được xuất bản trong nước trước 1975, ông đã có những tập truyện dài xuất bản ở ngoài nước như Người Đi Trên Mây (1987), Sa Mạc (1989), và Bụi Và Rác (1992). Những truyện dài vừa kể đã cho người đọc thấy một Nguyễn Xuân Hoàng mới hơn, so với những ngày Sàigòn, về kỹ thuật truyện, về giọng văn, câu văn, cũng như về cả mắt nhìn vào đời sống. Dù sao, bài nhận định này không phải là chỗ để tôi trình bày những suy nghĩ của mình về kỹ thuật truyện của Nguyễn Xuân Hoàng, qua đó ông đã tự định hình con người mình trong văn chương. Ở đây, tôi chỉ muốn nói về tùy bút của ông. Những tùy bút (và cả một truyện ngắn mấp mé ở dạng tùy bút) trong tập Căn Nhà Ngói Đỏ. Đó là tập sách đã để lại nhiều ấn tượng trong tôi về văn chương của Nguyễn Xuân Hoàng.

Nguyễn Xuân Hoàng

Căn Nhà Ngói Đỏ được gọi là một tập truyện ngay trên bìa sách khi nó được xuất bản vào năm 1989. Sau đó, trong phần liệt kê những sách đã xuất bản của mình (trong tập truyện dài Bụi Và Rác) vào năm 1992, tác giả gọi nó là một tập tạp văn. Thật sự, trong cái nhìn của tôi, đó là một tập tùy bút, thể văn thành công nhất của Nguyễn Xuân Hoàng. Trong tập sách này, chỉ có truyện đầu tiên, Tự Truyện Một Người Vô Tích Sự, là có dáng dấp của một truyện ngắn, mặc dù nó cũng chia sẻ phần nào cái vóc dáng tinh thần của nó với những tùy bút của ông.

Tập sách Căn Nhà Ngói Đỏ, đúng với tên gọi của nó, có mô-típ là những căn nhà—những căn nhà, những ngôi nhà thật sự, hay là những căn nhà của tuổi thơ, của kỷ niệm, những biểu tượng về những nơi chốn, những hình ảnh đã nuôi dưỡng đời sống tác giả suốt những ngày khôn lớn. Cái mô-típ đó được nhìn thấy tràn khắp trong những hình ảnh nói về đời sống, nói về kỷ niệm của Nguyễn Xuân Hoàng.

Trong Barbara, hình ảnh căn nhà đươcỳ thể hiện qua hình ảnh căn phòng của người yêu:

> Barbara, em có biết là cả thành phố đã bị sụp xuống trong lửa dối và sự ra đi của em đã nhận chìm anh trong đống tro tàn của những trối trăn? Anh đã ngồi trong căn phòng em rất lâu, thật lâu. Anh đã nằm trên chiếc giường đầy hơi hướm em và tưởng chừng như đang đắp lên người tấm thân nồng ấm của em, đã đốt những điếu Pall Mall dư thừa trong túi áo....
>
> (Barbara, trang 39)

Căn phòng ấy, sau khi người yêu đã ra đi, trở thành nơi định cư cho những kỷ niệm cứ còn ngun ngún cháy lên những khoảng trời xanh cũ trong lòng tác giả. Nó giữ lại trong nó cái hơi hướm và những cảm giác nồng ấm của một chất da thịt thơm tho của kỷ niệm.

Mà không phải chỉ có căn phòng là một nơi chốn cư trú cho những kỷ niệm. Em, chính em cũng đã là nơi chốn trú ngụ cuối cùng của ta:

> Barbara, nơi trú ngụ sau cùng của anh là em, nhưng sau khi anh bay qua đại lộ kinh hoàng của một cuộc chiến tàn bạo, con thuyền trú ngụ ấy đã

nhổ neo.

(Barbara, trang 42)

Nhưng nhà không chỉ là nơi cư trú tinh thần. Trong đời thường, nó chính là nơi mà ở đó ta đã được sinh ra và lớn lên:

... Chính tại ngôi nhà đó, ngôi nhà với những mái dột cột xiêu, nền đất đã lún, giếng nước đã cạn, cây dừa xiêm đã nâng trái... Phải, chính tại ngôi nhà đó tôi đã ra đời, đã sống những ngày tuổi nhỏ trong một thứ hạnh phúc buồn thảm...

(Căn Nhà Ngói Đỏ, trang 47)

Nói chung, gia đình tôi đông, nhưng buồn và lạnh. Chúng tôi cử động ăn uống, đi lại, học hành, trò chuyện như những người khách trọ trong một căn nhà nấu cơmtháng.

(Tự Truyện Của Một Người Vô Tích Sự, trang 12)

Tự Truyện Một Người Vô Tích Sự để lại trong lòng ta hình ảnh một ngôi nhà tan tác. Đó là ngôi nhà riêng của người kể chuyện; nhưng là ngôi nhà chung, ngôi nhà bốc lửa kêu gào của quê hương.

Căn nhà là nơi giữ lại trong lòng ta những kỷ niệm thơ ấu, những ấn tượng đầu đời. Những nỗi vui và những niềm sầu thảm. Nhưng chúng, những căn nhà trong đời sống này, cũng là nơi đã mở ra cho ta những rung động thiết tha khi trái tim của chúng ta cháy đỏ bên nhau:

Hãy tưởng tượng giữa tiếng nhã nhạc đó, giữa cái hôn nồng cháy mà chúng ta đang trao nhau, giữa thành phố miền cao nguyên mùa đông (...), căn nhà trên ngọn đồi của chúng ta đột sáng bùng lên, đỏ những viên ngói, xám những cánh cửa, trắng những hoa sứ ngoài sân và xanh tất cả những lá cây, anh sẽ được nhìn thấy đầu tiên màu nâu kỳ lạ tuyệt vời trong đôi mắt long lanh tình ái em và cái màu trắng xanh còn lại phản chiếu những lá cây trong vườn hy vọng của chúng ta.

(Giáng Sinh, Hãy Chờ, trang 66)

Căn nhà cháy lên những màu sắc rạng rỡ trong ngòi bút hồi tưởng của Nguyễn Xuân Hoàng. Câu văn rất mới với những tính từ đỏ, xám, trắng, xanh như muốn cựa động để biến trở thành những động từ. Những động từ hân hoan lấp lánh cái ánh sáng của tình yêu. (Dù sao, tôi nghĩ là tôi sẽ thích hơn nếu tác giả cắt bỏ chữ "tình ái" ra khỏi đoạn văn. Tình ái vừa có tính cách cliché, lại không cần thiết (nếu không nói là thừa) cho cảm xúc chung mà đoạn văn gợi lên, vừa làm cho cái ánh long lanh của đôi mắt bị khuếch tán, làm cho nhịp câu mất đi cái nét đặc biệt của ba âm bằng chảy mướt thiết tha: Đôi mắt long lanh em.)

Nhưng căn nhà, trên hết, là những hình ảnh của quê hương trong lòng mỗi một chúng ta. Ai là người không có một quê hương. Quê hương vật lý và quê hương tinh thần. Quê hương đã đốt cháy mãi trong lòng chúng ta những đốm lửa hồng xa vắng và thả bay lả tả trong lòng ta những tàn tro âm ỉ một đời. Quê hương cũng là quê nhà. Cái quê nhà ấy nằm phục sẵn trong trái tim ta. Để bất cứ khi một âm thanh hay một hình ảnh nào hiện đến với ta trong những ngày lữ thứ, nó cũng trở thành một nhắc nhở thiết tha, một réo gọi đằm thắm về nơi chốn cũ, một nơi chốn ấm êm của cuộc đời.

Khi tiếng réo của vòi ấm vang lên tôi chợt liên tưởng đến ngày khai trường ở quê nhà.(...) Con đường làng, bờ ruộng. Chiếc cầu khỉ. Tiếng ơi ới gọi nhau đi học băng qua vườn sau đầy những cây cam, cây bưởi, cây chuối của một bạn học năm ngoái còn chung lớp chung thầy... vẫn đầm ấm hơn tiếng chào nhau bên những chiếc xe bóng lộn đỗ xịch trước một cổng trường vôi mới quét. Và tiếng trống trường sẽ vang lên ở một chái hiên bay qua những hàng cau những thửa ruộng... bay qua cái bầu trời xanh lơ trong trẻo của một thời tiết mới mẻ, gột rửa sạch cái nóng tàn nhẫn của mùa hè quái ác.

(Tiếng Trống Mùa Tựu Trường, trang 115)

Căn nhà trong tâm tưởng của Nguyễn Xuân Hoàng cũng còn là một vùng quê miền Trung, nằm dưới chân một ngọn núi lớn, dựa lưng vào một vách đá cao. Những cánh đồng khô rạ cháy. "Rừng cây rậm rạp là mái nhà lớn che những khi nắng cháy mưa dầm, ruộng đồng là những rang giấy trắng để chúng tôi tha hồ viết lên đó những dấu chân (...) Và bảng đen là bầu trời của những đêm ba mươi, được vẽ lên đó những đường vòng cung toán học bằng những chú "mòng" trâu được đốt bằng đuôi, sau khi thả ra từ chiếc túi, bị buộc chặt..."(Mùa Hè Đã Hết, tr. 110)

Ngôi nhà của Nguyễn xuân Hoàng còn là thành phố Nha Trang.

Trong thành phố đó, tôi đã nhìn mình mòn chết

Mất tích, sủi tăm, tan biến như một hột muối trong biển

(...)

Hãy tưởng tượng một đứa bé chưa kịp lớn trong ngôi nhà đó

lúc nào cũng thấp thỏm lủi chạy như con cút đất

(...) Nha Trang

đó là cuốn vở nháp bị bỏ quên của trí nhớ (...)

Nha Trang

một giọt nước mắt của Việt Nam tôi (...)

(Nha Trang , Những Hang động Tuổi Thơ, trang 185-191)

Mà không phải chỉ có Nha Trang, tất cả quê hương là một nơi chốn để nhớ về. Quê hương là một căn nhà lớn. Nó cất giữ cho ta bao nhiêu hạnh phúc và đắng cay và ngọt ngào và nước mắt. Tất cả chúng ta đều chia sẻ với nhau một quê hương chung; nhưng mỗi người, trong đời sống và trong kinh nghiệm riêng, lại có cho trái tim mình những kỷ niệm mà nhiều khi chỉ có riêng mình hay biết. Bây giờ, tôi muốn thắp lên một ngọn nến đỏ giữa trái tim mình để soi kiếm, lục lọi lại một chút vàng son cũ. Quê hương. Nó là tiếng cười ta thuở chân sáo vào đời, là nỗi rộn ràng ta lần đầu nhìn em áo ngoan hài tím tóc thả gió thu, là mộng mơ ta bên em nhìn dòng sông mà mầu chiều bơ vơ đổ bóng. Nó là nụ hôn trong vườn đêm thơm mùi ngọc lan thao thiết, bờ môi em dịu dàng hé mở như một

HOÀNG CẦM

NỖI NIỀM TỪ THỨC

Giao thừa đêm ai đưa mưa qua
Từ Thức tìm đâu một mái nhà
Có phải chính em cầm gió bấc
Quất ngay sông Đuống buốt phù sa.

PHƯƠNG XA

Phương xa ấy hồng bao nhiêu nắng
Có nắng nào rớm má tuổi mơ xưa?
Phương xa òa xanh bao nhiêu mưa
Có mưa nào óng mùa măng em trắng muốt?

Phương xa lang thang mấy đường cò mượt
Có lối nào phấp phỏng gót em qua?
Phương xa tưng bừng mấy vạn loài hoa
Có hoa nào ngày cưới em bẽn lẽn?

Vậy em ơi đừng ở mãi phương xa
Về tìm anh vườn quê sương lạnh rớm
Chi một tiếng vành khuyên rơi liêng hoa bưởi muộn
Đủ cho em dậy thì một dáng thì xuân

Vòng tay anh ôm vẹn cõi riêng trần
Tưởng nhớ em, cành ly lan nghiêng ngó cửa
Vừa dựng trăng đã nồng nàn hoa sữa
Đi tận cùng trời trải lụa đón tê mê.

Phương xa ôi! Sao chưa thả em về?

cánh hoa. Là chất sữa của nhung trên da thịt em dịu dàng trinh trắng. Là em run rẩy trong tay ta như một ánh trăng xanh chỉ chờ rạn vỡ. Quê hương là những ngày mà gió nắng vẽ trên vầng trán ta biết bao điều lý tưởng, là trái tim ta cháy lên bao tha thiết cuồng say. Và quê hương cũng là những ngày loạn lạc, khói lửa mịt mù, là đắng cay của những người vợ trẻ, là xót xa của những người mẹ già tóc trắng như sương. Quê hương là gió bão, là lời chúc dữ, và là giọt nước mắt ta chảy ra một đêm tối khi chân bước xuống thuyền, là nỗi quặn đau ta mỗi khi nhìn lại, nỗi quặn đau mà ta hằng chắt chiu chẳng nỡ rời bỏ, chối từ. Quê hương. Giọt nước mắt ta chảy ra hóa thành một đêm tối bơ vơ.

Với Nguyễn Xuân Hoàng, quê hương không chỉ là Nha Trang. Nó còn là Huế, Đà Lạt, U minh, Tuy Hòa..., để mỗi khi nhớ về, trái tim ông còn se thắt. Cái ngọn lửa của quê hương kia không phải chỉ đốt lên những điều tươi vui, hạnh phúc. Nostalgie de la boue. Nỗi nhớ bùn đen. Nhiều khi ta nhớ về quê nhà chỉ là để thấy thấp thoáng trong trái tim mình một "con đường đất đỏ cũng nhờ nhờ trong sương như một vết thương vừa kéo mủ" (Đà Lạt khi tôi vừa mới lớn, tr. 179), một thành phố "tối tăm trong những bong bóng mưa vỡ tung khi chạm thành cửa kính, mũi xe, mặt đường (...) Cửa kính sỉn mờ, hành lang u ám, và tiếng trống vào lớp buổn xưa. (...) Mưa rơi trên sân trường, mực đầy trang giấy trắng. Và niềm im lặng cổ kính (...) làm ướt đẫm linh hồn ta." (Những Cửa Sổ Của Huế, tr. 164, 167). Quê hương nằm trong những hình ảnh mờ mịt, đau xé và xót xa như thế. "Đó là nơi mà có những ngày mưa liên tu hồ tận, tôi đã nằm co quắp như một con rùa chui trong chiếc mai vốn không mấy an toàn của nó. Những trận mưa bão phũ phàng thổi tung cuộc sống riêng tư của con người, lột trần truồng mỗi cá nhân chúng ta phơi trước những ngọn đèn hàng ngàn nến của một chế độ đầy hà khắc" (Mưa Trên Đường Hy Vọng Mới, tr. 80). Đối với Nguyễn Xuân Hoàng, những hình ảnh của quê hương cứ như "một thứ lửa than nằm dưới đám tro hồng chỉ chờ đợi một chút hơi diêm sinh là phựt bừng lên."

Khi trái tim con người ta chỉ là một bếp tro âm ỉ nóng những hình ảnh quê nhà, thì bất cứ một gặp gỡ nào trong đời cũng chỉ là dịp để thổi bừng lên ngọn lửa thương yêu cũ. Ở Mỹ, ông cám ơn con người và đất nước này đã mở cho ông cánh cửa của một vùng trời mơ ước; nhưng ông vẫn luôn tự hỏi, "Liệu có vùng trời nào thay thế được quê hương tôi?". Nhìn Paris với dòng sông Seine lờ lững, dòng sông của những mộng tưởng tuyệt vời một thời tuổi trẻ, những khát khao ngọt ngào của một thuở sinh viên, bây giờ, ông chỉ thấy rõ rằng cái dòng sông Seine ấy "chắc chắn đã làm mạnh thêm tình yêu của tôi đối với những dòng sông nhỏ chảy chậm lờ (...) của quê hương". Ông hiểu rằng những dòng sông, những chiếc cầu của quê hương mình tuy không lừng lẫy, và cũng chẳng có tiếng tăm chi, thế nhưng lúc nào chúng cũng "thân mật gần gũi, thô sơ nhưng tràn đầy tin cậy" (Paris Trong Trí Tưởng, tr. 120).

Như thế, mô-típ căn nhà hiện đầy trong tùy bút của Nguyễn Xuân Hoàng. Nó là một mô-típ được xây dựng trên những hình ảnh và những rung động có thật. Ai trong chúng ta cũng đều giữ gìn được trong lòng mình những hình ảnh đậm đà và tha thiết như thế của quê nhà. Nhưng gìn giữ, chắt chiu chúng, rồi đưa chúng vào một chỉnh thể mỹ

học có tính cách văn chương , chính là vai trò của một nhà văn. Công việc ấy cũng là một loại thuốc thử để xác định một người cầm bút có phải là một nhà văn hay không.

Nguyễn Xuân Hoàng là một nhà văn.

Hơn nữa, ông không phải là một nhà văn dễ dãi với chữ nghĩa và cách diễn đạt của mình. Câu văn của ông gọn, đẹp, sắc, và thông minh. Điều đáng quý nữa là ông ít, rất ít, khi để cho câu văn của mình rơi vào những tình cảm sướt mướt có tính cách đồng bộ. Ông cố giữ cho câu văn của mình đẹp, không thường, nhưng cũng không trở nên màu mè, sặc sỡ.

Hãy xem xét thử một số câu văn của Nguyễn Xuân Hoàng để thấy được sự đáng quý ấy:

"Khi chiếc xe màu xanh vừa phóng qua mặt đường làm bắn tung nước lên áo anh cùng với tiếng cười nhọn và khô, anh chợt có cảm tưởng hạnh phúc của chính mình cũng đã bị ướt ngoi như một người đi dưới cơn mưa tầm tã." (...)

"Ly cà-phê thì loãng tràn những giọt nước mưa từ tấm "bạt" nhà binh đổ xuống, nhưng ý nghĩ anh sao lúc nào cũng đậm đặc hình ảnh em." (Barbara, tr. 31, 36)

Những hình ảnh ẩn dụ, đối nghịch một cách cân phương và hết sức mới, đã làm cho những câu văn của Nguyễn Xuân Hoàng bỏ neo được vào ấn tượng người đọc.

Đoạn văn dưới đây tiếp tục cho thấy Nguyễn Xuân Hoàng đã nuôi dưỡng được trong lòng mình những hạt giống ẩn dụ tốt. Và đến ngày mùa, chúng nở thành những đóa hoa thật đẹp:

"Bầu trời ẩm đục, thấp và nóng. Cali đang mùa hè. Cơn mưa tuy không đủ sức làm dịu những cục than hồng, nhưng có thừa cái sắc bén của con dao cau rạch trong tôi những vết thương hoài niệm.

Mưa gõ đi từ góc ngã tư đường Harbor-Westminster là những mũi kim soi đầm trí nhớ (...)

Ôi mưa Cali!

Hãy xối xuống nữa đi những giọt nước dĩ vãng.

Hãy trải xuống nữa đi những tấm thảm Ba Tư của ký ức!

Hãy dầm dùm nữa đi trong ngăn kéo trí nhớ mỏi mòn tôi những kỷ niệm tưởng đã úa vàng!

(Mưa Cali Nhớ Phạm Ngũ Lão, tr. 82)

Nhưng, có thể nói, Nguyễn Xuân Hoàng đã thành công nhất, trong tùy bút, thể văn sở trường của ông, trong bài viết về Huế. Huế Mà Ta Sẽ Trở Lại. Bài tùy bút này gồm có ba phần: phần đầu, mang cùng tựa đề của toàn bài; phần hai, Những Cửa Sổ Của Huế; và phần ba, Huế Chào Buồn. Đây là một trong vài bài tùy bút đặc sắc nhất mà tôi đã được đọc về Huế. Bài viết chan chứa những kỷ niệm đẹp, những hình ảnh thơ mộng xót xa, những ẩn dụ hoán dụ so sánh đặc sắc. Hãy đọc thử một đoạn:

Thành Nội là vầng trán của Huế, trên đó người ta có thể nhìn thấy những nếp nhăn cổ tích, con đường hẹp ngập đầy bóng mát và lá úa của những tàn cây lớn đứng tuổi trước những thành quách rêu phong là dấu vết của một thứ quá khứ vàng son không bao giờ long lanh lại nữa.

Óc não Huế là khu Đại học trẻ trung chẻ ra bằng những con đường đá xanh, rợp bóng cây của những cuộc dạo chơi tình cảm, đứa con muộn màng của mối tình kỳ cựu nhất là chàng trai tơ Quốc học và nàng kiều nữ Đồng Khánh.

Ruột gan Huế là chợ Đông Ba ngổn ngang xô bồ bên ngoài ngôi nhà tối tân không được tận tình sử dụng.

Và Vĩ Dạ bên kia Đập Đá chính là Tình Ái Huế.

Nhưng đoạn đẹp nhất, thơ mộng, đáng yêu và tình tứ nhất là những câu văn, những kỷ niệm trong Huế Chào Buồn. Đoạn này khá dài, và cả đoạn là một trái tim tha thiết để lại cho Huế, một câu hò mà âm vang của nó còn để rớt lại cái dư âm ngọt ngào trong trí tưởng ta. Với vài chục lời chào cho Huế, Nguyễn Xuân Hoàng đã vẽ lại được bao nhiêu nét tình tứ, thơ mộng của cái thành phố cổ kính ấy. Ông còn vẽ được cái phong cách cũng như tinh thần cách mạng của Huế. Và cái nét lờ lững của một dòng sông. Và những mùi thơm dịu ngọt trong vườn đêm Huế. Những câu văn mềm mại—như một bàn tay vẫy gọi trong vườn trăng—nhưng vẫn đầy chất sống mà không bị rơi xuống sự sướt mướt. Tôi muốn để người đọc tự khám phá lấy chất văn của Nguyễn Xuân Hoàng trong đó.

Là một người chịu ảnh hưởng văn chương Pháp khá nặng (và những ảnh hưởng này được

CAO XUÂN TỨ

MÙA NÀY...

... nằm khểnh chong đèn
mặc người đập cửa chẳng thèm dậy đi
mặc ai lủng lẳng đương thì
cái chơi điên đảo ngón gì nữa đây
men mùa ửng má hây hây
gió vàng có dại mất bầy mái tơ
lửa thù có rụi rừng mơ
vẫn ta tịch thất nằm chờ...

...XUÂN SAU

nụ non lốm đốm xanh rào
nắm tay kéo hội xuân vào đóng đô
than hồng bếp lửa tung hô
rượu đào đóng quánh váng khô năm nào

nhìn thấy một cách tích cực nhiều hơn là tiêu cực trong văn chương ông), Nguyễn Xuân Hoàng không khỏi nhiều lúc để lộ ra trước mắt độc giả những nét ảnh hưởng này. Có khi, người đọc còn có thể có cảm tưởng là ông cố tình để lộ chúng ra trong văn chương của mình. Chúng ta hãy thử cùng đọc một số những câu văn sau đây:

"... anh (...) đã ngã xuống cái ngã êm ái khi bị viên đạn đầu tiên của mắt em bắn cái nhìn xuyên tâm anh." (Barbara, tr. 37)

"Barbara, kể từ giờ phút ấy đến lúc gặp lại em là mười năm. Thời gian ấy ngắn hay dài của một đời người? Nó đã uống cạn chưa trong anh cốc rượu nồng nàn của một người đàn ông tràn đầy sinh lực? Nó đã làm phai tàn chưa trong em tình yêu cuồng tín của một thiếu nữ vừa mới lớn? (...) (Barbara, tr. 39)

"Chiến tranh mà anh chờ đợi ngày chấm dứt của nó, giờ đây như đã tàn, nhưng hòa bình thì hình như vẫn chưa thấy đến." (Giáng Sinh, Hãy Chờ, tr. 72)

"Chính là dưới những tàn cây bã đậu đầy gai (...) tôi đã yêu một người đàn bà như thế" (Pasternak Dưới Tàn Cây Bã Đậu, tr. 90)

Đọc những câu văn này, trước tiên, người ta sẽ yêu cái âm điệu của nó, những âm điệu thiết tha, ôm ấp, bồng bế ngay trong cách cấu âm của chúng và trong cách chúng được đặt để bên nhau. Sau đó là những hình ảnh. Những hình ảnh đẹp. Và không mòn. Nhưng người ta cũng sẽ thấy là câu văn được đặt theo một ngữ pháp rất ...Tây. Đây là một đặc điểm của văn chương Nguyễn Xuân Hoàng. Một đặc điểm khiến cho câu văn của ông rất mới. Ông dùng nhiều lối nói, lối viết đặc biệt của Pháp (gallicisme). Rõ ràng và trong sáng.

Tuy nhiên, một đôi khi, cũng với một thứ ngữ pháp như thế, cũng với những hình ảnh độc đáo và bất ngờ, nhưng với sự tham lam trong ẩn dụ, Nguyễn Xuân Hoàng đã đem lại cho người đọc một vài câu văn với những hình ảnh đặc biệt nhưng khá tối nghĩa, như:

"Em là khu rừng của những cây cao-su mâu thuẫn." (Barbara, tr. 40)

"Lúc ấy ta có thể mường tượng thấy gian phòng tròn của viện bảo tàng Louvre, ở đó có tấm thân nõn nà của Thần vệ nữ Milo, tưởng như được đúc bằng một thứ ngọc trai mờ tối mà những giọt lệ bướng bỉnh chẳng cần một cớ gì hết cũng vẫn hiện ra trên mắt mọi người." (Paris Trong Trí Tưởng, tr. 119)

"...Xa em một nửa vòng trái đất, sống như rong rêu ở quê nhà, em vẫn hiện diện trong từng nỗi nhớ của anh, nhưng sao giờ đây, ngồi giữa một đất nước tự do, sợi dây thừng của lòng hoài nghi đã được cởi bỏ, mà vẫn biệt tích mù tăm?" (Giáng Sinh, Hãy Chờ, tr. 75)

Câu đầu, sự tham lam trong việc dồn nén những biện pháp tu từ (hai ẩn dụ, một nhân hóa) trong một câu quá ngắn đã khiến việc sắp đặt "chỗ ngồi" cho chúng trở thành bất khả. Tất cả đều là khách danh dự! Và kết quả là có sự giận dỗi giữa những vị khách quý kia. Độc giả, dù muốn, cũng không biết làm thế nào để thực hiện công việc hòa giải!

Câu sau, cụm từ "những giọt lệ bướng bỉnh chẳng cần một cớ gì hết cũng hiện ra trên mắt mọi người" được gắn vào liên từ mà, mà tiền tố (antecedent) của liên từ này là "một thứ ngọc trai mờ tối". Tất cả những điều ấy không thể gắn bó vào nhau theo một trật tự ngữ nghĩa nào, mặc dù là người đọc văn một cách nhanh nhậy, bằng một thứ tập quán (tâm lý) Gestalt nào đó, vẫn có thể tự suy nghĩ để hiểu ra điều tác giả muốn nói.

Câu cuối, chủ từ của "xa em" và "sống" chắc chắn phải là "anh", nhưng cách viết của tác giả làm cho người ta thấy "em" là chủ từ của động từ hiện diện (to exist), đồng thời cũng là chủ từ của hai động từ vừa nói. Ngoài ra, người đọc không thể tìm ra chủ từ của động từ "biệt tích mù tăm" là ai xét trên mặt ngữ pháp của câu, mặc dù sau khi suy nghĩ, họ cũng có thể đoán ra. Hình ảnh ẩn dụ "sợi dây thừng của lòng hoài nghi" khá đặc biệt. Nó mới. Có thể vì quá chú tâm vào việc sử dụng ẩn dụ này mà tác giả đã sơ ý trong những kết cấu vừa nói chăng?

Nhưng cho dù đôi khi tác giả còn bị vướng vào một vài câu văn bất ngờ như thế, trong sự nhận xét của tôi, điều ấy không ảnh hưởng gì nhiều đến những đóng góp đẹp đẽ của Nguyễn Xuân Hoàng. Nguyễn Xuân Hoàng vẫn là một nhà văn đầy chất sáng tạo. Ông có tài sử dụng chữ nghĩa và không chịu dễ dàng với câu văn của mình. Ông yêu thương, chăm bón, và bồi đắp cho chữ nghĩa mình một sức sống đẹp đẽ trong mỗi câu văn. Những câu văn của Nguyễn Xuân Hoàng có thể ngắn, gọn, sắc và lạnh, chứa đầy chất sống như trong Tự Truyện Một Người Vô Tích Sự. Nó cũng có thể dịu dàng, tha thiết như trong Barbara. Nó cũng có thể có giọng ề à kể chuyện trong Căn Nhà Ngói Đỏ. Và nó lại cũng có thể hết sức tình tứ, thiết tha và sáng tạo như trong Huế Mà Ta Sẽ Trở Lại (Những Cửa Sổ Của Huế, và Huế Chào Buồn). Những tùy bút/đoản văn trong Căn Nhà Ngói Đỏ mang chứa trong nó rất nhiều màu sắc thiên nhiên, khiến cho những bài văn, tuy tha thiết ngọt ngào, nhiều đoạn tình tứ nữa, luôn ngồn ngộn sức sống và chan chứa mầm xanh.

Một cách hữu thức hay vô thức, dùng mô-típ căn nhà để nói lên những tro than, những ngọn lửa còn ngún đỏ trong lòng mình, để nói về nỗi hoài nhớ của mình, Nguyễn Xuân Hoàng đã thành công trong việc gửi đến người đọc những thiết tha của ông đối với quê hương, đối với con người, và đối với những giá trị nhân bản trong đời.

Trái tim, hãy tiếp tục cháy lên và thổi đỏ trong lòng ta những mảnh than hồng ngày cũ. Và hãy cứ phất phới tung bay lên đi những tro than chưa từng một lúc nguội lạnh kia. Con phượng hoàng của kỷ niệm ta sẽ trở mình và bay vút lên từ những tro than đó! ■

VI, 1995, Irvine, California

Vòng chân trời văn học nghệ thuật

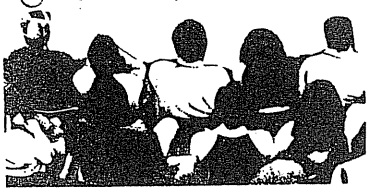

ÚC CHÂU

Nhà văn Phan Nhật Nam ra mắt sách

Báo *Phổ Thông* và một số hội đoàn ở Tây Úc vừa tổ chức cho nhà văn Phan Nhật Nam, từ Hoa Kỳ sang, một buổi sinh hoạt văn học vào chiều thứ Bẩy 27 tháng Giêng 1996, tại thành phố Perth.

Phan Nhật Nam sang Úc trong một chuyến đi dài, để gặp gỡ bằng hữu và độc giả của ông ở nhiều nơi trên nước Úc.

Tại Perth, khoảng 200 thân hữu đã tham dự buổi sinh hoạt, với sự điều hợp chương trình của Bình Anson, một cộng tác viên của báo *Phổ Thông*, và đại diện tạp chí *Thế Kỷ 21*, tại Úc.

Trong phần nói chuyện, nhà văn Phan Nhật Nam nói về hai đề tài: Tại sao người lính viết văn và tại sao tôi viết văn.

Nhà văn Phan Nhật Nam

Suốt gần hai giờ đồng hồ, nhà văn đã nói với giọng tâm tình, cho thấy nỗi đau thương của người dân, sự chịu đựng hào hùng của người lính, trong suốt cuộc chiến, và những oan khiên của cả dân tộc dưới những áp bức của người cộng sản.

Nhiều nghệ sĩ trong vùng đã đóng góp những tiết mục văn nghệ như hát, ngâm thơ. Đặc biệt, cô Ngọc Thủy đã ngâm nhiều bài thơ của Phan Nhật Nam. Một số bạn lính và bạn tù của nhà văn cũng lên góp những tâm tình cùng "người lính viết văn Phan Nhật Nam."

Cuối cùng, nhà văn ký lưu niệm trên hai cuốn sách mới của ông. Đó là hai tập bút ký, in tại Hoa Kỳ: *Đường Trường Xa Xăm*, và *Những Điều Cần Được Kể Lại*. (BA ghi) qt

QUỐC TẾ

Nhà thơ Joseph Brodsky qua đời

Nhà thơ lưu vong gốc Nga, Joseph Brodsky, người từng đoạt giải thưởng thơ Hoa Kỳ 1991 và giải Nobel Văn chương 1987, đã qua đời hôm 28 tháng Giêng 1996 tại New York, thọ 55 tuổi.

Roger Straus, bạn thân và là người chịu trách nhiệm xuất bản các tác phẩm của Brodsky cho biết nhà thơ đã bị yếu nhiều từ sau cuộc giải phẫu tim năm 1979.

Thơ văn của Brodsky không mang màu sắc chính trị mà chỉ mô tả hoài bão đi tìm tự do của con người. Ngoài việc làm thơ, ông còn viết kịch và các bài phê bình.

Ông đã từng bị lưu đày ở vùng đất Nga Xô gần Bắc cực năm 1964, và bị cưỡng bách ra nước ngoài sống lưu vong từ năm 1972. Ông định cư ở Mỹ vào nhập tịch Mỹ năm 1980.

Nhà thơ Joseph Brodsky

OKLAHOMA CITY

Chi hội VAALA OK City chuẩn bị hoạt động mạnh

Được thành lập từ ngày 11 tháng Mười Một 1995, Chi hội Văn Học Nghệ Thuật Việt Mỹ (VAALA) ở Oklahoma City đã đưa ra một chương trình hành động cho thời gian sắp tới, gồm các sinh

hoạt sau đây:

— Tổ chức họp mặt Tết Bính Tí, có nói chuyện về văn học và trình diễn văn nghệ.

— Ra mắt sách của các tác giả thân hữu như Thái Chinh Lưu Kim Loan, Phạm Nguyên Lương,...

— Trình diễn nhạc cộng đồng (dự trù mời các cựu huynh trưởng Du Ca như Nguyễn đức quang, Ngô Mạnh Thu, v.v...)

— Chương trình gây quỹ cho VAALA / OK.

— Tuyên dương sự thành công của giới trẻ và các cơ sở kinh doanh Việt Nam trong vùng.

— Tổ chức nói chuyện về các đề tài văn hóa, giáo dục và nghệ thuật.

— Mời thêm các người Mỹ tham gia Ban Chấp hành hoặc Cố vấn của Chi hội.

"Inside/Outside" -- Ann Phong

"November" -- Erin Scott

LOS ANGELES

Triển lãm "Gia Đình Của Những Người Cô Đơn"

Trung Tâm Nghệ Thuật Văn Hóa Torrance (*Torrance Cultural Arts Center*) mở cuộc triển lãm mang tên "Gia Đình Của Những Người Cô Đơn," với tranh và điêu khắc của bốn họa sĩ Adair Day, Ann Phong, Erin Scott và Karena Massengill.

Các nghệ sĩ muốn dùng nghệ thuật tạo hình để khám phá xem gia đình và cộng đồng phản ứng như thế nào khi phải đương đầu với sự mất mát, những nghịch cảnh và những thế lực muốn đánh giá lại các giá trị truyền thống.

Cuộc triển lãm khai mạc chiều thứ Bẩy mùng 10 tháng Hai và kéo dài đến ngày mùng 1 tháng Ba 1996, tại Joslyn Fine Art Gallery, số 3320 Civic Center Drive, thị xã Torrance, California.

QUẬN CAM

Ra mắt sách "Secret Army, Secret War"

Khoảng 200 khách đã tham dự buổi ra mắt sách của một cựu viên chức ngành tình báo Hoa Kỳ, là ông Sedgwick Tourison.

Cuốn sách viết bằng tiếng Anh, nhưng tác giả nói chuyện trong buổi ra mắt, tại quán Little Saigon ở thị xã Garden Grove, bằng tiếng Việt — một thứ tiếng Việt lưu loát, bóng bẩy.

Với tựa đề "Secret Army, Secret War," ông Sedgwick Tourison (có tên Việt Nam là Lê Văn Tùng) nói về những người lính biệt kích của Việt Nam Cộng Hòa đã được đưa ra hoạt động ở miền Bắc khoảng thập niên 1960. Hầu hết người đi không về, vì chết hạoc bị bắt cầm tù — có người 25 năm.

Gần đây, chính ông Tourison là người đã "khui" một hồ sơ của Bộ Quốc Phòng Hoa Kỳ để tìm ra danh sách những Biệt Kích này, và chứng minh họ có quyền được chính phủ Mỹ giúp đỡ đi định cư ở Mỹ nếu họ muốn.

Hội Ảnh Nghệ Thuật vinh danh ba nhiếp ảnh gia

Hội Ảnh Nghệ Thuật Việt Nam tổ chức buổi họp mặt tất niên vào ngày 11 tháng Hai, tại Phòng Sinh Hoạt Người Việt trên đường Moran, thị xã Westminster, nhân đó đã triển lãm khoảng 50 bức ảnh và vinh danh ba nhiếp ảnh gia Việt Nam lão thành là Nghiêm Vĩnh Cần, Nguyễn Đức Hồng và Bùi Quý Lân.

Sedgwick Tourison (tại đài VNCR)

Trong số những ảnh triển lãm, nhiều tác phẩm đã nhuộm màu thời gian, có những ảnh đã được giải thưởng quốc gia hoặc quốc tế, lại có những ảnh chụp những kiến trúc đặc thù ngày nay không còn, hoặc không toàn vẹn như xưa,...

Nhiếp ảnh gia Lê Ngọc Minh đã giới thiệu tóm lược về tác giả và tác phẩm, sau đó nhiếp ảnh gia Lê Văn Khoa, chủ tịch Hội Ảnh Nghệ Thuật, đã thay mặt Hội trao tặng bảng lưu niệm cho các nhiếp ảnh gia Nghiêm Vĩnh Cần, 77 tuổi, Nguyễn Đức Hồng, 74 tuổi và Bùi Quý Lân, 71 tuổi.

Nguyên Từ Mỹ ra mắt CD

Một người viết nhạc mới. Một người hát mới. Trong một đĩa nhạc mới. Đó là nội dung của một buổi sinh hoạt văn nghệ được tổ chức vào hồi 9 giờ tối thứ Sáu mùng 2 tháng Hai 1996, tại vũ trường Queen Bee.

CD mang tên "Một Hình dung" là tác phẩm đầu tay của Nguyên Từ Mỹ, với tiếng hát của Gimmi J.C. Nguyễn, do Heart Productions phát hành.

Du Tử Lê nói chuyện về tùy bút của ông

Nhà thơ Du Tử Lê nói chuyện với bằng hữu và người yêu thơ ông về một cuốn tùy bút ông mới in. Đó là cuốn "Chỗ Một Đời Em Vẫn Để, Dành." Buổi sinh hoạt diễn ra tại Cà phê Tao Nhân, tối thứ Sáu 2 tháng Hai 1996.

Nhiều văn nghệ sĩ đã phát biểu cảm tưởng về văn và thơ của Du Tử Lê, nhấn mạnh đến "nỗ lực làm mới" văn chương. Gần đây, Du Tử Lê "lăng xê một" chấm câu rất lạ, rất "phi văn phạm." Chẳng hạn ngay tựa đề của cuốn sách: "Chỗ Một Đời Em Vẫn Để, Dành." Nếu phân tích theo văn phạm, thì dấu phẩy (phết) đứng sau chữ *Để* và trước chữ *Dành* không có chức năng gì, ngay cả ý nghĩa của một ngừng nghỉ trước khi... đứt hơi — ngoại trừ nhà văn muốn mô phỏng chữ cuối của một câu xàng xê, chờ phựt đèn màu!

Nhưng có cái mới nào không gây ngạc nhiên? Tháp Eiffel, trước khi trở thành biểu tượng của Kinh đô Ánh sáng Paris, đã từng bị chỉ trích và nguyền rủa.

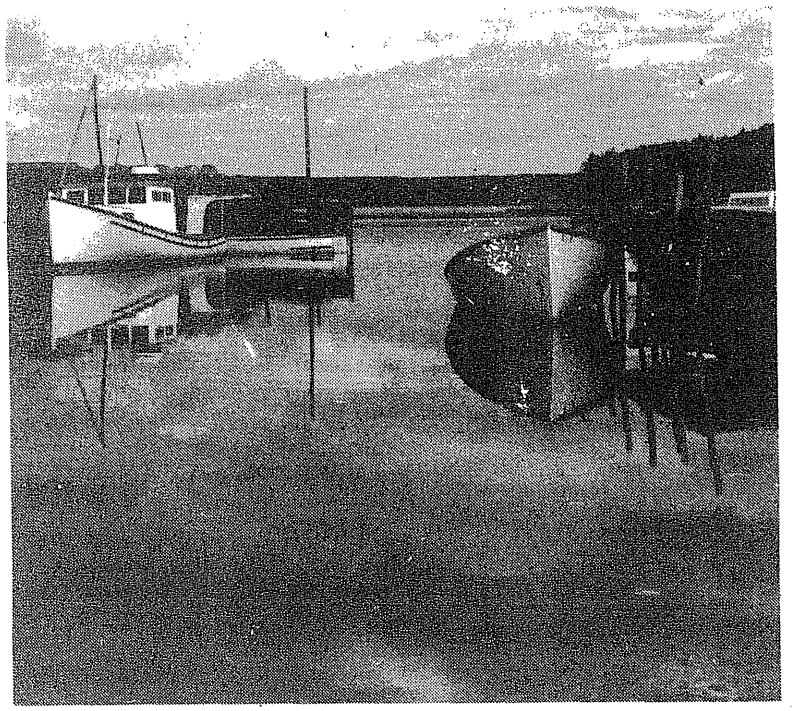

Hình và bóng -- Ảnh Bùi Quý Lân

Dự án Thái Tuấn 1996

Hội Văn Học Nghệ Thuật Việt Mỹ (VAALA) vừa thông báo bắt đầu tiến hành "Dự Án Thái Tuấn 1996."

Cái đinh của "Dự Án" sẽ là một cuộc triển lãm tranh — loạt tranh mới nhất của người họa sĩ 78 tuổi, tại thủ đô Hoa Thịnh Đốn vào mùa Hè 1996. Cựu ký giả Lê Thiệp là người chịu trách nhiệm tổ chức cuộc triển lãm này, kể cả việc đóng khung khoảng 30 bức tranh sơn dầu mà Thái Tuấn "vẽ đến đâu gửi sang đến đấy." Thái Tuấn hiện cư ngụ cùng gia đình ở thành phố Orléans, nước Pháp.

Thoạt đầu, Hội VAALA định mượn số tranh đó để triển lãm ở một số nơi khác, nhưng ông Lê Thiệp cho biết, hầu hết những tranh đó, dù chưa vẽ xong, đã có người nhận mua. Và những khách yêu tranh này không đồng ý cho đem tranh đi nhiều nơi sau triển lãm ở Hoa Thịnh Đốn.

Không có triển lãm lớn thì sẽ có triển lãm nhỏ, và những cuộc tiếp xúc, nói chuyện về nghệ thuật của họa sĩ Thái Tuấn sẽ được hội VAALA phối hợp với các thân hữu địa phương, tổ chức ở một số nơi như Los Angeles, Montréal và Paris (nếu tình hình sức khỏe của Thái Tuấn cho phép).

Trong các buổi sinh hoạt, VAALA sẽ phát hành một tuyển tập văn và họa của Thái Tuấn, in ấn công phu. Sách sẽ dày khoảng 100 trang, trong đó sẽ có khoảng 30 bức tranh và hơn 20 bài viết về nghệ thuật tạo hình. Bài giới thiệu đã được nhà phê bình hội họa Huỳnh Hữu Ủy viết. Các họa sĩ Lê Tài Điển và Ngọc Dũng săn sóc phần mỹ thuật và ký giả Lê Đình Điểu phần kỹ thuật.

Để có tiền in sách, Hội VAALA đã gửi thư cho các hội viên và thân hữu mời mua sách trước khi in ($25.00 một cuốn). Liên lạc: VAALA, 11022 Acacia Pky #A, Garden Grove, CA 92640.

MINNESOTA

Tô Thùy Yên ra mắt tuyển tập thơ

Tuyển tập thơ Tô Thùy Yên gồm 37 bài (đã giới thiệu trong mục *Sách Báo Trong Tháng*, TK 21 số 80), tác giả tự xuất bản. Một số thân hữu của tác giả ở Minnesota, nơi ông đang cùng gia đình cư ngụ, vừa tổ chức cho ông một buổi sinh hoạt ra mắt sách tại thính đường trường Saint Paul Technical College, chiều thứ Bẩy 13 tháng Giêng vừa qua.

Ông Nguyễn Trọng Cảnh cho biết tập thơ ra đời được là nhờ bạn bè của Tô Thùy Yên nhớ và chép lại cho ông, chứ ông không giữ lại được những bài ông đã làm từ lâu. Ông làm thơ từ năm 16 tuổi và có thơ đăng trên tạp chí *Sáng Tạo* năm

ông 17 tuổi. Hơn 40 năm làm thơ và được nhiều người mến mộ, ông chưa hề xuất bản tập thơ nào.

Ông Nguyễn Ngọc Diễm, nói trong buổi ra mắt sách rằng ông thích thú khi đọc thơ Tô Thùy Yên vì tác giả đã "nói giúp những điều tôi muốn nói và diễn tả giùm những tình cảm tôi muốn diễn tả." Theo ông, bài *Ta Về* được nhiều người ưa thích vì "nó đã xuyên qua những lớp mỏng dị biệt cá nhân thấm vào phần sâu sắc chung nhất của tình cảm, tâm tư nhân loại."

Ông Phan Thanh Tâm, trong phần giới thiệu tác giả, cho biết nhà thơ Tô Thùy Yên có tên khai sinh là Đinh Thành Tiên, sinh năm 1938 tại Gò Vấp. Theo ông Tâm, Tô Thùy Yên là một "nhà thơ chịu chơi hết xẩy," vì trong lúc ai cũng thích nghe hai tiếng "đô la" nhìn màu xanh của tờ giấy bạc, nhà thơ lại chủ trương "nghe im lặng mà sống," và "nhìn trời xanh mà vui."

Buổi sinh hoạt hào hứng nhờ người điều khiển chương trình là ông Văn Dzĩnh đã linh hoạt mời nhiều thân hữu lên phát biểu như bà Đoàn Viết Hoạt, các ông Phan Văn Yên, Nguyễn Quốc Đống, Phương Triều, các bạn trẻ sinh viên. Phần văn nghệ có sự đóng góp của bà Ngọc Châu, cô Vũ Thị Thúy Hạnh, và ông Trần Văn Thanh.

VIỆT NAM

Nhà thơ Vũ Đình Liên qua đời

Nhà thơ Vũ Đình Liên, tác giả của bài thơ mà hầu như người Việt Nam nào cũng thuộc ít nhất vài câu, bài "Ông Đồ Già," đã qua đời ở Hà Nội, thọ 83 tuổi. Ông được an táng tại nghĩa trang Thanh Tước ngày 20 tháng Giêng vừa qua.

Vũ Đình Liên sinh ngày 12 tháng Mười Một 1913, tại Châu Khê, Bình Giang, tỉnh Hải Dương. Ông đậu cử nhân luật khoa, làm công chức một thời gian, nhưng phần lớn cuộc đời dành cho việc dạy học.

Nhà thơ họ Vũ làm nhiều thơ, và dịch thơ Pháp, nhất là thơ Baudelaire, nhưng ông được nhớ đến, và nhắc đến, luôn luôn qua bài "Ông Đồ Già" với những câu:

Mỗi năm hoa đào nở
Lại thấy ông đồ già
Bầy mực tàu giấy đỏ
Bên phố đông người qua (...)

Bài thơ trên ông làm năm 1936, tức cách đây đúng 60 năm, chắc hẳn sẽ còn ở trong lòng người Việt lâu dài — như truyện Kiều của Nguyễn Du.

Phim mới: Thương Nhớ Đồng Quê

Đó là một phim kịch bản dựa trên truyện ngắn *Thương Nhớ Đồng Quê* của Nguyễn Huy Thiệp, do đạo diễn Đặng Nhật Minh thực hiện. Đạo diễn Đặng Nhật Minh đã nói về cuốn phim của mình như sau:

"Khi đọc truyện *Thương nhớ đồng quê* của Nguyễn Huy Thiệp, ngay lập tức tôi thấy tâm đắc và đồng cảm. Sau này có người bảo tôi Nguyễn Huy Thiệp có những truyện ngắn khác có tính điện ảnh hơn, nhưng có lẽ *Thương nhớ đồng quê* hợp với quan niệm điện ảnh của tôi hơn, nên chỉ mới tiếp xúc là tôi say mê. Tôi viết kịch bản và đưa cho một hãng phim, nhưng hãng này không muốn sử dụng. Tôi cứ giữ kịch bản trong ngăn kéo và chờ đợi.

Thế rồi hãng NHK của Nhật Bản mời tôi làm một phim truyện mà tôi tâm đắc nhất. Tôi gửi kịch bản tiếng Việt cho hãng và được trả lời rất sớm rằng họ cũng thích kịch bản đó. Bộ phim cũng được hãng NHK tạo điều kiện về tài chính và kỹ thuật tối ưu. Bây giờ *Thương nhớ đồng quê* đã hoàn thành. Tự thân bộ phim trình bày những ý tưởng và hình thức nghệ thuật của tôi. Có lẽ tôi không cần tuyên bố gì thêm."

Tóm tắt truyện phim:

Câu chuyện hầu như chỉ diễn ra bên trong lũy tre làng và được nhìn nhận qua cặp mắt của một anh chàng mười bảy tuổi tên là Nhâm, vào thời điểm trước và sau khi Nhâm thấy mình đã trở thành người lớn. Cha Nhâm đã chết trong chiến tranh. Bà mẹ cả đời không đi đâu khỏi làng. Người chị dâu tên là Ngữ, chồng là công nhân một nhà máy không có việc làm, bỏ lên buôn bán trên biên giới, nhưng nghe đồn đi theo một người đàn bà. Nhâm học giỏi nhưng nghỉ học để cho đứa em gái đi học vì "con gái không có chữ dễ bị người ta lừa." Chú ruột của Nhâm là chú Phụng, một người lang bạt nhiều, trở về làng thì bảo: "Thiên hạ không chỉ có toàn là người, còn có cả thánh nhân và yêu quái." Chú Phụng dan díu với thím Nhung - vốn là gái giang hồ bơ vơ, được ông giáo Quỳ đưa về làng, nhận làm vợ lẽ để giúp hoàn lương. Bên hàng xóm có dì Lưu bị liệt ở với con dâu góa chồng. Cháu gái dì là Quyên, lúc nhỏ ở với dì trong làng, lớn lên muốn thoát khỏi người chồng cũ bèn vượt biên sang Mỹ. Nay Quyên về thăm lại làng quê.

Phim xoay quanh ba nhân vật chính: Nhâm, chị Ngữ và Quyên. Làng xóm náo động khi mối quan hệ giữa chú Phụng và thím Nhung vỡ lở. Em gái Nhâm và đứa bạn đi học về bị một chiếc ô tô tải đâm chết. Chị Ngữ không chịu được cảnh cô đơn chiếc bóng, đi Cao Bằng để tìm chồng. Chị chỉ mới ra khỏi làng, đến bến xe đã bị các Tú Bà, Tú Ông bám theo.

Bộ phim mở đầu bằng cảnh cánh đồng ngày mùa lúa vàng bát ngát, và kết thúc bằng cảnh sau bao khổ đau, chị Ngữ trở về với đồng ruộng, lại gieo hạt, lại cắm cây mạ xuống, hy vọng và chờ đợi một vụ mùa mới...

Sau các buổi chiếu ra mắt *Thương nhớ đồng quê*, người xem ngồi lặng đi, nhiều người đầm đìa nước mắt. hầu như mọi người đều đồng ý rằng đây là bộ phim hay của điện ảnh Việt Nam mấy năm gần đây. Đạo diễn Đặng Nhật Minh nhận được lẵng hoa của một người xem kèm theo dòng chữ: "Cảm ơn đạo diễn Đặng Ngọc Minh. Từ nay tôi không còn được hồn nhiên mỗi khi về thăm quê chồng được nữa."

Sau đây là một số ý kiến về cuốn phim:

Nhà nghiên cứu Việt Nam học S. Kato: Tôi được hãng NHK nhờ dịch kịch bản phim *Thương*

nhớ đồng quê từ tiếng Việt ra tiếng Nhật. Kịch bản đã đi một chặn đường dài để trở thành bộ phim chững chạc, có tầm cỡ. Tôi xin chúc mừng đạo diễn Đặng Nhật Minh trước thành công mới này.

Nhà văn Ma Văn Kháng: Đặng Nhật Minh vẫn nối tiếp dòng cảm xúc về nông thôn Việt Nam từ *Bao giờ cho đến tháng Mười*. Anh không cần một cốt truyện mạch lạc, gấy gọn. Ấn tượng cuối cùng còn lại là một nỗi đau xót cho những con người lầm lụi với ruộng đồng. *Thương nhớ đồng quê* là bộ phim hay.

Chỉ hơi tiếc, một số chi tiết rất có ấn tượng lại được đạo diễn nhấn khá lâu, gây ra phản ứng phụ ở người xem. Những cảnh phong tục là cần thiết, nhưng hơi bị dài.

Nhà văn Nguyễn Thị Thu Huệ: *Thương nhớ đồng quê* giỏi về chi tiết, gây ấn tượng mạnh và xúc động. Người xem có dịp được thương nhớ một làng quê cụ thể, xót xa và chia sẻ với những số phận cụ thể ở đó.

Đạo diễn điện ảnh Nguyễn Văn Thông: ...Tác giả đã đi vào một đề tài khó, đề tài nông thôn, và đã làm được một bộ phim lôi cuốn với cách thể hiện tinh tế. Điều này cho thấy, khi các nghệ sĩ Việt Nam không chạy theo lối làm phim thương mại, có thời gian suy ngẫm, họ có thể làm được những bộ phim hay.

Nhà văn Hồ Anh Thái: *Thương nhớ đồng quê* là một hiện tượng nổi trội của phim truyện Việt Nam mấy năm gần đây. Ở truyện của Nguyễn Huy Thiệp, lòng thương nhớ mới chỉ da diết, xót xa thấp thoáng, mới chỉ là khơi gợi. Còn ở phim của Đặng Nhật Minh, tình cảm ấy đã thành nỗi đau thực sự, nhiều lúc tưởng như trái tim con người không sao chịu nổi. Từng chi tiết được nhấn nhá, bồi đắp dần từng lớp; không khí được khơi mở, dâng lên từng chút một cho tới lúc vỡ òa ra thành cao trào: khi cái xe tải đồ sộ - hình ảnh tượng trưng của một đời sống bươn chải nghiệt ngã - nghiền nát niềm hy vọng của cả làng quê là hai cô bé chăm ngoan học giỏi. Trong nỗi đau thương ấy, người xem như được giác ngộ về hiện trạng của làng quê Việt Nam.

Đạo diễn điện ảnh Tự Huy: Tôi cho rằng nhân vật Ngữ là nhân vật nữ hay nhất trong hàng loạt các nhân vật nữ của đủ loại phim khác nhau... và của ngay chính các phim của Đặng Nhật Minh. Tất nhiên phim màu Fuji, sự tài trợ của hãng phim Nhật Bản đã tạo cho Đặng Nhật Minh cái duyên tốt đẹp để anh được thi thố hết mình. Điều đó thật ý nghĩa khi mà những người Nhật đang đi đầu trong việc giúp điện ảnh Việt Nam phục hưng. (...) Bộ phim này là điềm lành, gây tác động sâu xa tới những người còn tâm huyết với điện ảnh Việt Nam.

Nam Sơn nói về diễn viên Tạ Ngọc Bảo (vai Nhâm): Nét đặc biệt ở chàng trai này là gương mặt - một gương mặt ngơ ngác, thuần phác. Đặc biệt nữa là đôi mắt - trong sáng và mơ mộng. Khi Nhâm bàng hoàng tự ý thức được sự phát triển giới tính của mình, tự biết mình đã thành người lớn, thì gương mặt ấy thêm vẻ đàn ông rắn rỏi, dù vẫn giữ nét chất phác thuần khiết. Thời nay tìm một gương mặt con trai vào vai bặm trợn, xấc xược, trai lơ và đầy tính hưởng thụ thì dễ, chứ đâu dễ tìm được gương mặt đẹp theo kiểu nhà quê chân chất như thế. Tạ Ngọc Bảo vào vai Nhâm tự nhiên và nhuần nhị tới mức có người nghĩ rằng Bảo sinh ra chỉ để đóng vai Nhâm.

... Nhưng khó khăn hơn cả là cùng lúc phải diễn cho được những tâm trạng khác nhau. Khi Nhâm đi đón Quyên (Lê Vân đóng) từ Mỹ về, cậu bé phải choáng váng ngỡ ngàng trước một con người của một thế giới xa lạ, phải sững sờ run rẩy vì vẻ đẹp của chị ta, phải ngượng ngùng cho vẻ đơn sơ của mình, phải bối rối vì phải đứng trước một người phụ nữ. Diễn xuất của Tạ Ngọc Bảo ở cảnh này đã thể hiện được một tâm lý đa dạng, dễ thương và gây ấn tượng.

Giờ đây, Tạ Ngọc Bảo đã trở lại lớp học. Lại phải vượt qua những gian khó thường này của một chàng trai đồng quê Thường Tín (Hà Tây) lên Hà Nội học lớp diễn viên của nhà hát chèo Hà Nội. Đã có một sự thay đổi lớn trong đời chàng trai này: Chỉ sau một bộ phim, Tạ Ngọc Bảo đã trở thành một sự ám ảnh, cũng như *Thương nhớ đồng quê* đã trở thành sự ám ảnh đối với người xem.■

(Theo Huyền My, Tuần Báo *Quốc Tế*, trong nước)

Tìm đọc

BƯỚC MỞ ĐẦU CỦA SỰ THIẾT LẬP HỆ THỐNG THUỘC ĐỊA PHÁP Ở VIỆT NAM (1858-1897)

của NGUYỄN XUÂN THỌ

Tác giả đậu Tiến sĩ tại Đại Học Sorbonne, Paris, nhiều năm làm việc tại bộ Ngoại Giao Pháp. Đây là cuốn sách chứa đựng nhiều tài liệu thuộc Văn Khố bộ Ngoại Giao Pháp và Tây Ban Nha, phần nhiều chưa công bố. Giáo sư Hoàng Xuân Hãn nhận xét: *Bản thảo này quả là độc đáo, hơn hết các công trình nghiên cứu của các sử gia khác.*

Liên lạc mua sách:

1. Tác giả: Nguyễn Xuân Thọ, Résidence Estérel Guynemer 2 Avenue du 15è Corps, 83.700 St Raphael, France.
Tel: 94 83 11 27.
2. Tiệm hoa Phong Lan, 10296 Wesminster Ave. Garden Grove, CA 92643, USA.
Tel: (714) 530-3893.
3. Lê Văn Sang, 15150 Magnolia #202 Westminster CA 92683 USA
Tel: (714) 892-2287.

SÁCH BÁO TRONG THÁNG

PHẠM XUÂN ĐÀI, LÊ TAM CA
NGÔ MẠNH THU

Nhạc Thời Gian

Truyện dài của **Thẩm Oánh**, Minh Văn xuất bản 1995, 120 trang, giá US$8.00, ngoài Hoa Kỳ $9.50. Liên lạc: Minh Văn, 2808 Graham Road, Falls Church, VA 22042, USA. Tel: (703) 698-8490.

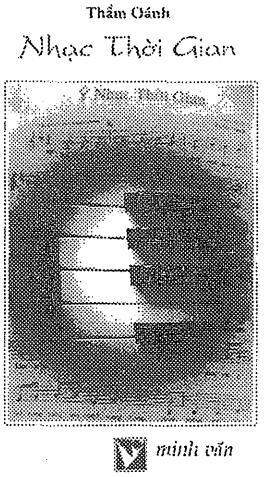

Chúng ta đều biết Thẩm Oánh là một nhạc sĩ nổi danh thuộc thế hệ những nhạc sĩ đầu tiên xây dựng nền tân nhạc Việt Nam, nhưng ít ai biết ông đã từng viết văn, làm báo. *Nhạc Thời Gian* là quyển truyện dài đã được Thẩm Oánh viết cách đây nửa thế kỷ, đăng trong tờ nguyệt san *Việt Nhạc*, ấn hành khảng năm 1943 đến năm 1950. Đây là lần đầu tiên cuốn truyện này được in thành sách.

Khung cảnh của câu chuyện là Hà Nội của thập niên 40, trong đó có những thanh niên nam nữ yêu nhau và yêu âm nhạc, cùng nhau mang tài năng tâm huyết xây dựng cho nền âm nhạc còn phôi thai của nước nhà. So với sách vở thời ấy, lý tưởng xây dựng nền âm nhạc là một đề tài mới lạ. Có thể đây chính là hoài bão của tác giả và những nhạc sĩ đồng thời của ông vào những năm nền âm nhạc của ta mới thành hình, và cuốn sách này phần nào giúp chúng ta thấy được nhờ những bước mở đầu trăn trở như thế chúng ta mới có được một nền nhạc phong phú như ngày nay.

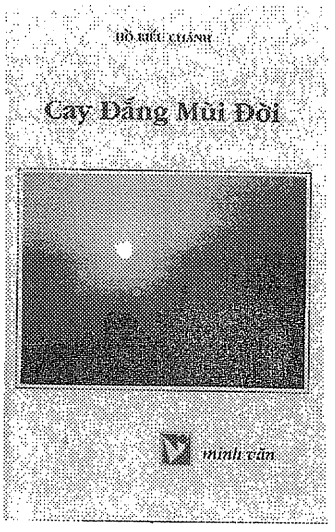

Cay Đắng Mùi Đời

Truyện dài của **Hồ Biểu Chánh**, Minh Văn tái bản tại Hoa Kỳ 1995, 157 trang, giá US$8.00, ngoài Hoa Kỳ $8.50. Liên lạc: như cuốn trên.

Cuốn tiểu thuyết này xuất hiện lần đầu cách đây 73 năm, vào năm 1923. Tác giả, Hồ Biểu Chánh, là một nhà văn tiền phong của nền văn chương cận đại Việt Nam, đã được đọc rất rộng rãi và được mến chuộng suốt cuộc đời viết văn rất dài của ông. Nhà xuất bản Minh Văn in lại *Cay Đắng Mùi Đời* tại Hoa Kỳ với sự ủy nhiệm của cháu nội đích tôn của tác giả, ông Hồ Văn Kỳ Thoại.

Cay Đắng Mùi Đời là sách phóng tác từ một quyển tiểu thuyết Pháp nhưng người đọc không hề nhận ra một dấu vết tây phương nào, ngoài những nét lớn của cốt truyện. Tác giả chỉ mượn cái sườn câu chuyện và dựng lại với chất liệu hoàn toàn Việt Nam, hay rõ hơn, của Nam Kỳ Lục Tỉnh. Văn Hồ Biểu Chánh có nhạc điệu riêng, đọc lên là thấy ngay Nam Kỳ xưa, chất phác và nặng đạo lý, một thứ Nam Kỳ ròng, nguyên chất hơn những sách về "miệt vườn" xuất hiện sau này.

Lửa Hồng Hoang

Thơ của **Nguyễn Nguyên Thanh**, tác giả xuất bản, 61 trang, không ghi giá bán. Liên lạc: Nguyễn Nguyên Thanh, Postfach 141, 12631 Berlin - Germany.

Tác giả ra đi từ Hà Nội, hiện đang tỵ nạn tại Đức. Khi còn ở trong nước, ông tốt nghiệp Đại học Sư phạm, đã làm thơ và viết phê bình cho các báo. Hiện nay ông là chủ bút báo *Tin Sáng* tại Berlin.

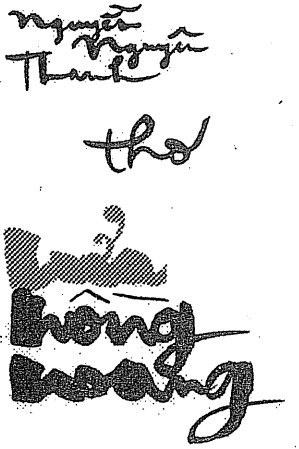

Dũng Văn đã viết trong bài Tựa của tập thơ: *...Điều đáng bàn đáng trân trọng trước hết là Không Gian Thơ, Thời Gian Thơ và những vang động Tâm Cảm Thơ của Lửa Hồng Hoang. Dù chưa tụ đọng một khí lực thơ nổi trội đặc thù, thuần nhất nhưng tập thơ đã biểu hiện sự phiêu giạt cuồng nhiệt, can đảm của bao điều ước nhỏ và lớn của chàng thơ họ Nguyễn.*

Ba Chị Em Nhà Họ Tống

(hay là *Cuộc Chiến Quốc Cộng Trung Hoa*) sách biên khảo của **Nguyễn Vạn Lý**, Ngày Nay (Houston, Texas) xuất bản 1995, dày 275 trang, giá US$14.00. Không ghi địa chỉ liên lạc.

Ba chị em đó là Tống Ái Linh, Tống Khánh Linh và Tống Mỹ Linh, mà giáo sư Edwin O.

Reischauer của Đại học Harvard đã nói rằng *cuộc đời của họ là một phần lớn của Trung Hoa cận đại.* Đọc xong cuốn Ba Chị Em Nhà Họ Tống, người ta thấy nhận xét đó đúng. Tống Ái Linh kết hôn với Khổng Tường Hy, giòng dõi Khổng Tử, thuộc một gia đình cực kỳ giàu có. Tống Khánh Linh thì lấy Tôn Dật Tiên, linh hồn của cách mạng Trung Hoa. Còn Tống Mỹ Linh thì thành bà Tưởng Giới Thạch. Mỗi người một tính cách, đều đã góp phần rất nhiều vào thời cuộc cực kỳ phức tạp của nước Trung Hoa vào nửa đầu thế kỷ 20.

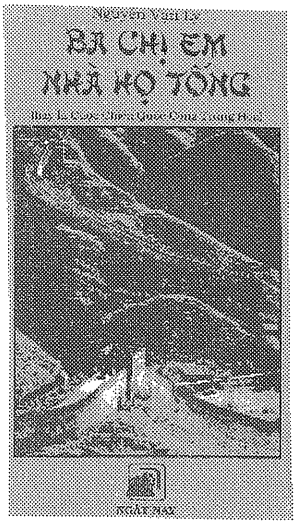

Cuốn sách không chỉ kể về cuộc đời của ba người con gái, mà là một cuốn lịch sử, đặt cuộc đời của họ vào bối cảnh chung của những vận động lớn lao của đất nước họ, trong đó, như là định mệnh của lịch sử, mỗi người đều có một vai trò quan trọng. Dân gian Trung Hoa đã nhận xét về ba người đàn bà lừng danh này như sau: *Trong ba chị em nhà họ Tống thì một người yêu tiền, một người yêu quyền và một người yêu mến nước Trung Hoa.*

Người Lính Không Có Vũ Khí

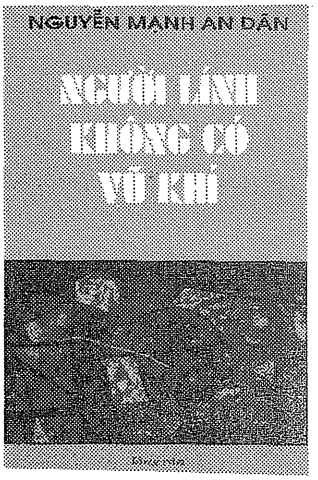

tuyển tập truyện ngắn của **Nguyễn Mạnh An Dân**, Làng Văn xuất bản 1995, 227 trang, giá US$11.00. Liên lạc: Làng Văn, P.O. Box 218 Station "U", Toroto, Ontario M8Z 5P1 Canada.

Sách gồm tám truyện, đề tài tập trung chung quanh biến cố sụp đổ Miền Nam năm 1975 và trại cải tạo, chỉ có hai truyện khung cảnh có thay đổi nhưng nhân vật vẫn vậy: đi cải tạo trở về và vượt biển đến đảo. Nguyễn Mạnh An Dân ghi nhận và trình bày một số tình huống điển hình của biến cố năm ấy và các hệ quả của nó: tấm lòng của bà mẹ trên bước đường di tản đối với những đứa con trai đang tản mác ở các mặt trận, những trận đánh và giờ phút cuối cùng của một đơn vị, một số tính cách của người đi tù cải tạo, một trường hợp đặc biệt trên đảo tị nạn... Không một cảnh nào vui cả. Toàn là đau xót, lo âu, đối phó, phẫn nộ. Nhưng tác giả có vẻ không nhằm trình bày những điều ấy, hay ít ra đó không phải là mục đích chính, điều tác giả muốn nhấn mạnh trong hầu như tất cả các truyện là *tư cách* của con người trong những tình huống bi đát. Những nhân vật chúng ta gặp không phải là *anh hùng* với một nhân cách phi thường, họ cũng là những người bình thường biết sợ hãi, biết luồn lách để sống còn, nhưng điểm tối thiểu là họ không để đánh mất lương tâm.

Trong và sau biến cố 1975, tác giả đã không đeo thành bại mà luận anh hùng, mà dựa trên tiết tháo - tiết tháo của người sĩ quan thất trận, người tù nhân cải tạo, người vượt biên đến đảo... Chủ đề của tác giả có thể gói ghém trong câu nói của một nhân vật: *Tôi không làm gì ghê gớm cả, tôi chỉ muốn làm người, làm một người ngay thẳng và trung thực, vậy thôi.* Điều đó không có gì là mới cả, đó là một kêu gọi từ ngàn xưa và mãi mãi cho đến khi nào còn con người, nhưng đặc biệt hoàn cảnh của Miền Nam Việt Nam từ năm 1975 thì gương sáng về nhân cách cần phải nêu cao, vì nhân phẩm của cả một xã hội bị đe dọa và chà đạp. Đó là chỗ nhìn ra độc đáo của tác giả và ông đã thành công trong việc thể hiện nó trong tác phẩm của mình.

Trường Sinh Luận (Đông Phương)

sách khảo cứu của **Hoàng Ngọc Đính** và **Đỗ Thái Hư**, Ngày Nay (Houston) xuất bản 1995, 178 trang, giá US$10.00. Không ghi địa chỉ liên lạc.

Như tựa đề của nó, cuốn sách này nghiên cứu về thuật sống lâu của Đông phương, cụ thể là của Trung Hoa. Thực ra có thể gọi đây là một cuốn sách trình bày những nét căn bản của y lý Trung Hoa, từ quan niệm về sự sống con người như một nhất thể với trời đất vũ trụ, đến quan niệm về Tinh, Khí, Thần, khái lược về Tạng tượng và Kinh Lạc, vấn đề dưỡng sinh tính dục. Sách cũng đưa ra một số nguyên tắc để áp dụng những quan niệm trừu tượng vào cuộc sống bình thường như sinh hoạt tương ứng với từng mùa, các ứng dụng tối ưu cho cộc sống tình dục...

Trường Sinh Luận (Tây Phương)

biên khảo của **Hoàng Ngọc Đính** và **Nguyễn Văn Sâm**, Ngày Nay (Houston) xuất bản, 193 trang, giá US$10.00. Liên lạc: như cuốn trên.

Các tác giả đã cho chúng ta thấy rằng khác với Đông Phương, Tây Phương nhìn thuật trường

sinh theo cái nhìn phân tích của khoa học, và đặt hẳn ra môn nghiên cứu về tuổi già (lão khoa học và lão bệnh học). Người ta nghiên cứu những lý do làm cho cơ thể của con người bị già đi với câu hỏi: Tại sao thời gian lại làm cho cơ thể hư hoại, chữa trị cách nào để dời lão suy lại xa hơn trong thời gian? Người ta quan niệm già là một bệnh và đi đến kết luận rằng "già là một bệnh có thể chữa được". Tuy hiện nay các nhà khoa học chưa hoàn toàn đồng ý với nhau về các giải thích hiện tượng lão suy, đã có ít nhất sáu thuyết về trường sinh. Với hiện tượng tuổi thọ trung bình của con người mỗi ngày được nâng cao, người ta tin tưởng cuộc chiến chống lại hiện tượng lão suy sẽ ngày càng có nhiều kết quả.

Anh Hùng Và Giai Nhân Việt Nam, Người Việt Nam Nhớ Về Nguồn Gốc Việt Nam

hai cuốn kịch thơ và thơ của tác giả **Dụ Sỹ Phạm Nguyên Lương**, Nguồn Sống xuất bản, cuốn thứ nhất dày 190 trang, giá US$12.00; cuốn thứ hai 168 trang, giá US$12.00. Liên lạc: Nguồn Sống, 766 S. 2nd St. San Jose, CA 95112, USA.

Tổng cộng trong hai cuốn có năm vở kịch thơ: *Mỵ Châu và Trọng Thủy* (ba màn), *Trận Bạch Đằng Giang* (bốn màn), *Gương Kiên Nhẫn Phục Quốc Của Bình Định Vương Lê Lợi (ba màn), Sự Tích Sơn Tinh và Thủy Tinh (hai màn), Anh Hùng Và Giai Nhân Việt Nam (năm màn). Ngoài ra mỗi cuốn còn một số bài thơ nhớ về quê hương, hoặc cảm tác trong nhiều tình huống khác nhau của cuộc sống.*

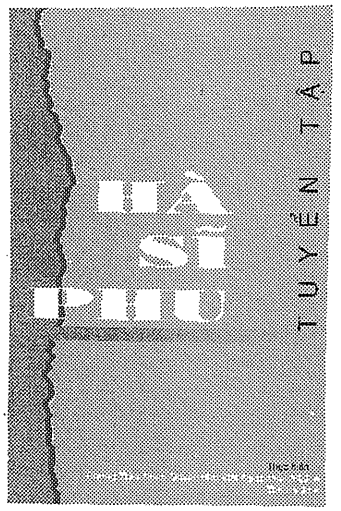

Tác giả, Dụ sỹ Phạm Nguyên Lương, đã nói lý do khiến ông viết kịch thơ như sau: ... *Với hy vọng gợi lại cho chúng ta những gương sáng yêu nước, giúp nước của người xưa, cũng như nhắc nhở những trang sử oai hùng của giòng giống Việt Nam... Với hy vọng lưu ý những người lớn tuổi khỏi quên đi những cái đáng hãnh diện trong lịch sử nguồn gốc của mình; và cũng để hướng dẫn những người trẻ, những trẻ em gốc Việt sinh đẻ ở hải ngoại học biết được những oai hùng, những gương sáng yêu nước, nhớ nguồn của Ông Cha chúng ta...*

Lời thơ của Phạm Nguyên Lương rất đơn giản, ít chất thơ. Trong kịch, đặc điểm đó có lợi thế làm cho những lời đối thoại trở nên thực hơn, chẳng khác mấy với lời lẽ bộc trực của thoại kịch. Mà lại có vần, nghe êm tai. Lời lẽ như thế sẽ giúp những người trẻ tuổi Việt Nam ở hải ngoại hiểu dễ dàng hơn là những câu thơ quá ý nhị, cầu kỳ.

Một số vở kịch nói trên đã được diễn tại một số cộng đồng người Việt. Đó là điều thích hợp, vì đây là kịch bản để diễn hơn kịch bản văn học.

Vietnam, A Traveler's Literary Companion

tập truyện ngắn Việt Nam dịch sang tiếng Anh, Whereabouts Press xuất bản, John Balaban và Nguyễn Quí Đức tuyển chọn, 239 trang, giá US$12.95. Liên lạc: Whereabouts Press, 3145 Geary Boulevard, Suite 619, San Francisco, CA 94118.

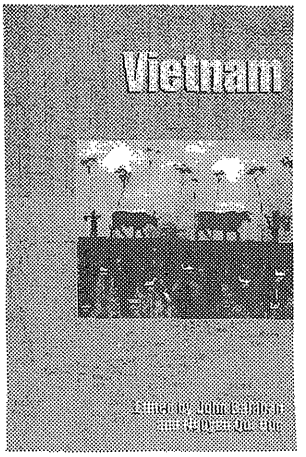

Sách gồm bốn truyện của Nguyễn Huy Thiệp, và các tác giả khác mỗi người một truyện: Dương Thu Hương, Phạm Thị Hoài, Hồ Anh Thái, Lê Minh Khuê, Doãn Quốc Sỹ, Bảo Ninh, Nguyễn Quý Đức, Andrew Q. Lam, Thích Đức Thiện, Vũ Bảo, Linh Bảo, Quý Thể và Nguyễn Bá Trạc. Các truyện được dịch bởi nhiều người khác nhau (trừ hai truyện viết thẳng bằng tiếng Anh của Nguyễn Quí Đức và Andrew Q. Lam): Phan Huy Đường và Nina McPherson, Greg Lockhart, Nguyễn Quí Đức, Hồ Anh Thái và Wayne Karlin, Võ Đình Mai, Trần Quý Phiệt v.v...

Chúng ta thấy các tác giả được chọn là những nhà văn Việt Nam thuộc miền Bắc, miền Nam và cả hải ngoại. Robert Olen Butler, tác giả *A Good Scent from a Strange Mountain*, (giải thưởng Pulitzer) đã nhận xét về cuốn sách như sau: *Các truyện này chuyên chở một cái gì đó của tâm hồn Việt Nam - sự khao khát, nỗi sợ hãi, năng lực của sự nhiệt tình, rộng lượng và lòng trắc ẩn, và cả mối liên hệ với nước Mỹ. Thật tuyệt.*

Tuyển Tập Hà Sĩ Phu

do Phong Trào Nhân Quyền cho Việt Nam

năm 2000 và tạp chí Thế Kỷ 21 thực hiện, 269 trang, giá US$12.00, ngoài Hoa Kỳ US$15.00. Liên lạc: Nhân Quyền 2000, P.O. Box 4638, Garden Grove, CA 92642, USA.

Theo Bùi Minh Quốc, ở nước ta trên miền Bắc sau 1954 và trên cả nước sau 1975, Hà Sĩ Phu là người đầu tiên bằng giấy trắng mực đen đã dám phê phán chủ nghĩa Mác - Lê Nin. Ông đã dùng ngòi bút công khai phê phán vào trọng tâm chủ nghĩa Cộng Sản và khẳng định rằng "Không phải như Cộng Sản thường nói rằng chủ nghĩa luôn luôn đúng, chỉ có con người thi hành sai, mà ý thức hệ Cộng Sản sai từ căn bản. Phải từ bỏ ý thức hệ đó thì mới xây dựng được đất nước."

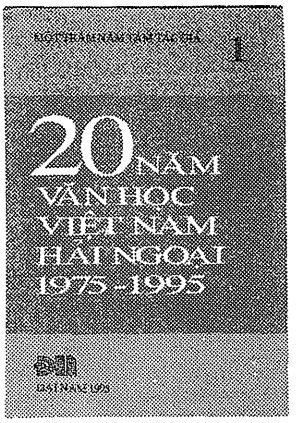

Sách gồm những bài viết chính của Hà Sĩ Phu phê phán chủ nghĩa Mác - Lê Nin: *Dắt Tay Nhau Đi Dưới Những Tấm Biển Chỉ Đường Của Trí Tuệ* viết năm 1988; *Đôi Điều Suy Nghĩ Của Một Công Dân* (1993); *Chia Tay Ý Thức Hệ* (1995). Ngoài ra còn một số bài ít quan trọng hơn trong phần phụ lục, trong đó có hai bài trả lời phỏng vấn của hai đài phát thanh ngoài Việt Nam là đài Tiếng Nói Hoa Kỳ và VNCR (VietNam California Radio); và một số bài thơ, câu đối.

Hà Sĩ Phu đã bị nhà cầm quyền Hà Nội bắt giữ ngày 5 tháng Mười Một, 1995.

20 Năm Văn Học Việt Nam Hải Ngoại 1975 - 1995

Tuyển tập văn, thơ và họa của 158 tác giả, do Đại Nam xuất bản 1995, gồm hai tập khổ lớn, giấy mỏng, chữ nhỏ, bìa cứng, tổng cộng 1,584 trang, giá 60 mỹ kim. Liên lạc: Dainamco, P.O. Box 4279, Glendale CA 91202.

Do Trương Đình Nho (giám đốc nhà xuất bản Đại Nam) chủ trương, tuyển tập "20 Năm..." được Khánh Trường, Cao Xuân Huy và Trương Đình Luân thực hiện, đây quả là một bộ sách đồ sộ, in ấn công phu.

Sự nhất quán trong phong cách của biên tập cho một số lượng 158 tác giả cũng là một ưu điểm về mặt xuất bản.

Tuy nhiên, như chính người chủ trương và nhóm thực hiện nói trong phần mở đầu (Lời Nhà Xuất Bản), "những tác phẩm có mặt trong bộ sách [...] không có chức năng tiêu biểu cho toàn bộ sáng tác của các tác giả ấy."

Sự vắng mặt của nhiều tác giả lớn như Vũ Khắc Khoan, Bình Nguyên Lộc, Thanh Nam..., cũng như sự có mặt của một số họa sĩ, nhiếp ảnh gia (trong bộ sách mang tên *văn học*), không được giải thích, nên vẫn là một dấu hỏi trong đầu người đọc. Việc xếp bài theo thứ tự ABC của TÊN tác giả không được chỉnh - chẳng hạn chúng ta không gọi nhà thơ Nguyên Sa là... ông Sa!

Dầu sao, tuyển tập "20 Năm..." cũng cần có, trong ý nghĩa đánh dấu một giai đoạn trong dòng văn học Việt Nam. (LTC)

Nhà Văn Già Và Cô Bé Gù

Tập truyện của **Thế Uyên**, Xuân Thu xuất bản, dày 206 trang, giá 11 mỹ kim. Liên lạc: P.O. Box 97, Los Alamitos, CA 90720.

Đây là cuốn sách thứ bảy của Thế Uyên được in ở hải ngoại từ khi ông sang Mỹ năm 1987.

Thế Uyên có sách in ở Việt Nam từ 1962, khi ông 27 tuổi, và ông viết nhiều thể loại, chứ không chỉ có truyện ngắn.

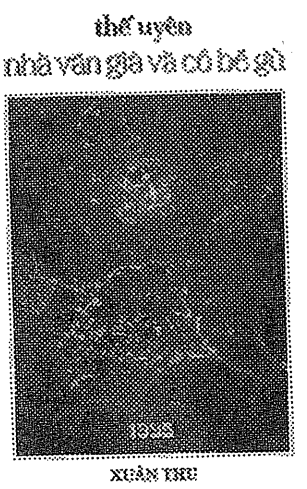

Năm 1969, ông xuất bản bộ sách dịch, nghiên cứu về tình dục, gồm bốn cuốn. Và đề tài về tình dục hầu như hiện diện, thường khi chế ngự, ở hầu hết các truyện ngắn, dài của ông.

Cô bé gù trong truyện ngắn "Nhà Văn Già Và Cô Bé Gù" (mà ông dùng làm tên chung cho tuyển tập) cũng là một khuôn mặt của dục tính ẩn ức. Có lẽ ông theo "thuyết" của André Gide: "thèm muốn, nhưng đừng thỏa mãn" (*désirer, mais jamais posséder*).

Hầu hết các truyện hoặc đoản văn trong tập này đều đã được đăng báo. Nhưng tám năm in bảy cuốn sách, Thế Uyên phải được coi là người viết khỏe. Nhất là ông còn trì chí đi học lại, và lấy được bằng BA ở đại học Washington. (LTC)

Ngôn ngữ Việt Nam

Tuyển tập các bài sưu tầm, nghiên cứu và nhận định về *tiếng Việt* của Duyên Hạc Lê Thái Ất, do Khóa 17 Đốc sự Hành Chánh xuất bản, 1996, dày 310 trang, giá 9.00 mỹ kim. Liên lạc:

Huỳnh Tấn Lê, 712 El Camino Real, Tustin CA 92680. ĐT (714) 838-1441.

Duyên Hạc Lê Thái Ất sinh năm 1928, tại Thanh Hóa (còn có tên là Hạc Thành), nơi có núi Cánh Diều hay Duyên Sơn — nguồn gốc của bút hiệu Duyên Hạc. Trước 1975, ông dạy học và soạn sách giáo khoa về tiếng Việt.

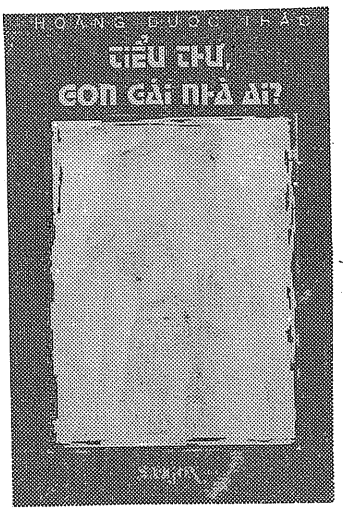

Sang Mỹ từ 1992, ông phụ trách mục "Tiếng Việt Mến Yêu" trên báo *Ngày Nay* xuất bản ở Texas và Minnesota. Cuốn sách "Ngôn ngữ Việt Nam" là tập hợp những bài viết của ông trong mục báo này.

Mặc dầu tác giả viết một cách khiêm nhượng trong phần mở đầu rằng cuốn sách "chỉ là một giọt nước trong đại dương (...), không phải là công trình biên khảo sưu tầm về ngôn ngữ học," cuốn "Ngôn ngữ Việt Nam" là một cẩm nang cần có của mọi người, mọi giới, trong việc dùng tiếng Việt. Những phần nói về chính tả, tu từ, cách chấm câu trong sách này có thể coi là những khuôn mẫu về phong cách cho việc viết văn, viết báo bằng tiếng Việt. (LTC)

Tiểu Thư, Con Gái Nhà Ai?

Tuyển tập "truyện ngắn" của Hoàng Dược Thảo, Saigon Nhỏ xuất bản, dày 290 trang, giá 15.00 mỹ kim. Liên lạc: Saigon Nhỏ, 15355 Brookhurst St., #108, Westminster CA 92683. ĐT: (714) 531-7000.

Xuất thân là một dược sĩ (tốt nghiệp ở Saigon trước 1975), Hoàng Dược Thảo, tên khai sinh là Huỳnh Thụy Châu, viết văn, làm báo như một sự tình cờ, một nghề bất đắc dĩ — nhưng lại rất thành công. Tờ tuần báo *Saigon Nhỏ* của cô đã ra tới năm thứ 10, và hiện có nhiều ấn bản ở nhiều nơi trên vùng Bắc Mỹ.

"Tiểu Thư, Con Gái Nhà Ai?" là cuốn sách đầu tiên cô in, sau khi đã viết hàng trăm bài báo, và tùy bút, truyện ngắn đăng báo. Đúng ra, đây là những đoản văn, với dọng văn nhí nhảnh rất "con gái," pha chút chua cay của một... nhà báo. Không gọi là truyện ngắn, vì nhiều "bài" không có kết cấu của một truyện, đôi khi lãng đãng, mơ hồ, như một tùy bút.

Hoàng Dược Thảo coi việc in sách của mình là một "đầu hàng" — chắc là đầu hàng định mệnh, vì đã học để làm người bào chế thuốc, nay trở thành "nhà văn."

Cô viết ở "Những dòng cuối sách": "Thôi thì, sách đã in ra như một phần đời sống đã phơi bày. Trong nỗi ngượng ngùng không thể trốn tránh vào đâu được, lại phải có 'can đảm' mà nhận làm... nhà văn thôi." (LTC)

Riêng Và Chung

Tập thơ của các thi sĩ sinh viên xuất bản. Mười một nhà thơ với 100 bài thơ mang nhiều dáng vẻ khác nhau, nhịp điệu đa dạng. Hầu hết họ đều sinh ra trong những năm đầu thập kỷ 70 và hiện còn đang ngồi trên ghế nhà trường. Vì vậy, trời thơ của họ là tình yêu mới lớn, là mái ấm gia đình. Hình ảnh thầy bạn, anh chị em chan hòa trên mọi trang thơ. Dĩ nhiên nhiều nhất, rõ nét nhất vẫn là người Mẹ trọn đời tần tảo cho con.

Mưa Phủ xuống một đời của mẹ
Phía trời xa còn sấm sét bão bùng.

(Thương Mẹ Ngày Mưa - Sơn Ngọc)

Cho dù sinh ra và lớn lên trên một quê hương không còn bom đạn. Tuổi trẻ Việt Nam vẫn chưa được biết trọn vẹn niềm hạnh phúc của thời thanh xuân. Cay đắng còn bảng lảng trong lòng, trong thơ...

Sinh nhật
Không nến hồng, bè bạn
Chỉ có mẹ góc phòng và năm tháng
Tiễn con đi

(Sinh Nhật - Thanh Hà)

Khắc khổ đời cha
Lo toan đời mẹ
Nhọc nhằn giấc ngủ ướt nhòe đời con

(Truyền Thuyết Tình Yêu Và Nỗi Nhớ Quê Hương - Trương Gia Hòa)

Riêng Và Chung là tập thơ những suy tư, dằn vặt của lớp thanh niên về thân phận, về quê hương, 20 năm sau khi tiếng súng lịm tắt trên đất nước. Tủi phận trong hiện tại và ngơ ngác trước tương lai. Nhưng họ biết tìm về hơi ấm tình người của thầy của bạn và hơi ấm tình thân của cha mẹ, của gia đình. Kỹ thuật làm thơ có còn đôi chỗ chưa chỉnh, nhưng nhìn chung tập thơ **Riêng Và Chung** cũng chứng tỏ sự chững chạc của một thế hệ làm thơ trẻ đã lên đường con đường không phải là con đường sương khói.(NMT) ■

PHÂN TÍCH THUẦN TÚY KINH TẾ VỀ THAM NHŨNG

(tiếp trang 16)

Khi sự cạnh tranh, nhờ có tự do tranh cử và tự do báo chí, kéo giá hối lộ xuống quá thấp thì các người lanh lợi, thông minh trong một nước sẽ không tìm cách vào trong guồng máy nhà nước để ăn hối lộ nữa. Họ sẽ chọn làm việc ở lãnh vực tư có tương lai tốt đẹp hơn. Khi đó hiện tượng hối lộ sẽ chỉ có tính cách bất thường, lẻ tẻ mà không có tính cách hệ thống. Điều này giải thích tại sao trong các nước dân chủ tự do ít chuyện hối lộ hơn. Ở Mỹ nhờ sự phân tản quyền thâu thuế và cấp giấy phép, các tiểu bang hay thành phố cạnh tranh với nhau để thu hút người đầu tư nên giá hối lộ giảm đến mức triệt tiêu. Riêng bộ quốc phòng, nơi độc quyền đấu thầu về cung cấp hàng hóa quân sự, cũng là nơi nhiều vụ tham nhũng xảy ra nhất.

Ba loại thị trường hối lộ

Giá hối lộ thấp nhất trong trường hợp thứ ba (thị trường cạnh tranh), cao nhất trong trường hợp độc quyền và phân tán (thứ hai), còn trường hợp thứ nhất (độc quyền và tập trung) thì giá ở mức trung bình.

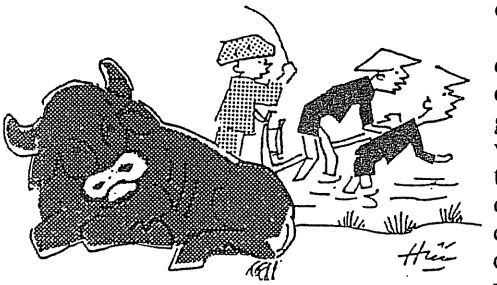

Shleifer và Vishny đã dùng thí dụ những trạm trả tiền khi sử sụng xa lộ ở Mỹ (tollbooths), để phân biệt ba loại thị trường trên. Trường hợp thứ nhất là khi chỉ có một cơ quan thâu "tiền mãi lộ", người ta chỉ đóng một lần rồi sử dụng cả một quãng đường dài. Loại thứ hai là khi mỗi quận, mỗi tỉnh tha hồ lập trạm thâu thuế và định giá. Ở Ấn Độ có nơi mỗi làng cũng lập trạm mãi lộ. Tình trạng ngăn sống cấm trợ khiến kinh tế tê liệt, đồng bào ta cũng đã có kinh nghiệm. Khi số người dùng xa lộ giảm, số tiền thâu tổng cộng cũng xuống.

Thị trường hối lộ cạnh tranh giống như khi người lái xe có thể chọn giữa nhiều đường khác nhau để đi giữa hai thành phố.

Thí dụ này rất thích hợp. Hiện tượng sứ quân mỗi tỉnh, mỗi bộ hay cơ quan tự đạt ra "trạm thâu tiền mãi lộ" làm hại nền kinh tế, như thời Trung cổ. Hai tác giả trên đã nhận xét ở nước Zaire nếu ai muốn chuyên chở một món hàng từ tỉnh này sang tỉnh khác thì số tiền hối lộ quá tốn kém, mua món hàng đó ở Âu châu rồi chở tầu thủy qua Zaire giá bán còn rẻ hơn. Heilbroner [1993] cho biết vào thế kỷ 13 dọc theo sông Weser có hơn 30 trạm, sông Elbe 35 trạm, sông Rhine có hơn 60 trạm thâu thuế lưu thông. Trên 200 dặm dọc theo sông Seine cũng nhiều trạm thâu tiền đến nỗi giá hàng hóa tăng gấp đôi. Trong khi đó sông ngòi ở Anh đi lại tự do. Ông cho rằng điều đó giải thích sự phát triển giúp Anh quốc trở thành cường quốc kỹ nghệ đầu tiên.

So sánh hai trường hợp tham nhũng độc quyền thì loại thứ nhất có lợi cho nền kinh tế hơn vì giá hối lộ phải chăng cho phép các nhà kinh doanh còn làm ăn được.

Nhưng trong hoàn cảnh nào thì loại thị trường thứ nhất xuất hiện? Stigler [1964] nhận thấy khi các công ty độc quyền muốn phối hợp với nhau để định giá thì cần một điều kiện là những cá nhân "xé rào" phải dễ dàng bị lộ tẩy, rồi bị đồng bọn trừng phạt nặng nề. Đó là trường hợp một chế độ có hệ thống công an rất mạnh, thí dụ ở Liên Bang Xô Viết. Hoặc khi số người đồng đảng kiểm soát nhà nước không đông quá, thí dụ trong chế độ Marcos ở Phi Luật Tân hay trong đảng Cộng Sản Liên Xô.

Trong điều kiện nào thì loại thị trường thứ ba, tự do cạnh tranh có cơ xuất hiện? Đó là trong một xã hội thật sự dân chủ. Đó là khi người dân có quyền chọn lựa người cầm quyền, các quyền tự do về kinh tế được bảo đảm, quyền lập đảng và xuất bản báo chí được công nhận.

Nhưng ngay cả khi các quyền tự do trên được công nhận trên giấy tờ thì tham nhũng vẫn xảy ra nếu trình độ trưởng thành của người dân chưa đủ cao. Người dân thường rất khó theo dõi các vụ tham nhũng và lạm dụng quyền hành, khi các vụ đó xảy ra trong vòng bí mật giữa các người cầm quyền và người ngoại quốc đến một xứ làm ăn.

Một thí dụ là trong việc sử dụng tiền viện trợ hay tiền vay của các cơ quan quốc tế. Người ta đã nhận thấy tại các nước chậm tiến chính phủ thích nhận những món viện trợ cho các dự án đắt tiền, như xây cất đường xá, cầu cống, mở mang hải cảng hoặc phi trường, và mua vũ khí. Trong khi đó họ không đi tìm và xin các khoản viện trợ về giáo dục hay y tế. Lý do chính là các dự án lớn thường tập trung việc nhận và tiêu tiền (cho đứt hoặc cho vay), số người liên hệ khi gọi thầu và cung cấp sản phẩm hay dịch vụ cũng ít hơn là khi có nhiều dự án nhỏ về y tế và giáo dục. Vay 200 triệu để dựng một cây cầu dễ ăn hối lộ hơn là vay 300 triệu để đào tạo thêm bác sĩ hay xây thêm trường học, vì khi xây một cây cầu dễ giữ bí mật việc ăn hối lộ hơn. Cũng vậy, một xí nghiệp nhà nước thích mua các thiết bị tối tân và đắt tiền hơn là cho thợ đi học nghề, dù cả hai loại dự án đó đều được viện trợ. Vì người quyết định nghĩ đến quyền lợi trước hết, nhận hối lộ khi mua máy kín đáo hơn.

Khi người dân không được nói và nghe các thông tin về các uẩn khúc đó thì việc chống tham nhũng bằng khẩu hiệu sẽ vô ích. Vì trông bên ngoài thì các quyết định đều hợp pháp và có vẻ hợp lý.

Cho nên tình trạng hối lộ lan tràn cũng phơi bầy trình độ dân trí một quốc gia. Khi người ngoại quốc phê bình hiện tượng một nước có quá nhiều hối lộ thì người ta không phải chỉ nói về nền kinh tế, bộ máy hành chánh, chế độ chính trị, mà còn phê bình cả trình độ dân trí của nước đó quá thấp nữa. Ngoài khẩu hiệu **"tham nhũng là quốc nạn"** mà cố thủ tướng Trần văn Hương và đương kim thủ tướng Võ Văn Kiệt đều nói đến, người biết suy nghĩ còn thấy **"tham nhũng là quốc nhục"** nữa, kể cả những người đang phải nhận tiền hối lộ công khai. Một người công an hay hải quan phải thò tay cầm năm, mười đồng Mỹ kim hối lộ cũng cảm thấy hổ thẹn, cũng muốn chấm dứt tình trạng đáng xấu hổ đó, nếu hệ thống xã hội chung quanh giúp họ có thể sống trong danh dự. ■

Tài liệu tham khảo:

Theo thứ tự xuất hiện trong bài:

Olson, Mancur [1991], "Autocracy, Democracy, and Prosperity" trong *Strategy and Choice*, Richard J. Zeckhauser ed., The MIT Press.

Banfield, Edward [1958], *The Moral Basis of a Backward Society* The Free Press/ University of Chiacago.

Borner, Silvio, Aymo Brunetti và Beatrice Weder, [1995] *Political Credibility and Economic Development*, St. Martin Press.

Shleifer, Andrei & Robert W. Vishny, [1993] "Corruption", *Quarterly Journal of Economics*, pp. 599-617. Phần phân tích ba loại thị trường trong bài dựa theo hai vị giáo sư các đại học Havard và Chicago này.

Heilbroner, Robert [1993], *The Making of Economic Society*, 9th edition, Prentice Hall.

Về tình trạng ở Indonesia và Thái Lan chúng tôi theo tài liệu trong cuốn *South East Asia in the 1990s* Kevin Hewison et al ed., 1993. Về các xứ Á Đông có cuốn *Bureaucratic Corruption in Asia,* Ledivina Carino ed., 1986. Cuốn *Tropical Gangsters* của Robert Klittgart, 1990 cũng là một tác phẩm "cổ điển" về tham nhũng và phát triển kinh tế. Các nhà cải tổ hành chánh ở Việt Nam nên tham khảo.

Phụ lục kỹ thuật:

(để quí vị không thuộc ngành kinh tế học nhưng chịu đựng được ngôn ngữ kỹ thuật của môn này có thể tham khảo, nếu muốn)

1- Theo lý thuyết kinh tế vi mô (microeconomics) trong một thị trường độc quyền, khi các người mua đều được đối sử như nhau, người độc quyền bán sẽ tính giá bán để thâu nhập biên tế (marginal revenue, MR) bằng chi phí biên tế (marginal cost, MC) khi sản xuất đơn vị sau cùng mà người mua muốn mua. Quyết định đó hợp lý nhất vì, dù có thể giảm giá bán mỗi đơn vị, nhưng tăng tổng số bán và lợi nhuận.

Trong trường hợp tham nhũng bán phần, người bán giấy phép được giá T+h sẽ phải trả cho chính phủ T (thuế chính thức), do đó T cũng là chi phí biên tế. Trong trường hợp tham nhũng toàn phần, chi phí biên tế là số không vì tiền bán H không phải đem nộp cho chính phủ xu nào. Giả thiết T+h > H và H > h không cần thiết vì đương nhiên theo quyền lợi của người bán và người mua, sẽ có hai bất đẳng thức này.

Khi một chính phủ hô hào bài trừ tham nhũng mà không cải tổ cơ cấu chính trị cho dân chủ hơn thì họ tạo tình trạng vẫn có cạnh tranh giữa các người bán. Nhưng các người bán sẽ chỉ cạnh tranh được với nhau bằng cách đổi từ tham nhũng bán phần sang toàn phần nhiều hơn (đó cũng là đổi mới tác phong), nhờ thế họ mới có thể định giá hối lộ toàn phần H thấp hơn giá cạnh tranh của các cơ quan và viên chức khác.

2- Gọi bột và đường là sản phẩm 1 và 2, giá bán của sản phẩm 1 p(1), sản phẩm 2 p(2), và số lượng sản xuất x(1) và x(2), chi phí biên tế và thu nhập biên tế MC(1), MC(2), và MR(1), MR(2). Vẫn theo môn kinh tế vi mô, trong trường hợp một nhà độc quyền bán cả hai sản phẩm bổ túc, như bột và đường đều cần dùng làm bánh, giá p(1) sẽ được ấn định khi thỏa mãn phương trình cơ bản sau:

MR(1) + MR(2).dx(2)/dx(1) = MC(1)

Đạo hàm *dx(2)/dx(1)* chỉ sự thay đổi của số bán sản phẩm 2 khi số bán sản phẩm 1 đổi. Khi người mua cần mua cả đường lẫn bột, cũng như khi cần mua hai loại giấy phép để mở một cửa hàng, thì *dx(2)/dx(1) > 0.* Nghĩa là người bán biết nếu người ta tăng (hay giảm) mua bột thì cũng tăng (hay giảm) số đường muốn mua, trong loại thị trường tham nhũng thứ nhất.

Vì hàm số là số dương nên phương trình cơ bản trên cho thấy quyết định về giá bán tối ưu sẽ khiến cho **MR(1) < MC(1).** Nghĩa là nhà độc quyền bán sẽ bằng lòng để thu nhập biên tế của bột nhỏ hơn chi phí biến tế, mục đích để có thể bán thêm đường khi số người mua bột tăng. Điều đó cũng đúng khi định giá đường.

Trong trường hợp thị trường tham nhũng loại hai, có hai nhà độc quyền cung cấp bột và đường riêng rẽ và độc lập, không liên kết, thì mỗi người định giá sản phẩm của mình coi như số bán của người kia cố định. Trường hợp một cơ quan ở trung ương bán giấy phép nhập cảng, nhiều cơ quan ở tỉnh bán giấy phép chuyên chở hàng qua tỉnh là tiêu biểu. Chưa kể có người khác cho phép lắp điện thoại, người khác cho phép tuyển nhân viên. Tình trạng độc quyền và không phối hợp này khiến cho *dx(2)/dx(1)* = 0. Phương trình cơ bản trên sẽ thành:

MR(1) = MC(1)

Giá bán do đó sẽ cao hơn là trong trường hợp thị trường thứ nhất. Nhưng tổng số bán vì thế bớt đi khi người mua không thể theo kịp. Khi nhà nước, trong thị trường loại hai này, hô hào chống tham nhũng mà vẫn bất lực thì họ sẽ khiến MC(1) càng ngày càng cao - việc ăn hối lộ trở nên rủi ro và ... tốn kém quá. Do đó MR(1) cũng phải tăng lên cho bằng MC(1), nghĩa là giá hối lộ sẽ tăng lên mãi, có khi hết người dám tiêu thụ. Chỉ khi nào có nhiều nhà cung cấp bột, hay đường, để cạnh tranh với nhau thì mới giảm được giá. Nhưng việc đó chỉ xảy ra khi có dân chủ tự do, đó lại là chuyện ... ngoài phạm vi kinh tế học.

TRƯỜNG SA TRƯỜNG SA ĐẢO CHUẾNH CHOÁNG

NGÔ HOÀI VIỆT

Giữa hai nước Nhật Bản và Đại Hàn có nhiều hòn đảo nhỏ, không khác gì giữa Việt Nam và Phi Luật Tân. Một hòn đảo trong số đó vừa mới nổi danh, "tên tuổi" được báo chí thế giới nhắc đến. Nhưng khi nhắc đến tên hòn đảo rộng 180 ngàn thước vuông, dân số chỉ có một người này, thì người muốn giữ thái độ trung lập phải nhắc đến hai tên.

Người Nhật gọi hòn đảo này là Trúc Đảo (Takeshima), người Triều Tiên gọi là Cô Đảo (Tokdo). Hòn đảo nằm gần như chính giữa bờ biển Nhật và bờ biển Đại Hàn. Khi Nhật chiếm đóng Triều Tiên, từ trước Đại Chiến Thứ Hai thì tất nhiên hòn đảo đó thuộc Nhật. Khi quân đội Thiên Hoàng thua thì người Triều Tiên chiếm lại. Có lúc hai gia đình, có lúc chỉ một gia đình người Triều Tiên sống ở đó, nhưng bây giờ ba hòn đảo chỉ còn có một người dân (đàn ông).

Tháng trước chính phủ Đại Hàn khởi công xây một bến cảng ở Cô Đảo làm chỗ cho tầu bè tạm ghé — Đại Hàn hiện là một xứ đóng tầu thủy hạng nhì trên thế giới, sang thế kỷ 21 có thể lên hạng nhất, nếu vượt qua Nhật.

Ngoại trưởng Nhật lên tiếng phản đối, yêu cầu ngưng việc xây cất trên Trúc Đảo ngay. Hai nước Nhật và Đại Hàn hiện nay vẫn giao hảo, có thể gọi là bạn. Nhưng Tổng Thống Đại Hàn Kim Young Sam nổi trận lôi đình. Ông cho tăng số hải quân tuần tiễu từ 26 lên 34 người, ông điện thoại trực tiếp cho nhóm lính thú biên phòng đó, ra lệnh sẵn sàng đẩy lui mọi cuộc xâm lăng. Dân Đại Hàn biểu tình trước tòa đại sứ Nhật, mang hình nộm của ngoại trưởng Nhật Yukihito Ikeda ra để biểu diễn taekwondo, và đốt cờ Nhật Bản.

Những hành động trên không thể giải quyết tình trạng pháp lý của Cô Đảo (hay Trúc Đảo) nhưng đã biểu lộ tinh thần ái quốc của người Triều Tiên. Trước một nỗi nhục chung, khi tự ái dân tộc bị xúc phạm, thì người dân nước nào cũng phải nổi giận, và họ dám tự phát các hành động, để bầy tỏ nỗi giận của họ.

Hai nước Nhật và Đại Hàn chắc sẽ không lâm chiến vì ba hòn đảo nhỏ đang tranh tụng này. Chúng ta biết các nước cùng theo chế độ dân chủ và kinh tế tự do thường không gây chiến với nhau. Người dân sẽ thấy giải quyết các xung đột một cách hòa bình thì... đỡ tốn kém hơn. Chính phủ các nước đó vẫn phải theo ý của đa số dân chúng, không dễ gì bắt dân đổ máu, vì họ phải đi qua các thủ tục gọi là "bầu cử tự do" thì mới được cầm quyền, và họ lúc nào cũng lo chờ cuộc bầu cử sắp tới. Karl Popper có lẽ là người đưa ra nhận xét này sớm nhất, trong cuốn "Xã Hội Cởi Mở và Các Thù Địch Của Nó" (*The Open Society and its Enemies*), 1962.

Trong *Tuyển tập Hà Sĩ Phu* mới in ở California có bài thơ kể một câu chuyện thật. Chuyện một nông dân ở Thanh Hóa, bị bắt đi đánh Cam pu chia, mấy năm sau trở về làng ghé hàng nước, bỗng nhìn ra đứa con bốn năm tuổi của mình lon ton trong cái quán đó. Mẹ nó ở nhà đói quá, có lúc phải bán con.

Có một dân tộc nào trên thế giới hiện giờ còn khốn khổ nhục nhã đến thế không?

Việc dân chúng Đại Hàn biểu tình phản đối Nhật về hòn đảo cô đơn giữa hai nước khiến chúng ta nhớ đến vụ Trường Sa. Trường Sa gần bờ biển Việt Nam hơn Trung Quốc rất nhiều. Ngày xưa, khi quân Trung Quốc xâm chiếm Trường Sa thì quân đội Việt Nam Cộng Hòa đã chống lại, có quân nhân người Việt đã đổ máu, nhiều người bị bắt giải về Quảng Đông.

Đó là lần sau cùng người Việt Nam đổ máu bảo vệ chủ quyền của tổ quốc trên mấy hòn đảo nhỏ heo hút này. Trong thời gian cuộc tranh chấp này xẩy ra, thủ tướng Hà Nội Phạm Văn Đồng gửi thư cho Tổng Lý Châu Ân Lai ủng hộ lập trường Trung Quốc về biên giới lãnh thổ. Đọc câu thơ của Tô Thùy Yên, *Trường Sa Trường Sa đảo chuếnh choáng* càng cảm thấy tấm lòng cố quốc ngổn ngang. *Đêm nằm còn tưởng đảo trôi đi.* Mà nó trôi về với nước Việt hay nước nào?

Gần đây hải quân Trung Quốc diễn võ ở vùng Trường Sa, (họ được hải quân Đài Loan tiếp tế nước ngọt), rồi Trung quốc tranh chấp với Phi Luật Tân về một hòn đảo toàn đá, chính phủ Việt Nam không can dự vào, thế là phải. Còn người dân Việt Nam? Người dân Việt cũng không đi biểu tình ném muối vào tòa đại sứ "nước bạn" như dân Đại Hàn đối xử với nước bạn Nhật Bản. Đa số dân ta cũng không biết gì về mối nhục bị chèn ép đó, vì báo chí không tự do thì ai thông tin?

Mà nếu dân Việt Nam biết các chuyện đó họ cũng không có cơ hội đi biểu tình. Vì các người cầm đầu nước Việt, đang đi theo Trung Quốc, sẽ không cho phép. Tất nhiên ta có thể giải thích rằng Việt Nam không đủ sức đánh lại Trung Quốc, biểu tình cũng vô ích. Thế còn Đại Hàn đối với Nhật thì sao? Đại Hàn đâu có tính chuyện đánh nhau với Nhật? Nhưng người dân Đại Hàn khi thấy quốc thể bị xúc phạm thì họ có quyền bầy tỏ sự phẫn nộ chứ? Trong bang giao quốc tế, liên hệ "thân hữu" khác với liên hệ "chư hầu."

Tại sao chính phủ Đại Hàn **PHẢI** lớn tiếng phản đối Nhật, trong khi hai nước vẫn giao hảo? Vì họ biết nếu cứ ngoan ngoãn lặng im thì dân chúng sẽ không tha, phe đối lập sẽ không để yên, rồi trong kỳ bầu cử tới dân sẽ hỏi chuyện. Chính phủ Hà Nội thật may mắn, không phải chịu trách nhiệm với ai cả!

Tại sao chính phủ và dân chúng Đại Hàn **DÁM** bầy tỏ cơn phẫn nộ với chính phủ Nhật? Vì hai nước cùng theo thể chế dân chủ và kinh tế tự do, họ biết rằng các hành động tự phát trong dân chúng khi quốc thể bị xúc phạm cũng không làm cho chiến tranh bùng nổ.

Làm dân một nước dân chủ, sống chung và giao thiệp bình đẳng với các nước dân chủ kể ra cũng tốt. Khi nước bị nhục thì người dân dám bầy tỏ cơn giận giữ. Mà những cơn giận đó, những xung đột nhỏ cũng ít khi gây ra chiến tranh đổ máu.

Chúng ta có cần phải giải thích nhiều thêm để biện hộ và đòi hỏi chế độ dân chủ nữa chăng?■

Sách Mới:

THỜI LÝ VÀ HIỆN HỮU

Nguyễn Hữu Liêm

Mỗi giai đoạn lịch sử, nhân loại phải đặt lại những câu hỏi căn bản cho chính mình. Bản chất của những nghi vấn nầy chính là cấu trúc của các phạm trù khái niệm về chữ Thời và sự Hữu. Có phải căn tính cho sự Hữu là Thời? Đâu là cái Lý của Thời? Trong tác phẩm triết học nầy, **Thời Lý và Hiện Hữu**, Nguyễn Hữu Liêm đưa lên một đề án siêu hình học để lý giải những tiền đề triết học trên nền tảng bản thể luận của chữ Thời.

Mở đầu, Nguyễn Hữu Liêm đưa ra những giả định suy lý về sự khởi đi và cấu thành của sự Hữu: tất cả chỉ là hiện thể từ tính lý Ngẫu Nhiên, thuần xác suất và không có một căn tính hay cứu cánh tối hậu nào. Bản chất của sự Hữu chính là tính động của năng lực Trở Nên - mà trong tất cả sinh thể, năng lực Trở Nên nầy chính là ý lực Khát Sống và Chiến Thắng. Từ đó, Khát Sống và Chiến Thắng, trong Ngẫu Nhiên, là hai phạm trù căn bản cho sự Hữu: Sự Thật phải bắt đầu bằng sự Hữu vốn được cấu thành từ Chiến Thắng. Quá trình chuyển hóa từ Chiến Thắng đến sự Hữu và sự Thật chính là tính Lý của chữ Thời. Trên khuôn thức của Thời thể thì tất cả mọi nguyên nhân đều phát xuất từ Tương Lai. Và khái niệm Nhân-Quả, do đó, là một tiền đề nghịch-Thời. Cho nên, tất cả mọi thước đo giá trị cho sự Hữu đều phát xuất từ phạm trù Khát Sống: Hiện Hữu, Ý Thức, Chân Lý, Lịch Sử, Tự Do chỉ là mức độ Khát Sống và Hiếu Thắng của sinh thể trong Thời Ý. Hễ tiền đề triết học, tôn giáo hay giá trị nào làm suy giảm năng lực Khát Sống của nhân loại là đi ngược với năng ý của Thời - trong đó, truyền thống triết học và tôn giáo của Á Châu, nhất là Ấn Độ, mà Phật Giáo là biểu trưng, mang tinh thần nghịch-Thời nặng nhất.

Trên căn bản suy luận đó, **Thời Lý và Hiện Hữu** đánh giá lại phần lớn những hệ thống triết học và tôn giáo quan trọng để cố gắng khai giải một góc cạnh mới cho suy tưởng. Và khi nhìn lại con người và lịch sử Việt Nam, tác giả phân tích sử tính dân tộc trên phạm trù Khát Sống đối với Hư Không. Đối diện với những thảm họa mà Việt Nam đang có, chỉ có một điều duy nhất và đáng kể: sự suy thoái năng ý Khát Sống và Chiến Thắng của con người Việt Nam.

Đây là một công trình triết luận tích cực, chủ động, vượt thoát khỏi võng lưới phủ định từ truyền thống siêu hình học nhân loại - nhất là của Phật Giáo. Tác giả vừa lý giải vừa đả phá truyền thống và lịch sử Việt Nam như chính tự tay xé mở trái tim mình để thấy được chính mình trong cảm thức rằng triết học khởi đi từ một tình yêu sâu thẳm, một niềm đau không cùng, một nỗi khổ tâm chồng chất về Hiện Hữu và sử tính - mà đã đến Thời điểm phải được giải hóa.

Sách dày 550 trang, khổ chữ nhỏ, bao gồm 12 chương. Giá 15 US dollars. Đang có bán ở các hiệu sách, hay liên lạc với nhà xuất bản Văn Nghệ, hay tập san TRIẾT ở P.O. Box 730363, San Jose, CA 95173-0363. USA. Điện thoại: (408) 223-8490.

EASTERN MUSIC SINGAPORE

Trân trọng giới thiệu

Ca Khúc VÕ TÁ HÂN

80 ca khúc mới do Võ Tá Hân phổ nhạc vào thơ của 32 thi sĩ

Huỳnh Văn Dung Nguyên Lương Minh Đức Hoài Trinh Vi Khuê Phạm Thiên Thư Hàn Mặc Tử
Nguyễn Tất Nhiên Trần Dạ Từ Du Thị Diễm Buồn Thanh Nam Tử Đình Hương Vũ Hoàng Chương
Trần Hữu Bích Linh Bảo Đỗ Trung Quân Du Tử Lê Phạm Thị Ngọc Liên T.T.Kh. Tô Kiều Ngân
Vũ Đình Liên Bảo Nguyên Huyền Không Giác An Chúc Quả Minh Hoan Nguyên Sa
Mùi Quý Bồng Mỹ Ngọc P.N. Thường Đoan Quang Nguyên Việt Tâm Quảng Độ

"...Nhạc Võ Tá Hân trong tập nhạc này thật tuyệt vời, giai điệu trong hầu hết các ca khúc đều rất Việt Nam, rất Huế.
...vì là người có vốn nhạc học lớn, sự phát triển nhạc đề phong phú khiến cho nhạc điệu Võ Tá Hân quyến rũ hơn nhạc điệu của những nhạc sĩ (cũng gốc Huế) khác."

- Phạm Duy

"...Cái hơi thở trong dòng nhạc của anh là Huế, là Huế rất xưa cổ, là một hoài niệm của những tháng ngày không còn bao giờ gặp lại nữa... Nghe Võ Tá Hân là nghe lại một điệu hò vẫn còn miên man trôi chảy trên một giòng sông mà ở đó đã từng bao lần trôi nổi những mệnh đời bạc bẽo."

- Trịnh Công Sơn

"...điều đáng kể là Võ Tá Hân đã biết sử dụng âm nhạc để xây dựng được hình tượng văn học trong lời thơ một cách khá sắc sảo. Đặc biệt nhất là cách sử dụng quãng trong hòa thanh dân tộc đã gây được ấn tượng về thẩm mỹ âm nhạc, tạo được một sắc thái riêng trong âm nhạc của anh."

- Nguyễn Việt
Đài phát thanh Thừa Thiên Huế

"Thơ phổ nhạc, như chúng ta biết, rất khó... Những người thành công phổ nhạc vào thơ là Phạm Duy, Ngô Thụy Miên và Võ Tá Hân."
"...'Hiện tượng Võ Tá Hân' đã thực sự trở thành phổ quát trong và ngoài nước. Nhạc Võ Tá Hân đang gây ảnh hưởng văn hóa vào giới sành nhạc, yêu nhạc Việt Nam thuần túy. Nhạc Võ Tá Hân đã xuất hiện như một luồng gió mới từ hải ngoại ..."

- Nguyễn Đức An

"Nhạc Võ Tá Hân là một tiếp nối của dòng nhạc tình tự quê hương xứ Huế, một tiếp nối của 'Đêm Tàn Bến Ngự', của 'Mơ Về Sông Hương'...Với khả năng nhạc pháp sẵn có, anh đã khai thác và phối hợp được những cung điệu Đông Phương và Tây Phương một cách tinh tế để dệt thành những tình khúc Huế, thật Huế, mà chúng ta đã từ lâu không được thưởng thức."

- Ngô Thụy Miên

"Mới nghe nhạc Võ Tá Hân lần đầu mà tôi thích ngay. Anh viết nhạc rất êm tai, dễ nghe, càng nghe càng thấy hồn Việt Nam xâm nhập vào thể xác. Đó là dấu hiệu thành công của một nhạc sĩ. Tôi không bao giờ viết bài khen một nhạc sĩ nếu người đó không có tài. Tôi chỉ khen những người làm cho tôi xúc động khi nghe."

- Trần Quang Hải

"...đây là một tập nhạc có sắc thái độc đáo!"

- Xuân Hồng
Đài phát thanh BBC Luận Đôn

"...những ca khúc của Võ Tá Hân chắc chắn sẽ được nhiều thính giả đón nhận."

- Phạm Long
Đài phát thanh Little Saigon Radio

"... nhạc của Võ Tá Hân rất réo rắt, trữ tình ..."

- Dương Ngọc Hoán
Đài phát thanh VOA

"Những nhạc sĩ giữ được rõ nét nhất phong cách nhạc Việt là Phạm Duy, Trịnh Công Sơn, Phan Huỳnh Điểu và gần đây có Võ Tá Hân."

- Quốc Dũng

Cassettes và CDs hiện có bán tại
Trung Tâm GIÁNG NGỌC, nhà sách
VĂN KHOA và THÚY ANH
Hoặc xin liên lạc

West USA
Mỹ Ngọc Võ
PO Box 420843
San Diego, CA 92142
Tel (619) 538-1165

East USA
Hòa Nguyễn
2144 Brighton Place
Harvey, LA 70058
Tel / Fax (504) 368-2401

EASTERN MUSIC / 131 TANGLIN ROAD / TUDOR COURT / SINGAPORE 247924 / TEL (65) 735-1433 / FAX (65) 735-1506

MỖI HAI THÁNG TÌM ĐỌC

HỢP LƯU

TẬP SAN VĂN HỌC NGHỆ THUẬT BIÊN KHẢO
P.O.Box 277 GARDEN GORVE, CA 92642. USA
Tél: **(714)537-2468**

● Hình thức trang nhã. Bìa màu với tranh của nhiều họa sĩ Việt Nam tài danh.
● Nội dung phong phú, khách quan. Với đóng góp của những nhà văn nhà thơ tên tuổi trong, ngoài nước.

Phiếu Mua Báo Dài Hạn

(Một năm 6 số. Mỗi số dày 252 trang)

Tôi tên: _____
Địa chỉ: _____
_____
_____

Nhận mua một năm HỢP LƯU, từ số ___ đến số ____. Xin gửi kèm ngân phiếu số, đề HỢP LƯU.

Nội địa **Hoa Kỳ** và **Canada**:
40MK/năm (Hạng tư, đường bộ, thủy).
50MK/năm (Hạng nhất hoặc máy bay).
Úc và **Á châu**:
50MK/năm (Đường thủy). 80MK/năm (Hàng không).
Âu châu:
50MK/năm (Đường thủy), 70MK/năm (Hàng không).
Giá bán mỗi số tại các hiệu sách: 7MK.

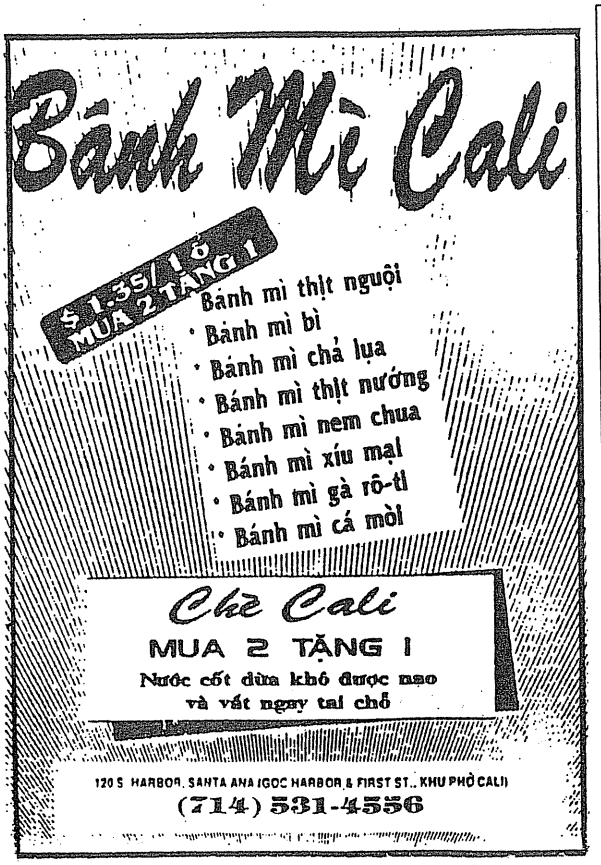

Khi quý vị và gia đình cần đến dịch vụ

NHA KHOA

Xin nhớ tới Bác Sĩ Nha Khoa
PHẠM NGỌC PHƯƠNG LAN, D.D.S.
Bác Sĩ Nha Khoa
DANIEL TÙNG LÊ, D.D.S.

Chuyên về:
■ NHA KHOA TỔNG QUÁT: Chữa bệnh nướu răng, răng bị chảy máu, đánh răng trắng, lấy gân máu, nhổ răng, làm răng giả các loại.
■ NHA KHOA THẨM MỸ: Vá răng sứt mẻ, làm khít răng thưa, tẩy trắng răng, làm răng đổi màu thành trắng đẹp, niềng răng.
■ NHA KHOA NHI ĐỒNG: Phòng ngừa sâu răng, chữa răng mọc lệch, săn sóc răng cho trẻ em từ 2 tuổi trở lên.
• WESTMINSTER và các khu lân cận **(714) 893-6768**. 14044 Magnolia St., #125 Westminster, CA 92683 (Góc Westminster, trong khu chợ Phát Tài)
• Quý vị ở LONG BEACH xin mời đến Anaheim dentistry **(310) 491-5529**. 906 E. Anaheim St Long Beach, CA 90813 (Đối diện Phở 79, cạnh Food To Go Sáu Voi)

MORTGAGE

JM MORTGAGE CORPORATION
17802 IRVINE BLV. #125, TUSTIN, CA 92680
PHONE: 714-544-5009 * 1-800-565-3637 (NGOÀI ORANGE COUNTY)
FAX: 714-544-5677

HOME IMPROVEMENT, FHA TITLE ONE, EQUITY LOANS:

Bạn có thể mượn tới $25,000 để làm landscaping, hàng rào, xây thêm phòng, sửa nóc nhà, patios, sơn nhà, đồ dùng kitchen. Không cần Equity, không cần appraisal nếu dưới $25,000. Nhà đang ở hoặc cho thuê đều được.

NHÀ SẮP BỊ TỊCH THU (Foreclosure)

Nếu quí vị dự định bỏ nhà vì: *Giá trị căn nhà thấp hơn nợ cũ *Tiền trả hàng tháng cao quá *Bệnh nặng hoặc chết chóc *Không thể trả nỗi nữa vì một lý do chính đáng. Xin gọi công ty để "Save your credits" và quí vị không phải trả tiền huê hồng.

Property must qualify based on negotiation with current lien holders for all costs incurred included brokerage fees.

Đặc biệt: **JM MORTGAGE** chuyên môn **FHA**, **VA**, **Conv** (trên toàn Hoa kỳ), Cal Pers, Chfa, **Hud Repo Panel**, SBA, và Cities Loans.

*** Có Chương Trình Mua Nhà Không Cần Tiền Down***

"Leads" provided by company for agents. Công ty sẽ hoàn trả tiền học phí cho người muốn vào ngành địa ốc.

E-mail: jmmtgcor@aol.com

Kha John (Pager: 714-571-6885)

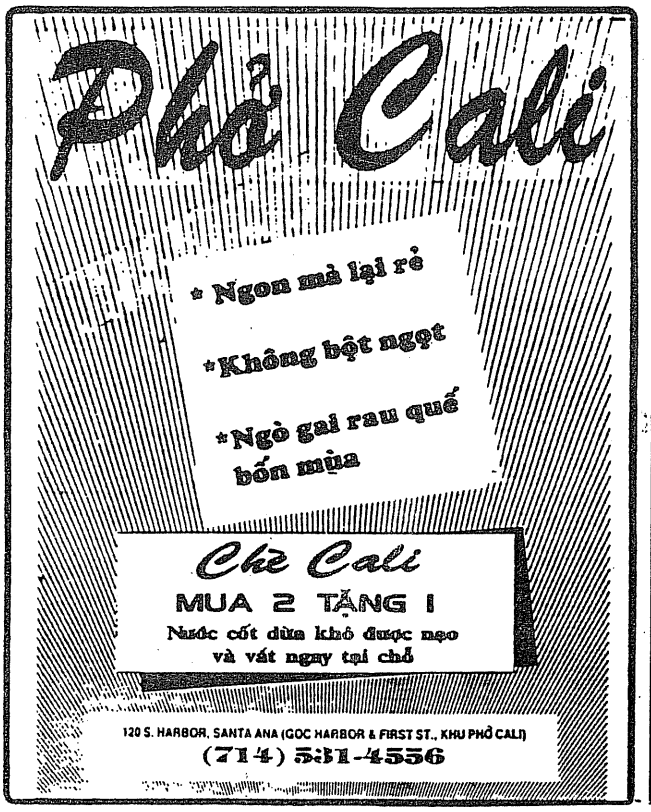

Thuh ★

BEAUTY INSTITUTE

8181 Bolsa Ave., Midway City CA 92655
Tel & Fax (714) 894-9949
BẠCH THU HÀ,
RN, BSN . Cosmetician. Esthetician

LISE DIEU TRANG VO
Agent

New York Life Insurance Company
2677 N. Main Street, Suite 700
Santa Ana, CA 92701
Bus: (714) 560-7850 Direct
(714) 560-7800
Fax: (714) 560-7892
Pager Toll Free: **1 (800) 918-1172**

NEW YORK LIFE
The Company You Keep™

Hi-Tech Telephone
COMMUNICATIONS

GẮN — SỬA — BÁN
tất cả các dịch vụ về ĐIỆN THOẠI

*** Đã từng gắn các cơ sở báo chí, truyền thanh, truyền hình...**

*** Bán tất cả *PAYPHONE* gửi đi khắp các tiểu bang.**

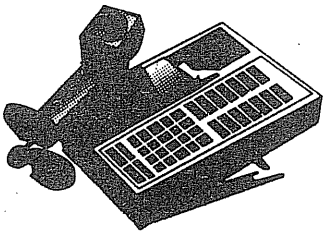

Liên lạc:
(714) 531-2621

BÍ MẬT của Phan Thiên Ân

Bạn đã ngạc nhiên khoái trá khi đọc trên các báo về cuộc phiêu lưu kỳ thú của anh T., nguyên Thiếu Úy Hải Quân, vượt biển đến Mỹ vào năm 1977. Bắt đầu từ chận lao công cho một hãng sửa tàu biển ở Washington, anh đã trở thành chủ nhân của hãng này sau tám năm.Dù vẫn không thạo ngôn ngữ, Anh đã điều khiển hơn 200 nhân viên bản xứ. Ngày nay, thương vụ của công ty Anh lên đến 86 triệu Mỹkim và tài sản cá nhân của Anh phải hơn 50 triệu.

Rồi chuyện của anh L., năm nay mới 35 tuổi, qua Mỹ lúc còn là học sinh. Sau khi ra trường, Anh đi làm cho một hãng điện tử ở San Jose. Bốn năm sau, anh mở hãng cung cấp phụ tùng máy vi tính cho nhiều hãng lớn danh tiếng của Mỹ. Ngày nay, thương vụ của công ty Anh vượt quá 100 triệu Mỹ kim và tài sản cá nhân của Anh phải hơn 45 triệu Mỹ kim.

Đã hãnh diện và vui sướng với những thành quả vẻ vang của đồng hương trên chốn thương trường, bạn sẽ thích thú hơn nữa khi chiêm nghiệm cuộc đời thăng trầm của Phan Thiên Ân. Từ một chân tài xế xe vận tải ở Việt Nam, ông đã trở thành một trong những người giàu nhất thế giới. Ông sẽ chia xẻ cái bí mật làm giàu của ông ở cuốn sách này.

BÍ MẬT CỦA PHAN THIÊN ÂN

Anh H.N.T.: *Cám ơn bạn hiền đã gửi tặng cuốn sách. Không dấu gì bạn, tôi đang gặp rất nhiều khó khăn trong đời sống. Từ tiền bạc đến gia đình bà con. Tôi gần như tuyệt vọng. Cuốn sách của bạn giúp tôi tìm thấy mọi giải đáp cho những bài toán nan giải. Cám ơn cái món quà lớn nhứt cho đời tôi.*

Ông T.X.N.: *Cuốn sách của ông là một bản hòa tấu tuyệt diệu như "Giòng Sông Xanh" của Strauss. Một ngợi ca bất hủ về thiên nhiên, tình yêu, con người, sự sống và Thượng Đế. Nếu cuộc đời là một nhiệm màu, Bí Mật Của Phan Thiên Ân sẽ là đôi cánh đưa ta bay đến Thiên Đường đó.*

Chị N.T.V.: *Tôi đã đọc rất nhiều cuốn sách về bí quyết làm giàu, từ nhanh đến chậm. Sau cùng, tôi đã tìm thấy. Tôi không ngờ nó giản dị như vậy. Cám ơn, Mr Phan Thiên Ân.*

Phiếu Mua Sách

Tên: _____

Địa chỉ: _____

_____

Đính kèm $ _____ để trả cho _____ cuốn sách

(Giá $5.00 một cuốn kể cả cước phí)

Thư và chi phiếu xin đề:

T.A. PHAN P.O.Box 915, Los Alamitos, CA 90720

MAXIM'S
ENTERTAINMENTS

Một Món Quà Cho Mùa Xuân

THANH LAN - ELVIS PHƯƠNG - LÊ THU - KENNY THÁI - DUY QUANG - TRỊNH NAM SƠN - NHẬT TRƯỜNG - Ý NHI - MỸ LAN - QUỲNH HƯƠNG - HOÀI NAM - PHI NHUNG - QUỲNH LAN - DIỄM HƯƠNG - HẠ VY- KHẢ TÚ - THANH VÂN - MALINA NHÃ LAN - SONYA LE - LAURA

10161 Bolsa Ave. A 104, Westminster, CA 92683
Tel: **(714) 839-8628** * Fax: **(714) 839-6586**

100 NGƯỜI NÓI 1000 NGƯỜI NGHE 100,000 NGƯỜI ĐẾN
NGÔI CHỢ LÝ TƯỞNG CỦA NGƯỜI VIỆT HẢI NGOẠI

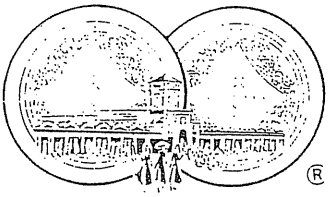

LITTLE SAIGON
SUPERMARKET

小西貢想想市場

9822 BOLSA AVE • WESTMINSTER, CA 92683 • TEL: (714) 531-7272

ĐẶC BIỆT

* Khách hàng mua nhiều hay ít đều có quà tặng tùy qúi khách lựa chọn
* Luôn luôn có hàng SALE và tràn đầy hàng trăm món hàng bán dưới giá sỉ
* Quầy cá tươi phục vụ khách hàng làm cá sạch sẽ và chiên cá miễn phí
* Mua chén diã tô đặc biệt bớt thêm 10%
* Cuối tuần có thêm nhân viên hướng dẫn và lo đầy đủ chỗ đậu xe cho khách hàng đi chợ

CHỢ LITTLE SAIGON CÓ 10 CÁI NHẤT

- Chợ lớn NHẤT
- Hàng nhiều NHẤT
- Thịt, cá, rau tươi NHẤT
- Đủ loại hàng thực dụng NHẤT
- Giá cả các loại hàng hạ NHẤT
- Đã có tặng phẩm nhiều NHẤT
- Tiếp đãi ân cần NHẤT
- Địa điểm thuận lợi NHẤT
- Bãi đậu xe an toàn NHẤT
- Và đã được mọi người ưa thích NHẤT

WE WELCOME
ATM

California Lotter LOTTO
California Lotter DECCO
Little Lotto

NGÀN NGƯỜI VUI, VẠN NGƯỜI ĐẾN

VANCO FOODS
SUPERMARKET

MUA TẬN GỐC, BÁN TẬN NGỌN

RẤT NHIỀU QUÀ GIÁ TRỊ DÀNH TẶNG QUÝ KHÁCH HÀNG

ĐỦ MẶT HÀNG TRUNG - NAM - BẮC
CÓ QUẦY BÁN CÁC LOẠI
THỰC PHẨM CHAY

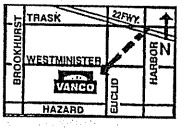

ĐẦY ĐỦ MẶT HÀNG BÁCH HÓA
VÀ GIA DỤNG NHƯ CÁC SIÊU THỊ MỸ
VỚI GIÁ ĐẶC BIỆT.

• CÓ CHIÊN CÁ VÀ HẤP CUA, TÔM NGAY TẠI CHỖ • NHẬN FOOD STAMPS, ĐỔI CHECH WELFARE, SSI MIỄN PHÍ

10932 WESTMINSTER AVE., GARDEN GROVE, CA 92643 - TEL: (714) 530-2999
MỞ CỬA 7 NGÀY TRONG TUẦN TỪ 8:30 AM ĐẾN 8:30 PM

BULK RATE
US POSTAGE PAID
SANTA ANA, CA
PERMIT No 63